NĂM THỨ MƯỜI MỘT • # 125 • SEPTEMBER 1999

# THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92840 TEL (714) 638-9510 FAX (714) 638-1944

## THĂM LẠI CĂN NHÀ CŨ
**THÁI TUẤN**

## NHỮNG MƯƠI NĂM ẤY, BIẾT BAO NHIÊU TÌNH
**PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN**

## TƯỞNG NHỚ VI HUYỀN ĐẮC
**HOÀNG HƯƠNG TRANG**

# PHÁT HÀNH DỊP LỄ LABOR DAY 1999

*Xúc động hơn Video Mẹ*
*Ngậm ngùi hơn Giã Biệt Sài Gòn!*

# Paris by Night 49

## CHÚNG TA ĐI MANG THEO QUÊ HƯƠNG

**Lời diễn đọc: nhà văn NGUYỄN NGỌC NGẠN**

**Cuốn Video hồi tưởng cố hương yêu dấu, cái nôi êm ái đầu tiên đã cho chúng ta tiếng khóc chào đời.**

**120 phút thiêng liêng sống lại với trăm ngàn Hình Ảnh, Giọng Hát quê hương ba miền Trung, Nam, Bắc qua các địa danh Hạ Long, Lạng Sơn, Tây Bắc, Hà Nội, Bắc Ninh, Huế, Nha Trang, Pleiku, Đà Lạt, Sàigòn,Cần Thơ, Bạc Liêu, Hà Tiên ... và biết bao nhiêu hình ảnh khác.**

***Cuốn Video quê hương mà mọi người Việt Nam xa lìa đất nước phải có trong tủ nhạc gia đình để cho con cháu Việt Nam hải ngoại biết đâu là xuất xứ Ông Bà, Cha Mẹ mình.***

*Với các giọng ca và tình cảm diễn tả bởi:*

**Ái Vân - Khánh Ly - Như Quỳnh - Lưu Bích**
**Ngọc Minh - Mỹ Huyền - Hoàng Lan - Thiên Kim**
**Phi Nhung - Elvis Phương - Don Hồ - Nguyễn Hưng**
**Thế Sơn - Mạnh Đình - Anh Dũng - Kiều Hưng**
**Đoàn Thanh Niên Phật Tử Chùa Việt Nam Toronto**

design: Thien Luyen

THÚY NGA 9295 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683 Tel:(714) 893-2860 Fax:(714) 891-9673
Internet: www.thuynga.net Email: thuynga@thuynga.net

***Paris By Night 49***

*Cuốn video Quê Hương Việt Nam đặc sắc*
*không thể thiếu trong tủ nhạc của người Việt hải ngoại*

@ Copyright 1999 THUY NGA. All right reserved

# BACK TO SCHOOL BIG SALE

$899

Bộ Giường ngủ đẹp tuyệt vời. Giá chỉ có - No Platform

+ Free 5 Drawer Chest

$299

5 Piece Black Lacquer Bedroom Set

Đèn included
(không có nệm) Chỉ có $449

Bộ giường ngủ 5 miếng đẹp tuyệt vời.

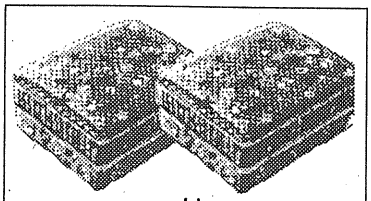

MATRESSES ON SALE Up To 50% Off from $59/set

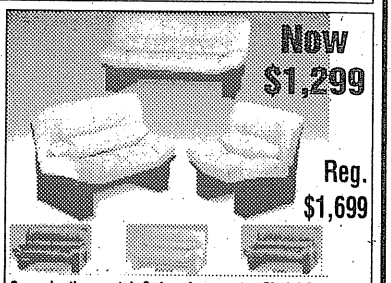

Now $1,299

Reg. $1,699

3 pcs leather match Sofa + Loveseat + Chair. Any color

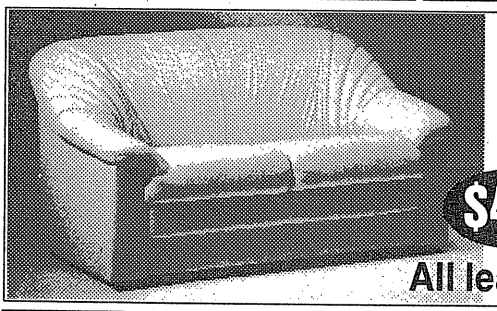

Sofa leather 1 pcs $499

All leather

$399 EA

Leather Match

Now $399

Reg. $599 Dining room 7 pc. Set

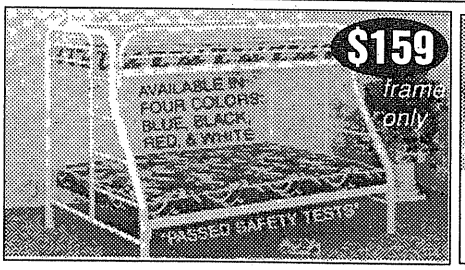



$159 frame only

3 Pcs Sofa Love Seat Chair Leather $2199

Now $1399

## CLEARANCE SALE FOR BACK TO SCHOOL

Để bà con có đồ dùng như bàn ghế tủ nệm để dùng trong gia đình, KT FURNITURE quyết định giảm giá như sau: 5 bộ Sofa (Sofa Loveseat): $250/bộ
- 5 bộ giường ngủ (5 miếng 1 bộ) $199/bộ - 10 nệm $39/miếng twin size regular
- 5 bộ bàn (6 ghế + 1 bàn) cherry color $399/bộ - 2 bộ Sofa da (3pcs) $2,199 now $1,399/bộ - 10 đèn Halogen $18.99 Now còn $9.99/cái.

**Hàng có giới hạn - "First Come First Serve"**

MATRESSES ON SALE Up To 50% Off from $59/set

# KT FURNITURE GALLERY

*"Where Furniture is a Work of Art"*

## 2775 W. LINCOLN AVE. ANAHEIM

## (714) 821-4989

Mon.-Sat. 10 AM - 8 PM | Sun. 10 AM - 6PM

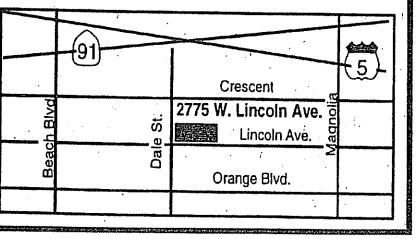

# QUÀ TẶNG ĐẦY Ý NGHĨA

Một món quà tặng bạn bè, người thân mà suốt năm vẫn nhận được đều đều, suốt đời vẫn thưởng thức được, đó là **một năm báo THẾ KỶ 21.**

Nhân dịp đầu xuân, quý vị độc giả có thể tặng bất cứ ai một năm báo *Thế Kỷ 21* với giá đặc biệt, nếu người được tặng chưa phải độc giả dài hạn của TK 21.

## PHIẾU TẶNG BÁO

Họ tên người tặng: .....

Họ tên người nhận: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....
Một năm báo *Thế Kỷ 21* (12 số) bắt đầu từ số .....
*Giá đặc biệt:* Bớt 10% so với giá bình thường.
Xin tham khảo nơi Phiếu Dài Hạn (Subscription Form) dưới đây.

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

## PHIẾU DÀI HẠN
## *SUBSCRIPTION FORM*

Họ tên / *Full name:*..... *ĐT. / Phone:*.....
Địa chỉ / *Address:*.....
Tôi đặt mua **Thế Kỷ 21** / *I would like The Ky 21 delivered to me*:
□ 06 số / *issues* □ 12 số / *issues* □ 24 số / *issues* Bắt đầu từ số / *Starting from issue #* .....

| | | |
|---|---|---|
| Gửi Bulk Rate | □ 1 năm / 1 year US$50.00 | □ 2 năm / 2 years US$90.00 |
| Gửi First Class: | □ 1 năm / 1 year US$64.00 | □ 2 năm / 2 years US$120.00 |
| Gửi ngoài nước Mỹ (Air Mail) CANADA | □ 1 năm / 1 year US$68.00 | □ 2 năm / 2 years US$130.00 |
| ÂU CHÂU / *EUROPE* | □ 1 năm / 1 year US$90.00 | □ 2 năm / 2 years US$170.00 |
| Á, ÚC CHÂU / *ASIA & AUSTRALIA* | □ 1 năm / 1 year US$106.00 | □ 2 năm / 2 years US$196.00 |

**GHI CHÚ / *NOTES:***

(1) Giá biểu này có hiệu lực từ ngày 15 tháng Giêng 1998. / *Effective from January 15, 1998:*
(2) Ngân phiếu, hoặc lệnh phiếu, xin trả bằng Mỹ Kim, đề tên "THẾ KỶ 21." / *Checks, or money orders, in US funds, pay to "THE KY 21."*
(3) Giá biểu *bulk rate* chỉ dùng trong nước Mỹ mà thôi. Phải mất từ một tới ba tuần báo mới tới nơi. / *Bulk rate is good for US addresses only. It takes from one to three weeks to reach destination.*
(4) Nếu thay đổi địa chỉ, xin thông báo trước, và gửi kèm nhãn gửi báo. / *Please let us know in advance when you change address. Attach your label.*
(5) Số báo đầu tiên và số báo cuối cùng in trên nhãn gửi báo. / *The first and the last subscribed issues are printed on the label.*

11022 ACACIA PKWY #A, GARDEN GROVE CA 92840 USA ■ TEL. (714) 638-9510 FAX (714) 638-1944

## Công Ty Điện Toán Chuyên Về Những Dịch Vụ Internet

# KICON

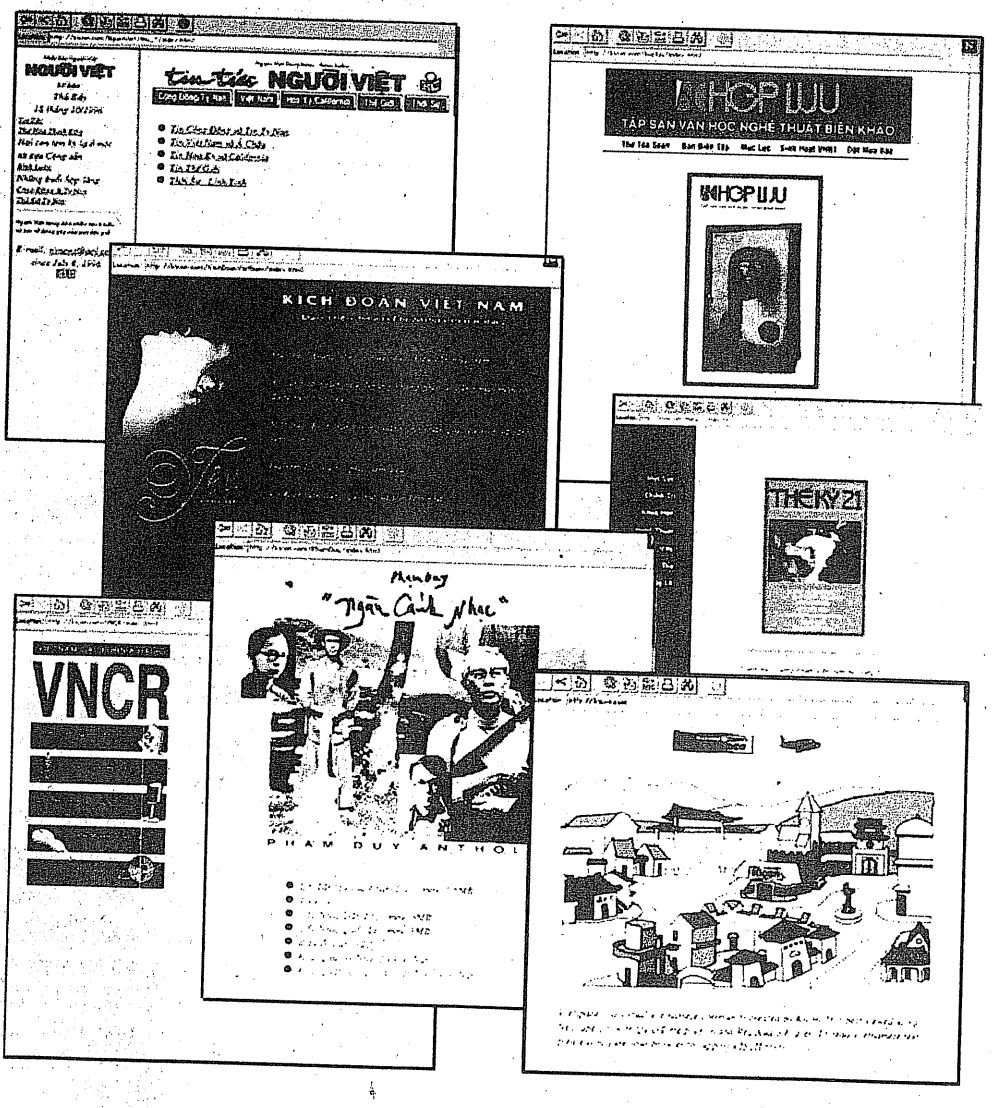


**Kicon đảm nhận các dịch vụ đưa các cơ sở thương mại, hội đoàn, báo chí trên toàn thế giới lên mạng lưới Internet với những kỹ thuật điện toán mới nhất, một cách mỹ thuật và hiệu quả nhất.**

12866 Main St., Suite 101, Garden Grove, CA 92840, Tel 714-590-3080, Fax 714-590-3084

**http://kicon.com**

# NỮ BÁC SĨ NHA KHOA
# NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG
## (714) 531-2773

**GIỜ LÀM VIỆC:**
Thứ Hai - Thứ Bảy:
10 AM - 7 PM
Chủ Nhật: nghỉ

* **CHUYÊN MÔN CHỮA RĂNG TRẺ EM TỪ 2 TUỔI TRỞ LÊN.**
* **HƯỚNG DẪN ĐÁNH RĂNG ĐÚNG CÁCH ĐỂ CHỮA BỆNH CHẢY MÁU NƯỚU RĂNG VÀ HÔI MIỆNG.**
* *Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.*
* *Phòng Nha Khoa luôn luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.*

**NHA KHOA TỔNG QUÁT**
* *TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG*
* *LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI*

*** NHA KHOA THẨM MỸ**

*** NHA KHOA NHI ĐỒNG**

**SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM**

**14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92843**
*(Giữa Westminster & Hazard, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải)*



đã phát hành CD **K. KHÚC CỦA LÊ**

*mười một ca khúc do chính tác giả chọn, viết, và đọc lời dẫn nhập từng ca khúc*

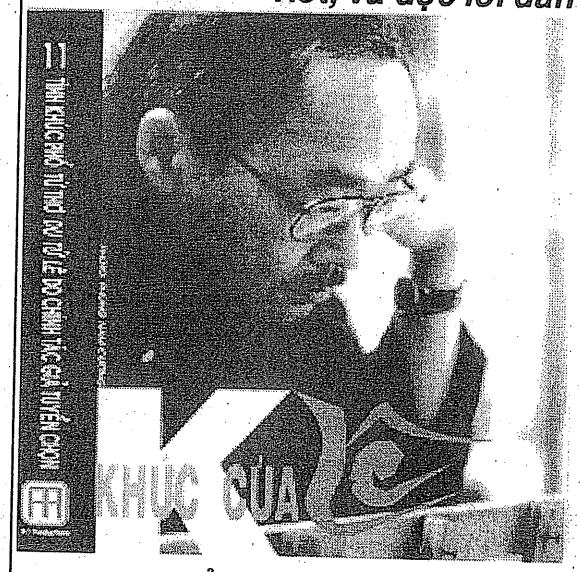

Tổng phát hành: **Trung Tâm Băng Nhạc BÍCH THU VÂN**
*(trong khu Phước Lộc Thọ)*
**9200 Bolsa Ave., # 137, Westminster, CA 92683. USA. Tel: (714) 897-4519**

*Kính mời quý độc giả đón đọc:*

# KỶ YẾU VNCR 1999-2000

***Sẽ phát hành (15,000 cuốn) vào giữa tháng Sáu 1999***
***nhân dịp kỷ niệm Đệ Tứ Chu Niên VNCR***

- **KỶ YẾU VNCR 1999-2000** là một tuyển tập chuyên đề về phát thanh Việt ngữ lần đầu tiên trong lịch sử báo chí Việt Nam hải ngoại, với những bài vở của hàng chục cây bút tên tuổi trong làng văn làng báo.
- **KỶ YẾU VNCR 1999-2000** là một cẩm nang về truyền thanh - ngành truyền thông đang ở thế mạnh trong tất cả các cộng đồng người Việt hải ngoại.
- **KỶ YẾU VNCR 1999-2000** không những là một bản tường trình đầy đủ về các chương trình phát hanh VNCR, mà còn giới thiệu tất cả các chương trình phát thanh Việt ngữ hiện có ở các nơi trên thế giới.
- **KỶ YẾU VNCR 1999-2000** còn là một phương tiện hữu hiệu để các cơ sở thương mại, văn phòng dịch vụ đến với hàng chục ngàn gia đình, qua các trang quảng cáo và danh mục thương mại. 15,000 cuốn **KỶ YẾU VNCR 1999-2000** sẽ được in ấn công phu và phát miễn phí cho quý độc giả và các thính giả của VNCR.

Lần đầu tiên một đài phát thanh Việt ngữ hải ngoại
gởi Phái viên đi thăm các đài BBC ở Luân Đôn, RFI
ở Paris, SBS ở Sydney, VOA và RFA ở Washington D.C.
Mời quý vị đọc bài tường trình các chuyến đi ấy
trong KỶ YẾU VNCR 1999-2000

xin gọi cho cô **PHAN MỸ SƯƠNG:**

**11022 Acacia Parkway, Suite A**
**Garden Grove, CA 92840**
**ĐT: (714) 534-9430, 534-9431, 534-9432**
**Fax: (714) 534-9433**
**Email: vncr@kicon.com**
**Webpage: kicon.com/vncr**

Quý vị ở xa muốn có **KỶ YẾU VNCR 1999-2000** xin gửi họ, tên, địa chỉ, kèm theo $5.00 bưu phí, phí tổn đóng gói, chúng tôi sẽ gửi kỷ yếu đến quý vị bằng Priority Mail.

Tranh bìa: **Ngọc Dũng**, Bản vẽ phác, 48" x 34" (Acrylic)
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Nguyễn Thị Hợp, Hoàng Hương Trang, Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường**
Hý họa: **Babui, Etcetera**
Ảnh: **Anh Thành**, Ủy ban Cap Anamur, tư liệu của **gia đình Phạm Duy, của Thế Kỷ 21, VAALA Florida.**

# MỤC LỤC

## Số 125 . Tháng Chín 1999


### THỜI SỰ - CHÍNH TRỊ - KINH TẾ

**12** Internet thay đổi việc kinh doanh - **Vương Hữu Bột**
**17** Mười hai ngày tuyệt thực trong trại giam B14 - **Nguyễn Thanh Giang**
**29** Đời sống quanh ta - **Trần Quán Niệm**
**80** Ủy ban Cap Anamur kỷ niệm 20 năm thành lập - **Lam Điền**

### VĂN HÓA - ÂM NHẠC

**33** Đạo kính tổ tiên, điểm gặp gỡ chung cho tín ngưỡng Việt - **L.M. Trần Cao Tường**
**37** Khái quát về tâm lý văn nghệ - **Hạnh Cơ**
**41** Đi tìm bản sắc - **Nguyễn Công Khanh**
**63** Âm nhạc cổ truyền Huế và âm La chuẩn quốc tế - **Nguyễn Đức Mai**

### NHÂN VẬT

**51** Tưởng nhớ Vi Huyền Đắc - **Hoàng Hương Trang**
**89** Hồ Xuân Hương, nàng là ai? - **Đặng Tiến** phỏng vấn **Phạm Trọng Chánh**
**94** Ca sĩ Thái Hằng qua đời

### KHOA HỌC - NGÔN NGỮ

**47** Thử đi tìm cái tương đương trong phiên dịch - **Trịnh Nhật**
**107** The elegant Universe - **Nguyễn Hùng Vũ**

### VĂN

**61** Thăm lại căn nhà cũ - **Thái Tuấn**
**68** Những mươi năm ấy biết bao nhiêu tình - **Phan Thị Trọng Tuyến**
**84** Thiên nga giữa cõi người - **Tâm Thanh**
**96** Truyện gấu một ngày mùa đông - **Lâm Chương**
**100** Một chút tâm tư - **Savi Nguyễn Tiến Cảnh**
**104** Hậu chiến - **Trần Hoài Thư**

### THƠ

**71.** Trong màu phượng tím - **Khánh Hà. 77.** Một bài thơ chắp nối - **Trần Vấn Lệ. 86.** Cám ơn - **Nguyễn Hữu Chung. 92.** Lên non múc nước suối tiên - **Sương Mai. 98.** Trừ bị - **Nguyễn Bá Dĩnh. 102.** Tristesse Chopin - **Võ Doãn Nhẫn. 105.** Nhật thực, Ở xa - **Cổ Ngư**

### MỤC THƯỜNG LỆ

**7** Thư trong tháng: Cách mạng thông tin - **Vương Hữu Bột**
**8** Bạn đọc viết
**11** Tòa soạn và bạn đọc - **Phạm Phú Minh**
**11** Thư trị sự - **Phan Mỹ Sương**
**56** Sổ tay
**111** Chân trời Văn học Nghệ thuật - **Tiểu Quyên, Anh Thành, Thy Thy, Trần Minh Hiền, Lạ c Hồ ng Foundation**
**115** Sách báo trong tháng - **Phạm Xuân Đài**

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21

Tạp chí ra hàng tháng.
Cty Người Việt sáng lập (1989).
Hội VAALA bảo trợ.

**11022 Acacia Pkwy #A**
**Garden Grove CA 92840 USA**
**Tel: (714) 638-9510**
**Fax: (714) 638-1944**
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

**Hội Đồng Quản Trị:**
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ , Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Nguyễn Phước Quan, Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo, Tống Hoàng, Trần Văn Ngô

**Chủ nhiệm:**
*Đỗ Ngọc Yến* (1989-91)
*Lê Đình Điểu* (1991-96)
*Phạm Phú Minh* (1997-)
**Chủ bút:**
*Vương Hữu Bột*

Bài gửi cho Thế Kỷ 21 xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

**Trị sự:**
Văn phòng trưởng & Phát hành:
*Vũ Duy Tự*
Quảng cáo:
*Phan Mỹ Sương*
Ngân phiếu đề: THE KY 21

**Đại diện phát hành:**
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
**Pháp:**
*Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
*Ph. Thu Hương* 01 39 84 00 84
*Tr. T. Diệu Tâm:* 01 45 70 72 35
**Hòa Lan**: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
**Đức**: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
**Canada:** *Hoàng Chiêu Nhân*
(514) 445-0529
**Western Australia:** *Bình Anson*
(61- 8) 9448-0637

**ISSN 1056-4640**

# CÁCH MẠNG THÔNG TIN

## VƯƠNG HỮU BỘT

Chúng ta đang dự vào một cuộc "cách mạng thông tin." Mấy tiếng đó nghĩa là gì? Nghĩa là: Tin tức, dữ kiện được lưu trữ, phân tích và giải thích, chuyển hóa, truyền và nhận bằng phương tiện kỹ thuật mới, làm đảo lộn những cách thức cũ. Như vậy mới chỉ là "cách mạng trong công việc thông tin mà thôi." Cách mạng thông tin còn có nghĩa rộng hơn: Sự thay đổi trong cách loài người thông tin với nhau, nhanh hơn, xa hơn, đến tới nhiều người hơn, sẽ làm đảo lộn cả cách người ta sống và suy nghĩ, thay đổi đời sống kinh tế và trật tự xã hội.

Cuộc cách mạng thông tin đầu tiên xảy ra khi người ta bắt đầu dùng tiếng nói. Cuộc cách mạng thứ nhì, xảy ra khoảng 5000 năm trước đây, là việc sáng chế ra chữ viết. Nhờ có chữ viết, những thông tin được truyền đi xa và ảnh hưởng lâu dài hơn.

Nhưng cuộc cách mạng thông tin thứ ba, từ khi sáng chế máy in, thay đổi nhân loại với tốc độ nhanh hơn. Ông Johann Gutenberg bắt đầu in cuốn Thánh Kinh năm 1450, đến năm 1500 ở Âu châu đã có đến 25 ngàn cuốn sách in, tổng cộng khoảng 10 triệu bản lưu hành. Trong khoảng 50 năm sau đó, mục sư Martin Luther đã in cuốn Thánh Kinh dịch sang tiếng Đức, tạo ra phong trào cải cách tôn giáo. Sau đó, các cuộc chiến tranh nhân danh tôn giáo thay đổi bản đồ Âu châu, và chủ nghĩa Dân tộc lan tràn, xóa bỏ các đế quốc trong vài thế kỷ sau.

Từ đầu thế kỷ 17, ở Anh, Đức, Hòa Lan, các nước sớm sử dụng máy in, những tờ báo sinh sôi nảy nở từ 1620 đến 1650. Việc truyền bá tin tức, trong đó có các khám phá khoa học và tư tưởng mới, đã đưa đến cuộc cách mạng công nghệ và khái niệm dân quyền. Tiếp theo là sự hình thành của nền kinh tế thị trường, và các thể chế dân chủ tồn tại đến ngày nay.

Chúng ta không thể quả quyết việc sáng chế ra máy in của Gutenberg là nguyên nhân của các biến cố trên đây. Những thay đổi trong xã hội loài người diễn ra vì sự tác động của nhiều nhân duyên phức tạp. Nhưng chính máy in đã làm mất độc quyền về thông tin của giới có quyền và chiếm tài sản lớn trong xã hội. Khi nhiều người nhận được tin tức và có thể phổ biến tin tức thì không ai còn "độc quyền" về tôn giáo, văn hóa, chính trị và kinh tế nữa.

Nhìn lại cuộc cách mạng thông tin thứ ba, máy in, chúng ta có thể đoán rằng sự phát triển của Internet trong những năm tới sẽ đảo lộn cách sống và suy nghĩ của con người trong thế kỷ 21. Nếu máy in phải mất hai, ba thế kỷ mới thay đổi đời sống nhân loại, thì Internet sẽ thay đổi loài người nhanh hơn nhiều, chắc chỉ trong vòng một thế hệ. Điều này sẽ cho phép chúng ta tiên đoán đời sống dân Việt Nam ta cũng thay đổi nhanh hơn trong thế kỷ tới. Chúng ta không phải đợi đi theo các nước tiên tiến từng bước một, mà có thể "nhảy vọt" vài bước liên tiếp, nếu trí óc và khả năng của người Việt Nam được tự do phát triển.

Loài người đã bước vào cuộc cách mạng thông tin thứ tư, trong khi dân Việt Nam chưa được sử dụng những thành quả của cuộc cách mạng thông tin thứ ba, vì tư nhân vẫn chưa được xuất bản tự do. Đầu Thế kỷ trước, các vua quan thời Nguyễn không biết thế giới đã thay đổi như thế nào, họ chưa biết có thứ gọi là máy in. Còn các vị ở Câu Lạc Bộ Ba Đình bây giờ biết và đã dùng Internet mà lại không cho dân làm báo, đọc báo và dùng Internet tự do. Rồi lịch sử sẽ phê phán ra sao? ●

## Tử nhi bất vong, thọ giả

Trong khi lòng nhiều người vẫn bồi hồi vì sự vĩnh viễn ra đi của ông Lê Đình Điểu, trên Thế Kỷ 21 số 124 tôi đọc được bài "Bạn Hiền" của ông Lê Tất Điều. Toàn bài viết rất hay và cảm động trong tình bạn học đầm ấm lâu dài. Trong đoạn mô tả thửa vườn Văn Hóa Việt Nam, tác giả cho chúng ta thưởng thức một khu vườn gần gũi quen thuộc nhất: *"Đi thong thả trong vườn, tôi sẽ gặp tượng ông Mai Thảo thanh thản chờ xe buýt, ông Nguyên Sa tản bộ trên bờ sông, mắt ngước nhìn mây trắng tìm tóc người yêu, ông Thanh Nam nâng ly rượu mời bạn hiền, ông Duyên Anh nâng niu chiếc lồng nuôi con chim sáo, ông Phạm Đình Chương đứng hát giữa trời, ông Nghiêu Đề nằm khểnh trên giá vẽ, ông Vũ Khắc Khoan sừng sững như Tháp Rùa..., và ở cuối vườn, pho tượng Lê Đình Điểu ngồi đối diện Trần Đại Lộc, hai ông đang thảo luận một dự án nào đó."*

Cảm ơn nhà văn Lê Tất Điều đã dùng bút pháp tinh hoa để minh họa rất đúng: các văn nghệ sĩ trên đã cùng với tác phẩm, công nghiệp của mình kết thành những bức tượng in sâu vào tâm khảm người mến mộ. Đặc biệt với ông Lê Đình Điểu, trong suốt bài văn, tác giả mô tả đúng "tinh thần" Lê Đình Điểu là nụ cười và sự dấn thân đứng mũi chịu sào. Với tinh thần một chiến sĩ văn hóa tiền phong như thế, ông Lê Đình Điểu dù đã vĩnh viễn ra đi, nhưng sẽ còn tồn tại rất lâu trong lòng thân hữu và các độc giả của *Thế Kỷ 21, Người Việt* và thính giả của đài *VNCR*, đúng như câu chữ nho "Tử Nhi Bất Vong, Thọ Giả."

**Nguyễn Hưng Quảng** *(Connecticut)*

## Bị cướp ở Âu châu

Thân gửi tác giả Phạm Nguyên Lương,

Tình cờ tôi đọc truyện 'Bị cướp ở Âu châu' của ông trên báo Thế Kỷ 21, tôi nghĩ đó là một câu chuyện thật. Tôi xin chia sẻ kinh nghiệm của tôi với ông. Cách đây đúng một năm, vào tháng Aug. 98, vợ chồng chúng tôi đi du lịch Âu châu. Bữa nọ, sau khi đi thăm Monaco Casino, chúng tôi lên đường trở về ga xe lửa ở Nice trên chiếc xe do người anh họ tôi lái. Lúc dừng lại ở một đèn đỏ, chợt có một chiếc scooter chở hai người trờ tới cạnh xe chúng tôi. Cửa xe lúc bấy giờ không khóa, thằng ngồi đàng sau mở cửa và giật cái túi của vợ tôi. Tôi chỉ kịp nghe vợ tôi la lên thật lớn rồi té lăn ra đường. Lúc đó đèn xanh cũng vừa bật lên, hai thằng cướp vọt xe đi mất.

Tới khai báo ở cảnh sát, họ cho biết điều này thường xảy ra luôn! Chúng tôi có nói với họ rằng chúng tôi ở Canada, thường đi chơi ở nhiều tiểu bang bên Mỹ, nhưng chưa bao giờ bị mất cắp, và không bao giờ có thể tin rằng ngồi trong xe hơi mà cũng bị cướp! "Your country is not safe at all!!" Để trả lời cho câu nói của tôi, một ông cảnh sát kể rằng cách đó mấy tháng một người bà con của ông ta đã bị cướp giống như chúng tôi, tại Washington D.C., thủ đô nước Mỹ. Tôi nghĩ câu chuyện này được người cảnh sát bịa ra để giữ thể diện, nên buộc miệng nói rằng "We don't beleive so!"

Dẫu sao, nhân vật trong truyện của ông cũng còn may mắn nhận lại được giấy tờ, lúc đó chúng tôi cũng chỉ mong được như thế, dù có phải bỏ tiền ra chuộc. Sau khi chia sẻ một chút kinh nghiệm như thế, tôi tự hỏi sau này có còn nên đi du lịch Âu châu nữa hay không?

**Henry Trinh** *(Internet)*

## Tưởng niệm Bạn Hiền

Bài "Tưởng niệm Bạn Hiền" của Lê Tất Điều rất hay. Chẳng kém gì bài viếng cụ Dương Khuê của cụ Tam Nguyên Yên Đổ. Tác giả LTĐ từ lâu nay ít viết, thật đáng tiếc.

Kính chúc Thế Kỷ 21 nhiều thành công.

**VDH** *(Internet)*

## "Mở lại hồ sơ" Ngũ Phụng Tề Phi

Cách đây hai năm, tôi có đọc bài *Ngũ phụng bay về đâu?* của tác giả Trần Gia Phụng trên *Thế Kỷ 21* số 100, tháng Tám 1997, và từ đó đến nay tôi cảm thấy nột nỗi thắc mắc luôn thôi thúc tôi tìm cho ra một giải đáp. Sau khi đọc bài đó, tôi thấy mình đứng trước hai vấn đề:

1. Truyền thống của tỉnh Quảng Nam coi

bốn chữ Ngũ Phụng Tề Phi để chỉ năm vị dân Quảng Nam cùng thi đậu một khóa năm Mậu Tuất là niềm hãnh diện về học vấn thi cử của con dân tỉnh nhà, mà không hề thắc mắc nguồn gốc xuất xứ của chúng. Khi một điều đã thành truyền thống thì có nghĩa nó cũng thành tình cảm, máu huyết, gắn chặt vào những giá trị tinh thần của con dân một địa phương.

2. Nghiên cứu có tính cách khoa học của ông Trần Gia Phụng để tìm nguồn gốc bốn chữ Ngũ Phụng Tề Phi. Kết quả tiêu cực trong việc tìm kiếm này gây một mối nghi ngờ về tính chất chính thống của câu truyền tụng "Ngũ phụng tề phi," và làm tiền đề cho phần nhận định "Ngũ phụng bay về đâu" của tác giả ở cuối bài. Vì không tìm thấy dấu vết trong tài liệu sử sách, tác giả Trần Gia Phụng đã nêu lên bốn thuyết, có lẽ ông thu góp trong học giới hoặc trong dân gian xứ Quảng.

a) Thuyết thứ nhất nói bốn chữ đó là do vua Thành Thái ban, và ông Phụng bác bỏ ngay thuyết này vì đã là vua ban thì phải có tài liệu để lại, đằng này ông không tìm thấy trong bất cứ tài liệu nào của triều đình có chuyện Ngũ Phụng Tề Phi.

b) Thuyết thứ hai nói bốn chữ đó thêu trên một lá cờ, do ông Đào Tấn lúc bấy giờ đang làm Tổng đốc Quảng Nam tặng cho các vị tân khoa. Tác giả TGP cũng bác bỏ giả thuyết này với khẳng định rằng *trong suốt sự nghiệp quan lại của ông, không có khi nào Đào Tấn làm Tổng đốc Quảng Nam cả.*

c) Thuyết thứ ba cũng liên quan đến lá cờ, nhưng do Đào Tấn cho phất biểu diễn trên sân khấu hát bội tại cung vua trong một buổi hát mừng các tân khoa.

d) Theo thuyết thứ tư thì bốn chữ 'Ngũ phụng tề phi' vốn đã được dùng trong một câu thơ thời nhà Tống bên Trung Quốc (*Ngũ phụng tề phi nhập hàn lâm*), được một kẻ xứ Quảng có học nào đó trích ra để nói về một thành đạt thi cử của dân tỉnh mình, và từ đó lan truyền rộng rãi và dài lâu.

Đọc xong bốn thuyết trên, tôi viết thư về Việt Nam hỏi lại bạn bè, bà con ở Quảng Nam về vấn đề này, nhưng chẳng có ai có tài liệu minh chứng được điều gì. Tôi quay sang hỏi những vị quen biết người Bình Định là quê hương của cụ Đào Tấn, thì được cụ Lâm Bình Nam, năm nay 75 tuổi, khẳng định là *cụ Đào Tấn có làm Tổng đốc Quảng Nam* (nếu sự kiện này được khẳng định thì thuyết thứ hai có thể đứng vững). Cụ Nam có nghiên cứu lịch sử, thỉnh thoảng viết về triều Nguyễn và các danh nhân anh hùng Việt Nam, cụ hiểu biết nhiều về nếp sống và văn hóa Quảng Nam, vì đã từng làm quận trưởng các quận Quế Sơn, Duy Xuyên thời đệ nhất Cộng hòa. Lời khẳng định của cụ có thể khả tín, nhưng cũng lại thiếu tài liệu minh chứng.

Gần đây may mắn tôi tình cờ đọc được cuốn "Tây Sơn" giai phẩm Xuân Ất Hợi 1995 của hội Ái hữu Tây Sơn Bình Định Nam California, trong đó có bài viết về Đào Tấn của tác giả Đào Đức Chương là cháu của cụ Đào Tấn. Tác giả dựa vào gia phả họ Đào, các bài báo xưa nay về cụ Đào Tấn, cùng tài liệu lưu trữ tại nhà hát tuồng Bình Định để viết bài này, và chúng tôi đọc được trong phần tiểu sử Đào Tấn (nguyên văn): *Năm 1898, Thành Thái thứ 10, thăng thọ Hiệp tá Đại học sĩ, lãnh chức Tổng đốc Nam Ngãi. Cũng trong năm ấy, ông được tái nhậm Tổng đốc An Tịnh.*

Với khẳng định này mà tôi tin là có cơ sở, thuyết thứ hai nói rằng cụ Đào Tấn, nhân danh Tổng đốc Quảng Nam, tặng lá cờ có thêu bốn chữ Ngũ Phụng Tề Phi cho năm vị tân khoa, có thể đứng vững được.

Riêng về thuyết thứ ba thì tôi không tin vì năm 1898 Đào Tấn được cử liên tiếp hai nhiệm sở xa Huế thì khó mà làm đạo diễn một tuồng hát trong cung đình để bày ra việc phất cây cờ Ngũ phụng trên sân khấu. Thuyết thứ tư theo tôi thì rất khả dĩ, vì nhiều việc ở đời lắm khi có một nguồn gốc rất đơn giản, đôi khi rất khuất lấp, nhưng vì việc cứ phình lớn và thành quan trọng theo thời gian nên làm cho người đời sau cứ tưởng là phải bắt nguồn từ một cái gì ghê gớm lắm.

Riêng phần thứ ba cũng là phần chính bài viết của ông Trần Gia Phụng thì tôi xin có vài ý kiến. Phần này có tên "Ngũ phụng bay về đâu," điểm lại hành trạng của năm vị gọi là Ngũ phụng ấy để đi đến kết luận rằng sự nghiệp của quý vị chẳng có gì đáng nói, *ngoài tiếng tăm đỗ đạt ban đầu, chẳng bay đâu xa mà duy nhất chỉ để lại cho con cháu đời sau tấm gương hiếu học mà thôi.*

Điều đáng nói ở đây là ông Trần Gia Phụng có vẻ muốn đánh giá họ như một tập thể, phải làm được những gì lừng lẫy để xứng đáng với việc khoa cử vẻ vang của họ. Vô tình cái tên "Ngũ phụng tề phi" mà cho đến nay cũng không biết gốc gác do đâu, đã gắn liền họ với nhau, làm cho cách nhìn của người đời sau về họ có thể khắc khe hơn khi nhìn những người

khác, như cách của ông Trần Gia Phụng trong bài này. Nhưng việc họ thi đậu chung một danh sách chỉ là một sự tình cờ, việc họ mang danh là "năm con chim phụng cùng bay" lại càng tình cờ, họ không trách nhiệm gì về sự vẻ vang và danh tiếng tập thể như thế. Vì thế khi xét về cuộc đời của họ thì chỉ nên xét phân biệt từng cá nhân, như bất cứ cá nhân nào trong lịch sử, chứ không nên áp đặt cái danh xưng kia rồi bắt họ phải bay xa hay bay gần theo một cung cách mà mình muốn. Có nhiều người xứ Quảng cùng thời có chí khí hơn họ, như Phan Chu Trinh, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng, nhưng không nên lấy tiêu chuẩn đó mà đánh giá cái "tập thể Ngũ phụng tề phi," vốn chỉ là một *tập thể ảo*. Năm vị ấy là năm cá nhân riêng biệt. Mỗi cuộc đời một kiểu, hay dở do chính đương sự trách nhiệm, và thật ra họ không phải là những con phụng theo một nghĩa nào đó, để bắt họ phải bay theo một cách nào đó. Họ đỗ đạt, đi làm quan bình thường như những công chức khác theo con đường cử nghiệp, và nếu họ thực hiện tốt nhiệm vụ của họ, đừng có những cái đáng tiếc như trường hợp Phạm Liệu, thì thiết tưởng ta cũng không nên vì cái danh Ngũ phụng đời gán cho mà đòi hỏi nơi họ những điều phi thường. Đã gọi là phi thường thì trên đời lấy đâu ra cho nhiều!

Chính vì tính cách miệt thị ẩn trong sự đánh giá của ông Trần Gia Phụng mà tôi có những dòng góp ý này, để giải tỏa một nỗi canh cánh trong lòng tôi suốt hai năm nay.

**Phạm Tử Thiên** *(Arlington, TX)*

## Đi thực tế

Đọc bài "Chân dung ông Tố Hữu" của tác giả Thanh Phong trong *Thế Kỷ 21* số 124 vừa rồi, tôi cứ thấy buồn cười mãi. Việc một người chuyên làm thơ tuyên truyền về cuối đời thú nhận các "mánh khóe" nghề nghiệp của mình, thì có thể hiểu được, tuy rằng với trường hợp Tố Hữu thì hơi bất ngờ. Nhưng điều làm tôi buồn cười là khi liên hệ những gì ông Tố Hữu nói với việc "đi thực tế" của những nhà văn sau này của miền Bắc.

Nhà văn ở miền Bắc xã hội chủ nghĩa là một tập thể do đảng và nhà nước quản lý và dạy dỗ. Họ lập ra những "trại sáng tác" để đào tạo người viết văn theo đúng khuôn mẫu mà đảng muốn. Trong chương trình huấn luyện có mục "đi thực tế," tức là gửi học viên đi đến sống tại những cơ sở sản xuất một thời gian để có những chất liệu sống thực về "hiện thực xã hội chủ nghĩa." Họ được gửi đi nông trường, hầm mỏ, xí nghiệp, nhà máy v.v... để hấp thụ cái ưu việt của sự sản xuất tập thể đặng khi về thể hiện lại trong tác phẩm của họ. Và điều chắc chắn là họ phải tô hồng những điều họ nghe thấy, dù sự thực có tồi tệ đến bao nhiêu. Vì nhiệm vụ của họ khi được nuôi nấng, dạy dỗ là phải ca hót theo ý muốn của chủ. Mà muốn ca thì phải hư cấu, tức là viết từ những cái tưởng tượng không có thực chứng, giống y như đàn anh Tố Hữu viết về Điện Biên Phủ vậy. Kết quả của "đi thực tế" là viết những gì ngược với thực tế, một điều khiến tôi không nhịn cười được.

Ngay cái ông Vũ Hạnh, một nhà văn đã thành danh của miền Nam, hồi cuối thập niên 70 được cử đi "tham quan" hợp tác xã nông nghiệp Đỉnh Công, một "điển hình tiên tiến" ở Thanh Hóa, khi về cũng viết bài ca tụng quá cỡ. Mãi mười năm sau, khi đã đổi mới, người ta mới có dịp nói đến tình trạng chết đói của dân Thanh Hóa là do những thứ như Đỉnh Công mang lại.

Có thể nào minh định bao nhiêu phần trăm tội ác của những "nhà văn" như thế, trong cuộc sống lầm than của dân chúng? Nghĩ đến điều này thì tôi hết cười nổi!

**Lê Viết Hùng** *(Elk Grove, CA)*

## Cứ như là cùng một lò!

Tôi vừa đi Việt Nam về, thấy điều này, xin kể quý vị nghe.

Ở Sài Gòn, tờ báo *Tuổi Trẻ* có một cơ sở (building) rất lớn, chắc tới 10 tầng là ít. Trên tầng cao nhất có bảng đèn Neon rất lớn đề là TUỔI TRẺ. Ngay bên dưới, có thêm bảng đèn Neon đề THẾ KỶ 21.

Dầu hiểu rằng đó là dấu hiệu của tờ *Tuổi Trẻ* chuẩn bị vào thế kỷ 21, nhưng cách trình bày trông giống như tờ *Thế Kỷ 21* của quý vị đang sánh vai với tờ *Tuổi Trẻ* trong nước vậy! Tôi thấy đó là một trùng hợp ngộ ngộ, và ước mong một ngày trong nước được tự do báo chí, quý vị đem tờ *Thế Kỷ 21* về Sài Gòn "quậy" cho vui!

**Chi Bui** *(Internet)*

## Cái chết

Chúng tôi ở vùng xa xôi hẻo lánh, ít người Việt Nam, qua tờ *Thế Kỷ 21* và trao đổi điện thoại với bạn bè ở Quận Cam thì thấy thời gian vài năm lại đây nhiều người có tên tuổi

dồn dập qua đời, tự nhiên cảm thấy buồn quá. Mở đầu là thầy Trần Đại Lộc vào tháng Chín 1997, thầy là thầy dạy tôi từ đầu thập niên 60 khi tôi mới vào học trường Petrus Ký. Tiếp theo vào năm 1998 thì đến nhà văn Mai Thảo, rồi nhà thơ Nguyên Sa, họa sĩ Nghiêu Đề, sang 1999 thì nhà báo Lê Đình Điểu, các giáo sư Nguyễn Đăng Thục, Trần Trọng San, nhạc sĩ (Lê Uyên) Phương, rồi ca sĩ Thái Hằng, kế tiếp nhau qua đời. Toàn là trong giới văn sĩ, nghệ sĩ...

Một người bạn cuối tuần đến ngồi nhậu với tôi, than thở không biết giới văn nghệ có gì đặc biệt không mà trước khi chấm dứt thế kỷ 20 đã rủ nhau vội vã ra đi, làm như thế kỷ 21 ở thế giới bên kia có gì hấp dẫn lắm, hoặc có việc gì rất cần kíp, phải mau mau tập họp tại đó. Rồi anh ta đọc một đoạn thơ của Tản Đà, giọng buồn mà đầy cảm khái:

*Này ai ơi*
*Hãy trèo lên bức tường đổ*
*Nhìn cánh đồng xa*
*Mồ con mả lớn*
*Cái năm cái ba*
*Chẳng quan thì dân*
*Chẳng trẻ thì già*
*Trước cũng người cả*
*Bây giờ hóa ma...*

Tôi muốn loại bỏ ý nghĩ cái chết đang dồn vào một giới nào đó, mọi chuyện chỉ là tình cờ, nhưng tự thâm tâm cứ vẩn vơ những cái huyền hoặc không giải thích được. Biết đâu lời bạn tôi trong lúc uống rượu chẳng "linh": ở nơi đó đang có việc cần tập trung gấp...

**Tấn Nguyễn** *(Buffalo, NY)*

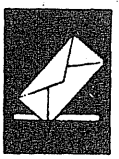

## TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của các tác giả sau:

Nguyễn Hữu Thống, Đặng Văn Nhâm, Tuyền Sơn, Thái Tuấn, Quế Lang, Hoàng Hương Trang, Hạnh Cơ, Trần Anh Tuấn, Hoàng Đống, Bùi Khanh, Trần Vấn Lệ, Phạm Ngọc Khôi, Ngọc Dũng, Trần Huy Sao, Vũ Anh Mai, Babui, Đặng Phú Phong, Trầm Thiên Thu, Cổ Ngư, Đàm Trung Pháp.

**Nguyễn Trung Tính** *(San Francisco)*: Hoạt động của một tòa soạn báo ngày nay dĩ nhiên chịu ảnh hưởng của Internet rất nhiều. Số lượng thư tín bưu điện giảm hẳn so với cách đây ba bốn năm. Các tác giả gửi bài về, độc giả góp ý kiến, thông báo mua báo hay đổi địa chỉ v.v... càng ngày dùng Internet càng nhiều. Cái máy Fax chưa chi đã muốn lỗi thời rồi! Riêng về việc nhận tiền, chúng tôi vẫn còn dùng kiểu "cổ điển," tức là nhận chi phiếu hay bưu phiếu. Xin cám ơn gợi ý điện tử hóa việc bán báo của ông. Kính.

## Hộp thư tri sự

**Độc giả gia hạn và độc giả mới**

Nguyễn Đình Cường (Cerritos CA), Nhất Tuấn (Olympia WA), Trần Anh Tuấn (Alameda CA), Trần Huỳnh Minh (Tustin CA), Hiếu Đệ (Holland MI), Phạm Tử Thiên (Arlington TX), Loc Nguyen (Belleville NJ), Christiane Piselli (Barcelona SPAIN), Nguyễn Công Khanh (Des Moines WA), Healey Library (Boston MA), Nguyễn Gia Khanh (New York NY), Đào Đức Kỳ (Westminster CA), Ethnic Studies Library (Berkeley CA), To Van Minh (Monterey Park CA), Nguyễn Quang Hùng (Fortworth TX), Trương Văn Tùng (Cerritos CA), Trần Ngọc Mỹ (Glendale CA), Phạm Văn Tuệ (Marrero LA), Phan Bá Phụng (Moorpark CA), Khưu Ngọc Thanh (Beaver OR), Phạm Duy Lương (Skolni CZECH), Hồ Văn Thái (Mannheim GERMANY), Tuan Anh Dam (Richmond VA), Lan Nguyen (Santa Clara CA), Đoàn Đắc Khải (R iverside CA), Giao Nguyen (Okla City OK).

**Độc giả đổi địa chỉ**

Lê Đình Khôi (Santee CA), Trịnh Long Việt (Malvern PA), Thompson Nguyen (Westminster CA), Elston Thuan Le (Falls Church VA).

### THÔNG BÁO VỀ MÁY FAX CỦA TK 21:

Vì lý do kỹ thuật, máy Fax của Thế Kỷ 21 mang số **(714) 638-1944** hiện nay ngưng hoạt động. Xin quý vị tạm dùng Fax mang số **(714) 534-9433,** ghi rõ *Gửi Thế Kỷ 21* cho đến khi có thông báo mới. Xin cám ơn quý vị.●

# INTERNET THAY ĐỔI VIỆC KINH DOANH

VƯƠNG HỮU BỘT

Trong tháng tới Tạp chí *Thế kỷ 21* hợp tác với KICON mở "Câu lạc bộ Thế Kỷ," giới thiệu các sản phẩm văn hóa của người Việt Nam, hy vọng sẽ làm nhịp cầu liên lạc của hai triệu người Việt ở nước ngoài, và đồng bào trong nước sau này. Câu lạc bộ này hy vọng sẽ là nơi trao đổi ý kiến và phân phối sản phẩm văn hóa cho đồng bào ở khắp thế giới, qua mạng lưới Internet.

Khái niệm Internet do một người ở Thụy Sĩ nghĩ ra đầu tiên. Dùng Internet lần trước tiên là Bộ Quốc phòng Mỹ và các giáo sư trao đổi đề tài nghiên cứu trong đại học, nhưng đem ra cho công chúng dùng trước nhất là ở nước Pháp với hệ thống Minitel. Nhưng việc kinh doanh trên Internet nở rộ mấy năm gần đây xảy ra ở nước Mỹ, giờ đây Đức, Anh, Nhật đang chạy theo. Hiện tượng này đang và sẽ thay đổi việc mua bán, sản xuất, tiếp thị cả thế giới trong thế kỷ 21. Bài này là một bản tường trình về hiện tượng đó để đồng bào trong và ngoài nước thêm tin tức về Internet đang thay đổi trên thế giới, ngõ hầu nhìn thấy nhu cầu cấp bách phải thay đổi ở nước ta.

## Mô hình kinh doanh mới

Người Mỹ đang thấy lề lối quản trị kinh doanh của họ bị đảo lộn vì E-commerce, tức là kinh doanh trên mạng lưới điện toán Internet.

"Nước Mỹ đã tạo ra và hoàn chỉnh một mô hình kinh doanh mà nay đã được coi là quan trọng nhất thế giới. Nhưng mô hình đó bây giờ đã lỗi thời rồi..." Đó là lời ông Lawrence A. Bossidy, Tổng giám đốc công ty AlliedSignal. Một lý do khiến mô thức cũ lỗi thời là vì nó đòi hỏi đầu tư vào vốn luân chuyển quá nhiều. Thí dụ số tiền đọng trong hàng tồn kho, tiền mặt cần giữ để chi dùng trong khi chờ khách hàng trả nợ, v.v. Các công ty mua bán hàng trên Internet không cần đến nhiều vốn luân chuyển như vậy nữa. Và khoảng cách giữa nhà sản xuất, nhà cung cấp nguyên liệu hay vật liệu, các cửa hàng bán lẻ, và với người tiêu thụ đã được thu ngắn lại, cả không gian lẫn thời gian. Tất cả vì tin tức đi nhanh như điện và phổ biến rộng khắp, ai cũng biết được, cùng một lúc. Ngày nay người ta không cạnh tranh bằng cách dấu diếm tin tức, trái lại bằng cách phơi bày hết tin tức ra!

Tại sao mô hình cũ lại lỗi thời và bắt các nhà công ty phải vào Internet? Dễ thấy nhất là các công ty bán lẻ. Thí dụ, công ty Barnes and Nobles, cùng với Border là hai công ty bán sách lớn nhất nước Mỹ, với cửa hàng đặt ở các địa điểm tốt nhất ở các thành phố khắp nước Mỹ. Một công ty "trẻ," Amazon.com (đọc *đót, còm*, dấu chấm không đọc là chấm, mà đọc đót,) năm ngoái đã bán số lượng tiền sách nhiều hơn số bán của cả hai công ty đàn anh gộp lại. Mà Amazon không có cửa hàng nào cả, chỉ bán qua Internet. Người mua sách chỉ cần mở máy PC, "lên lưới" (chữ lên lưới do nhà báo Lê Đình Điểu đề nghị.) Chỉ cần mở "Điểm lưới - Website" của Amazon ra, sẽ được đọc danh mục bao nhiêu cuốn sách, có cả hình bìa, hình tác giả, tóm tắt nội dung, các lời phê bình của giới chuyên môn, nhận xét khen chê của độc giả. Chọn, rồi bấm OK một cái, thế là mua, người bán thâu tiền qua thẻ tín dụng của người mua. Giá rẻ hơn 30%, trong khi sách mới, bìa cứng mua ở tiệm trừ nhiều nhất là 20%.

Giáo sư Clayton Christensen ở Đại học Havard giải thích mối lo của Barnes & Noble: "Cửa hàng bán sách muốn kiếm lời thì trước hết phải tận dụng khả năng của mặt bằng, chất đầy đủ các sách trong diện tích cửa hàng, thu hút khách hàng đến cho đông. Nhưng sau

khi đã tận dụng hết khả năng của mặt bằng rồi, chỉ còn một cách phát triển là cố tăng tỷ lệ mức lời trên giá bán (profit margin). Trên Internet không có vấn đề diện tích cửa hàng, thành ra tỷ lệ lời cũng không thành vấn đề nữa. Nói cách khác, trên Internet người ta loại bỏ được một số chi phí cố định (fixed cost), nên dù phải giảm mức lời cũng không lo. Thành ra Amazon.com có thể lấy mức lời 5% cũng bằng một tiệm sách thật bán lời 30%, hai bên cùng đạt tới một lợi suất trên vốn bỏ ra (return on investment ROI) ngang nhau.

## Các đại công ty cũng vào lưới

Trong tháng Tám, chủ tịch công ty Toys R Us mới phải từ chức. Công ty này bán đồ chơi, họ viết chữ R ngược chứ không viết xuôi, trước đây coi các cửa hàng Wal-Mart hay Target là đối thủ cạnh tranh quan trọng nhất của họ. Nhưng sau mùa Giáng sinh năm 1998, họ gặp một đối thủ mới: eToys. Năm ngoái công ty eToys bán được có 30 triệu Mỹ kim, chỉ bằng số bán của hai cửa tiệm Toys R Us - trong số 1486 tiệm. Nhưng tháng Năm vừa qua, công ty eToys bắt đầu phát hành cổ phần cho công chúng. Trị giá các cổ phần của chú em út này, trong ngày đầu tiên mua bán, lên đến 7.8 tỷ Mỹ kim, hơn cả trị giá của Toys R Us, chỉ có 5.6 tỷ.

Công ty mua bán và môi giới chứng khoán Merrill Lynch là một thí dụ khác. Họ không chịu nhập cuộc Internet vì tin vào địa vị hàng đầu của mình, với năm triệu thân chủ và tên tuổi Merrill Lynch ai cũng biết. Nhưng bất ngờ, họ thấy khách hàng của mình chạy qua những công ty môi giới chứng khoán trên Internet như Schwab, DLJ Direct, và E*Trade, v.v... Số thương vụ của các công ty mua bán chứng phiếu trên lưới chỉ có 3% tổng số giao hoán năm 1997, năm sau lên 14%. Đầu tháng Sáu vừa rồi, Merrill Lynch đành thay đổi, bắt đầu bước vào thời đại Internet, mở thêm phân bộ mua bán trên lưới. Toys R Us cũng vậy. Ông chủ tịch Nakasone đã bỏ 80 triệu của công ty hùn với người khác mở chi nhánh bán trên lưới, và dọn văn phòng chi nhánh này từ trụ sở miền đông Mỹ về Bắc California, thủ đô của Internet.

Khi các công ty bán lẻ mở thêm cửa hàng trên Internet, họ có lợi thế, là có mặt khắp các nơi. Khách hàng không bằng lòng với đồ chơi hay cuốn sách có thể đem tới cửa hàng trả, hay đổi, không phải gửi qua bưu điện như khi mua trên lưới. Họ cũng có kho hàng khắp nơi và liên lạc với các nhà cung cấp hàng, mua số lượng lớn để được hạ giá. Nhưng họ cũng gặp các khó khăn nội bộ.

Một lý do khiến các công ty lớn ngần ngại nhẩy vào thị trường mua bán trên lưới là vì bước vào đó sẽ gây thiệt hại cho nhân viên hay các chi nhánh của mình. Cạnh tranh với các chi nhánh của chính mình, báo chí tiếng Anh dùng chữ "ăn thịt đồng loại - cannibalization.". Tất nhiên, cửa hàng trên lưới của một công ty sẽ cạnh tranh với các nhà phân phối hay cửa hàng thật của chính họ. Nhưng nếu không chịu nhập cuộc thì cả công ty lẫn các nhà phân phối đều lâm vào ngõ cụt, có thể tàn luôn. Tổng giám đốc công ty Compaq mới mất ghế hồi Tháng Tư 1999 vừa qua vì công ty không cạnh tranh nổi với các nhà bán lẻ trên lưới như CompUSA và Stapples. Các công ty Dell và Gateway đã bước vào lưới, chấp nhận cảnh mẹ ăn thịt con từ lâu và phát đạt.

Nhưng thành lập các phân bộ phụ trách kinh doanh trên lưới như thế nào? Tất cả các công ty đều theo chính sách là thành lập một công ty riêng rẽ, độc lập để làm ăn trên lưới. Vì cách làm ăn trong thị trường mới khác hẳn thị trường cũ. Họ phải chấp nhận công ty con này cạnh tranh ngay với công ty mẹ.

Những biến chuyển trên đang làm thay đổi nền kinh tế Mỹ. Người ta đã bán nhà, bán xe hơi trên lưới. Chủ tịch công ty General Electric, ông John Welch đã từng coi thường ngành kinh doanh trên lưới, bây giờ ông cho biết đến cuối năm nay tất cả 200 ngành kinh doanh của hãng ông sẽ phải có khả năng mua bán trên lưới. Sau cùng, những việc như gửi hóa đơn đòi tiền, theo dõi kiểm tra chất lượng các sản phẩm, vân vân, sẽ dùng mạng lưới điện toán chứ không làm trên giấy nữa. Những ngành công nghiệp khác như xe hơi, dầu lửa, cho đến điện, nước, mai mốt rồi cũng mua bán trên lưới được hết.

Giáo sư Christensen nghĩ rằng phải có một mô hình quản trị mới phù hợp với tương lai hơn, trong khi đó các xí nghiệp hiện tại vẫn dùng mô hình cũ phục vụ lớp người tiêu thụ chưa thay đổi. Một tỷ phú Nhật mới, nhờ sớm đầu tư vào kinh doanh trên lưới, là ông Masayoshi Son, 42 tuổi, gia sản lên 10 tỷ Mỹ kim, đứng hàng thứ 46 trong số 200 tỷ phú giầu nhất thế giới. Như Masayoshi Son giải thích, mô hình kinh doanh mới đã xuất hiện vì hai yếu tố căn bản: "số không và vô tận - zero and infinite."

Ông Son nói rõ hơn: "Zero nghĩa là không có chi phí biến đổi (variable cost), không có thời gian chờ đợi, các tin tức không mất giá trị

dù nhiều người dùng đi dùng lại. Infinite nghĩa là số khách hàng có thể tiếp cận là con số vô giới hạn, kho hàng vô tận, và có thể chia một tin tức ra nhiều lần vô tận. Trong quá khứ người ta không thấy zero và infinite đứng với nhau, vì thế mô hình kinh doanh Internet chưa có."

## Sản năng lao động tăng không ngờ

Hai tháng trước, chủ tịch Greenspan giải thích rằng Tổng sản lượng Quốc nội Mỹ tăng chừng 3% một năm là vừa đủ, tăng nhiều hơn tức là sản xuất thì ít, mà tiêu pha thì nhiều, rồi sẽ sinh lạm phát. Nửa đầu năm nay kinh tế Mỹ trên đà tăng trưởng hơn 4% một năm.

Nhưng cụ Greenspan lấy ở đâu ra con số 3%? Bài toán của ông rất giản dị: Ở Mỹ mỗi năm vẫn có thêm người tham gia vào thị trường lao động, nhờ thế hàng hóa và dịch vụ tăng thêm 1%; đồng thời năng suất (productivity) của lao động Mỹ cải thiện, cao hơn trước, riêng phần đó giúp Sản lượng Quốc dân thêm 2% một năm nữa. Kết quả: kinh tế Mỹ có thể tăng thêm 3%. Nếu thấy nó tăng hơn 3% tức là người ta tiêu xài nhiều hơn khả năng sản xuất, sẽ sinh lạm phát!

Trong bài toán của Greenspan nói đến 2% tăng trưởng nhờ năng suất lao động. Chúng ta đã biết, kinh tế đang phát triển "quá cao" và tỷ lệ thất nghiệp xuống "quá thấp" mà giá cả sinh hoạt vẫn không tăng bao nhiêu. Các nhà kinh tế giải thích rằng thị trường lao động khan hiếm, lương bổng có tăng thật, nhưng giá cả không tăng là vì "sản năng của lao động" (labor productivity) cao hơn. Nếu lương bổng trả cho nhân viên tăng thêm 2% mà họ lại giúp cho công ty lời thêm hơn 2% thì các nhà sản xuất không thấy cần phải tăng giá bán. Mà muốn tăng giá cũng không được, vì luôn luôn có các công ty khác cạnh tranh giảm giá.

Nhiều nhà kinh tế nói nước Mỹ và thế giới đang bước vào một nền "Kinh tế mới" (New Economy.) Và nguyên nhân chính khiến người Mỹ đi kinh tế mới là nhờ sản năng lao động gia tăng nhanh hơn trước. Tất cả nhờ máy computer.

Nhưng cái máy computer ra đời từ nửa thế kỷ rồi, sao bây giờ nó mới làm phép lạ?

## Mua bán với nhau trên mạng lưới

Phép lạ là do con người, những người dùng máy PC, họ vào "mạng lưới" liên lạc với nhau. Từ khi người ta dùng cái máy PC, bịa ra cái gọi là Internet, thì sản năng kinh tế của các xí nghiệp đã tăng gấp bội so với trước đây. Nhiều công ty lên lưới để trực tiếp bán hàng cho khách tiêu thụ. Đó mới chỉ là một mảng của kinh tế trên lưới, và là một mảng nhỏ không quan trọng lắm. Năm 1998, tổng số thương vụ bán cho người tiêu thụ qua mạng lưới là 8 tỷ. Nhưng cũng trong năm ngoái, thương vụ mua bán giữa các công ty thực hiện qua mạng lưới điện toán, là 43 tỷ Mỹ kim, gấp hơn 5 lần! Và công ty nghiên cứu Forester tiên đoán trong bốn năm nữa, số thương vụ bán cho người tiêu thụ sẽ tăng lên 108 tỷ Mỹ kim, trong thời gian đó số mua bán giữa các công ty sẽ tăng lên thành 1,300 tỷ!

Nhà sản xuất đặt mua nguyên liệu, mua bộ phận từ các nhà cung cấp, rồi nhà sản xuất bán cho các nhà phát hành, những việc đó đang dần dần được thực hiện trên mạng lưới điện toán. Một công ty làm xe hơi mua hàng ngàn cái bánh xe, hàng vạn cái con ốc cũng chỉ cần "click" một cái. Đây chính là một yếu tố làm gia tăng sản năng lao động. Bây giờ nếu công ty Toyota được đặt làm một xe Camry đặc biệt, chỉ năm ngày là họ làm xong, trước kia phải mất 30 đến 60 ngày.

## Ba bên cùng có lợi

Công ty Dell ở Mỹ nổi tiếng là nhà sản xuất computer đầu tiên mua bán trên lưới, đầu năm 1999 mỗi ngày họ bán khoảng 15 triệu Mỹ kim qua Điểm lưới của họ. Một cửa hàng bán lẻ đặt mua một số lượng máy kiểu nào đó, tin này hiện ra trên màn ảnh máy PC, lập tức được chuyển cho các nhà cung cấp những bộ phận điện tử, màn ảnh, bàn đánh máy, modem, vân vân, và các nhà cung cấp chuyên chở các bộ phận này tới những địa điểm ráp máy của Dell ở các nơi - khắp thế giới. Chỉ trong mấy giờ là người ta có thể sẵn sàng giao hàng theo nhu cầu của người tiêu thụ. Trên mạng lưới của công ty, các nhà cung cấp đọc được số cầu, và không phải chỉ Dell được lợi, chính các nhà cung cấp cũng tiết kiệm được thời giờ và tiền bạc nhờ họ chỉ sản xuất vừa đủ, không nhiều quá. Còn các cửa hàng đặt mua máy PC, họ cũng được vào Điểm lưới của Dell, họ có thể theo dõi từng bước coi đơn đặt hàng của mình đang tiến đâu rồi để trả lời người tiêu thụ, không mang tiếng nói láo.

Nhờ lên lưới mà nhà sản xuất, người cung cấp, và nhà bán lẻ, cả ba cùng tiết kiệm được thời giờ và tiền bạc. Hiển nhiên, năng suất lao động của họ đều tăng lên.

Dell sản xuất máy điện toán, chuyện họ lên lưới thì cũng tự nhiên như cô Ái Vân ca hát vậy. Nhưng còn công ty siêu thị Safeway ở Anh

thì sao? Công ty bán thực phẩm lẻ này ghi các hàng mua vô, bán ra, thống kê hàng tồn kho liên tục không nghỉ. Các nhà bán rau cải, thịt bò, đậu xanh.... v.v. cho Safeway được phép vào Điểm lưới của công ty, nhìn đó, họ theo dõi biết được hàng do họ cung cấp bán bao nhiêu rồi, còn dư hay thiếu bao nhiêu - con số ở từng cửa tiệm một. Nhà cung cập theo đó mà hoạch định sẽ mua, bán, sản xuất cái gì, bao nhiêu, chuẩn bị chở đến cửa hàng nào. Còn công ty Safeway thì không lo thiếu mặt hàng, và không dư nhiều hàng quá phải đổ đi theo luật vệ sinh.

Có lẽ ở California ại cũng biết hệ thống các cửa hàng Home Depot, chuyên bán vật liệu, dụng cụ xây cất, làm đẹp và sửa chữa nhà cửa. Các cửa hàng này cung ứng cho cả người tiêu thụ cũng như các nhà thầu xây cất. Những nhà thầu xây cất nhỏ là loại khách hàng mang lại cho công ty nhiều lợi nhuận nhất. Nhưng có thật là Home Depot chuyên bán vật liệu hay không? Bây giờ người ta nghĩ khác. Công ty này đang tự xét lại "sứ mạng" của họ. Công ty cạnh tranh với các cửa hàng khác nhờ những dịch vụ của họ chứ không phải là nhờ bán giá rẻ mà thôi. Họ đã dùng Điểm lưới nối kết với những nhà thầu nhỏ, cho biết mật ngữ (password) để những người này được vào Điểm lưới của công ty.

Một nhà thầu chỉ cần cho biết dự án chi tiết của mình xây thế nào, trong Điểm lưới có nhu liệu (phần mềm) tính giúp ngay, cho biết cần những vật liệu nào, bao nhiêu, và còn đề nghị thi công theo trình tự thế nào cho tối hảo. Khi báo tin cho nhà thầu biết vật liệu đã đầy đủ, Web site trong máy của Home Depot còn hỏi khách hàng muốn giao tất cả một lúc hay chờ khi nào cần thứ gì chở tới thứ đó để khỏi tốn chỗ trong nhà kho, và cũng tiết kiệm tiền vốn đọng.

Chưa hết, Điểm lưới của Home Depot còn giúp đăng rao vặt của các khách hàng, nếu họ cần một người thợ nề, thợ điện hay thợ lắp ống nước, v.v.. Nhà thầu vào Điểm lưới này rồi sẽ được cố vấn miễn phí,ờ tiết kiệm được thời giờ thiết kế, không đặt mua dư vật liệu, không bị đọng vốn trong kho hàng. Với những tiết kiệm đó, nhà thầu sẽ hiến giá thấp hơn. Nghĩa là dễ trúng thầu hơn. Người bỏ tiền xây nhà, và nhà bán vật liệu cũng được lợi. Người thợ các ngành cũng tìm được việc làm nhanh hơn. Tất cả chỉ nhờ "thông tin". Khi tin tức được phổ biến nhanh chóng, chính xác và kịp thời, người ta hợp tác với nhau dễ hơn và sự hợp tác giúp cả hai, ba bên cùng tăng năng suất. Khi nhiều thành phần có cách hợp tác với nhau, sản năng chung sẽ cao hơn tổng số sản năng của họ cộng lại.

Ông Andy Grove, Chủ tịch công ty Dell nói rằng trong năm năm nữa tất cả các công ty sẽ làm ăn trên lưới, nếu không thì sẽ bị đào thải. Kinh tế Mạng lưới e.commerce sẽ thay đổi cách quản lý các xí nghiệp, đòi hỏi một mô hình quản lý mới. Trong các nước kinh tế thị trường, thực hành đi trước, lý thuyết đi sau, các giáo sư quản lý đang thi đua giải thích và mô tả mô hình quản lý cho thế kỷ tới.. Trong dăm năm tới sẽ có hàng ngàn sinh viên tiến sĩ viết luận án về đề tài này. Trong số đó sẽ có người trở thành "guru" của thế kỷ 21. Thế giới cứ tiếp tục thay đổi, điều này ai cũng đồng ý, nhưng chưa bao giờ thay đổi nhanh như hiện nay. Tất nhiên những người không thay đổi kịyp vẫn có thể tự an ủi là mình chẳng phải lo lắng gì, cứ "an bần lạc đạo" - trừ khi cũng không biết có cái đạo nào để mà an lạc nữa.

## Người Nhật rất giỏi cóp pi

Hãy coi công ty Yahoo Japan. Công ty Yahoo Nhật Bản đã nhẩy vào thị trường Internet sớm nhất, và hiện nay ba phần tư các người dùng Mạng lưới Toàn cầu (Web) ở Nhật vào xa lộ điện tử của Yahoo ít nhất mỗi tháng một lần. Đối thủ của họ, đại công ty NTT, đứng hạng nhì trong thị trường Internet, phải thú nhận rằng "Họ đi trước, xa hơn chúng tôi rất nhiều!"

Mà Yahoo Japan đã làm gì? Họ làm một việc mà các công ty thành công lớn ở Nhật vẫn làm từ nửa thế kỷ nay, là bắt chước Mỹ. Yahoo Mỹ làm gì thì họ làm giống hệt! Tổng giám đốc Yahoo Japan, ông Masahiro Inoue nói thẳng: "Tôi quyết định cóp pi tất cả mọi thứ mà công ty Mỹ đã làm." Thí dụ, trong bảng ghi các món để người lên lưới chọn, người Nhật ghi đúng thứ tự các món của Yahoo Mỹ. Trong ấn bản Mỹ người ta đặt ra thứ tự đó vì viết tiếng Anh, sắp xếp theo mẫu tự ABC, mà chữ Nhật thì không dùng ABC. Nếu là những nhà trí thức Việt Nam thì chắc họ đã nghiên cứu coi xếp lại thứ tự như thế nào là hợp lý và đẹp đẽ nhất!

Và ít có người nào tiêu biểu cho chiến lược này hơn là ông Masayoshi Son đã nhắc tới ở trên. Ông Son là chủ nhân sáng lập của Softbank và Yahoo Japan là công ty con của Softbank. Năm 1995, ông Son mới biết đến Internet và quyết định đầu tư ngay vào các công ty Internet, vì ông nghĩ rằng "Cuộc cách mạng điện tử này sẽ cải thiện đời sống con

người và tạo ra của cải trong 300 năm nữa!" Lúc đó, ngành kinh doanh trên Internet mới mua bán chừng 300 triệu Mỹ kim, với 177 ngàn cái web site, điểm lưới hoạt động - năm ngoái số điểm lưới lên 4.2 triệu và thương vụ lên 111 tỷ Mỹ kim.

Năm 1995, ông Son nhắm ngay Yahoo, một công ty mới do một người trẻ tuổi, Jerry Yang lập ra, chưa sinh ra đồng bạc lợi nhuận nào cả. Son bỏ ra 2 triệu Mỹ kim cho Yang. Tháng Ba năm sau, khi trụ sở mới nhỏ xíu của Yahoo vừa mới sơn xong, Son lại gặp Yang và đề nghị góp thêm 105 triệu nữa, đổi lại, đòi làm chủ 33% cổ phần của Yahoo. Số tiền đầu tư khoảng 355 triệu đó, bây giờ đã lớn phồng lên. Sau khi bán bớt một số cổ phần của Yahoo lấy 450 triệu, chỉ còn làm chủ 28% thôi, bây giờ trị giá các cổ phần đó là hơn 8 tỷ Mỹ kim!

Và Son đề nghị chung vốn với Yang mở chi nhánh ở Nhật, thế là Yahoo Japan ra đời, Son góp 60%, Yahoo Mỹ 40%. Tổng Giám đốc Inoue mang các nhu liệu của Yahoo về Nhật, quyết định trong hai tháng phải bắt đầu hoạt động. Yahoo Japan bắt đầu cung cấp các thông tin về giá chứng khoán, tiên đoán thời tiết, tin Nhật bản và tin thế giới, làm giống hệt những gì mà Yahoo ở Mỹ đang làm. Trong vòng sáu tháng, Yahoo Japan đã có những thân chủ quảng cáo nổi danh như Toyota, NEC, Dentsu! Bây giờ đã có 17 triệu người Nhật dùng Internet, 11% các gia đình. Lúc mới bán cho công chúng, mỗi cổ phần của công ty giá 700 ngàn Yen, tức 6,100 Mỹ kim. Bây giờ giá mỗi cổ phần lên 53 triệu Yen, khoảng 437 ngàn Mỹ kim!

Năm nay 42 tuổi, Masayoshi Son có tài sản hơn 6 tỷ Mỹ kim, không phải chuyện tình cờ may mắn. Thân phụ ông là một chủ tiệm gốc Triều Tiên sống ở đảo Kyushu. Ông cụ đã đổi họ ra là Yasumoto cho giống Nhật, vì người Triều Tiên ở Nhật thế nào cũng bị người Nhật nhìn bằng con mắt khác. Năm 16 tuổi cậu Masayoshi qua Mỹ học, cậu lấy lại họ Son cũ của gia đình để trở về với gốc. Ngay khi 19 tuổi còn học ở Đại học Berkeley, California, Son đã sáng tạo ra một thứ máy tính bỏ túi, cậu phải thuê một giáo sư chế ra theo mô hình cậu vẽ. Sau hãng Sharp đã mua bản quyền máy tính này để làm ra máy Wizard, trả cho Son một triệu Mỹ kim!

Tốt nghiệp năm 1980, Son về Nhật làm nghề phát hành các nhu liệu điện tử. Và cậu bỏ ra 80 ngàn Mỹ kim lập ra công ty Softbank năm 1981, mới có 23 tuổi. Năm 1994 công ty Softbank bắt đầu cổ phần hóa, bán cho công chúng giá 22.25 Mỹ kim một cổ phần. Bây giờ giá là 150 Mỹ kim.

## Chiến lược ba điểm

Ông Son trở thành tỷ phú nhờ nhẩy vào thị trường Internet sớm, với một thái độ quả quyết. Hiện nay Softbank đầu tư 1.7 tỷ Mỹ kim vào 100 công ty Internet, làm chủ 7% đến 8% các công ty về Internet trên thế giới. Nhiều vụ đầu tư đã thất bại, nhưng chiến lược của Softbank nói chung thành công. Chiến lược đó gồm ba điểm: nhảy vào sớm, đầu tư rộng khắp, và để yên cho các ban quản đốc làm việc, không can thiệp!

Tiêu biểu cho chiến lược này là vụ Son đầu tư vào E*Trade. Năm 1996 khi chủ nhân sáng lập E*Trade cần 9 triệu Mỹ kim để khởi công, chỉ cần thảo luận 30 phút Son bỏ tiền ra liền. Năm ngoái, E*Trade vẫn còn lỗ, nhưng chỉ cần gọi điện thoại một lần, Son góp thêm 400 triệu nữa. Bây giờ trị giá các cổ phần đó trên thị trường là 2.4 tỷ. Và Son không hề ra lệnh cho nhà sáng lập của E*Trade, ông Christos Cotsakos phải làm gì, biết rằng nếu làm sai thì chính ông đó mất cả sản nghiệp.

Hiện nay trên thế giới có khoảng 150 triệu người lên lưới, ở Việt Nam đã có 19 ngàn người thuê bao Internet, trong đó 10 ngàn ở Sài Gòn. Nhưng chiến lược của Việt Nam khác hẳn ông Son. Để đón chào kỷ nguyên tin học, Nhà nước ở Việt Nam mới tăng cường tốc độ của các bức tường lửa (Fire wall) để kiểm soát các người vào lưới (trong nước gọi là truy cập.) Những ông Son tương lai ở Việt Nam khó lòng nhảy vào thị trường này sớm được.

Chúng ta biết ở Pháp người ta đã sử dụng Minitel hàng chục năm trước khi người Mỹ dùng Intrnet, nhưng nước Pháp bây giờ lại đi sau Mỹ rất xa. Lý do chính là Minitel là của chính phủ, do sáng kiến của các chuyên viên yêu nghề, trong khi ở Mỹ chính các doanh nhân khám phá ra việc dùng Internet có lợi cho việc kinh doanh của họ. Động lực "tư lợi" đã thúc đẩy kinh tế thị trường tiến tới, vì các nhà kinh doanh lúc nào cũng tìm cách cắt giảm chi phí, nâng cao năng suất, các nhân viên nhà nước dù có thiện chí và không tham nhũng cũng không thay thế được doanh nhân. Internet sẽ thay đổi kinh tế thế giới trong thế hệ sắp tới, ước mong giới trẻ Việt Nam có cơ hội nhảy ngay vào mạng lưới toàn cầu, nếu không thì nước mình đã đi chậm lại càng thụt lùi hơn nữa.●

# MƯỜI HAI NGÀY TUYỆT THỰC TRONG TRẠI GIAM B 14

NGUYỄN THANH GIANG

LTS. *Nhà địa chất Nguyễn Thanh Giang đã nhiều lần nêu những ý kiến đòi đảng Cộng sản Việt Nam phải thay đổi chế độ độc tài để trả lại tự do cho dân chúng. Ông bị bắt vào tháng Ba năm nay, bây giờ được thả nhưng vẫn bị quản thúc. Mời quý độc giả theo dõi bài ông mới viết dưới đây để gửi các người lãnh đạo đảng Cộng sản, để hiểu về một quan điểm chống đảng ở trong nước. Tòa soạn đặt các tiểu đề để bạn đọc dễ theo dõi.*

*

Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt nam Độc lập Tự do Hạnh phúc

Hànội, ngày 12 tháng 8 năm 1999

Kính gửi:

Tôi là Nguyễn Thanh Giang, người đã bị đột nhiên bắt giam từ 4 tháng 3 năm 1999 tại Trại B14 Hanoi. Đáng phàn nàn hơn là cho đến nay tôi vẫn bị bôi nhọ bởi những lời xuyên tạc một cách độc địa và vô căn cứ của một số cán bộ có động cơ cá nhân không lành mạnh.

Sự việc đáng tiếc này không chỉ làm thương tổn thanh danh tôi, làm hại gia đình tôi mà còn gây ảnh hưởng xấu đến uy tín của Đảng ở trong nước và trên thế giới, tạo ra những khó khăn thiệt thòi không đáng có cho nhân dân ta, đất nước ta.

Tôi buộc phải viết bài ký sự này để trần tình cùng bè bạn, họ hàng, quê hương và công luận.

Tôi đã gửi bài viết này đến các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà Nước để được xem xét, nếu cần thì nên tổ chức rút kinh nghiệm, ngõ hầu tránh những việc làm đáng tiếc tương tự. Tôi xin gửi tới các đồng chí để mong được cùng quan tâm.

Trân trọng

Nguyễn Thanh Giang

Nhà A13P9 TTPK Hoà Mục

Phường Trung Hoà - Quận Cầu Giấy, Hanoi Tel. 8. 586 01

*

## MƯỜI HAI NGÀY TUYỆT THỰC TRONG TRẠI GIAM B 14

Trong những bức thư gửi các ông Lê Khả Phiêu, Trần Đức Lương, Nông Đức Mạnh, Phan Văn Khải, vợ tôi có kể lại: "Ông Giang trước khi rời khỏi nhà đã nói rằng: 'Các ông bắt tôi trước khi có những chứng cứ này. Các ông hãy nhớ lấy điều đó!'" Tôi không được biết là ông Giang gửi thư gì ở bưu điện, nhưng qua lời nói của ông ấy tôi thấy việc bắt bớ này thật là khó hiểu."

### Không khéo mình bị lưu manh cướp xe

Tôi thì tôi không nhớ tường tận đã nói những gì, chỉ biết lúc ấy tôi đứng rất thẳng. Vây quanh tôi, ở phía bên kia, hơn hai chục công an nhiều cấp bậc; bên này: vợ, con, cháu nội, cháu ngoại và vài người hàng xóm, họ hàng tình cờ có mặt, đứng ngồi chật kín gian phòng khách tương đối rộng của nhà tôi. Tất cả đều sửng sốt. Mới lúc trưa người nhà còn thấy tôi complê càvạt đường hoàng, trên đường đến một Trung Tâm Khoa Học Công Nghệ mà tôi là cố vấn. Dọc đường đi, tôi rẽ vào bưu điện 18 Nguyễn Du. Tôi vừa bỏ xong mấy bức thư thì một tốp đàn ông lực lưỡng ập tới. Họ không đọc lệnh, không xuất trình thẻ công an. Một người nói rất gọn: "Tôi, công an Hà Nội!", đồng thời giật ngay chìa khoá xe máy, đẩy tôi ngồi sau lưng người đang ngồi trên một chiếc xe máy khác. Tôi không kịp phản ứng gì. Định thần lại mới chợt nghĩ: "Không khéo mình bị lưu manh cướp xe rồi mang đi tống tiền." Chưa kịp kêu toáng lên thì họ đã đưa tôi vào đồn công an Chợ Hôm gần

đấy. Họ vây bủa tôi ngay tức khắc bởi một không khí uy hiếp phủ đầu. Người vào ra rầm rập. Hai chiếc máy quay video cứ thế chĩa vào mặt tôi hết giác độ này lại giác độ kia. Tôi ngồi thản nhiên chờ đợi, cố giữ thái độ trầm tĩnh vì nghĩ rằng ngộ nhỡ sau này họ xây dựng một bộ phim tài liệu lịch sử thì sao. Thật vậy, cái màn diễn vừa qua quả có kiếm hiệp thật. Nếu không thì việc gì họ phải làm thế. Cứ đứng nghiêm, giơ tay lên đầu chào tôi kính cẩn, trình thẻ công an trịnh trọng, đọc lệnh nghiêm trang có phải nó danh giá không! Tôi có chạy đâu mà sợ.

Khi phát biểu cảm tưởng kết thúc giai đoạn lục soát để chuyển mạnh sang giai đoạn cho vào tù hình như tôi đã nói to và dõng dạc gần như trước đây từng thuyết trình ở các hội trường, các giảng đường, các thư viện. Vợ tôi không khóc, con trai tôi mặt nóng bừng... Không gian căng lên một trạng thái bi hùng.

Hai chiếc computơ, mấy thùng sách báo, tài liệu cùng chiếc máy photocopy đã bị khiêng đi. Tôi xách chiếc vali đỏ (mà con gái tôi vừa đem trả sau chuyến dự một Hội thảo Khoa học Quốc tế ở Hà Lan về, trong đó vợ tôi đã bình tĩnh nhanh nhẹn xếp đầy đủ mọi thứ cần thiết như cho một chuyến công tác xa) bước ra cửa. Sau lưng tôi, không còn những "người nách thước, kẻ tay dao," cái không khí "ào ào như sôi" cũng đã lắng xuống nhưng tôi biết mọi người còn ngơ ngác không biết đến bao giờ trước cảnh tơi tả những ngăn bàn, những tủ sách suốt mấy tầng nhà bị lục soát thật là thô bạo.

Con dâu tôi chạy theo khóc thút thít. Khi cánh cửa xe dập mạnh thì con gái tôi oà lên nức nở. Gần chục chiếc xe con đủ loại của Bộ Công An, của Sở Công An Hà Nội... lần lượt tản đi. Lúc xe tôi chuyển bánh, đoạn phố mới bên sông Tô Lịch gần nhà tôi đã lên đèn. Tôi chợt thấy ân hận. Sao tôi không bình thản dừng lại mấy giây ôm con gái vào ngực, vừa để vỗ về an ủi, vừa để làm yên lòng con gái tôi về cái nhịp đập trầm tĩnh của trái tim mình.

## Có nghe được cụ Chu Văn An phán bảo điều gì không?

Sau một số thủ tục ban đầu ở Sở Công An Hà Nội, một trung tá và một thiếu tá công an chở tôi đi bằng chiếc xe Lada của Liên xô cũ. Gần nửa đêm, chỉ còn cách Trại B14 không đầy một kilomet, khi vừa chấm đến ranh giới khuôn viên ngôi đình thờ tiên triết Chu Văn An thì xe bỗng chết máy. Hai người áp giải tôi hết gọi điện thoại lại loay hoay như côn, thử bugi ... đến thừ cả người. Vậy mà tuồng như có ma lực nào chặn mấy người này lại, bắt đứng giữa trời đêm hàng giờ đồng hồ trong mênh mang khuya khoắt mà tự vấn. Tôi buột miệng hỏi: "Các anh có nghe được cụ Chu Văn An phán bảo điều gì không?" Lời răn dạy ứng khẩu lúc thanh vắng đó không ngờ như đã tạc linh nghiệm vào tâm tư họ. Một trong hai người nghe câu hỏi đó sau này tham gia chính thức vào việc hỏi cung tôi mà suốt quá trình thẩm vấn có đến vài ba lần anh ta tự nhiên xưng nhắc đến hiện tượng bị chặn lại bên đình Chu Văn An.

Kể cũng lạ. Có những điều bí ẩn tâm linh rõ ràng có thật. Ba ngày sau khi tôi bị bắt, ngoài công an, không hề có ai được biết tôi đã bị áp giải thế nào? bị giam ở đâu? Vậy mà, ông Trần Dũng Tiến - người đã từng tham gia quyết tử quân hồi đầu Cách mạng Tháng Tám, người mà mấy năm gần đây bỗng nhiên trở thành bạn vong niên gần gũi với tôi - tự mình bảo mình tìm đường đến Trại B14 đòi được thăm tôi. Bị chối từ, không người trần thế nào gợi ý nhưng ông cứ lừng lững như đi theo tâm linh mách bảo, vào đúng đình thờ Chu Văn An xin đốt đèn, thắp nến, thỉnh chuông dâng hương cầu khấn cho tôi.

Một tuần lễ sau khi tôi rời trại giam về nhà, người thiếu tá công an nọ đến "thăm" tôi. Một trong những câu hỏi đầu tiên của anh ta là: "Anh đã đến thắp hương ở đình cụ Chu Văn An chưa?" Anh này vốn xinh trai, khi anh hỏi câu ấy, tôi thấy khuôn mặt anh ánh lên một tín ngưỡng. Người ta thường nghĩ làm công an mà không có bộ "mặt sắt đen xì" và trái tim lạnh tanh thì khó bề thăng tiến, tuy nhiên, nếu công an ta thực sự hướng đến mục tiêu vì nước, vì dân cả trong lĩnh vực an ninh chính trị thì có thể anh sẽ là một trong những người được hưởng phúc lộc nhiều nhất.

Tôi cùng vợ tôi đã đến thắp hương tại đình thờ Chu Văn An. Ngôi đình không được chăm sóc đúng mức cần thiết nên đã xuống cấp rất đau lòng. Người trông coi ngôi đình ước ao có được một khoản tài chính cỡ chừng trên dưới một tỷ đồng để trùng tu. Tôi băn khoăn canh cánh bên lòng nếu từ nay đến cuối đời không có điều kiện tham gia vận động quyên góp từ trong, ngoài nước để cống hiến vào công trình này. Chu Văn An chính là một Ngôi sao Khuê lung linh sáng, là một trong những biểu tượng

cao cả nhất của trí thức Việt Nam. Ngành giáo dục Việt Nam nên tôn vinh Người là nhà giáo danh dự số một của dân tộc và nên lấy ngày giỗ Cụ (chứ không phải ngày 20 tháng 11) làm Ngày Nhà Giáo Việt Nam.

Lâu lắm rồi không nghe thấy tiếng cuốc kêu, kể cả vào những đêm ở các vùng quê xa xôi, nhưng không hiểu sao ngay sát các phố đông Hà Nội, đâu đó bên bờ đoạn sông Tô Lịch chảy qua làng Văn (xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Hà Nội) quê hương Chu Văn An lại lắm cuốc đến thế. Đêm đêm tiếng "quốc quốc" cứ xà xã vọng vào phòng giam tôi nghe như tiếng ai nhớ nước đau lòng. Chỉ vì "tấc lòng chưa thể như tro nguội" trước vận mệnh của dân, của nước mà Chu Văn An đã dâng Thất Trảm Sớ để rồi sau đó đành treo mũ áo ở cửa Huyền Vũ về ở ẩn trong núi Phượng Hoàng. Tuy nhiên, Chu Văn An tự ý rời bỏ triều đình chỉ vì giận vua Trần Dụ Tông đã không biết nghe lời mình chứ không phải do bị vua ruồng bỏ vì dám bêu xấu, dám kết tội bẩy ông quan thân tín trong triều của vua. Vậy mà, lẽ nào, chỉ vì nói trái ý "vua," chỉ vì dám vạch mặt các "quan" hủ bại, tham tàn mà những trí thức Việt Nam ngày nay tức khắc bị trừng trị thẳng tay, bị giam cầm tàn nhẫn! Lẽ nào, nhân loại đã vượt qua các nền văn minh xa xưa để được bay lên phơi phới trong các làn sóng của kỷ nguyên văn minh thứ ba thì trí thức Việt Nam vẫn bị đối xử tồi tệ hơn cả thời phong kiến ở chính đất nước mình?!

Tôi bước vào phòng biệt giam lúc đã khoảng hai giờ sáng. Hai giờ sáng ngày 5 tháng 3 năm 1999. Khi mấy người quản giáo khoá trái cửa lại bằng chiếc khoá mà tiếng va đập của nó nghe rất nặng nề, tôi có cảm giác thân phận mình chỉ còn như một sinh vật được nhốt trong một chiếc cũi hiện đại và... có phần sang trọng. Rầm rĩ đâu đây tiếng hổ gầm của Thế Lữ "Gậm một mối căm hờn trong cũi sắt."

Tôi tuổi Bính Tý. "Bính biến vi sư, Bính biến vi tù." Sư thì tôi đã "vi" từ hồi Kháng chiến chống Pháp, khi chưa vào tuổi vị thành niên. Có lẽ tôi có một tội hành chính đáng kể duy nhất trong đời là lúc ấy đã man khai lý lịch qua việc ghi tăng một tuổi để được vào biên chế nhà nước chính thức từ năm 1953. Tôi rời biên chế ngành giáo dục ở Thanh Hóa từ lâu lắm rồi nhưng đúng là do duyên số của cái can Bính nên từ bấy thỉnh thoảng vẫn phải quẩn quanh trên bục giảng ở một trường Đại học nào đấy, cho đến cái trường đại học cuối cùng tôi được đặt chân tới là trường UCLA ở Los Angeles, chỉ mấy tháng trước khi được cho về hưu.

Thế nhưng còn cái sự "vi tù" thì làm sao có thể tưởng tượng là định mệnh có thể "biến" giỏi như thế được? Cả cuộc đời tôi, tôi sống rất chân thành, trong sáng, thực sự với tư chất "phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di." Từ buổi "thập hữu ngũ nhi chí ư học," với sức trai căng đầy nhựa sống, cho đến khi đã quá cái tuổi "nhi nhĩ thuận," chưa hề bị bất cứ hình thức kỷ luật nào chứ đừng nói gì đến những chuyện liên quan đến chốn pháp đình. Tôi cứ lẩn thẩn thống kê, phân tích, lại suy đoán, lý giải... và bất thần liên hệ đến Bùi Công Trừng, Hoàng Minh Chính, Vũ Đình Huỳnh... Hình như các vị này không cùng can Bính với tôi. Vậy thì đây là cái nghiệt ngã của số phận hay cái tàn bạo của chế độ chính trị?

Tỉnh cờ run rủi làm sao, tôi bị giam vào đúng cái phòng trước đây đã giam Hoàng Minh Chính. Những đêm cô quạnh trong cái cũi sang trọng này tôi thường vắt tay lên trán mênh mang buồn nhớ lại những ngày xưa thân ái. Những tháng ròng cơm độn khoai chấm muối gạo (gạo rang tán nhỏ với muối rang) ăn với sung luộc. Những đêm rừng hun hút, trong chiếc lán nhỏ chỉ bằng khoảng bốn cái chiếu, dựng trên những chiếc cột cao đề phòng thú rừng đột kích, hơn chục người phải nằm sát vào nhau, tôi vì được tín nhiệm nên bị phân công nằm ở chỗ phân cách giữa nam và nữ. Những lần tôi đến thăm một đội khảo sát thực địa, đói quá nhưng quý nhau lắm nên anh em tích cực rủ nhau đốt đuốc lần ra tận luống rau muống trồng bên bờ suối hái về luộc lên chấm nước muối mì chính vắt chanh ăn vã, xì xụp đãi tôi... Những người ấy đấy, đã trần lưng trần xác suốt tháng ròng, suốt năm ròng cùng tôi góp phần vẽ nên những tấm bản đồ từ trường trên lãnh thổ mình để định hướng cho công tác tìm kiếm quặng mỏ.

## Tôi nghĩ đến cái chết

Tôi cứ thế triền miên không chỉ nghĩ đến những Nguyễn Hữu Đang, Nguyễn Mạnh Tường, Lê Liêm, Lê Hồng Hà... mà cả một số nào trong những anh em ấy, trong những cựu chiến binh đã từng lăn lộn ở các chiến trường ác liệt nhưng do những hoàn cảnh éo le đã lâm cảnh tội tù, cả những nông dân Thái Bình dũng cảm... Thì ra ai đó đã nói đúng chăng?

"Cách mạng bao giờ cũng ăn thịt những đứa con đẻ của mình." Không, tôi muốn xác quyết rằng điều này chỉ đúng khi bộ phận nào trong đó đã thành tinh, đã đứng bên bờ vực thẳm của địa ngục.

Tôi cứ triền miên trở lại quá khứ tưởng đã vời xa lắm rồi. Gian khổ quá chừng ư? Vất vả quá chừng ư? Dẫu có thế thì cuộc đời này vẫn đáng yêu lắm và nếu được đầu thai thì tôi xin tình nguyện sống lại đúng cuộc đời của tôi đã sống, trên chính đất nước này.

Nhưng rồi, cay đắng sao, tôi đã nghĩ đến cái chết! Phải chăng, âu cũng là như Jules Renard đã từng nhận xét: "Con người là sinh vật duy nhất có khả năng thỉnh thoảng nghĩ về cái chết".

Những bức tường quanh tôi không được trát phẳng mà phun vữa bêtông lởm chởm. Tôi ấn cái đầu tóc đã thưa của mình vào các cục bêtông cứng nhô lên nhọn hoắt dập dập. Không, tôi sợ máu lắm. Vả chăng, nếu không chết được ngay mà cứ quằn quại trong trạng thái dở sống dở chết thì hãi hùng biết bao. Uất ức quá, tôi đành tuyệt thực. Một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày... Lạ quá, sao không ăn gì mà bụng vẫn đau. Thậm chí cứ són phân ra quần. Thì ra, tuy không còn thực phẩm nhưng cái dạ dầy nghiêm túc nhớ chức năng của mình vẫn chuyên cần co bóp và vắt những lớp nhầy cuối cùng bám ở thành ruột, đẩy ra. Cứ canh ba canh tư thì thấy người lả đi với cảm giác sắp được về chốn bồng lai. Vậy mà, sáng sáng vẫn lên phòng thẩm vấn bằng những bước đi ngày một rã rời. Vào đầu những buổi thẩm vấn đó bao giờ tôi cũng thều thào nói không ra hơi. Thế nhưng, lạ thay, chỉ một giờ sau là máu trong tim lại tuôn lên đầu và tôi lại đối đáp dõng dạc, đôi khi còn "khoa tay, múa chân" nữa. Hỏi cung tôi bao giờ cũng là hai công an cấp tá chừng trên bốn mươi. Nói chung họ có học hơn những người hỏi cung mà Trần Thư và Vũ Thư Hiên đã mô tả. Họ có tố chất Javert, thực hiện rất nghiêm túc nhiệm vụ cấp trên giao, nhưng sao tôi vẫn có cảm giác là tôi thuộc về thế hệ họ và sau họ. Rất có thể sớm muộn rồi chính họ sẽ viết hoặc cung cấp những tư liệu, những cảm nghĩ cho các nhà văn nhà báo viết về tôi một cách trung thực.

Ngồi trong phòng cung, đối diện họ, mặc dù hết sức phấn uất trước cuộc khảo tra đáng nhẽ dứt khoát không được phép tiến hành, ngoại trừ hai lần bất thần nổi nóng đập bàn quát tháo vang cả mấy tầng nhà, tôi luôn nhủ mình cố giữ một thái độ đúng mực. Tôi thường trả lời tức khắc các câu hỏi một cách thoải mái, không cần tính toán đắn đo nhưng tuyên bố thẳng thừng rằng: "Tất cả những gì tôi nói thì chắc chắn đúng sự thật, tuy nhiên, không phải cái gì tôi cũng nói ra, đặc biệt là những điều liên quan đến người khác. Đấy là nguyên tắc!" "Nguyên tắc gì?" họ hỏi. Tôi trả lời: "Nguyên tắc của kẻ sỹ."

Để bớt căng thẳng, thỉnh thoảng tôi xin phép họ "mở ngoặc đơn" để kể một ít câu chuyện trong mục" Nói thật về những điều đã từng nói dối." Đó là những chuyện đại loại như vào thuở nào đó, khi được anh em giới thiệu là tiến sỹ say mê sự nghiệp khoa học quá nên chưa lấy vợ nhưng tôi cứ ậm ờ không thành thật cải chính. Thế là, gặp tôi giữa rừng, các cô gái Thái cứ vẫy gọi tíu tít: "Cán bộ đi, tối nhớ về chơi em nhé!" (Tôi xin phiên dịch lại ở đây, sự thật là các cô muốn nói: "Các anh đi làm việc, tối về nhớ qua chơi nhà em nhé.") Hồi tôi mới tốt nghiệp đại học, vào ngành địa chất, kỹ sư thời ấy còn tương đối hiếm. Tôi thường đi công tác cùng chuyên gia Liên Xô. Một hôm ông chuyên gia cùng đi với tôi gặp một chuyên gia Trung Quốc. Ở những năm đầu thập kỷ 60 ấy tất cả các nước xã hội chủ nghĩa còn như môi với răng, nên hai vị rất thắm thiết, hết chuyện địa chất lại chuyện văn học nghệ thuật. Tôi phải làm phiên dịch bất đắc dĩ. Vốn từ Nga, Tàu của tôi chỉ đủ sử dụng trong lĩnh vực chuyên môn là cùng, nhưng để bảo đảm cho hai vị khỏi hụt hẫng, tôi đành bịa. Cứ vị này nói xong một câu thì tôi cũng nói nhưng tôi phải sáng tác ra một câu mà tôi có thể nói được bằng tiếng Nga hay tiếng Tàu, chứ không phải là cậu hoàn toàn đúng ý của vị đó. Thế là, cả hai vị, về căn bản đều chỉ được nói chuyện với tôi nhưng cứ tưởng đang được nói chuyện với nhau một cách thích thú. Chia tay, cả hai vị đều phải cảm ơn tôi "hảo hảo, xpaxibô."

## Sáu ngày sụt năm ký lô

Sau sáu ngày tuyệt thực đầu tiên, tôi sụt năm kilogam. Công an có vẻ rất bối rối. Họ khuyên tôi nên cộng tác tích cực thì công việc mới nhanh được. Thế là tôi đành ăn uống một cách nghiêm túc để có thể cùng họ ngồi trước bàn computơ đến hơn một giờ sáng mà giải trình. Tôi hy vọng sẽ được thả trước ngày thứ chín để khỏi phải làm thủ tục chuyển từ tạm

giữ sang tạm giam. Nhưng, đến hết ngày thứ chín họ lại trao cho tôi lệnh tạm giam bốn tháng. Tôi vô cùng phẫn uất nhưng nghĩ rằng họ đã không có ý lừa để tôi chấm dứt tuyệt thực. Tôi cho là, có những người biết lý lẽ, biết luật pháp đã muốn thả tôi ngay, thậm chí không muốn bắt tôi. Tiếc rằng, có những kẻ quyền thế khác, vốn dĩ đã không ưa tôi, nay lại giận cái ông Nguyễn Trung Trực nào đó, tác giả bài "Góp ý xây dựng Đảng," đến mất cả trí khôn, mất cả nhân tính nên đã muốn băm vằm đâm chém cho hả dạ; muốn đàn áp, trừng trị, đe nẹt không chỉ tôi mà hàng loạt người khác nữa! Ôi, cái cơ chế độc quyền, toàn trị tệ hại đến mức nó xui người ta tự thấy mình có siêu quyền sẵn sàng mặc sức tước bỏ nhân quyền của bất cứ ai tỏ ra không thần phục. Đối với họ, không phải là đất nước, không phải là dân tộc, mà chỉ có chính quyền với cái ghế của họ là quan trọng hơn cả!

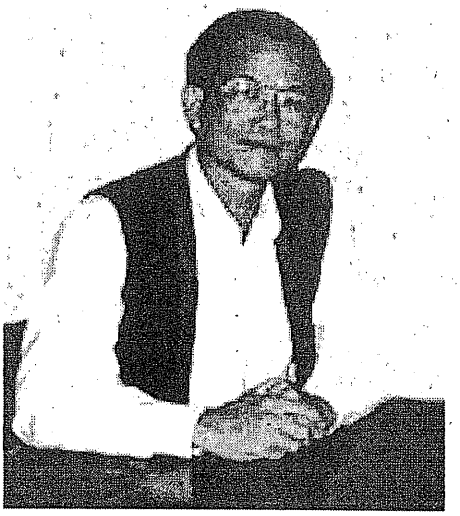

Nguyễn Thanh Giang

Những cai tù ở Trại B14 được gọi cái tên văn hoa là quản giáo. Sự thực, họ không có vẻ dữ dằn. Tất cả đều mang hàm đại úy. Thỉnh thoảng họ đứng lại trò chuyện với tôi qua song sắt. Họ không thô lỗ xấc xược, mà trái lại khi tiếp xúc với tôi, trong ánh mắt họ tôi chủ quan thấy dường như có sự thương mến hay là cảm phục nào đó. Trong lúc chuyện trò, rất nhiều người liên hệ đến bí thư tỉnh ủy Vĩnh Phú Kim Ngọc và thường an ủi tôi hãy cố gắng giữ gìn sức khoẻ để mong chờ và tin tưởng. Tôi tập thể dục và tập dưỡng sinh nhiều hơn khi ở nhà. Trong căn phòng chỉ 16 mét vuông ấy tôi cố gắng đi bộ mỗi ngày ít nhất một kilomet, kể cả ngay sau khi ngừng tuyệt thực. Tôi tranh thủ mối thiện cảm của các quản giáo để xin được ưu tiên giữ tờ báo Nhân Dân từ cuối giờ chiều hôm trước đến ngày hôm sau. Đọc được tin thủ tướng Phan Văn Khải sắp đi thăm Nhật Bản và Australia, tôi khấp khởi trông mong và tin chắc là mình sẽ được thả muộn nhất là vào trước ngày Thủ tướng lên đường. Thế rồi, tôi đã thất vọng và buồn phiền không phải chỉ vì được tin Thủ tướng đi tới đâu cũng bị biểu tình phản đối mà ngạc nhiên thấy Thủ tướng nước mình lần này không được đón tiếp long trọng ngay khi đặt chân tới đất khách mà lại đi thăm đình chùa, danh thắng ở Nhật hoặc đến các bang xa xôi ở Úc trước khi tiếp kiến các nguyên thủ. Không, tôi không tin là các vị lãnh đạo tối cao đương chức của Đảng, của Nhà nước, của Quốc hội, của Chính phủ ta lại không đủ tỉnh táo, lại cố chấp, lại nỡ hy sinh cả quyền lợi đất nước, quyền lợi dân tộc cho việc bảo toàn "danh dự" cá nhân hoặc giải nguôi cơn thịnh nộ của mình. Vậy thì cái sức uy hiếp của thế lực nào đây, cái khuyết tật nào trong cơ chế vận hành đã không cho phép xử lý tình huống một cách hợp lý và kịp thời để có thể tránh lỗi lầm đạt được kết quả tốt đẹp mong muốn? Trong lịch sử, ta từng thấy có những nhà cầm quyền chỉ vì để giải toả cơn thịnh nộ cá nhân, chỉ vì ngoan cố bám giữ một thiên kiến, đã không ghê tay vắt kiệt mồ hôi, nước mắt, kể cả máu của nhân dân mình. Họ không ngần ngại phóng tay "Giãi thây trăm họ làm công một người." Tôi rùng mình ghê sợ khi nghe tin người ta huy động hàng trăm người trong đó có cả những nhà khoa học nổi tiếng bằng hai bàn tay không ra đứng giữa trời, đương đầu với bom đạn chỉ để giữ một cây cầu! Trong số những người ra đứng đó chắc không có Slobodan Milosevic hay vợ con ông ta. Sao ông ta lại đồ tể đến mức không những không có biện pháp hoà giải hữu hiệu mà còn kích động người Serbia tàn sát người Anbani-Cosovo đã man đến thế! Vậy mà người ta cũng ủng hộ ông này được ư!? Chiến tranh bao giờ cũng là sự tồi tệ cần triệt để tránh nhưng vì thiếu thông tin, thiếu tư liệu nên tôi không biết có phương cách khả thi nào có thể giải quyết vấn đề Nam Tư tốt đẹp hơn không?

## Linh tính

Tôi viết bốn bức thư gửi công an cầm tay về gia đình nhưng ở nhà chỉ được nhận có hai mặc dù trong đó không hề viết tý gì liên quan

đến nội dung vụ án. Hoá ra là chỉ vì mấy câu tâm tình của tôi đại loại như: "Ba tin rằng cái hạt cứng bị vùi xuống đất đen sẽ nẩy mầm và đơm hoa tươi thắm." Thế có khổ cho tôi không!

Tôi xin viết thư cho các đồng chí lãnh đạo, mấy ông công an tỏ ý không bằng lòng. Tôi đành mánh khoé xin được ngồi một mình trong phòng cung cho tĩnh tâm để viết và nói lập lờ như sẽ viết bản nhận tội. Họ đếm cẩn thận từng tờ giấy phát cho tôi. Cuối buổi khi công an mở khóa cửa, tôi nộp cho họ thư gửi bốn vị lãnh đạo tối cao. Song, chờ mãi không thấy động tĩnh gì, thần kinh căng thẳng, uất ức quá chừng, tôi quyết định tuyệt thực lần thứ hai, kể từ 21 tháng 4. Từ lúc bị bắt giam, nói chung, tôi không muốn vợ con đến thăm, đặc biệt là các cháu nhỏ nhưng trước ngày bắt đầu đợt tuyệt thực quyết liệt này, tôi nhiều lần nằn nèo thống thiết mà họ không hề nao núng, nhất quyết không cho gặp ai cả. Tôi vật vã trăn trở, xót xa. Hồi nhỏ tôi rất hay mơ. Cho đến những năm xấp xỉ tuổi 50 thỉnh thoảng vẫn còn thấy lặp lại những giấc mơ bay bổng lên chơi vơi. Nhưng đã lâu lắm rồi tôi hầu như không nằm mơ nữa. Vậy mà dịp này cứ vừa chợp mắt là lại thấy vợ, thấy con, thấy cháu nội, cháu ngoại chạy oà tới rồi vấp ngã kêu khóc inh ỏi. Thế là giật mình tỉnh dậy thao thức không thể nào ngủ lại được. Nước mắt chẩy ra giàn giụa.

Hình như linh tính là có thật. Linh tính càng hiện hữu mạnh mẽ khi có "đồng khí tương cầu." Vào khoảng những ngày này, mặc dù bên ngoài trại giam không hề được loan truyền bất kỳ tin tức nào về tôi, ông Hoàng Hữu Nhân, cựu Bí Thư Thành Ủy Hải Phòng, nguyên Trưởng Ban Công Nghiệp Trung Ương Đảng đã khẩn trương cảnh báo thiếu tướng Phạm Chuyên, giám đốc Sở Công An Hà Nội về khả năng tuyệt thực của tôi. Rồi thì, đúng ngày 21 tháng 4, 1999 là ngày tôi bắt đầu tuyệt thực lần thứ hai, ông cảm thấy nôn nao không chịu nổi, đã quyết định gửi thư cho Bộ Chính Trị. Ông viết: "Tôi khẳng định Thanh Giang là người tốt, thẳng thắn, rất nhiệt tình, sôi nổi, muốn đóng góp ý kến với Đảng và Nhà nước... Ra toà, theo điều luật 205a với nội dung khá chung chung, trừu tượng thì quan toà cũng có thể phân tích là T.G lưu giữ và tán phát tài liệu đó (tức là bản "Góp ý xây dựng Đảng" của Nguyễn Trung Trực) là phạm pháp để lên án; nhưng bị cáo và luật sư cũng có cơ sở để phân tích là không phạm pháp... Dư luận trong nước, ngoài nước đang theo dõi sẽ không đồng tình việc xử án đó. Đảng và Nhà nước ta sẽ mang tiếng là tiếp tục thi hành chính sách đàn áp trí thức có ý kiến khác..."

Đúng vậy, sau một tháng, ban ngày trả lời thẩm vấn, ban đêm tranh thủ đọc kỹ bộ Luật Hình Sự, tôi đã khẳng định với công an rằng tôi dứt khoát không phạm bất cứ điều luật hình sự nào của nước ta. Tôi yêu cầu hoặc phải trả tự do ngay cho tôi, hoặc phải sớm đưa tôi ra toà xử công khai. Tôi cảnh báo đanh thép rằng: "Nếu dám tổ chức phiên toà công khai như thế thì chắc chắn tôi sẽ đi vào lịch sử. Hoàng Văn Thụ, Lý Tự Trọng... đã đi vào lịch sử đấu tranh giành độc lập dân tộc thì tôi sẽ đi vào lịch sử đấu tranh vì tự do dân chủ cho nhân dân tôi." Cái giọng tự tôn huênh hoang đó thực tình là đáng xấu hổ, tuy nhiên, trong hoàn cảnh bất đắc dĩ này tôi đành sử dụng như một vũ khí răn đe.

Đưa tôi ra tòa vì những bài viết của tôi ư?

Tôi đã viết hàng chục năm nay. Bài nào tôi cũng ghi tên và địa chỉ rõ ràng. Bài nào ngoài việc gửi cho các báo và tạp chí của Đảng, tôi cũng gửi cho nhiều đồng chí Ủy viên Bộ Chính Trị, Ủy Viên Trung Ương Đảng, kể cả Tổng Bí Thư. Nhiều bài đã đăng trang trọng trên trang nhất báo Nhân Dân, nhiều bài hiện nay tạm thời chưa tiện đăng hoặc chưa dám đăng. Có bài, báo khác ngại không đăng nhưng khi Cố Vấn Phạm Văn Đồng tình cờ phát hiện đưa giới thiệu với báo Nhân Dân thì báo này rất trịnh trọng đăng nguyên văn, mặc dù bài báo có độ dài quá cỡ so với các bài thông thường trên báo.

"Nhân vô thập toàn." Một trăm việc làm, thế nào cũng có việc sai sót. Một trăm câu nói, thế nào cũng có lúc sẩy miệng. Nghị quyết Trung Ương Đảng còn có khi sai nữa là. Huống chi, tôi đã viết tới trên 500 trang sách in. Nhiều người tỉnh táo, sáng suốt, khách quan đều đánh giá rằng những bài viết của tôi biểu hiện một ý thức trách nhiệm cao, một tinh thần xây dựng mạnh mẽ và thực sự đã có đóng góp không nhỏ cho nhân dân, cho đất nước, kể cả cho đảng Cộng sản Việt Nam. Nếu trí thức nước ta không vì quá sợ hãi trước thực tế trấn áp vừa tinh vi vừa tàn bạo thì không chỉ có tôi mà chắc chắn đã có rất nhiều kế sách hay, nhiều ý kiến sáng suốt hơn hẳn tôi đã được dâng tấu. Như vậy, rất có thể nước ta đã tránh được tối đa những lầm than cơ cực vì

cứ phải "tìm những nỗi đoạn trường mà đi." Thế mà, người ta đã đầu tư rất nhiều công sức bới lông tìm vết, phát hiện cho được những sơ hở của tôi rồi thổi phồng lên với hy vọng trù diệt tôi cho được. Sao lại gian trá đến thế này! Tôi hiến cho nhân dân nồi cơm Thạch Sanh, nồi cơm đó ăn sống người, sao chỉ nhặt ra những hạt sạn và bố cáo ầm ĩ rằng tôi ám hại nhân dân bằng toàn sỏi cát? Tôi dâng Đức Vua bình rượu bổ trường sinh, sao chỉ chiết từ trong đó một ly, ty nọc rắn rồi lu loa lên rằng tôi đầu độc vua?

Vả lại, nếu tôi phải ra toà vì những bài viết đó thì tôi sẽ yêu cầu nhiều quan chức cao cấp đã từng được tôi trân trọng đệ trình những bài viết đó cùng đứng chung vành móng ngựa với tôi để chịu tội ghi ở điều 19 Bộ Luật Hình Sự: Tội không tố giác tội phạm.

Tôi đã viết những gì qua các trang viết đó? Tất nhiên tôi không viết một cách vô thưởng vô phạt, không ăn theo nói leo, không viết chỉ vì nhuận bút, chỉ vì đồng lương, thậm chí vì mưu cầu lên lương lên chức. Tôi viết đến hao kiệt cả nơron, cả hồng cầu của mình.

Đâu phải chỉ một nhà văn nào đó thấy được "những câu chữ tâm huyết như máu rỏ lên trang giấy "của tôi.

Cách đây năm sáu năm tôi từng tha thiết khuyến nghị sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa hãy ưu tiên trước hết cho nông thôn, hãy khoan bớt sự vội vàng tập trung đầu tư hình thành các tam giác đô thị đồ sộ để từng bước nhanh chóng xây dựng và củng cố cơ sở hạ tầng cho nông thôn, tôi đã đề suất thành lập Bộ Phát Triển Nông Thôn. Năm 1992 khi "Thảo luận về dự thảo sửa đổi hiến pháp Việt Nam 1980" tôi từng băn khoăn thổ lộ: "một chương như Chương 3, gồm tới bốn vấn đề lớn: văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ mà chỉ gồm 13 điều. Tại sao du lịch chỉ là một trong các hình thức văn hóa - thể thao lại cần phải dành riêng cả một điều cho nó?" Quả nhiên đến nay, trường học, bệnh viện, cơ sở nghiên cứu khoa học... thì xơ xác tiêu điều, trong khi ngồn ngộn nhiều khách sạn hầu như bỏ không. Người ta hý hửng tháo khoán cho những kẻ thân tín của mình nhao nhao biến thành tư bản đỏ để nhỡn tiền chúng đang "sập tiệm" và rất có thể rồi ra chúng sẽ bị nhân dân treo cổ. Tôi không hề cực đoan, không đòi tư nhân hóa ồ ạt và triệt để nhưng tôi không thể bỏ qua sự hoang tưởng ngớ ngẩn khi người ta đưa vào dự thảo báo cáo chính trị Đại Hội VIII cái chỉ tiêu năm 2001 kinh tế quốc doanh phải chiếm tỷ trọng 60% GDP. Tôi không thể đồng tình với cái khẩu lệnh thôi thúc tư bản hóa máu mê hơn cả ở những nước tư bản: Đảng viên cũng phải biết làm giầu! Tôi không thể không bầy tỏ sự ngạc nhiên trước cái lạnh lùng như là tàn nhẫn khi nghị quyết của hội nghị lần thứ 7 ban Chấp Hành Trung Ương khóa VII nhận định: Giá nhân công tương đối rẻ là lợi thế quan trọng để phát triển đất nước v.v...

Thế đấy! Thế mà người ta dám cả gan lu loa lên rằng tôi phản động, tôi chống chủ nghĩa xã hội. Ý người ta là chỉ được nói thầm cho riêng họ nghe thôi. Nói đàng hoàng, nói công khai là chống! Họ thường đem "con ngáo ộp kẻ địch lợi dụng" ra để đe nẹt. Đưa tôi ra tòa vì bản "Góp ý xây dựng Đảng" ư?

Liên quan việc này thì may lắm chỉ quy được tôi vào tội thuộc điều 117: "Bịa đặt hoặc loan truyền những điều biết rõ là bịa đặt nhằm xúc phạm danh dự hoặc gây thiệt hại đến quyền lợi của người khác." Thế nhưng, trước hết, tôi không phải là Nguyễn Trung Trực cho nên tôi không chịu trách nhiệm gì về chuyện bịa đặt hay không bịa đặt. Thứ hai, muốn xác định rõ đây có phải là những điều bịa đặt hay không thì cần tổ chức xác minh. Thú thật, đọc bài viết đó, trước những tư liệu cung đình rất phong phú, tôi nghĩ ngay rằng tác giả ít ra cũng phải là một vị tướng lĩnh nào đó đã từng tham gia ban chấp hành trung ương Đảng cho nên nói chung là tôi tin. Dẫu sao, trừ những cá biệt tồi tệ, tôi không thích phê bình theo lối đả kích hàng loạt cá nhân. Đối với một số nhân vật mà tôi đã có dịp quen biết hoặc hiểu được qua nhiều luồng thông tin thì tôi càng cho rằng thái độ gay gắt của người viết là không thoả đáng. Vả lại, ngay một lúc đòi khai trừ hàng chục ủy viên Bộ Chính Trị và ủy viên Trung Ương Đảng thì giải quyết được cái gì? hay chỉ nói cho sướng miệng! Ở ta hiện nay nói chung vai trò cá nhân không có mấy giá trị quyết định. Vấn đề là phải bàn thảo được, tác động được vào việc sửa đổi, uốn nắn những gì thuộc chủ trương, đường lối, chính sách. Vẫn cơ chế, vẫn nhận thức tư tưởng như thế này thì bất cứ ai ngồi vào những vị trí đó cũng phải hành động, phải ăn nói không khác gì những người đang bị phê phán. Song le, tuy có những suy nghĩ bất đồng như vậy tôi vẫn tích cực tán phát bài viết đó vì tôi thấy ở đây có nêu lên được một số vấn đề

quan trọng rất cần được lưu tâm giải quyết. Đúng như Nguyễn Trung Trực phản ảnh trong "Góp ý xây dựng Đảng," đã từ lâu trong đảng viên, trong quần chúng tồn tại âm ỉ một số dư luận liên quan đến sự đối xử tồi tệ với vị đại quốc công thần Võ Nguyên Giáp, với cái chết bí hiểm của các vị tướng tài năng Hoàng Văn Thái, Lê Trọng Tấn, với việc cựu tổng bí thư Đỗ Mười nhận "quà biếu!" hơn một triệu Đôla của tư bản Hàn Quốc, với trách nhiệm của những quyết định dẫn đến tình trạng đất nước bị cô lập đẳng đẵng, bỏ phí thời cơ 1975, kìm hãm đất nước trong trì trệ, đói nghèo, tiếp tục tụt hậu so với ngay cả các nước trong vùng Đông Nam Á, v.v... Những nghi vấn ẩn ức này như nung ủ những chiếc nhọt bọc nhức nhối trong xã hội, tàn phá lòng tin con người, tạo nguy cơ gây chia rẽ, dẫn đến sụp đổ. Tôi còn tâm đắc với ý kiến tác giả "Góp ý xây dựng Đảng" đề xuất giải tán Ban Cố Vấn. Còn gì vô lý cho bằng trong khi cả bốn đồng chí lãnh đạo mới đều khỏe mạnh hơn, sáng suốt hơn, học vấn hơn, có khả năng cập nhật những kiến thức đáp ứng mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa hơn lại nhất nhất phải bị kèm cặp bởi các đồng chí đã quá già yếu cũ kỹ. Nói là trẻ nhưng các đồng chí lãnh đạo hiện nay cũng đã quá cái tuổi "ngũ thập tri thiên mệnh" từ lâu, nay đều đang ở cái tầm "lục thập nhi nhĩ thuận" rồi. Cả ba cuộc kháng chiến các đồng chí ấy đều từng nếm trải chứ đâu đến nỗi không biết gì. Nếu cần bảo trợ bằng uy tín thì phải cái cỡ khai quốc công thần như Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng kia chứ! Nặng nề đến như Trung Quốc mà từ năm 1992, Đại Hội Đảng Cộng Sản Lần Thứ XIV cũng đã quyết định không duy trì Ủy Ban Cố Vấn nữa. Tôi không chỉ băn khoăn về gánh nặng chi tiêu tài chính của quốc gia như Nguyễn Trung Trực đã thổ lộ mà lo ngại chính là về tình trạng "lắm cha con khó lấy chồng" có thể đã hoặc sẽ xảy ra làm nguy hại cho đất nước.

## Thế nào là Chủ nghĩa Xã hội?

Vâng, tôi đã tán phát bài "Góp ý xây dựng Đảng" và nhiều bài khác. Điều đó có sao đâu. Điều 69 Hiến Pháp Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đã bảo đảm rằng: "Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí; có quyền được thông tin ..." Nhà nước ta lại đã ký kết Công Ước Về Các Quyền Dân Sự Và Chính Trị, cam kết tôn trọng điều 19 Bản Tuyên Ngôn Nhân Quyền Quốc Tế: "Mỗi người đều có quyền tự do có ý kiến và phát biểu; quyền này cho phép bất cứ ai đều không phải lo ngại về những ý kiến của mình. Nó bao gồm cả quyền tìm kiếm, thu nhận và truyền bá các thông tin và ý tưởng, bất chấp biên giới, bằng bất cứ phương tiện nào." Tán phát những bài viết của tôi, của các vị lão thành cách mạng, các cựu chiến binh, các công dân nhằm biểu đạt tư tưởng, chính kiến, nhằm phê bình hay đóng góp ý kiến với Đảng, với Chính Phủ là việc làm không thể xem là phạm pháp, không ai được ngăn trở, đe dọa.

Quy kết tôi vào "Tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, của tổ chức xã hội, hoặc của công dân" thuộc điều 205a không xong (Hay họ còn tiếc rẻ là quá nhẹ, vì tội này nặng nhất chỉ ba năm tù), họ lại rắp tâm quy tôi vào "Tội tuyên truyền chống chế độ xã hội chủ nghĩa." Hãy đọc rõ lại điều 82 này ở Bộ Luật Hình Sự:

1- Người nào có một trong những hành vi sau đây nhằm chống chính quyền nhân dân thì bị phạt tù từ ba năm đến mười hai năm:

a) Tuyên truyền xuyên tạc chế độ xã hội chủ nghĩa;

b) Tuyên truyền những luận điệu chiến tranh tâm lý, phao tin bịa đặt, gây hoang mang trong nhân dân;

c) Làm ra, tàng trữ, lưu hành các tài liệu, văn hóa phẩm có nội dung chống chế độ xã hội chủ nghĩa.

2 - Phạm tội trong các trường hợp đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù từ mười năm đến hai mươi năm."

Nếu người ta không muối mặt dẫm lên đạo lý; nếu tòa ra tòa, biết bảo vệ công lý và tôn trọng sự công minh thì ai dám kết tội tôi cho được. Bởi vì:

Trước hết, làm sao xác định được thế nào là chủ nghĩa xã hội? Người không chỉ thẳng tay truy quét tư sản mà còn hăng hái quyết tâm tiêu diệt công thương nghiệp tư bản tư doanh đúng hay người thống thiết kêu gọi tư bản ngoại quốc vào liên doanh liên kết để bóc lột lao động Việt Nam đúng? Người kịch liệt phê phán bí thư tỉnh ủy Vĩnh Phú Kim Ngọc có giáo lý XHCN hay người chủ trương Nghị Quyết Trung Ương 10 có giáo lý XHCN? Đã không xác định được thế nào là chủ nghĩa xã hội thì làm sao quy kết được hành động nào, ý tưởng nào là chống chế độ xã hội chủ nghĩa?

Suốt cuộc đời, đến tận ngày nay, tôi đã đổ

mồ hôi, sôi nước mắt cùng nhân dân tôi, đất nước tôi nên chắc chắn lương tri sẽ phỉ nhổ nếu ai đó đang tâm gán ghép tôi là chống chính quyền nhân dân. Dù xảo trá đến mấy cũng không thể chứng minh được những tài liệu tôi đã làm ra, những gì tôi đã viết ra là nhằm chống chủ nghĩa xã hội. Nếu chủ nghĩa xã hội được xem như một ước lệ tốt đẹp cần hướng tới thì tôi chính là người chống lại những cặn bã, những rơm rác đang làm bẩn lý tưởng đó, tôi chống lại bọn lưu manh chính trị đang lợi dụng mỹ từ xã hội chủ nghĩa để lừa bịp nhân dân, phá hoại tổ quốc. Hãy đừng để nhà chí sỹ Phan Bội Châu phải chết đau lòng một lần nữa trước cảnh nghịch đạo mà cụ từng phải chứng kiến:

*"Ma cường quyền đắc thế sính hung uy;*

*Thần công lý bó tay nghe tử tội"*

## Giận cá chém thớt

Uất ức bao nhiêu trước cái tệ giận cá chém thớt. Giận ông Nguyễn Trung Trực người ta "chém" tôi. Càng đau đớn bao nhiêu khi giận tôi, người ta "chém" vợ, "chém" con tôi. Bắt tôi đi, họ cắt luôn điện thoại. Cái điện thoại của cả nhà sử dụng chứ có phải của riêng tôi đâu. Càng phi lý khi điện thoại không đứng tên tôi mà là tên vợ tôi. Vợ tôi được cơ quan mắc riêng từ hồi bà ấy trong cương vị Chánh Văn Phòng, Ủy Viên Ban Bí Thư Trung Ương Hội Liên Hiệp Phụ Nữ Việt Nam. Bấy giờ điện thoại riêng còn hết sức hiếm, đến nỗi cả mấy dãy nhà trong khu tập thể cũng được nhờ vả. Khi nổi khùng lên mà lại có quyền có thế, người ta không còn biết thương ai, không còn biết nể ai cả!

Hai chiếc computơ, một chiếc vợ tôi vừa xách đi công tác từ Hà Giang về, một chiếc là công cụ chung của cả con gái tôi, con dâu tôi, đặc biệt là con giai tôi rất cần cho công việc thường xuyên cũng bị đem đi. Con giai tôi phải chấm dứt hợp đồng, rời khỏi Viện Khoa Học Dầu Khí. Người ta có thể biện giải trí trá cách này cách khác, nhưng làm sao có thể trả lời câu hỏi: Các nước tiên tiến có cần viện trợ đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật cho Việt Nam nữa không khi mà một thanh niên hiền lành, chân thực, trẻ (sinh 1967), khoẻ (nặng 80kg, cầu thủ bóng tròn nghiệp dư), thạc sỹ Địa Vật Lý đầu tiên và duy nhất được đào tạo từ Mỹ về mà không sử dụng?

Con gái tôi, thạc sỹ Dân số học từ Ấn Độ về liền được mời lên làm thư ký riêng cho bà thứ trưởng Bộ Lao Động Thương Binh Và Xã Hội, công an đến nhắc khéo, người ta đành đưa con gái tôi đi "tăng cường cán bộ có năng lực cho Trung Tâm Nghiên Cứu Lao Động Nữ của Bộ." Chỉ sáu tháng tập sự, con gái tôi được quyết định vào biên chế nhà nước. Đây là một ngoại lệ hiếm hoi so với thông thường ít nhất cũng là hai năm trong tình hình hiện nay. Nhưng tôi biết, có ân huệ đó chẳng qua là vì yêu cầu công việc, người ta muốn giữ chân con gái tôi ở đấy.

Vậy mà, khi tôi bị bắt, công an gọi con gái tôi lên "hỏi han." Họ mập mờ nhứ nhứ vào mặt con gái tôi một bức thư từ nước ngoài gửi cho tôi để tung hỏa mù, buộc con gái tôi phải hiểu rằng nó đang là con của một tên gián điệp hay phản quốc gì đó. Bộ trưởng đã ký quyết định cử con gái tôi đi trình bầy báo cáo khoa học ở một Hội Thảo Quốc Tế tại Đài Loan nhưng bỗng nhiên chuyến đi bị hủy bỏ. Đang sống với một tập thể đầy yêu thương, trìu mến, vậy mà con gái tôi đành lẳng lặng nộp đơn thi tuyển vào Tổ Chức Bảo Trợ Nhi

Đồng Quốc Tế của Vương Quốc Anh để rồi phải vượt qua 80 người dự tuyển mới được nhận việc.

Ở trên đời, có thật những "Chuyện ngựa Tái ông." Bình thường, Bộ LĐTBXH không thể nào dễ dàng cho con gái tôi đi, nhưng khi tôi bị bắt, bà Bộ trưởng LĐTBXH mặc dù rất mến mộ, thân thiết con gái tôi nhưng đành thả cháu đi cho đỡ phiền phức. Sang cơ quan mới, cháu không những được làm việc trong môi trường tốt hơn mà còn được nhận khoản lương cao gấp mười lần ở Bộ LĐTBXH. Một đồng nghiệp từng chứng kiến nhiều cuộc trầm luân của tôi rút ra một nhận định tổng hợp: "Anh tài thật, cứ mỗi lần người ta dìm anh xuống một nấc thì anh lại bật cao lên hai ba nấc." Tôi nghĩ không phải do tài giỏi mà hình như có Trời Phật phù hộ độ trì thế nào ấy, không chỉ có hiện tượng tôi vượt qua được trắc trở, nguy khốn mà những kẻ trực tiếp gây sóng gió cho tôi nếu không bị trừng phạt nặng nề thì cuộc đời từ bấy cũng chẳng ra sao cả. Cho nên tôi thường khuyên con cái hãy ăn ở cho có nhân, bởi vì "người mà có đức, muốn phần vinh hoa."

Cái chính sách "Tru di tam tộc" vừa mông muội, vừa tinh vi vô cùng tàn nhẫn này đang phát huy tác dụng rất khốc liệt. Nhiều người ngậm ngùi phân trần với tôi: "Chúng tôi cũng nghĩ và cũng thấy phải nói, phải viết như anh nhưng hèn quá. Chẳng qua chỉ vì sợ mất miếng cơm manh áo, sợ con cháu bị trù diệt!" Thế là các báo cáo cứ đắc ý biểu dương thành tích ổn định chính trị, trong khi xã hội rã rời đau đớn trong căn bệnh ung thư mà không dám kêu, thấy sâu mọt đục khoét trong bộ máy chính quyền mà cứ đành làm ngơ!

## Tất cả đã không im re

Ngày 10 tháng 5 năm 1999, tôi được rời trại B 14 về nhà, sau 66 ngày giam cầm. Trong tù tôi cũng nghĩ như ai đó từng nghiến răng phán bảo: "Đánh xong Trần Độ, diệt nốt Thanh Giang thì tất cả sẽ im re!" Cho nên, điều ngạc nhiên và xúc động nhất khi ra tù là tôi được biết tất cả đã không im re, tất cả đã không vì thất đảm mà bỏ tôi. Đại tá, sử gia Phạm Quế Dương dõng dạc tuyên bố và được các đài phát thanh nước ngoài loan tải rộng rãi: "... ai cũng phản đối việc bắt bớ Nguyễn Thanh Giang qua hai dạng. Một dạng bày tỏ công khai như tôi đây chẳng hạn.

Kiểu thứ hai là phản ứng ngấm ngầm, chưa phải lúc nói ra. Điều bất mãn chống đối ngấm ngầm mới là đáng sợ. Có nghĩa là nước này không có dân chủ. Tựu trung là đại đa số, ai cũng chống lại quyết định độc đoán này của nhà nước." Nhà văn Hoàng Tiến gửi hai thư ngỏ tới các vị lãnh đạo Đảng, Nhà nước và các cơ quan thông tấn báo chí. Ông viết: "Nhà khoa học Địa Vật Lý Nguyễn Thanh Giang đã bị bắt chiều ngày 4-3-1999. Ông là tác giả của nhiều bài viết gửi các nhà lãnh đạo Việt Nam nói về đường lối phát triển đất nước, về kinh tế, về khoa học, về giáo dục, và nhất là về tổ chức một xã hội dân chủ, tôn trọng quyền làm dân, quyền làm người, những quyền đã được pháp luật quốc tế và pháp luật trong nước ghi nhận...

Sách xưa viết: 'Trung ngôn nghịch nhĩ.' Nhiều vụ án oan uổng cũng chỉ vì cái tội nói thẳng này. Chúng tôi nghĩ, chính quyền bắt ông Nguyễn Thanh Giang thì sẽ có một ông Nguyễn Thanh Giang khác. Nếu bắt hết các ông Nguyễn Thanh Giang, thì lại có những trí thức khác làm cái công việc của ông Nguyễn Thanh Giang. Vì cuộc đời vẫn cần giai tầng trí thức... Theo chỗ tôi biết, điều kiện để được tối huệ quốc là vấn đề nhân quyền. Ta nên vì quyền lợi của đất nước, thả ông Nguyễn Thanh Giang, đổi lấy tối huệ quốc..." Rất nhiều, rất nhiều người đã vì công lý, vì yêu quý tôi, vượt qua sợ hãi, bất chấp sự răn đe của cường quyền, xả thân vì tôi. Ơn này tôi xin ghi tạc và mong ước sẽ có dịp đền đáp.

Rất nhiều, rất nhiều những người khác, những tổ chức khác, không chỉ ở trong nước mà ở cả nước ngoài, cả các tổ chức quốc tế cũng bầy tỏ mối quan tâm sâu sắc đến tôi. Hàng chục ngàn người trên thế giới xuống đường biểu tình, hàng chục ngàn trí thức, các nhà khoa học, học sinh, sinh viên người Việt và người nước ngoài ký tên vào các bản lên tiếng ủng hộ tôi. Ông Brian Russell, chủ tịch Hội Địa Vật Lý Mỹ gửi thư cho chủ tịch nước Trần Đức Lương; Viện Hàn Lâm Khoa học Nữu Ước gửi thư cho thủ tướng Phạm Văn Khải; cho bộ trưởng ngoại giao Nguyễn Mạnh Cầm, cho bộ trưởng công an Lê Minh Hương; Bộ Ngoại Giao Mỹ ra tuyên bố: "... Việc bắt giam ông Giang là một biến cố đáng lo ngại và chúng tôi kêu gọi nhà cầm quyền Việt Nam phải thả ông ra ngay lập tức và vô điều kiện!"; ông Oliver Dupuis, nghị sỹ nghị viện Châu Âu gửi thư cho chủ tịch Trần Đức Lương; ông Michel Pelchat, thượng nghị sỹ Pháp gửi thư

cho tổng bí thư Lê Khả Phiêu, cho chủ tịch Trần Đức Lương, cho Đại Sứ Quán ta tại Pháp; Ông Ann K. Cooper, giám đốc điều hành Ủy ban Bảo Vệ Các Ký Giả Quốc Tế gửi thư cho chủ tịch Trần Đức Lương, cho bộ trưởng Nguyễn Mạnh Cầm, cho TBT Lê khả Phiêu; bà Francoise Grossetête, nghị sỹ Châu Âu gửi thư cho đại sứ quán ta tại Pháp; Ông John Hepworth, chủ tịch Ủy Ban Nhân Quyền Úc gửi thư cho chủ tịch Trần Đức Lương; Ân xá Quốc tế Úc gửi bản tuyên bố cho thủ tướng Phan Văn Khải, cho bộ trưởng Lê Minh Hương; hai thượng nghị sỹ Mỹ rất quen biết đối với Việt Nam, John Kerry và John McCain gửi thư cho đại sứ Lê văn Bàng; ông Robert Menard, tổng thư ký Tổ Chức Ký Giả Không Biên Giới gửi thư cho tổng bí thư Lê Khả Phiêu; các ông Mark Mosee, Bob McDecmott, Sam Slow, nghị sỹ Quốc Hội Hawaii gửi thư cho chủ tịch Trần Đức Lương; Ủy Ban Luật Pháp Quốc Hội Úc gửi thư cho thủ tướng Phan Văn Khải; thượng nghị sỹ Mỹ Tom Campbell gửi thư cho đại sứ Lê Văn Bàng; Hội Bằng Hữu Texas Vì Việt Nam Tự Do ra thông cáo; ông Edward R. Royce, phó chủ tịch Tiểu ban Á Châu - Thái Bình Dương thuộc Quốc Hội Mỹ gửi thư cho đại sứ Douglas Peterson, yêu cầu can thiệp; tổ chức quốc tế Human Rights Watch ra thông báo khẩn cấp; bà Francoise Hostalier, cựu tổng trưởng, đại biểu quốc gia của đảng Dân Chủ Tự Do Pháp gửi thư cho sứ quán ta tại Pháp; bà Loretta Sanchez cùng 26 Nghị Sỹ Quốc Hội Mỹ cùng ký tên vào một bức thư gửi cho thủ tướng Phan Văn Khải v v...

Cảm động biết bao trước tấm lòng ưu ái từ bốn biển năm châu. Đây mới thực là"tứ hải giai huynh đệ"! Đây mới thực là "L'Internationale!" Muôn năm tinh thần Tuyên Ngôn Nhân Quyền Quốc Tế!

Do hạn hẹp nguồn thông tin, do sự ngăn trở của hoàn cảnh thực tế, tôi đã không gửi được thư cảm ơn đầy đủ, tôi xin đa tạ và bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến tất cả, tất cả.

## Lén lút loan tin bịa đặt

Oái oăm thay, người ta đã lợi dụng xuyên tạc sự ủng hộ mạnh mẽ và vô tư này của quốc tế để mập mờ vu cáo tôi. Người ta lén lút loan tin bịa đặt rộng rãi trong cả nước, đặc biệt là về quê hương bản quán, về nơi cư ngụ, về các cơ quan công tác v v... của tôi, của vợ con tôi. Họ xảo trá thâm độc đến mức làm cho hầu hết họ hàng thân thích, đồng hương, đồng nghiệp... hiểu rằng tôi là CIA, là đã làm tay sai cho nước ngoài để được nhận mỗi tháng ba ngàn Đôla! Cho tới gần đây Đào Duy Quát vẫn đi khắp đó đây rỉ rả bôi nhọ tôi. Cái lối nói bạt mạng, vô trách nhiệm, vô căn cứ của ông này làm cho đến nỗi một học trò cũ của tôi, lớn tuổi hơn ông ta, tham gia cách mạng trước ông ta, phải thốt lên: "Hàm hồ quá! khiếm nhã quá! Sao Đảng lại dùng một con người như thế làm công tác Văn Hóa Tư Tưởng!"

Thật vậy, không hiểu do đâu người ta thâm thù cá nhân tôi tệ hại đến thế! Họ đầu tư công của tốn kém, nghiên cứu tỉnh tình, tung tích, hành vi của tôi thật kỹ để lợi dụng khai thác. Tất cả đều vô hiệu. Không phải vì tôi luôn canh chừng, cảnh giác mà vì cái bản tính của tôi nó như thế: thuốc lá, trà, rượu, đàn bà, tiền bạc, miếng ngon, của lạ ... đều không quá hám, nên giăng bẫy tôi thật khó. Họ đành thì thụt loan truyền rất công phu rằng tấm bằng Hàn Lâm Khoa Học Nữu Ước của tôi là bằng giả. Họ bảo "bằng không có dấu," làm cho người hiểu biết không thể nhịn được cười. Làm công tác Văn Hóa Tư Tưởng với những cái đầu ngắn cũn, chỉ thành thạo sử dụng mấy thủ đoạn xảo trá, hèn hạ, vô văn hóa, phản tư tưởng thì chắc chắn chỉ làm hại uy tín Đảng, bôi nhọ thanh danh tổ quốc, làm khổ nhân dân.

Càng đáng phàn nàn hơn là bản thông báo nội bộ của Thành Ủy Hà Nội đã đưa tin "Về việc bắt giữ Nguyễn Thanh Giang" với nội dung sai trái, bằng ngôn từ xếch mé. Nội dung bản tin này không chỉ được phổ biến đến tất cả các chi bộ Đảng ở Hà Nội, mà rất nhiều tỉnh, thành trong cả nước.

Thật là hài hước đến mức đáng xấu hổ. Năm ngoái, Nội san Ban Văn Hóa Tư Tưởng Trung Ương Đảng đăng trân trọng bức thư một người Việt lưu vong xỉa xói, răn dạy đủ điều cho một lão thành cách mạng, Cựu Ủy Viên Trung Ương Đảng của mình. Năm nay, một bản tin nội bộ của Đảng lại đưa tin rất nghiêm trang về sự vụ liên quan đến một người không phải đảng viên! Sao lại lén lút thế? Sao lại bất chính thế! Nếu quả thật "Hành vi của Nguyễn Thanh Giang có đủ dấu hiệu phạm tội," mà là tội hình sự, mà anh ta lại là dân thường thì cứ đưa tin trên tất cả các báo đài của nhà nước để nhân dân cùng biết mà căm thù, mà rút kinh nghiệm chứ! Tội

hình sự của một thường dân chứ có phải tội chính trị tư tưởng đâu mà Ban Văn Hóa Tư Tưởng của Đảng phải nhúng tay vào! Mà lại nhúng tay một cách độc quyền nữa chứ!

Đối với bên trong, họ ra sức tuyên truyền như tôi là phần tử chống Đảng, phản bội tổ quốc rất xấu xa nguy hiểm. Từ bên ngoài họ lại bắn tin cho tôi rằng bọn chống cộng cực đoan vẫn xem tôi là kẻ thù. Giữa tháng Sáu vừa qua, họ gửi vòng vèo qua người khác nhưng cố tình đến được tay tôi một bài viết ở một tạp chí nước ngoài, trong đó có đoạn như sau: "Ngày nay, trước nguy cơ tan rã, cộng sản có thứ đối lập mà ở mặt nào đó ta thấy rất chân thành, nhưng với mục đích cứu nguy tính mạng của đảng. Chân thành đến mức bị khai trừ, bị quản chế, thậm chí cả bị bắt giam nhưng vẫn tha thiết với sự sống còn của đảng, thà chết vẫn gào lên đòi đảng phải thay đổi trở về với đường lối nguyên thủy, với đảng tính rực rỡ như mặt trời của họ. Hãy nghe đảng viên cộng sản bị bắt Nguyễn Thanh Giang ca tụng đảng viên cộng sản bị khai trừ Trần Độ là "một nhà cách mạng trung kiên," "một trong những trí tuệ cao cả của đảng Cộng Sản Việt Nam." Nguyễn Thanh Giang còn trích dẫn lời một đảng viên lão thành Hoàng Hữu Nhân: "Anh Trần Độ là một đảng viên cộng sản gương mẫu, suốt đời lo làm tròn nhiệm vụ đối với tổ quốc..." Dù dưới hình thức là kẻ thù hay đối lập ta phải nhìn thấy điều căn bản là mục tiêu của họ và của ta khác nhau. Khi mục tiêu của những đảng viên cộng sản đối lập là kiện toàn bộ máy độc tài, bạo lực, chuyên chế để có nền móng vững chắc áp đặt sự cai trị trên dân trên nước thì họ không thể là bạn của ta được."

Thật là buồn cười! Vì sao họ lại phải răn đe tôi rằng đừng có trông mong, dựa dẫm vào nước ngoài? Sao họ dám láo xược "suy bụng ta ra bụng người" như vậy! Đối với họ, tôi biết, chỉ cần vài trăm Đôla là mua được. Còn tôi, cách đây mấy năm, tôi đã từng phải sử dụng cái giọng huênh hoang hết sức bất nhã để tuyên bố thẳng thừng với mấy cán bộ công an rằng: "Tôi, nếu được ngồi trước tổng thống Bill Clinton thì cũng sẽ như ngồi trước chủ tịch Giang Trạch Dân hay trước tổng bí thư Đỗ Mười thôi. Tôi sẽ phải lắng nghe các vị ấy một cách kính cẩn, cũng như tôi phải nghiêm túc lắng nghe những bạn đồng tuế, những lớp trẻ thuộc hàng con cháu tôi. Nhưng, cuối cùng bao giờ tôi cũng nghĩ bằng riêng cái đầu của tôi, nói những điều từ cái đầu tôi nghĩ ra và làm theo những gì tôi nói."

## Nguy cơ khủng hoảng trầm trọng

Thế đấy, vì sao cả thế giới tiên tiến lại quý trọng và đồng tình ủng hộ những chính kiến của chúng tôi, vì sao ngay cả những lực lượng chống cộng rất cực đoan cũng hiểu được thực chất của cái gọi là đối lập của chúng tôi, trong khi bộ máy tuyên truyền trong nước lại truy bức chúng tôi? Vì những người ở bên ngoài đã đọc chúng tôi nghiêm túc, với một tinh thần khách quan. Còn ở trong nước thì sao? Các vị lãnh đạo thì không có thời giờ đọc để quan tâm đúng mức. Đảng viên và quần chúng thì bị cấm đoán, bưng bít. Tất cả phó thác cho các "Quân sư Văn Hóa Tư Tưởng" tự tung tự tác. Lực lượng làm Văn Hóa Tư Tưởng của Đảng không phải không có rất nhiều bộ óc sáng suốt, tầm cỡ. Tiếc rằng họ lại bị khống chế tàn hại bởi một số cái đầu sơ cứng, lẩm cẩm; bị thao túng bởi một số lực lượng trẻ loi choi, cơ hội, sẵn sàng lập công bằng những thủ đoạn lưu manh, hèn hạ, những hành động bất minh, vô đạo.

Nguy cơ khủng hoảng trầm trọng, thậm chí dẫn tới sụp đổ Đảng không phải chỉ nằm trong sự suy thoái về kinh tế mà nằm ngay cả trong sự kém cỏi, sơ cứng của công tác Văn Hóa Tư Tưởng. Nó gây mất lòng tin trong nhân dân, làm trò cười cho trí thức trong và ngoài nước. Chỉ riêng sự vụ của tôi cũng thấy rõ điều đó. Nhiều người cho rằng đây là một trong những vụ việc làm ảnh hưởng tai hại nhất đến uy tín của Đảng, của Nhà nước ta trên trường quốc tế. Tác động của ảnh hưởng xấu này gây nên những mất mát về kinh tế, những thiệt thòi cho nhân dân, cho đất nước lớn đến mức nào thì chưa ai thống kê và cũng không lường hết được. Những ai phải chịu trách nhiệm về những hệ lụy đó? Rất cần nghiêm túc rút kinh nghiệm để tránh những điều đáng tiếc xảy ra trong tương lai.

Thiên ký sự này, tôi viết ra không chủ yếu nhằm phỉ báng ai, tố giác ai mà cốt để trần tình cùng bè bạn, họ hàng, quê hương; cùng thế hệ hôm nay, cùng các thế hệ mai sau. Tôi mong chờ tất cả và tin yêu tất cả.●

**Nguyễn Thanh Giang**

*Nhà A13P9 TTPK Hòa Mục, Phường Trung Hòa - Quận Cầu Giấy - Hà Nội, Tel. 8. 586 012*

# ĐỜI SỐNG QUANH TA

TRẦN QUÁN NIỆM

## QUỐC NỘI CẮT GIẢM THUẾ

### 792 tỷ đô la: nghe mà ham

Thượng tuần tháng 8, 1999 Thượng và Hạ Viện đồng quyết nghị chấp thuận cắt giảm thuế 792 tỷ đô la. Tuy nhiên dự luật này chưa được gửi tới tòa Bạch Cung vì Tổng Thống Clinton doạ sẽ phủ quyết (veto). Tưởng cũng nên nhắc lại rằng tại Hạ Viện đảng Cộng Hoà nắm đa số, và qua tinh thần phân chia lưỡng đảng truyền thống cuả xứ Hoa Kỳ, hai đảng Cộng Hoà và Dân Chủ luôn đối nghịch, cốt gây ảnh hưởng để đảng mình được lòng dân, hầu đoạt thắng lợi trong cuộc chạy đua bầu cử Tổng Thống năm 2000. Và muốn được lòng dân, phương pháp o bế túi tiền của dân, có nghĩa là cắt tô, giảm thuế, luôn luôn là phương pháp hữu hiệu nhất và đó là địa bàn tranh đấu gay go nhất của mùa chuẩn bị bầu cử.

Hiểu được như thế chúng ta mới thấy lý do tại sao Cộng Hoà đưa ra dự luật giảm thuế trong giai đoạn này và tại sao Bill Clinton lại doạ sẽ xử dụng quyền phủ quyết. Tuy dọa phủ quyết (lấy lý do, số tiền thặng dư phải được dùng để cải tổ hệ thống cấp dưỡng an sinh xã hội (social security benefit)), nhưng Clinton vẫn sợ làm mạnh tay, đảng Dân Chủ sẽ mất lòng dân, vì đã không lo cho túi tiền người dân, nên ông ta tuyên bố vớt vát trong cuộc họp mặt với các dân biểu Dân Chủ tại Hạ Viện sáng thứ Năm 5 tháng 8, 1999: "Họ (Cộng Hoà) cần làm việc chung với chúng tôi (Dân Chủ). Chúng tôi không thể ủng hộ dự luật này, nhưng Dân Chủ và Cộng Hoà đã từng hợp tác trong dĩ vãng, và chúng ta sẽ tiếp tục hợp tác."

Dự luật giảm thuế được ông Bush, thống đốc tiểu bang Texas và sẽ là ứng cử viên Tổng Thống mùa bầu cử tới, ủng hộ hết mình. Ông nịnh dân: "Theo ý tôi, chúng ta cần trả lại phần nào số tiền ngân quĩ thặng dư cho người dân." (đây là tiền dư thừa từ ngân sách quốc gia Hoa Kỳ).

Quốc hội sẽ nghỉ hè 5 tuần, bắt đầu từ 6 tháng 8, 1999. Trong thời gian này, Cộng Hoà ráo riết vận động để được sự ủng hộ của dân chúng cho dự luật giảm thuế, như là một biện pháp chống lại quyền phủ quyết của Clinton.

## CHUYỆN DÀI CLINTON-HILLARY

### Chán chường

Nhà báo Mỹ đặt tên cho hiện tượng này là Clinton fatigue, tiếng Việt gọi là chán chường. Đó là cảm giác chung của toàn dân Hoa Kỳ sau mấy năm bị đọc mãi về những vụ lem nhem tình ái cuả một người họ bầu lên ở địa vị quyền uy nhất thế giới. Chán đến nỗi, họ muốn phiên toà "đàn hạch" Clinton chấm dứt càng sớm càng tốt. Và hơn nửa năm nay, tưởng đã êm, vì báo chí chẳng còn nhắc đến chuyện rơm rác đó nữa.

Nào ngờ, khi lăm le ứng cử ghế Thượng Nghị Sĩ tiểu bang New York, bà Hillary biết rằng không sớm thì muộn cử tri (báo chí) cũng hạch hỏi bà về thái độ của bà trước vụ ăn vụng ái tình cuả chồng và em gái Monica, cũng như tại sao bà trung thành và bênh vực ông. Các cố vấn chính trị dưới trướng, khuyên bà nói một lần cho hết, để "chúng nó" sẽ không hỏi nữa. Và bà đã chọn tạp chí TALK do bạn bà làm chủ nhiệm, để tờ báo này có độc quyền đăng bài phỏng vấn bà. Thế là toàn dân Mỹ cũng như thế giới lại phải ghé mắt vào gia cảnh nhà ông Tông Tông với những chi tiết mới nhất về một chuyện đã cũ mèm.

### Vợ ta là người hiểu ta hơn cả.

Hillary tiết lộ những gì?

1. Clinton ngoại tình vì "giây phút yếu lòng" (weakness) chứ không cố ý.

2. Clinton ngoại tình vì lúc bốn tuổi, bà ngoại và mẹ ông tranh cãi, giành phần nuôi dạy ông. Do việc này, ông bị "bạo hành (abused)" nên có phản ứng làm đẹp lòng các

phụ nữ (trong đó có các thiếu nữ đào tơ mơn mởn như Monica, Jones v.v. Khôn thật (chú thích riêng của tác giả bài này).

3. Hillary biết rõ các vụ ngoại tình trong dĩ vãng, nhưng lại không biết vụ Monica, vì những tưởng Bill của "nàng" đã khỏi bệnh "dê" rồi, trong khi đó Bill thú nhận với cố vấn chính trị Dick Morris, là ông cố ngăn chặn lửa dục trong cơ thể, nhưng nó cứ bùng lên.

4. Theo Hillary thì "Clinton, yếu đuối. Ông ta cần có trách nhiệm hơn, cần bị khép vào kỷ luật, không tự chủ được." (yes, he needs more reponsible, more disciplined.)

Để tự "đánh bóng," Hillary đã nâng mình lên như một người đàn bà hiền thục, yêu chồng và hạ thấp giá trị con người cuả Clinton. Đang là người hùng, miệng có gang có thép, một lời tuyên bố ảnh hưởng đến sinh mạng cả trăm triệu người trên thế giới, ông bỗng như nhỏ bé lại như đứa bé (không tự chủ được mình, cần roi vọt mới ngoan ngoãn). Thật đau cho các vị nguyên thủ quốc gia các nước nhược tiểu, mỗi khi lên ngôi, được vời sang triều cống đại quốc Hoa Kỳ lấy làm vinh dự đứng bên con người oai vệ to lớn, Bill Clinton, như là dựa được vào gốc cây cổ thụ, giúp ngai vàng cuả mình thêm bền chắc. Có ngờ đâu con người kia, hiện nguyên hình nhỏ bé và yếu xìu qua lời diễn tả của bà vợ.

Còn lời nào xác tín hơn lời của một người đàn bà, biết rõ Bill Clinton từ chân lông kẽ tóc, ưu điểm cũng như nhược điểm. *Ngày thì quan lớn như thần. Đêm về quan lớn tần mần như ma.*

Các nhà hiền triết Đông Phương đã nói: *Sinh ra ta là cha mẹ ta. Dạy dỗ ta nên người là thầy ta. Hiểu ta hơn ai hết là vợ ta vậy.*

Đang đói tin để chạy nhật trình, các tờ báo đứng đắn cũng như lá cải, mừng húm, khai thác triệt để những lời nói hớ của Hillary. Kho tàng tiếu lâm lại phong phú thêm vì câu chuyện bốn tuổi nghe cãi nhau mà lớn lên sinh ra lem nhem ngoại tình. Thật khó hình dung được một nhà luật học như Hillary lại có thể tuyên bố với báo chí những câu nói như thế. Điều này làm người ta liên tưởng đến lời nói của bà trước đây, khi dư luận phanh phui chuyện xấu cuả Tông Tông Clinton: Đây là âm mưu của phe bên kia (vast right- wing conspiracy).

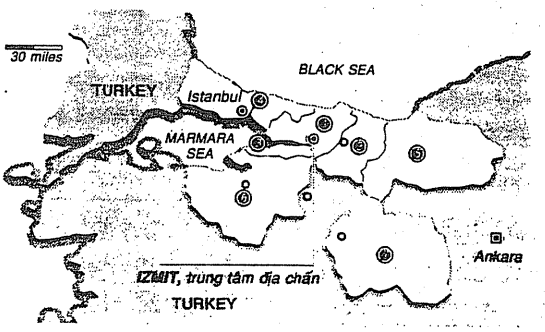


### Nhũn như con chi chi

Tông tông phản ứng ra sao? Ngài công nhận những lời nói cuả vợ là đúng, lại bênh vực rằng bà nói như vậy không phải để biện hộ cho ông đâu, ông làm thì ông chịu. (Ông nói thế đã nhiều lần, không hiểu ông muốn ai chịu thay cho ông đây).

### Chữa cháy

Sau khi báo chí phân tách, phê bình cũng như khôi hài về những lời bà nói, ban báo chí toà Bạch ốc lại phải thanh minh, thanh nga cho ông bà chủ:

1. Bạo hành (abuse) mà Tông tông nhận chịu hồi bốn tuổi là bạo hành tinh thần chứ không phải bạo hành sinh lý. (chú thích cuả tác giả bài bày: thử hỏi có ai còn nhớ những gì xẩy ra khi bốn tuổi không nhỉ, ở tuổi *ăn chưa no, lo chưa tới*, chỉ lo chơi đồ chơi làm sao nghe thủng chuyện của người lớn).

2. Tuy thế, từ ngày đó đến nay và trong tương lai, Tông Tông không cần sự trị liệu của các bác sĩ tâm thần.

3) Tuy bà nói thế, nhưng ông vẫn chịu trách nhiệm về hành động của mình.

Thật đúng là chuyện dài không biết bao giờ mới hết. Nếu quí độc giả của *Thế Kỷ 21* thấy nhàm chán quá, xin cho tòa soạn hay, tác giả sẽ không quay trở lại đề tài này trong tương lai.

## ĐỘNG ĐẤT TẠI THỔ NHĨ KỲ VÀ NGÀY TẬN THẾ

Trung tuần tháng 8, 1999 một trận động đất khủng khiếp đã xẩy ra tại Thổ Nhĩ Kỳ. Với cường độ 7.4 (đơn vị quốc tế đo động đất), trận động đất san bằng 65% đến 70% các cao ốc trên một chu vi gần 400 dặm gồm các thành phố kỹ nghệ dọc theo xa lộ chính dẫn đến thủ đô Ankara. Thành phố Izmit chịu thiệt hại nặng nhất vì nằm ngay trung tâm động đất. Rồi đến các thành phố khác như Istambul, Sakarya, Golcuk

v.v. Những toà nhà nhiều tầng sụp đổ tan nát, chôn vùi cư dân sống trong đó. Mới đầu con số người chết được ước lượng chừng vài trăm, rồi leo thang mỗi ngày tới vài ngàn và ngày thứ bẩy 21 tháng 8, giới chức thuộc phái đoàn cứu trợ Liên Hiệp Quốc phỏng đoán là con số tử nạn có thể lên đến 40 ngàn người cùng hàng trăm ngàn người bị thương và không nhà cửa. Đến ngày thứ năm sau cơn động đất, số người bị chôn lấp trong các đống xi măng và gạch vụn khổng lồ có hy vọng sống sót rất ít.

So với trận động đất năm 1939 cũng tại Thổ Nhĩ Kỳ (thành phố Erzincan) có số người chết là 33 ngàn, thì trận động đất kỳ này khủng khiếp hơn nhiều. Nhà cửa đổ sập, lửa cháy, người chết, tiếng kêu la của nạn nhân khiến các người may mắn sống sót kể lại họ kinh hoàng tưởng rằng trái đất sụp đổ vì ngày tận thế xẩy ra. Một cơ sở lọc dầu gần đó bùng cháy dữ dội tuôn lửa và khói đen đầy trời, càng làm cảnh tượng nơi các thành phố tan nát vì động đất thêm kinh khủng.

Gần 210 cơn động đất nhỏ hơn theo sau cơn động đất chính đã khiến cư dân tại các thành phố trong khu vực phải ngủ ngoài công viên hay trong xe hơi. Các quốc gia trên thế giới cấp tốc gửi nhân lực, vật dụng, máy móc cứu trợ, cũng như thuốc men, thực phẩm, quần áo đến Thổ Nhĩ Kỳ để cứu giúp.

## Ngày tận thế sắp xẩy đến?

Cùng lúc đó, động đất cũng viếng thăm nhiều quốc gia trên thế giới như Trung Mỹ, Hoa Kỳ (tiểu bang Motana và Idaho) và Nhật Bản.

Tại Trung Mỹ, cường độ trận động đất xẩy ra ở thủ đô SanJose cuả Costa Rica là 6.7. Cao ốc hư hại, nhưng không có thương vong. Tại Nhật Bản trận động đất có cường độ 5.5 và chưa biết rõ thiệt hại. Tại Montana (Hoa Kỳ), cơn động đất có cường độ 5.3 làm hư hại một số cao ốc.

Trong năm 1999 người ta ghi nhận nhiều thiên tai xẩy ra khắp thế giới. Lũ lụt miền Đông Nam, lốc cuốn (tornado) ở trung tâm Hoa Kỳ. Tại đâu con số thương vong cũng lớn. Càng gần kề năm 2000, nhân loại càng bị ám ảnh về nguy cơ tận thế. Liệu điều này có xẩy ra như các nhà tiên tri đã nói hay không?

## Tận thế qua lời các nhà tiên tri và khải huyền của các tôn giáo lớn.

Không phải đến bây giờ nhân loại mới nghĩ đến tận thế, ngày mà quả địa cầu nứt vỡ, lửa nóng từ trung tâm trái đất phun lên thiêu đốt tất cả những gì đang hiện hữu trên mặt đất, hoặc tai họa khủng khiếp vô lường sẽ xẩy ra, xoá tan vết tích loài người trong cõi sống này. Trong giòng lịch sử của bất kỳ quốc gia nào cũng có các nhà tiên tri (nổi tiếng hay không, giả hay thật) tiên đoán là sẽ tận thế. Mỗi lần như thế, một số kẻ tin theo đã cho đi tài sản, tiền bạc, chuẩn bị ra đi, nhưng rồi, trời không sập, đất không sụt, mọi người lại tiếp tục cuộc sống.

Nhà tiên tri được nhiều người nhắc tới nhất là Nostra Damus, người Pháp, thế kỷ XVI. Theo ông thì tận thế đã gần kề, đặc biệt là tháng 7 năm 1999 sẽ có nhiều tai họa to lớn xẩy đến cho nhân loại, quỷ vương qua nhân dáng các nhân vật ác độc, nhiều quyền lực sẽ tạo chiến tranh tiêu diệt loài người (bom nguyên tử?). Tương tự, nhà tiên tri Việt Nam là Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm cũng có lời tiên đoán ẩn dụ là một ngày kia, nhân loại sẽ bị tàn sát gần hết "Mười phần chết bẩy còn ba, Chết hai còn một mới ra thái bình."

Qua kinh thánh Tân Ước của đạo Thiên Chúa, sách khải huyền đã có từ thế kỷ thứ hai trước công nguyên. (Khải huyền do chữ Hy Lạp apocalypsis, có nghĩa là "vén màn" cho thấy điều bí mật che khuất bên trong.) Tất cả các sách khải huyền đều nói đến trận chiến một mất một còn giữa Thiên Chúa và ma quỷ vào thời cánh chung (nghĩa là tận thế). Mỗi khi nói đến những đến khải huyền, mặc khải, người ta nghĩ ngay đến sách khải huyền cuả thánh Gio-an, mô tả kỹ càng ngày tận thế tức là ngày phán xét cuối cùng. Trong sách này có nói đến cơn thịnh nộ của Thiên Chúa qua bẩy tai ương, báo hiệu ngày tận thế. Tuy nhiên theo Thiên Chuá Giáo thì tận thế không đáng sợ, vì nó mở đầu cho một trời mới đất mới, sau khi các quỷ vương và dân ác bị tai ương tiêu diệt còn các người tin vào Thiên Chúa sẽ được bảo vệ và cứu thoát để tiếp tục sinh sống trong một thế giới tốt đẹp hơn. Đạo Phật cũng có kinh Mạt Kiếp nói về ngày tận thế, nhưng Phật giáo vốn tin vào thuyết vô thường, vạn vật trên vũ trụ đều trải qua các giai đoạn thành (sinh ra), trụ (tồn tại), hoại (hư hao), diệt (tan biến) nên tận thế không được quan tâm nhiều. Giáo lý Phật đà chú trọng đến sự giải thoát khỏi vướng mắc khổ đau của kiếp sống này mà thôi, không thắc mắc nhiều đến chuyện quá xa xôi, tương tự Khổng tử đã nói:

Việc sống lo chưa xong, lo gì đến việc chết.

Trong địa hạt khoa học, các nhà thiên văn học hàng ngày quan sát thấy những thiên hà, những vì sao, nổ bùng hoặc co cụm rồi tan biến đồng thời cũng có những thiên hà mới, những vì sao mới ra đời thì một ngày nào đó trái đất tan rã cũng chỉ là thường tình mà thôi.

**Nếu năm 2000 là năm tận thế bạn sẽ làm gì?**

Dù muốn dù không bạn cũng không còn bao nhiêu thời giờ nữa. Chỉ bốn tháng phù du trong giòng trôi chẩy miên viễn của vũ trụ. Dù ngày đó tiểu bang California có chìm xuống biển cả, dù ngày đó trái đất này tan biến trong biển lửa và diêm sinh, bạn cũng chẳng có cách nào ngăn ngừa và thoát khỏi. Tín đồ các tôn giáo sẽ dọn mình theo giáo điều của đạo mình. Và mọi người hãy an hưởng những này còn lại trong tỉnh thức và thương yêu. Sắp xếp một chuyến nghỉ hè với gia đình, mở rộng cõi lòng thương yêu tới người thân thuộc và nhân loại quanh ta. Bùng một cái, mọi sự, mọi việc, mọi người đều tan biến, thì còn có gì để lo lắng nữa đâu.

**Khủng hoảng Y2K**

Dù sao đi nữa, nhân loại vẫn phải chuẩn bị cho cuộc sống sau ngày 1/1/2000. Và điều mà mọi người đang ưu tư và cần đối phó là những rắc rối trong địa hạt điện tử sẽ gây ra cho cuộc sống, nói gọn lại là khủng hoảng Y2K. Y2K là gì? Rất đơn giản đó, là chữ viết tắt cuả năm 2000. Sở dĩ người ta lo lắng vì thế giới chúng ta đang sống hôm nay lệ thuộc vào môi trường điện tử. Máy điện toán (computer) đã chi phối mọi khía cạnh của cuộc sống trong thế giới văn minh cơ khí. Các khung mạch (microchip) và nhu liệu (soft ware) hoạt động trong máy điện toán từ trước tới nay được thảo chương để nhận diện năm dưới dạng hai số và tự động thêm hai số đầu là 19, thí dụ năm 99, máy sẽ nhận diện là năm 1999. Năm 2000, thì hai số 00 sẽ được máy nhận diện là năm 1900. Đó là đầu mối của mọi rắc rối, khủng hoảng. Các tính toán sẽ bị đảo lộn gây sai lạc trầm trọng hoặc làm máy vi tính ngừng chạy.

Khủng hoảng 2YK bắt nguồn từ thủa sơ khai của ngành điện toán trong các thập niên 1950, 1960. Ngày đó thay vì chế tạo một bộ nhớ ghi nhận năm đầy đủ bốn số, người ta chế tạo bộ nhớ ghi nhận hai số mà thôi. Lý do là tiết kiệm tiền bạc và để tiến nhanh trên địa hạt điện toán còn phôi thai. Các chuyên viên thời đó lý luận rằng còn có gần 50 năm mới tới năm 2000, dư thì giờ để điều chỉnh.

Tuy nhiên cũng giống như kiến trúc sư xây tòa tháp cao trên một nền móng không vững chắc, khi tháp bắt đầu nghiêng, mới tìm cách chữa lại móng thì quả là thiên nan vạn nan. Ngành điện toán cũng vậy, trong 50 năm qua nó đã lớn mạnh và phức tạp ngoài sức tưởng tượng. Máy móc, khung mạch, nhu liệu được chế tạo hằng hà sa số, nay phải viết lại các nhu liệu, khung mạch đó sẽ tốn kém không biết bao nhiêu thì giờ và tiền bạc, mà chưa chắc đã tránh khỏi thiếu sót.

Hoa Kỳ và các quốc gia trên thế giới đã dành ra những khoản tiền lớn để chỉnh trang lại khủng hoảng Y2K.

*Một vài tiên đoán:*

1. Lãnh vực công sẽ có nhiều chậm trễ hơn lãnh vực tư. Ngân phiếu thất nghiệp, trợ cấp xã hội sẽ không được trả đúng hạn. 2. Các nước kém phát triển không có đủ nguồn tài lực, nhân lực và kỹ thuật giải quyết kịp thời khủng hoảng Y2K, gây ảnh hưởng trên nền kinh tế, tạo tác dụng dây chuyền đến nền kinh tế các nước đã phát triển.

3. Ngân hàng của các nước phát triển sẽ tạm ngưng đầu tư vào các nước kém phát triển.

4. Ngành du lịch ngưng trệ vì người ta ít xử dụng máy bay một thời gian.

5. Thực phẩm lên giá vì bị tích trữ.

*Vài lời khuyên:*

1. Thứ sáu 1/1/2000 nên chuẩn bị một ít tiền mặt, dự trữ một ít thực phẩm, đổ đầy bình xăng, có sẵn một đèn bấm và một radio chạy pin.

2. Nên chuẩn bị sớm, không nên chờ tới ngày cuối.

*Việc gì sẽ xẩy ra ngày 1/1/2000.*

1. Sẽ có một ít trục trặc, bất tiện nhưng không đến nỗi mọi ngành hoạt động đứng yên hoặc xáo trộn trầm trọng.

2. Đêm giao thừa 12/31/1999 mọi người sẽ có nhiều hồi hộp lo lắng, nhưng rồi đêm qua đi trong an bình. Sẽ không có tận thế. Máy bay không rớt như sung rụng, chỉ ít hành khách. Ngân hàng không phá sản, chỉ chậm lại. Các lò chế tạo và bom nguyên tử không nổ tung,

3. Rồi đâu lại vào đấy. Một ngày như mọi ngày. Nhân loại tiếp tục sống trong sướng khổ, vui buồn lẫn lộn của cuộc đời, tiếp tục sinh sản và tiếp tục bắn giết nhau.●

# ĐẠO KÍNH TỔ TIÊN ĐIỂM GẶP GỠ CHUNG CHO TÍN NGƯỠNG VIỆT

LM. TRẦN CAO TƯỜNG

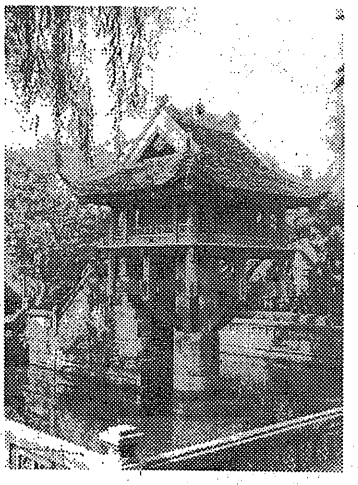

Tháng tám năm 1999, Viện Triết Thần Việt Nam tổ chức một khóa tại The Catholic University of America ở Washington D.C. và một khóa tại Orange County, California, với đề tài "Sự Chết và Đời Sống Vĩnh Cửu." Đặc biệt tại Cali, Viện dành một ngày thuyết trình về Đối Thoại Tín Ngưỡng Việt Nam, với sự góp mặt của nhiều tôn giáo như Phật giáo, Cao Đài, Hòa Hảo, Tin Lành, Công giáo.

Nhiều nhà tiên đoán tương lai đã nói tới thế kỷ 21 sẽ là thế kỷ của tôn giáo, thì đây có thể cũng là một biến cố ghi mốc thời điểm. Cũng cần khoa học để tiến bộ như trong thế kỷ 20, nhưng đã đến lúc ai cũng thấy khoa học bó tay trước những vấn đề then chốt của cuộc đời, như vực tử sinh bám sát thân mệnh mình. Nhạc sĩ Hùng Lân đã nói lên rất sâu xa niềm thao thức này với *Khúc Hát Trầm Tư:*

*- Cái gì khiến tôi vượt qua giới hạn của không gian? Hạt bụi mà chạy đua ánh sáng, sậy mềm mà cật vấn tinh vân, bọt bèo lại vòng tay ôm lấy cõi trần?*

*- Cái gì khiến tôi vượt qua giới hạn của thời gian? Hiện tại mà tìm đo dĩ vãng, một giờ mà dự kiến muôn năm, phận vờ mà lại mơ hạnh phúc không tàn.*

## Tìm tụ điểm xây thủy điện lực

Con người luôn tìm cách vươn ra khỏi cái bị thịt xác thân và cái hộp hạn hẹp của không gian và thời gian. Ngày 20 tháng 7 năm 1969, phi thuyền Apollo 11 đã đưa Neil Armstrong và Buzz Aldrin đặt chân lên mặt Chị Hằng. Một chuyến đi đầy nguy hiểm, vì theo tính toán thì chỉ 50% cơ may có thể xuống được mặt trăng và 90% về lại được trái đất. Armstrong đã sung sướng nói lên: *"Đây là bước nhỏ của một người, nhưng là bước nhảy vọt của nhân loại."*

Giữa lúc nước Mỹ kỷ niệm 30 năm lần đầu tiên con người có thể vượt ra khỏi tinh cầu trái đất này mà đặt chân tới một trái cầu khác, dù chỉ là một chấm nhỏ li ti trong giải ngân hà, thì con trai của cố tổng thống Kennedy là John F. Kennedy, Jr. rơi máy bay đâm xuống

biển chết. Một điều khó hiểu nhất về gia đình Kennedy: tiền tài danh vọng tột đỉnh mà cũng tai họa tận cùng. Có phải *chữ tài liền với chữ tai một vần* không?

Mà chẳng phải gia đình Kennedy. Có ai sống mãi trên cõi đời này đâu?! Trăn trở đi tìm giải đáp cho những khắc khoải và mang lại niềm an vui cho đời sống, mỗi tôn giáo đều có một hệ thống niềm tin riêng, một bối cảnh lịch sử và một truyền thống riêng liên hệ tới văn hóa và xã hội. Qua lịch sử, tôn giáo đã góp phần lớn lao cho nhân loại, thì nay trong lúc khẩn thiết đi tìm con đường mới vào thời điểm 2000, tôn giáo có cung cấp được kho tàng vốn giầu có của mình một cách hữu hiệu cho đúng sứ mạng không? Và nhất là đối với tiền đồ Việt tộc, tôn giáo có đóng được vai trò nào gom sức hưng phấn tinh thần sau những đổ vỡ tan hoang?

Tôi vẫn hình dung tôn giáo như dòng nước từ nguồn trên núi cao, chảy xuống đồng bằng làm tươi mát bao tâm hồn, nuôi sống bao sinh linh. Nhưng cũng đôi khi xẩy ra tai nạn vỡ đê hay vỡ đập gây tổn hại không ít. Các dòng sông chảy riêng rẽ vẫn tiếp tục sứ mạng của mình, nhưng khi hoàn cảnh cần đến thì cùng chuyển lực vào một chỗ sẽ phát sinh thủy điện lực mãnh liệt.

Mỗi tôn giáo đều mang những nét đặc thù quí báu, đến từ nhiều hướng khác biệt. Nhưng tôi tin rằng đối với người Việt mình, tụ điểm mà các tôn giáo có thể gặp gỡ chung được là Đạo Kính Tổ Tiên, tức Đạo Ông Bà, vì đây là niềm tin tưởng chung của dân Việt qua bao đời. Đây phải là tụ điểm lấy lại tinh thần xây được thủy điện lực như có lần triết gia Kim Định nói tới trong cuốn Hồn Nước Với Lễ Gia Tiên: mất hồn, mất tinh thần, là vì mất niềm tin chung.

## Nét khác biệt căn bản nơi đạo Kính Tổ Tiên của người Việt

Nhà huyền thoại học có thế giá vào bậc nhất là Joseph Campbell đã từng đưa ra nhận xét rằng gốc rễ mọi tôn giáo đều phát sinh từ hình ảnh đứa con đang nằm trong vòng tay mẹ: nó ngước mặt nhìn mẹ với tất cả vẻ trìu mến, và người mẹ nhìn nó với đầy vẻ yêu thương. Chính cái thái độ đó là Đạo, là đường, là cuống nhau, vượt qua cái xác thân nhỏ bé của mình mà nối lại vào lòng mẹ.

Đạo đã bắt đầu từ chính cảm quan xác thân dẫn đến tâm linh. Nhà nhân chủng học Le Debleu gọi là "tham dự vào huyền nhiệm." Đây mới là điểm riêng biệt của Đạo Kính Tổ Tiên nơi người Việt.

Vì nếu giữ hiếu với cha mẹ chỉ vì cha mẹ sinh thành dưỡng dục thì một con vật cũng có thái độ đó, một cành cây cũng có hiếu là gắn vào thân cây mới tươi tốt được.Và bất cứ dân tộc nào cũng đều kính tổ tiên chứ có riêng gì dân Việt, từ bộ lạc trong hang hốc đến những nền văn minh cổ như Roma hay Ai Cập. Chữ hiếu này liên hệ chặt chẽ với thể lý đi đến luân lý, phát sinh tình gia đình, tình gia tộc, tình bộ lạc, như kiểu uống nước nhớ nguồn, cố gắng làm nở mặt gia phong, giống nòi. Thứ tình này như chất nhựa sống, rất cần thiết, nhưng cũng nhiều khi trở thành ích kỷ khép kín, phát sinh tệ đoan vây cánh dòng họ và bó cột vào địa phương làm cản đà tiến chung.

Vậy thì điều khác biệt cốt tủy nơi Đạo Ông Bà của người Việt nằm ở chỗ niềm tin vào nhân tính hồn thiêng bất tử từ một cội linh thiêng, con người là tụ đức của trời đất (thiên địa chi đức), vượt qua hộp vuông xác thân không thời mà tham dự được vào thiên tính. Cách xếp bài vị cũng bắt đầu từ thể lý bốn đời là cao, tằng, nỉ, tổ. Nhưng ở giữa là văn tổ, là nguồn thiêng chuyển nước xuống các mạch. Triết gia Kim Định đã diễn tả:

*"Triết lý ngũ hành hệ tại mỗi hành phải móc nối được với trung cung hành thổ mới có đủ linh ứng: thủy, hỏa, mộc, kim đều phải đi qua hành Thổ mới trở thành linh nghiệm. Áp dụng vào việc thờ tổ tiên, là phải từ tiên tổ mình đi đến bản tính đồng nhiên của con người gọi là Văn Tổ, rồi từ đó tỏa ra khắp mọi người. Tương tự như bên ngũ hành: không được dừng lại ở một hành nào chung quanh, mà phải lấy Thổ trung cung làm nền móng. Trong việc thờ tổ tiên cũng thế, không được chỉ biết có cha, ông, tằng, tổ mình, nhưng phải vươn tới Tổ trên hết các tổ, cực tinh ròng gọi là Văn Tổ rất linh thiêng nên có tính cách phổ biến như trời cùng đất."* (Kim Định, *Hồn Nước với lễ Gia Tiên,* Nam Cung, trang 30).

## Từ Đạo Hiếu tới Đạo Trời

Đạo là đường. Tây phương lấy gốc từ chữ re-ligio tiếng La-tinh, là nối lại vào. Đạo là cái bè qua sông, là đường nối bờ hữu hạn sang vô hạn. Cũng như chữ yoga là cái ách (yoke) gắn cái cầy vào vai con trâu mà nhận được sức mạnh.

Đối với người Việt, Đạo Hiếu chính là cái

rễ nối vào cội nguồn sức sống để cây đời có thể tươi nở. Từ tổ tiên của một dòng họ, một dân tộc, vươn tới văn tổ cội nguồn. Giờ chết được gọi là sinh thì, là giờ bắt đầu sống, là "birthday." Nên con cháu thường chỉ nhớ ngày giỗ chứ mấy ai nhớ ngày sinh như kiểu Âu Mỹ. Cha mẹ, ông bà, tổ tiên, dù xác đã chết, nhưng hồn vẫn sống mãi trong cội nguồn sức sống: Thác là thể phách, còn là tinh anh. Cội nguồn này người bình dân gọi là Ông Trời, là một thực thể hiển hiện trước mắt giữa đời thường chứ không phải là một ý niệm trừu tượng về nguyên lý hay đại ngã ở mãi bờ bên kia nào cả. Ca dao vẫn thường xuyên nói lên niềm tin này:

*Lạy Trời mưa xuống*
*Lấy nước tôi uống*
*Lấy ruộng tôi cầy*
*Lấy đầy bát cơm.*

*Lời xởi Trời cởi cho*
*Lo xo Trời co lại.*

*Chớ ta yêu nhau duyên phận mà thôi*
*Của Trời như nước hồ vơi lại đầy.*

*Khó giầu muôn sự tại Trời*
*Nhân sinh ai cũng kiếp người mà thôi.*

Có thể nói, niềm tin vào Ông Trời đã có sẵn trong tâm thức người Việt trước cả khi các tôn giáo du nhập. Nguyễn Đăng Thục trong Lịch Sử Tư Tưởng Việt Nam (tập I, trang 416-417) cũng nói lên điều đó. Chính linh mục Đắc Lộ khi đến Việt Nam vào đầu thế kỷ thứ 17 đã nhận ra như vậy nên đã "lấy đề tài thảo luận với họ về nguyên lý vạn vật và quyết định công bố dưới danh hiệu Chúa trời đất." (*Lịch Sử Vương Quốc Đàng Ngoài,* trang 83). Tôi vẫn nghĩ danh xưng Đức Chúa Trời gần gũi với tâm thức Việt hơn là danh xưng Thiên Chúa, mặc dù cũng cùng một nghĩa.

Bộ truyện thiêng Lĩnh Nam của Việt Tộc có hai truyện nói rất rõ về Đạo Ông Bà liên hệ trực tiếp với Đạo Trời.

An Tiêm dù gặp khó vẫn tin tưởng "Trời sinh Trời dưỡng" nên đã trở thành giầu có do ơn Trời với nghề trồng dưa hấu. Ông đã dùng dưa hấu để dâng cúng tổ tiên. Việc dâng cúng này nói lên lòng biết ơn cái đức của tổ tiên để lại và tạ ơn Trời.

Hoàng Tử Tiết Liệu đã thể hiện được chữ Hiếu khi được ơn trên soi sáng dâng bánh chưng vuông và bánh dày tròn. Cắm chấu con người hữu hạn vuông cạnh vào nguồn điện trời tròn viên mãn là công thức thắng giải được lên làm vua sống sang giầu sung mãn. Đó cũng là điều mà khoa tâm lý ngày nay chứng minh về liên hệ tình gia đình với sự lành mạnh tinh thần. Còn hiếu thì nước còn chảy, cây còn tươi, đèn còn sáng, máy còn chạy: *Con người có tổ có tông, như cây có cội như sông có nguồn.* Như vậy, tiến trình thể hiện Đạo bắt đầu từ cảm nghiệm gia đình, nên không thể yêu Chúa nếu không biết cho tròn chữ Hiếu, không biết yêu thương cha mẹ, dòng giống mình. Bất hiếu là đồ vô phúc, cành lá sẽ héo, nhà sẽ bị mất điện thành tăm tối nghèo nàn. Đúng thế, cuộc sống con người là một khắc khoải tìm về quê mẹ là bến đậu vĩnh hằng:

*Chiều chiều ra đứng ngõ sau,*
*Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều.*

## Bụi nào cho đục được mình?

Vì Hiếu nên Thúy Kiều trong Đoạn Trường Tân Thanh cam chịu lao đao vùi giập. Chủ đích của Nguyễn Du không phải để quảng diễn những cung oán thê thảm của kiếp người, cũng không phải để đưa giải quyết đấu tranh giai cấp nhất thời, mà nhằm nói lên được thái độ đương đầu với mọi nghịch cảnh trong niềm tin căn bản của dân Việt: *Dù ai nói ngược nói xuôi, Ta đây vẫn giữ đạo Trời khăng khăng.*

Ai cũng có lúc đoạn trường chứ chẳng riêng gì nàng Kiều vào lúc giao thời đảo điên ấy. Vì đầm sen nào chẳng có bùn, cuộc đời nào có gió bụi. Thúy Kiều gặp *quả* đắng đâu phải vì do nhân dữ; cũng đâu phải vì có tài nên gặp tai như thuyết định mệnh, vì rất nhiều người không có chữ tài mà vẫn cứ liền với chữ tai một vần đấy.

*Người sao hiếu nghĩa đủ đường*
*Kiếp sao rặt những đoạn trường thế thôi?*

Nhưng sứ điệp của Nguyễn Du là tìm ra câu giải đáp cho những đứt ruột của cuộc đời, đốn ngộ được tân thanh trong đoạn trường, tiếng vui trong bùn lầy. Cứ nhất định kiên trì tin tưởng vào lẽ Đạo, vào chữ Tâm của hồn thiêng bất tử. Chẳng bùn nào vùi giập được sen, vẫn lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng. Sứ điệp này đã vang vọng qua lời ca dao là hơi thở giống nòi chuyển sức sống qua bao đời, được Tony Bùi cho hát lên trong phim Ba Mùa (*Three Seasons*):

*Đố ai biết lúa mấy cây*
*Biết sông mấy khúc, biết mây mấy từng.*
*Đố ai quét sạch lá rừng*
*Để ta khuyên gió, gió đừng rung cây.*

Giáo sư Lê Hữu Mục trong cuộc hội thảo của sinh viên đại học hè Nancy 1998 về Truyện Kiều và tuổi trẻ, đã đưa ra nhận định về hồn thiêng bất tử trong tâm thức Việt: "Nguyễn Du không hề chủ trương rằng con người mà ta có duy nhất đây sẽ bị tan loãng và mất hút trong đại ngã; ông cũng không hề thấy rằng con người chỉ là một làn sóng, một ngày nào đó sẽ trở về với nước trong lòng đại dương. Nàng Đạm Tiên của Nguyễn Du sẽ mãi mãi là nàng Đạm Tiên với tất cả những mối liên hệ mà nàng đã đan dọc thêu ngang được, với tất cả lịch sử mà nàng đã sống, dù đó chỉ là lịch sử của một hội đoạn trường." (*Truyện Kiều với Tuổi Trẻ*, Làng Văn, trang 683). Niềm tin vào Đạo Trời mãnh liệt lắm. Đó là mùa thứ ba, mùa của chữ tâm, hóa giải hai mùa nắng nực và mưa sũng, mang phép mầu biến đổi tất cả: *Có Trời mà cũng tại ta.*

*Khi nàng lấy hiếu làm trinh*
*Bụi nào cho đục được mình ấy vay?*
*Trời còn để có hôm nay*
*Tan sương đầu ngõ vén mây giữa trời.*

## Từ một cội rất linh thiêng

*Hỏi tên rằng biển xanh dâu*
*Hỏi quê rằng mộng ban đầu đã xa.*

Bùi Giáng đã trăn trở buông ra tiếng thở dài của cõi người ta như thế, giống như lời ca của Hùng Lân trong *Khúc Hát Trầm Tư* vẫn như còn đang tiếp tục vang vọng:

*- Cái gì khiến tôi lặng nghe tiếng thầm của dòng sông? Thuyền nào từng rời theo nước cuốn, thuyền nào về từ bến muôn phương, nhịp chèo nào nhặt khoan mong nối hai vô cùng?*

*- Cái gì khiến tôi vượt qua giới hạn của phù vân? Tìm điều nào đẹp hơn no ấm, tìm lời nào định nghĩa thanh danh, gì còn lại thật khi thân xác hư tàn?*

Đối diện với cõi chết, con người mới thực sự thấy được cái gì mất, cái gì còn, lúc ra đi và lúc trở về. *Tôi vui chơi giữa đời (ối a) biết đâu nguồn cội!* Trong sa mạc hoang vu không còn gì để bám víu, kể cả bám víu vào việc ngồi hít thở mà hưởng thú hiện tại như kiểu "New Age," người Do Thái nhận thức được niềm tin vào Chúa Trời duy nhất: con người chỉ là một đứa bé nhỏ như hạt cát sa mạc bao la kia đang được bàn tay rộng lớn từ trên bao bọc dẫn đường. Lúc bị tước đoạt trơ trụi nhất cũng chính là lúc nhận ra được an toàn đầy đủ nhất. Người Do Thái đã chỉ biết bước đi với Đấng Toàn Năng đang dẫn mình đi, thể nghiệm chữ Hiếu đúng nghĩa với người Cha đích thật, và đã ghi lại những cảm nghiệm nối được vào nguồn sung mãn thành một pho sách gọi là Thánh Kinh. Tiếp nối truyền thống này, người Công giáo gặp gỡ được Chúa không như một khối lực vô vi hay như một Ông Trời mông lung ở mãi xa xôi, nhưng là một người Cha biết yêu thương gần gũi, đã nhập thể làm người và cư ngụ giữa lòng nhân thế.

Sinh ra làm người Việt, tôi tin chắc gặp được Đức Chúa Trời trong cảm nghiệm sống của tôi, trong tình nghĩa gia đình, dòng tộc, trong lịch sử kiêu hùng mà cũng rất bi thảm của dân tộc tôi. Có dễ, tôi cần nhận lại tất cả, nối lại tất cả, từ cảm nghiệm ngàn đời của tổ tiên, và ghi lại *Hình Dung Một Cuốn Sách Khác* với nhà thơ Du Tử Lê trong *Hoa Nào Tin Quả Đắng Đến Không Ngờ:*

*không ai hiểu thịt da tôi bìa sách*
*bọc, bao ngoài quá đổi thực, hư: riêng*
*không ai hiểu linh hồn tôi mướt, sạch*
*mọc lên từ một cội rất linh thiêng.*●


NHÀ XUẤT BẢN AN TIÊM

Đã phát hành

**TUYỂN TẬP**
**BÌNH NGUYÊN LỘC**

Võ Phiến giới thiệu

- Gồm những tác phẩm được truyền tụng rộng rãi, được quần chúng yêu thích nhất.
- Một tư liệu đầy đủ về tác giả: hình ảnh, bút tích, thư mục v.v...

**NHỮNG ĐÓA HOA THIỀN**

* Những công án Thiền và lời bình giải
* Nguyên tác Hoa ngữ của TIÊU VŨ ĐỒNG, bản dịch tiếng Việt của DƯƠNG ĐÌNH HỶ

Liên lạc: Tổng phát hành Văn Nghệ,
P.O. Box 2301
Westminster CA 92683, USA.
Tel/Fax: (714) 527-5761

# KHÁI QUÁT VỀ TÂM LÝ VĂN NGHỆ

HẠNH CƠ

*(Thành kính tưởng niệm Thầy Nguyễn Đăng Thục) (1)*

Từ "VĂN NGHỆ" có thể được hiểu bằng hai cách: rộng và hẹp. Theo nghĩa **rộng** thì đó là từ rút gọn của hai từ "văn học" và "nghệ thuật." Người ta thường dùng từ *"nghệ thuật"* để chỉ những công trình sáng tạo nhằm biểu hiện cái **đẹp**, như hội họa, điêu khắc, kiến trúc, âm nhạc v.v... Theo ý nghĩa này thì *văn học* cũng là một bộ môn nghệ thuật, nhưng vì nó là một bộ môn nghệ thuật quan trọng, toàn diện hơn cả, nên đã được tách rời ra thành một ngành riêng biệt; và do đó chúng ta có danh từ *"văn học nghệ thuật"* — hay nói tắt là *"văn nghệ."*

Nếu hiểu theo nghĩa **hẹp** — và cũng là cái ý nghĩa chúng tôi muốn nhấn mạnh ở đây — thì "VĂN NGHỆ" là *nghệ thuật* **thưởng ngoạn** *cũng như dùng văn tự để diễn tả tình tình, tư tưởng, sự vật v.v... (tức là* **sáng tác***) một tác phẩm văn chương.*

*Môn loại của văn chương* thường được phân thành ba bộ môn: THƠ, KỊCH và TIỂU THUYẾT. Khí cụ chung dùng để biểu hiện thường là văn tự, nhưng chúng ta cũng còn dùng ngôn ngữ để đọc hay ngâm vịnh, và dùng cử chỉ, động tác để diễn kịch.

*Đối tượng của văn chương* thật mênh mông, bao gồm mọi hiện tượng thiên nhiên trong trời đất, cũng như tất cả nhân, sự ở trên cõi đời. Lưu Hiệp, một nhà phê bình văn học của Trung-hoa, đã từng nói:

*"VĂN làm sáng rỡ nét tốt đẹp của trời đất, ý nghĩa thật là rộng lớn! Nó cùng sinh một lần với trời đất; vì sao nói được như vậy? Kìa, màu xám màu vàng lẫn lộn, hình tròn hình vuông phân biệt để tỏa ra cái hiện tượng sáng đẹp ủa trời; núi sông như những mảnh lụa màu chằng chịt để phô bày cái hình thái của đất; tất cả đều là VĂN của đạo vậy..... Cho nên tâm sinh thì có lời nói, lời nói đã có thì văn sáng rõ, đó là đạo lí tự nhiên. Nói rộng ra đến muôn vật thì động hay thực vật cũng đều là VĂN: Loài rồng, loài phượng lấy màu sắc để phô trương vẻ đẹp như ngọc thụy; loài cọp, loài beo lấy nét sáng rực tốt tươi để định hình cái tư thái của chúng. Mây ráng ửng thành màu, cái khéo ấy còn hơn cái khéo của họa công; cỏ cây tốt tươi không đợi nét lạ kì của người thợ giỏi. Ôi, có phải là do sự tô điểm ở bề ngoài đâu, mà tất cả đều là do tự nhiên đấy chứ! Đến như những âm hưởng của núi rừng dìu dặt như tiếng sáo tiếng đàn, tiếng suối chảy róc rách trên đá, tất cả hòa điệu với nhau như tiếng khánh tiếng chuông. Do đó, hình lập thì chương thành, thanh phát thì văn sinh vậy..." (2)*

Ngoài những hiện tượng thiên nhiên của trời đất, đối tượng của văn chương còn bao gồm những trạng thái xã hội, cuộc sống nhân sinh, và cả những gì thuộc về nội tâm con người. Phan Kế Bính viết:

*"Công việc của cuộc đời, xẩy qua đến mắt ta, chạm đến tai ta, việc gần việc xa, việc lớn việc nhỏ, có việc ta ghét, có việc ta ưa, làm cho ta phải khen phải chê, phải cười phải khóc. Ta cứ theo công việc đó mà ghi chép lại thì gọi là văn chương tự sự hay nghị luận. Cảnh ngộ của mình, khi gặp được cảnh sung sướng, khi gặp phải cảnh*

*chua cay. Ta nhân cái cảnh ngộ đó, ta muốn giải tỏ cái tính của ta thì gọi là văn chương tình tự hay là thuật hoài." (3)*

*Thực chất của văn chương,* theo Hồ Hoài Thám, là *tình cảm, tưởng tượng và hứng thú (4); vì đối tượng của văn chương tuy thật mênh mông, nhưng nếu không có tình cảm rung động của nghệ sĩ thì chúng chỉ là những hiện tượng chết, những sự vật bất động, không còn mang ý nghĩa văn nghệ nữa. Và sự biểu hiện tư tưởng để thành văn, nhà văn thường theo hai phương pháp: tự nhiên hóa* và *nghệ thuật hóa.* Tự nhiên hóa là lối biểu hiện hoàn toàn tự nhiên, không hề có một dụng công trang điểm nào của tác giả; và nghệ thuật hóa là tác giả phải dụng công trau chuốt trong khi sáng tác (5).

Vậy, đến đây chúng ta có thể phát biểu một định nghĩa đầy đủ về danh từ "văn nghệ" (theo nghĩa hẹp được nhấn mạnh ở đây): đó là *nghệ thuật sáng tạo dùng văn tự để biểu hiện tình tự con người, hoàn cảnh xã hội, hiện tượng thiên nhiên thành các văn phẩm như thơ, kịch hay tiểu thuyết, không phải bằng suy luận mà bằng tình cảm, tưởng tượng và hứng thú của nhà văn, theo phương pháp tự nhiên hóa hay nghệ thuật hóa.*

Thế cũng cũng có nghĩa, "văn nghệ" là nghệ thuật viết văn, nghệ thuật thưởng ngoạn và sáng tác văn chương, nghệ thuật cảm hứng và biểu hiện cái **ĐẸP** bằng văn chương. Cái đẹp không phải tìm ở nơi đối tượng, mà phải tìm ở trong tâm hồn biết rung động. Sách *Nhạc Kí* nói:

*"Thơ để nói lên cái chí của mình, ca để ngâm cái giọng của mình, múa để vận động cái dáng điệu của mình. Nguồn gốc của cả ba phương diện ấy đều ở nơi tâm hồn, rồi người ta mới theo đó mà chế ra nhạc khí. Vì vậy, tình cảm có thâm trầm thì văn mới sáng rõ; sinh khí có dồi dào thì tinh thần mới biến hóa; tâm hồn có hòa điệu ở bên trong thì anh hoa mới biểu lộ ra bên ngoài." (6)*

Vậy thì muốn tìm cái **đẹp**, người ta phải tìm ở trạng thái tâm lí của nghệ sĩ sáng tác, chứ không phải tìm nơi đối tượng được quan sát. Quan niệm thẩm mĩ này cũng là quan niệm của thiền học về tác dụng của tâm linh:

*"Một ngày kia suy nghĩ, đã đến thời kì nên ra hoằng pháp, không thể trốn ở đây trọn đời. Nghĩ như vậy rồi, mới tìm đến chùa Pháp-tánh ở Quảng-châu, vừa gặp Ấn Tông pháp sư đang giảng kinh* Niết Bàn, *nhơn có hai sư tăng tranh luận nhau về nghĩa phong phan (gió và phướn), người thì nói gió động, người thì nói phướn động, cãi mãi không thôi. Huệ Năng bước tới nói rằng: Chẳng phải gió động, cũng chẳng phải phướn động, chính là tâm của hai nhơn giả động." (7)*

TÂM là chủ thể quan sát, VẬT là đối tượng được quan sát. Tâm là "năng tri", vật là "sở tri" (8). Và khi nào có sự tiếp xúc giữa tâm với vật thì nẩy sinh tác dụng "tâm biết vật". Khi đứng trước sự vật, sự nhận thức của tâm thường có ba trạng thái: *khoa học, thực dụng* và *thẩm mĩ.*

Đối diện một khóm hoa chẳng hạn, *nhà khoa học* sẽ sử dụng khả năng hiểu biết của lí trí để phân tích nhằm đem lại một kiến thức chính xác về những yếu tố đã cấu tạo nên hoa, về những thay đổi của tế bào, chất dinh dưỡng đã nuôi sống hoa, sự hấp thụ dưỡng khí và ánh sáng v.v... Nhưng cũng với khóm hoa đó, đối với một *người chuyên sống về nghề trồng và bán hoa* thì lại mang một ý nghĩa khác. Hoa đối với họ là một nguồn lợi có thể nuôi sống gia đình. Họ sẽ chọn những hoa nào bán được nhiều tiền và bỏ đi những hoa héo khô vô dụng. Vậy sự thương qú hay ghét bỏ của họ đối với loài hoa chỉ là chứng tỏ cái giá trị thực dụng của hoa. Trong khi đó, *nhà nghệ sĩ* khi đứng trước khóm hoa thì không phải quan sát để tìm hiểu về hoa, cũng không cân nhắc cái giá trị hữu dụng hay vô dụng của hoa, mà ông chỉ ngắm nhìn, thưởng thức nào màu xanh của lá, màu đỏ của hoa, nào lớp sương mai còn đọng trên cành lá, nào đàn bướm đang tung tăng thích thú với lòng khao khát nhụy hoa v.v... *Nghệ sĩ ngắm hoa với lòng vô tư,* không cần biết hoa có tên khoa học là gì, dinh dưỡng ra sao; cũng không cần biết đến giá trị thực dụng của nó, mà chỉ có thuần túy một trạng thái **mĩ cảm.**

Thái độ *khoa học* lấy **"chân"** làm cứu cánh đạt thành; thái độ *thực dụng* lấy **"thiện"** làm giá trị đích thực; và thái độ *nghệ thuật* lấy **"mĩ"** làm mục đích tối cao.

Hoạt động tâm lí ở thái độ *khoa học* thì thiên vào **suy luận trừu tượng;** ở thái độ *thực dụng* thì thiên vào **ý chí;** ở thái độ *nghệ thuật* thì thiên vào **trực giác và tình cảm.**

Sự phân biệt có ba trạng thái tâm lí như vậy không có nghĩa là có ba loại người khác nhau trong nhân loại, mà kì thực chỉ là ba khía cạnh sinh hoạt của tâm lí nơi mỗi một con người khi có tác dụng *"tâm biết vật"*; như Trí Khải đại sư (538-597), vị tổ thứ ba của tông Thiên Thai (Phật giáo Trung-quốc) đã nói:

*"Ba tác dụng của tâm là lí trí, tình cảm và ý*

*chí. Chuyển tâm mê vọng thành trí giác ngộ; rời bỏ đau khổ để được an lạc; không làm điều xấu và thực hiện việc tốt. Lấy lí giải để đạt được CHÂN, lấy tin tưởng để đạt được MĨ, và lấy thực hành để đạt được THIỆN, đó là mục đích của hành giả." (9)*

Ba trạng thái căn bản đó của tâm lí đều đầy đủ nơi mỗi cá nhân, vì con người lúc nào cũng vẫn là con người toàn diện, chỉ khác nhau ở chỗ mỗi người vì thiên trọng quá về chuyên môn, nên mới có cái nhìn phiến diện về thế giới sự vật.

Vậy thì *người nghệ sĩ* vẫn có lúc dùng lí trí quan sát sự vật để có một trình độ hiểu biết chính xác theo tính khoa học, vẫn có lúc đứng ở quan điểm đạo đức để phán đoán giá trị tốt xấu của sự vật; nhưng đó chỉ là những lúc thật cần thiết. Ngoài ra, hầu như lúc nào ông cũng tiếp xúc với sự vật bằng trực giác, bằng tình cảm để khêu gợi **mĩ cảm**; vì chỉ có **mĩ cảm** mới đem đến cho ông nguồn cảm hứng để sáng tạo nghệ thuật.

Muốn có sáng tạo nghệ thuật, nghệ sĩ phải đối diện với cái **đẹp**. Và trong lúc thưởng thức cái đẹp, họ đã vất bỏ hết những khái niệm khô khan, những mưu đồ dục vọng, không suy luận, không phán đoán, mà chỉ tập trung tinh thần vào đối tượng, quên mình vào sự vật. Hình tướng của sự vật hoàn toàn choáng hết tâm hồn, khiến cho nghệ sĩ quên hết ngoại giới chung quanh, mê li vào thế giới *"vật ngã đồng nhất" (10), như kinh nghiệm sau đây của đạo sĩ Ramakrishna (người Ấn-độ) là một tỉ dụ:*

*"Bấy giờ tôi lên sáu hay bảy tuổi. Một buổi sớm mai, tôi xách ít gạo rang trong cái giỏ, vừa đi vừa ăn trên bờ ruộng lúa. Thời tiết vào tháng Sáu, tháng Bảy. Chợt ở góc trời nổi hiện một đám mây. Chẳng mấy chốc mây đen kéo đầy*

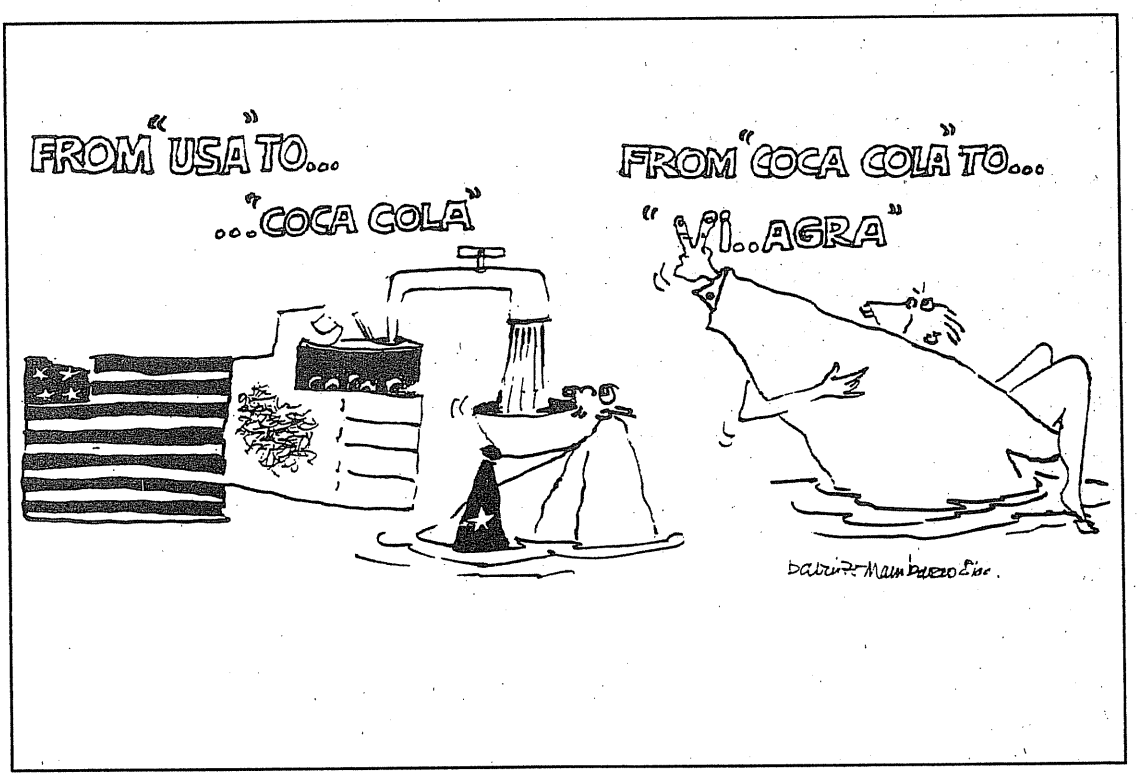


*trời. Bỗng một đàn hạc trắng như sữa bay ngang qua đám mây đen kia. Cảnh tượng đẹp quá đến nỗi tôi mê li ngay vào trong trạng thái tâm thần xa lạ. Cái trạng thái ấy đến với tôi, làm cho tôi quên mất ý thức về ngoại giới. Tôi ngã bất tỉnh nhân sự, và gạo rang đổ tứ tung trên bờ ruộng. Người đi qua thấy thế bế tôi về nhà. Đấy là lần đầu tiên tôi mất ý thức về ngoại giới trong trạng thái xuất thần." (11)*

Kinh nghiệm trên đây của Ramakrishna gọi là *"mĩ cảm kinh nghiệm"*, và cái trạng thái tâm lí thuần trực giác của Ramakrishna trong lúc thưởng thức cảnh đẹp đó là *"trực giác hình tướng."*

*Trực giác* là hoạt động của tâm lí khi tiếp vật; *hình tướng* là đối tượng của trực giác.

Trong *mĩ cảm kinh nghiệm,* khi tâm tiếp vật thì chỉ thuần có trực giác, và vật hiển hiện cũng chỉ có hình tướng mà thôi; giữa tâm và vật không có suy luận, cũng không có dục niệm. Và trong mĩ cảm kinh nghiệm, trạng thái tinh thần cũng thật đặc biệt: ở trạng thái xuất thần, nghệ sĩ mê li trong thế giới *"vật ngã đồng nhất,"* thì sự thích thú như có ở cả hai bên ngã và vật, và cùng cảm sinh, qua lại gặp gỡ. Phải chăng trong trạng thái tâm lí đó mà Nguyễn Công Trứ (1778-1858) đã viết nên bài thơ *"Vịnh Cây Thông"* sau đây:

*Ngồi buồn mà trách ông xanh*
*Khi vui muốn khóc buồn tênh lại cười*
*Kiếp sau xin chớ làm người*
*Làm cây thông đứng giữa trời mà reo*
*Giữa trời vách đá cheo leo*
*Ai mà chịu rét thì treìo với thông*

Đứng trước cây thông, Nguyễn Công Trứ đã bất giác quên mình quên cảnh. Thi nhân và cảnh vật không còn là hai ngôi chủ khách, mà cả hai là một. Đó là khả năng di chuyển tình cảm từ người sang vật, từ vật sang người _ được gọi là *khả năng "di tình tác dụng"* _ của tâm lí vậy. Do khả năng đó mà có hiện tượng "nhân hóa" và "vật hóa", để làm cho ngoại vật bất động trở nên linh hoạt, khô cứng trở nên sống động, vô tình trở nên hữu tình:

*Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu*
*Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ*
Nguyễn Du
*(Đoạn Trường Tân Thanh)*

Cho nên, đã là nghệ sĩ thì cần dồi dào tình cảm; tình cảm dồi dào thì kinh nghiệm mĩ cảm mới sâu rộng. Mĩ cảm kinh nghiệm sinh ra thích thú và rung động, và đó là nguồn sáng tác văn nghệ. Bởi vậy, nhà bình luận văn nghệ không bao giờ dùng những khái niệm trừu tượng của hệ thống triết lí về nghệ thuật để suy luận trong việc phân tích và phê bình tác phẩm, mà phải nghiên cứu tác phẩm văn nghệ bằng vào tâm lí sáng tạo và thẩm mĩ văn nghệ. Đó là ý nghĩa của phương pháp phê bình văn học gọi là *TÂM LÍ VĂN NGHỆ.*

Tóm tắt, *TÂM LÍ VĂN NGHỆ* là một phương pháp phê bình văn nghệ đứng ở quan điểm tâm lí học để nghiên cứu một tác phẩm. Người ta tẩy trừ mọi thành kiến triết học, chỉ chú trọng vào việc phân tích những trạng thái tâm lí hoạt động trong lúc sáng tác và thưởng ngoạn; tức là phân tích những **"khởi hứng"**, vì khởi hứng (hay **cảm hứng**) chi phối toàn thể cá tính tác giả từ cách cảm hứng đến cách phô diễn cảm hứng. Cho nên, nếu chúng ta biết được *cái gì đã làm cho tác giả cảm hứng,* rồi *cảm hứng ra làm sao,* và *cách thức diễn đạt thế nào,* thì chúng ta có thể thấy được tâm hồn tác giả ở các phương diện đặc thù, phổ biến và đại đồng.●

CHÚ THÍCH:

1. Theo sự hiểu biết hạn hẹp của chúng tôi, *"tâm lí văn nghệ"* là một phương pháp phê bình văn học, mà có lẽ cố giáo sư Nguyễn Đăng Thục là người duy nhất đã nghiên cứu và giảng dạy ở bậc đại học. Giáo sư đã dạy môn này cho sinh viên năm thứ nhất ban Cao Học Văn Học của phân khoa Văn Học và Khoa Học Nhân Văn thuộc viện đại học Vạn Hạnh (Sài Gòn) trong niên khóa 1971-1972. - Lúc đó, giáo sư cũng là khoa trưởng của phân khoa này.

2. Trích dịch từ sách *Văn Tâm Điêu Long,* quyển I, chương *"Nguyên Đạo"* của Lưu Hiệp, Hương-cảng: Trung-hưng đồ thư ấn hành, 1961 (trang 1). _ Lưu Hiệp, người đời Lương (502- 558), Trung Quốc, mồ côi từ thuở nhỏ, nhà nghèo, ham học, không cưới vợ, sống với một vị tăng và học kinh Phật. Ông nổi tiếng nhờ tác phẩm *Văn Tâm Điêu Long,* gồm 50 chương, bình luận văn học cổ kim.

3. Phan Kế Bính (1875-1921), *Việt Hán Văn Khảo,* Sài-gòn: Mặc-lâm xuất bản, 1970 (tr. 12).

(04) Xin xem sách *Trung Quốc Văn Học Sử Khái Yếu* của Hồ Hoài Thám, Hương-cảng: Lục-song thư ốc, 1957 (trang 3-4).

5. Như trên.

6. Dịch theo trích dẫn của giáo sư Nguyễn Đăng Thục trong *Thế Giới Thi Ca Nguyễn Du,* Sài Gòn: Kinh-thi, 1971 (tr. 159).

7. *Kinh Pháp Bửu Đàn* của Lục Tổ Huệ Năng, Hội Linh Sơn Nghiên Cứu Phật Học dịch, Sài Gòn: Văn khố Từ-bi-âm, 1970 (tr. 27).

8. *"Năng"* là chỉ cho chủ thể (có tính chủ động), và *"sở"* là chỉ cho khách thể hay đối tượng (có tính thụ động). "Năng tri" là chủ thể biết, "sở tri" là đối tượng được biết đến.

9. Theo giảng văn *"Tâm Lí Văn Nghệ"* (bản chép tay) của giáo sư Nguyễn Đăng Thục, giảng tại lớp Cao Học I Văn Học, phân khoa Văn Học và Khoa Học Nhân Văn, viện đại học Vạn Hạnh, niên khóa 1971-1972.

10. *"Vật ngã đồng nhất":* chủ thể (ngã) và đối tượng (vật) cùng hòa điệu trong một cảnh giới duy nhất; nói cách khác, đó là trạng thái không còn có ý niệm phân cách giữa chủ thể và đối tượng; chủ thể và đối tượng là một.

11. Theo giáo sư Nguyễn Đăng Thục, *giảng văn đã dẫn.*

# ĐI TÌM BẢN SẮC

NGUYỄN CÔNG KHANH

Có những người bạn, lâu lắm anh không gặp, nhiều người có lẽ từ ngày rời nước ra đi. Khi gặp nhau, anh và họ thường nhìn nhau từ đầu tới chân, rồi cả hai cùng thốt lên: "Trông vẫn thế, không thay đổi gì cả," nghĩa là Việt Nam vẫn hoàn toàn Việt Nam.

Sự thật, qua nhiều năm trời xa xứ, anh và mọi người cũng không thay đổi là bao. Tuy tóc anh có nhiều sợi bạc thêm, mặt anh có nhiều nếp nhăn hơn, và dù anh có ăn nhiều bánh mì, nhiều thịt cá Mỹ hơn, nhưng cũng chẳng giúp anh thêm được ký nào.

Ngay cả cách sống, khi bạn anh bước vào nhà, có thể thấy ngay những bức tranh trên tường, những tấm lịch dù có thay đổi hàng năm, nhưng vẫn là những hình ảnh muôn đời của Việt Nam. Vẫn những hàng thùy dương trên cửa Thuận An, Sa Huỳnh, Đại Lãnh, Nha Trang, Vũng Tàu... Vẫn những đồng lúa xanh của miền Nam với sóng lúa chạy vờn đuổi nhau tới mãi tận chân trời. Vẫn những con thuyền nhỏ nặng trĩu trái cây, xuôi dòng bình yên giữa hai hàng cây xanh bên bờ kinh lạch đỏ đất phù sa. Vẫn những cồn cát mênh mông, óng ả không dấu chân người. Vẫn những thắng tích: Hòn Phụ Tử Hà Tiên, Lăng Ông, Chợ Bến Thành, Thánh Thất Cao Đài, Tháp Bà, Cầu Đá, Hòn Chồng, Lăng Tự Đức, Cột Cờ Đông Ba, Suối Vàng, Hồ Than Thở, Thác Cam Ly... Còn nữa, còn thêm nữa, những cảnh Tháp Rùa, Hồ Hoàn Kiếm, Chùa Một Cột, cánh buồm trên vịnh Hạ Long... Vẫn hình ảnh những cụ già tóc trắng như tiên, những bà mẹ hiền lòng bao la như biển cả. Những trẻ thơ ngoan ngoãn, hy vọng tựa măng non. Những thiếu nữ trong sáng bên hoa đào ngày xuân. Những nông dân say sưa đập lúa trong ngày mùa. Những dân chài mình trần bóng nhẫy, kéo lưới buổi bình minh...

Tại phòng khách, cách trưng bày vẫn như xưa. Bàn thờ tổ tiên vẫn trang nghiêm ở một nơi tôn kính. Có thể dễ dàng tìm thấy một vài số báo Việt ngữ, với các tin tức của cộng đồng Việt Nam tại các địa phương, những tin tức từ Việt Nam, những truyện ngắn, những bài thơ... Cũng không khó khăn gì khi muốn tìm một vài cuốn tiểu thuyết tiền chiến hay hiện đại.

Gần đến bữa ăn, tiếng xào nấu trong bếp, tiếng giục dã, tiếng chuyện trò như pháo rang, vui tựa ngày giỗ, ngày tết. Rồi mùi thơm tỏa ra, vẫn cái mùi thơm mà khứu giác anh đã quen thuộc từ thuở ấu thời, hàng ngày, hàng bữa khi tan học về, chờ bữa cơm chiều.

Nếu không ăn ở nhà, đầu óc mọi thường tự động nghĩ ngay đến các quán ăn Việt Nam hay Tàu. Anh quên hẳn các tiệm ăn Mỹ đầy rẫy hai bên đường, ngày hai buổi đi làm vẫn đập vào mắt anh. Tại các tiệm Việt Nam, vẫn những thực đơn tiếng Việt, vẫn những món ăn như thuở nào. Vẫn những chủ quán tiếp khách như tiếp người nhà và vẫn những câu chuyện ngồi chờ cà phê nhỏ giọt ngày xưa.

Những diễn biến và cách sống hàng ngày đó tiếp diễn liên tục không ngừng đã giúp anh và mọi người vẫn sống với cách sống Việt Nam. Các câu chuyện tình tự vẫn Việt Nam, các nhu cầu vẫn Việt Nam, ý nghĩ vẫn Việt Nam. Con người toàn diện của anh và đồng bào anh với thể xác vẫn Việt Nam, đầu óc vẫn Việt Nam và nhất là trái tim vẫn hoàn toàn Việt Nam.

Đi ngoài đường hay trong đám đông, nhiều người có thể nhận ra anh là người Việt Nam. Nhất là cái họ của anh vừa khó viết lại vừa

khó đọc, nhưng họ biết ngay nó là của Việt Nam và chỉ Việt Nam mới có.

Anh nghĩ rằng, cho dù anh và đồng bào anh có sống ở đây đến trăm năm, ngàn năm đi nữa cái chất Việt Nam có thể bị phai mờ một phần nào nhưng không thể làm mất hẳn được. Mọi người như anh đã được tôi luyện trong cái khí thiêng của sông núi, trong cái hào khí của tiền nhân. Cái chất sắt đá của Việt Nam đó đã được đem thử với bao ngọn lửa độc bạo tàn, ngàn năm của Bắc phương, trăm năm của Tây phương, rồi sự đồi trụy, sự bần cùng hóa của bao nhiêu chế độ, nhưng mọi người vẫn lì, vẫn trơ, vẫn ngạo nghễ, vẫn tung hoành dù có bị tản mác khắp nơi, và có dù bị nhồi lên dìm xuống.

Việt Nam, không những chỉ là tiếng nói khi vào đời, cho tới khi lìa đời, như trong một bài ca, mà Việt Nam tiếng ấy ngày nay đã được mọi người trên thế giới nhắc đến hàng ngày, hàng tuần trên đài truyền thanh, truyền hình, trên báo chí, trên miệng mọi người khác giòng giống với anh.

Anh nghĩ rằng hai tiếng Việt Nam sẽ không bao giờ bị lãng quên trong đầu óc của nhân loại. Mỗi lần họ thốt lên, họ viết ra, anh được nghe thấy, anh được nhìn thấy là một lần anh được đánh thức anh là người Việt Nam.

Việt Nam được nhắc đến khi trẻ em Việt đứng hàng đầu tại các học đường anh thấy hãnh diện. Việt Nam được nhắc đến khi đồng bào anh vượt biển bị hải tặc lộng hành, anh thấy căm phẫn, xót thương. Khi Việt Nam bị đem ra bôi xấu anh thấy xấu hổ, bị đe dọa anh lại càng cảm thấy cần có sự hiện diện của mọi người để chận đứng cơn lốc, để làm sáng danh lại hai chữ Việt Nam.

Việt Nam, tất cả đã thường trực trong không gian anh thở, trong thời gian anh sống. Từng giây, từng phút đã giúp anh nối chặt với đồng bào anh tại các tiểu bang của Hiệp Chủng Quốc, với đồng bào anh khắp thế giới, với quê hương xa cách ngàn trùng, với những người ở lại, với những người đã nằm xuống và với tiền nhân vẫn theo anh phảng phất đâu đây.

Anh và mọi người đang đứng ở biên cương mới, đang đứng ở đầu ngọn gió, lại càng phải đứng vững hơn bao giờ hết. Anh và mọi người càng phải thấy mình là Việt Nam hơn nơi nào hết và hơn lúc nào hết.

*

Trong lúc mọi người đang ngồi ở bàn ăn, tiếp đãi nhau, hàn huyên những chuyện xa xưa; thì có tiếng trẻ lao xao bên ngoài, tiếng cửa mở mạnh và các tiếng chân chạy xầm xập lên lầu như đàn ong vỡ tổ. Việt Nam đã và đang thay đổi bắt đầu từ đây, ở những người Việt Nam thơ dại nầy. Chúng đến chào cha mẹ và các bạn bè anh. Vẫn bằng tiếng Việt với những ngôn từ thông dụng. Da chúng vẫn vàng, tóc chúng vẫn đen, mắt chúng vẫn nâu. Có cái gì thay đổi?

Khi chúng nói chuyện với nhau, với những bạn bè của chúng, chúng đã nói bằng tiếng Mỹ. Cử chỉ của chúng đã thấy tự do hơn. Chúng đã thích Hamburger, French Fries, Pizza, Fried Chicken... hơn là đi ăn những món ăn ở nhà hàng Việt Nam hay Tàu. Thỉnh thoảng, đưa chúng đi xem đại nhạc hội Việt Nam, các danh hề chọc cười, chúng ngồi yên như mấy người Mỹ ngồi chịu trận vì quá nể lời bạn đi xem người Việt trình diễn văn nghệ. Nhiều bài hát, chúng đã không nghe được và không thấm được ý. Đọc truyện Việt Nam đã bắt đầu không hiểu, chưa nói đến các vấn đề khác trên báo chí.

Nhưng khi nghe những truyện "jokes" trên Ti Vi, chúng cười như nắc nẻ. Báo "comics" chúng mua chất đống trong nhà. Vài năm nay, rủ được chúng đi đến các buổi văn nghệ, tế lễ, chùa chiền đã là một chuyện khó khăn.

Đó là chưa đo lường được xem trong đầu óc chúng, trong trái tim chúng đã thay đổi như thế nào. Nếu đem so sánh với một đứa trẻ ở Việt Nam cùng tuổi, thì chắc chắn có những sự khác biệt hiển nhiên; và có thể nó đã vượt quá xa so với mọi người thường nghĩ.

Một người bạn cho biết , đã không lấy làm ngạc nhiên lắm, khi có một số đông trẻ em Việt Nam chiếm ưu hạng tại bậc trung học. Anh nghĩ rằng, nếu đem so sánh hai nền giáo dục tiểu học, trung học và cách học của học sinh của Việt Nam và Hoa Kỳ thì có nhiều điểm khác nhau, và nếu đem được các trẻ em còn kẹt lại sang được đây, sĩ số ưu hạng còn có thể cao hơn nhiều so với các sắc dân khác. Nhưng dầu sao thành tích đó, trong một thời gian kỷ lục đã khiến nhiều nhà giáo dục Hoa Kỳ đã lên tiếng đòi xét lại nền giáo dục tại đây. Báo chí, tại các địa phương, mỗi năm mãn khóa đều đăng những bài báo, hình ảnh các sinh viên, học sinh Việt Nam xuất sắc gần như một cách định kỳ.

Một tờ báo lớn trong vùng anh ở, đăng liên

tiếp mấy ngày liền, nói về thành quả của học trò Việt Nam. Anh đọc bài và nhìn hình hai em học sinh ưu tú, gương mặt hai em tỏa ra một sự tự tin rạng rỡ. Anh tin rằng, những học sinh Việt Nam nầy sẽ còn chiếm ưu hạng trong những năm tới ở bậc đại học.

Nhưng có một đoạn trong bài báo đó ghi lại lời phát biểu của một em làm anh suy nghĩ: "Tôi đã ở đây nhiều năm và tôi cảm thấy tôi là người Mỹ. Tôi nói tiếng Mỹ thạo hơn tiếng Việt."

Rồi một ít năm nữa đây, con cháu của anh và đồng bào anh sẽ sống ở đây lâu hơn, sẽ là ba mươi năm, bốn mươi năm... Chúng ta cũng đừng ngạc nhiên khi những đứa con, đứa cháu... của chúng ta, chúng sẽ không nói đến cái cảm nghĩ nữa, không nói đến sự so sánh nữa, mà thẳng thắn phát biểu: "Tôi là người Mỹ, tôi không nói được tiếng Việt."

Anh chưa dám nghĩ tới các thế hệ thứ hai, thứ ba, những trẻ em được sinh trưởng ở đây, những người Việt Nam chưa một lần được nhìn thấy quê hương, chưa một lần đặt chân lên mảnh đất của tổ tiên đã rời bỏ. Càng nghĩ anh càng cảm thấy ê ẩm trong lòng. Anh đem chuyện trên thảo luận với một số bạn, trong đó có người không phải là Việt Nam, họ đều qui trách nhiệm cho cộng đồng, cho những người lớn chúng ta và chính anh cũng lãnh một phần trong đó.

Một ngày cuối tuần, anh ra thư viện của thành phố. Trong cái rừng sách tràn ngập, anh muốn lần theo vết chân của các sắc dân Á Châu giống như anh, đã đến đây từ thế kỷ trước. Anh muốn xem họ và con cháu họ đã bắt đầu từ đâu, đã đi được đến đâu và qua chặng đường dài đó, họ đã thay đổi như thế nào? Họ có còn giữ được giấc mơ lúc ban đầu không? Anh nói chuyện với người quản thủ thư viện về ý định của anh. Một lúc sau họ mang đến cho anh hàng chồng sách. Trong cái yên lặng trầm ngâm, anh chọn ra mấy cuốn và lần giở từng trang...

*

Về người Nhật, trong cuốn *Nisei* (thế hệ thứ hai của Nhật Bản), cuốn sách nầy được tái bản ít nhất là ba lần. Tác giả Bill Hosohawa trong chương *The Search for Identity* (Đi tìm bản sắc), đã viết về Nisei những mẩu chuyện như sau:

*"Những Nisei, được sinh trưởng ở đây, là công dân Mỹ có máu Nhật, họ đang đi tìm bản sắc cho chính họ. Các Isei (thế hệ đầu di dân Nhật) thì băn khoăn về tương lai của con cháu họ, không biết có những gì không hay sẽ xảy ra cho các Nisei sau này."*

Trong chương này, một thiếu niên Nisei đã

nói về đời sống hòa hợp giữa hai nền văn hóa trong gia đình của em như sau:

*"Đời sống trong gia đình tôi là một sự hỗn hợp kỳ dị giữa Đông và Tây. Tôi ngồi ăn bữa điểm tâm Mỹ và ăn bữa trưa của Nhật. Phần ăn của tôi được khai triển dị thường giữa cơm, thịt bò và bắp cải. Tôi đã thành thạo trong việc dùng dao, nĩa và đũa như nhau. Tôi đọc lời nguyện bằng tiếng Nhật trước mỗi bữa ăn, và đọc kinh bằng tiếng Anh trước khi đi ngủ. Ngày lễ Giáng Sinh, tôi treo vớ trên lò sưởi; ngày đầu năm của Nhật, tôi nướng bánh dày và thưởng thức một cách ngon lành. Tôi nói với cha tôi bằng tiếng Anh, bằng tiếng Nhật hay bằng một thứ tiếng hỗn hợp lạ lùng mà tôi cảm thấy tiện lợi."*

Nisei này đã đi đến một sự dung hòa tuyệt diệu, bình thản giữa hai nền văn hóa trong đời sống của em. Một cuộc đời mà em vừa phải sống để tranh đua với xã hội bên ngoài, vừa phải sống để giữ gìn các phong tục, nối tiếp với thế hệ trước em.

Nhưng tác giả cho đây không phải là một trường hợp bình thường, điển hình cho tất cả Nisei đang gặp phải trong đời sống của họ. Tác giả viết tiếp:

*"Nhiều thiếu niên Nisei Nhật đã được dạy từ thuở ấu thời, họ sẽ là nhịp cầu nối qua Thái Bình Dương giữa hai nền văn hóa Đông và Tây, giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản, giữa nơi họ sinh trưởng và di sản của tổ tiên. Nhiều Isei nghĩ rằng, con họ sẽ không bao giờ chấp nhận nhập vào đời sống Mỹ một cách hoàn toàn, nên dạy cho các Nisei một số hiểu biết về Nhật Bản và khuyến khích Nisei về thăm lại quê hương."*

*"Trong một chuyến về thăm Nhật được tổ chức năm 1925 cho các Nisei, một thiếu nữ đã phát biểu sự bối rối của cô về tương lai trong một buổi tiệc do các nhà lãnh đạo Nhật thết đãi:*

*"Tôi kính trọng nước Nhật, đó là đất của tổ tiên tôi, nhưng tôi không biết gì về nước Nhật, tôi không nói được tiếng Nhật, mặc dầu chúng tôi có những khó khăn tại Mỹ, tôi vẫn yêu nước Mỹ. Tôi muốn hết lòng phụng sự đất Mỹ hơn."*

Để đáp lời, vị Đô Đốc chủ tọa đã ôn tồn nói với cô:

*"Cô hãy trở về Mỹ để trở thành một người học trò giỏi nhất, một chuyên viên tốt nhất trong nghành cô chọn, một người vợ thảo nhất khi cô lập gia đình, một người mẹ hiền nhất và một người công dân Mỹ tốt nhất như cô muốn. Tôi chắc rằng, nước Mỹ sẽ vui lòng được có cô, và chúng tôi ở Nhật cũng sẽ hãnh diện vì cô đã tỏ ra là một công dân tốt của Hoa Kỳ."*

Sau đó, nhiều chính giới Nhật cũng khuyến khích cô thành một công dân tốt nơi cô sinh trưởng và họ còn khẳng định: *"Không ai có thể sống tích cực và thành công được khi mà lòng trung thành còn bị phân xẻ."*

Đó là lời lẽ của các nhà lãnh đạo trong buổi lễ chính thức. Nhưng trong thời gian cô lưu lại Nhật, làm việc cho một cơ quan văn hóa quốc tế tại Tokyo, cô đã nhận chân ra mặt trái của sự thật, và cô đã mạt sát thậm tệ:

*"Hầu hết các nhà giáo dục và lãnh đạo Nhật đều tồi tệ. Họ khinh bỉ Nisei về lối sống Mỹ và sự thiếu hiểu biết về văn hóa và nghi lễ Nhật. Họ coi Nisei không có khả năng nói tiếng Nhật đúng cách và chỉ là con cháu của giai cấp bần nông thấp kém đã phải bỏ xứ đi tha phương cầu thực."*

Ít lâu sau, cô trở về Mỹ. Cô đã bị dân Nhật ghét bỏ. Cô đã mạt sát họ và dù cô có tuyên bố yêu nước Mỹ đến thế nào, thì 20 năm sau, chắc gì cô đã thoát khỏi cảnh bị chính quyền Mỹ đưa vào trại tập trung khi hạm đội Nhật tấn công Trân Châu Cảng trong Thế chiến thứ hai.

Kiếm việc làm ở Mỹ thì bị khó khăn vì nạn kỳ thị; khi trở về Nhật, muốn phục vụ, lại càng khó khăn hơn, khi muốn tìm một chỗ đứng.

Nhiều Nisei tình nguyện về thăm, theo các chương trình khảo cứu hay du học ở Nhật. Họ đã nhiễm văn hóa Mỹ, nên gặp nhiều khó khăn để điều chỉnh cách sống, đó là chưa kể đến sự khinh thị, nhạo báng của những người cùng giòng máu với họ. Các điều đó khiến các Nisei chán ghét Nhật Bản đến nỗi họ đếm từng ngày để trở lại Hoa Kỳ.

Một số Nisei thuộc tuổi học trò đã được cha mẹ gửi về Nhật sống với ông bà hay thân thuộc để được thụ huấn khuôn mẫu của Nhật. Những Nisei này đang học dở dang nền giáo dục Hoa Kỳ, nay lại phải hướng về nguồn gốc Nhật. Vì các Nisei là công dân Mỹ, nên đến tuổi trưởng thành họ trở lại Hoa Kỳ với ước vọng của cha mẹ là con mình còn giữ được bản sắc của người Nhật.

Nhưng oái oăm thay, khi về Mỹ, họ lại thấy hoàn toàn không hợp với các Nisei cùng lứa tuổi ở Mỹ. Họ cảm thấy lạc lõng, y như lúc từ Mỹ về Nhật. Cảm nghĩ của họ bây giờ theo lối Nhật, tiếng Mỹ lại lạng quạng. Họ lại trải qua bao khó khăn, không biết đến bao giờ mới nhập lại được vào đời sống Mỹ, cùng với các Nisei khác. Thành thử, suốt đời họ gặp toàn cảnh bối rối, luôn luôn lo điều chỉnh cuộc sống, luôn luôn tìm hiểu mình là gì trong cái

xã hội mà mình muốn hòa nhập.

Anh nhớ đến có lần trước đây, một Sansei (người Nhật thuộc thế hệ thứ ba) đến thuyết trình về đề tài sự hội nhập văn hóa của người di dân. Sau phần trình bày, một câu hỏi được đặt ra cho Sansei này là: *"Anh nghĩ thế nào về nước Nhật, anh có hãnh diện về nền kinh tế hùng cường của Nhật không?"* Sansei này thản nhiên trả lời: *"Tôi không có cảm nghĩ gì cả."*

*

Nói về người di dân Trung Hoa, trong cuốn *The Story of Chinese in America,* cuốn này đã được tái bản nhiều lần, tác giả Betty Lee Sung đã đưa bốn mảnh đời trong chương *"Joining the Mainstream"* (Nhập vào giòng sông chính) như sau:

*Cô Lila Huey, sinh tại Mỹ , đã nổi giận khi mọi người gọi cô là Tàu, "Đừng gọi tôi là Tàu, tôi là Mỹ. Cha tôi tuy sinh ra ở Trung Hoa, nhưng đã ở đây trên ba mươi năm. Mẹ tôi sinh ra ở xứ sở này và chúng tôi đã là công dân Mỹ. Tôi không có liên hệ gì với nước Trung Hoa và điều làm tôi khó chịu khi có người hỏi tôi 'cô là Tàu hay Nhật.' Tôi thường trả lời bằng cách hỏi ngược lại, 'Ông là người Ý, người Hy Lạp hay người gì?...'"*

Lila sau này tốt nghiệp đại học University of Washington, Seattle, tìm được việc làm một cách dễ dàng. Lần đầu tiên trong đời, cô cảm thấy không phải là người Mỹ hoàn toàn, khi cô bắt đầu yêu một thanh niên Trung Hoa. Cô thú nhận rằng: "Tôi muốn kết hôn với người cùng giòng giống tôi. Tất cả những thanh niên khác trong vùng Seattle và Porland mà tôi quen ở đại học đều không hợp với tôi."

Harry Dear không để ý khi bị người ta gọi là Tàu. Anh ta nói: *"Tôi là Mỹ. Tôi hãnh diện về dân tộc tôi, về di sản của tổ tiên tôi. Tôi tới Mỹ từ lúc còn bé, lớn lên ở chợ Tàu New York. Tôi không nói được tiếng Mỹ trước khi tôi đi học trường công. Mẹ tôi góa chồng. Mẹ tôi đi may thuê để nuôi tôi. Mẹ tôi không nói được một tiếng Anh nào, ngay cả bây giờ cũng thế. Tất cả bạn bè tôi ở chợ Tàu đều nói tiếng Anh theo kiểu 'chop sui.' Tôi không bao giờ được điểm cao quá 'C' về Anh văn. Khi vào đại học, tôi vẫn còn bị bạn bè cười vì tiếng Anh 'chop sui' của tôi cứ vô tình tuôn qua cửa miệng."*

Sau này, Harry trở thành một kỹ sư trưởng trong một công ty.

Raymond Eng, tốt nghiệp đại học Tôn Dật Tiên tại Quảng Đông. Đến Mỹ năm 1937, anh làm báo để truyền bá tư tưởng quốc gia và chống cộng sản. Anh tham gia cộng đồng, họp mặt với các lãnh tụ trong chợ Tàu. Anh được mọi người kính nể và thường giữ vai trò hòa giải và cố vấn cho cộng đồng. Sau này, anh bỏ nghề làm báo và chuyển sang địa hạt địa ốc, bảo hiểm, thuế, thông dịch. Anh kết hôn với Tze Chun, nữ sinh viên Trung Hoa du học bị kẹt lại khi Trung Cộng chiếm lục địa.

Cả hai sau này trở thành công dân Mỹ, nhưng cứ đến ngày Song Thập, anh đều lên diễn đàn hô hào đuổi cổ Cộng Sản ra khỏi Trung Hoa yêu dấu của anh.

Man Fook Liu, theo chân cha đi tới Mỹ để tìm vàng. Giấc mơ của Man Fook Liu là làm việc cật lực, để dành từng xu và trở về Tàu với túi đầy vàng.

Trước khi anh đi, gia đình cưới vợ cho anh. Anh đã có một con trai để nối dõi và là một cái cớ để nhắc anh phải trở về. Anh tới Mỹ, như lời đã hứa, làm không nghỉ và mong kiếm được một số tiền lớn để trở về quê hương. Nhưng giấc mơ đó đã không bao giờ tới. Túi mãi không đầy vàng và Trung Hoa thì mất vào tay Cộng Sản. Anh cố tìm cách gửi tiền về nhà, nhưng được tin vợ anh đã chết từ lâu, còn con anh chạy lạc sâu vào nội địa, khi bị Nhật Bản chiếm.

Hiện giờ Man Fook Liu đã hơn sáu mươi tuổi, không biết mình có nên trở lại quê hương nữa hay không, và cũng không biết mình muốn gì bây giờ. Còn tương lai thì chỉ mong khỏi mất cái việc phụ thợ giặt mà ông đang làm.

Bốn hình ảnh trên, tác giả nêu ra tượng trưng cho các di dân Trung Hoa tại Mỹ. Lila mong mỏi hoàn toàn đổi thành Mỹ. Harry thành công khi hội nhập vào xã hội Mỹ và vẫn tự hào về nguồn gốc của mình. Raymond đã gắn liền đời mình với cộng đồng. Anh phục vụ cộng đồng và tìm sự kính nể ở đó. Còn Man Fook Liu là một kẻ tạm lưu cư, dù rằng đã sống gần trọn đời tại Mỹ, nhưng đầu óc và tâm hồn vẫn không rời Trung Quốc.

*

Về người di dân Phi Luật Tân, trong cuốn *Asian American Psychological Perspective* gồm nhiều bài nghiên cứu của giáo sư tại các đại học do Stanley Sue, Ph. D và Nathaniel N. Wagner, Ph. D biên soạn. Tác giả Fred Cordova đã phẫn nộ trong chương Filipino Americans: *There's Always An Identity Crisis,*

(Người Phi-Mỹ luôn luôn có một khủng hoảng bản sắc) như sau:

*"Rất nhiều người Mỹ, không phải chỉ có Mỹ trắng không biết đến người Phi, và một điều đủ để ngạc nhiên là chính người Phi cũng không biết họ là gì nữa. Có hai điều hiển nhiên là có những định chế kỳ thị trong xã hội người da trắng và sự tự quên dần mất bản sắc của chính người da nâu."*

Người Phi tự gọi họ là người da nâu, không giống như những dân da vàng của Á Châu như Tàu và Nhật. Nhiều năm trước, trong các cuộc thống kê về dân số, họ thường bị đặt vào loại *"other"* (người khác) trong loại *"Oriental or other"* (người Phương Đông hay người khác) . Phi Luật Tân có 87 ngôn ngữ chính và hầu hết di dân Phi đều có tên lấy theo chữ Tây Ban Nha. Họ cứ bị nhầm lẫn hoài: khi thì Nhật, khi thì Tàu, khi thì Hạ Uy Di, khi thì dân da đỏ, khi thì Mễ Tây Cơ... khi thì là dân da đen vì màu da sậm và cùng có thị hiếu như thích nghe nhạc dậm dật, khi thì da trắng vì có tôn giáo, học vấn và đời sống giống họ.

Sự nhầm lẫn nầy đã khiến một giáo sư người Phi tại Seattle University nói: *"Tôi luôn luôn bị vật lộn với sự khủng hoảng bản sắc. Khi thì tôi là người Phi Mã Lai, khi thì là người Phi Tây Ban Nha, rồi lại là người Phi Mỹ và sau này thì lại là người Mỹ Phi."* Cuối cùng, giáo sư này phải nổi giận: *"Nhưng, hãy nhớ có một sự bất biến là cha mẹ tôi, các con tôi và tôi đều được tạo ra từ Adam và Eva. Để tóm lại, tôi nghĩ tôi là người Mỹ Phi da đen- Mã Lai - Đông Dương- Tây Ban Nha - Nhật... và tôi là loài người!"*

Anh không có thì giờ đọc hết các chồng sách mà người quản thủ thư viện đưa cho anh. Anh biết rằng trong đó có biết bao nhiêu cuộc đời của các người di dân, tị nạn từ bên kia Thái Bình Dương đến. Có những giấc mơ đã thành, nhưng có bao nhiêu giấc mơ đã tàn lụi theo cuộc đời của họ. Có bao nhiêu tấm lòng hoài vọng cố hương, về miền Dương Tử, về miền Tô Châu, về miền Hoa Nam của lục địa, và những hòn đảo đầy hoa đào trên biển Nhật Bản lạnh giá hay trên biển Nam Hải nắng ấm xa xưa...

*(Còn tiếp)*


## MỘT TẬP THƠ ĐẶC-BIỆT

**Gồm hai phần,**

Phần thứ nhất: **QUANG-TRUNG DIỄN-CA**

Một bản ANH-HÙNG-CA gồm 391 câu thơ song-thất-lục-bát, rất Việt-Nam, nói lên sơ lược thân-thế và sự-nghiệp vị ANH-HÙNG-ÁO-VẢI đất Tây-Sơn, vị ANH-HÙNG đã yên nhà, giữ Nước, lập bao chiến-công hiển-hách để kẻ hậu thế phải bùi-ngùi:

*Tiếc vận Nước Anh-hào vắn số,*
*Cột chống trời sớm đổ nhà xiêu.*

Phần thứ hai: **VIỆT-NAM BIẾN-CỐ DIỄN-CA**

Một bản trường-ca gồm 1 820 câu thơ song-thất-lục-bát, nói lên sơ lược những uất hận của cả Dân-tộc ta, suốt nửa thế-kỷ vừa qua, từ 1945 đến 1995, đã và đang bị chìm-đắm dưới nanh-vuốt bạo-tàn.

**Giá 30 Frs**

Có để bán tại nhà sách **Khai-Trí = 93 avenue d'Ivry 75013 PARIS - FRANCE**
Nhà sách **Nam-Á và Diễm-Phương = Centre Commercial les Olympiades 44 avenue d'Ivry 75013 PARIS - FRANCE**
Ở xa: Liên-lạc nhà sách **KHAI-TRÍ, 93 avenue d'Ivry 75013 PARIS, FRANCE**

- Trong nước Pháp, thêm 8 Frs cước phí
- Ngoài nước Pháp, thêm 16 Frs cước phí.

# THỬ ĐI TÌM CÁI TƯƠNG ĐƯƠNG TRONG PHIÊN DỊCH

TRỊNH NHẬT

## 1. Dẫn nhập

Vấn đề chữ nghĩa tiếng Việt, nhất là tiếng Việt dùng ở hải ngoại, luôn luôn là một đề tài nóng bỏng mà nhiều thức giả, văn gia, thi sĩ, kí giả, cùng nhiều giáo chức, phụ huynh học sinh đều muốn tham gia thảo luận. Bằng chứng là đầu năm ngoái và đầu năm nay ở Úc, đặc biệt là tại Sydney và Melbourne, đã có diễn đàn gay go nhưng bổ ích về chuyện "chữ nghĩa và dịch thuật" do Giáo sư Nguyễn Ngọc Phách khởi xướng. Vào những năm 1995, 1996, ở Mỹ, trên tờ nguyệt san *Thế Kỷ 21* này, cũng đã có một cuộc tranh luận dằng dai về "chữ và nghĩa" kéo dài cả sáu tháng trời. Vào đầu năm 1997, trên tờ *Thời Báo* xuất bản tại Oakland, đã thường xuyên có mục "Dùng Từ và dùng Chữ cho Đúng" của Giáo sư Nguyễn Đình-Hoà. Chúng ta quan tâm về chữ, về nghĩa có lẽ một phần vì nhu cầu muốn được nghe, được nói, được đọc, được viết cái thứ tiếng mà Phạm Duy đã gọi là "tiếng mẹ ru từ lúc nằm nôi," một phần khác vì nhu cầu muốn khuyến khích con em người Việt mình ở nước ngoài có thêm cơ hội trở về nguồn qua việc nghe, đọc, nói, viết tiếng mẹ đẻ và đồng thời là để thắt chặt mối quan hệ gia đình cho được thêm thắm thiết, dễ cảm thông hơn.

Nhưng cái khó cuả chúng ta ở đây là, sống nơi xứ lạ quê người, mọi chuyện thông tin, thời sự, quảng cáo, khoa học đa phần là qua việc chuyển ngữ, phiên dịch từ các tài liệu bằng tiếng Anh. Công việc này tất nhiên đòi hỏi cái khéo léo, ứng biến của những người dịch tin tức, sách báo. Chúng tôi xin được chia sẻ với quý độc giả Việt-ngữ và thông-dịch-viên đôi điều hiểu biết thô thiển, cùng kinh nghiệm của một người làm công việc dịch thuật thông tin Anh Việt.

## 2. Phiên dịch là gì?

Phiên dịch (translation) là việc chuyển đạt lời lẽ, ý tưởng của một bản văn (text) từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác bằng lời lẽ, ý tưởng tương đương dưới hình thức chữ viết.

Ở Việt Nam hiện giờ, người ta gọi công việc này là biên dịch, còn phiên dịch thì nay lại được dùng để chỉ việc thông dịch, thông ngôn, hay nôm na là dịch miệng (interpreting). Trong thuật-ngữ phiên dịch, bản văn có thể hiểu là có hình thức của một từ (word), một đoản-ngữ (phrase), một câu (sentence), một cú đoạn (paragraph), một đoạn văn (passage), hay cả một cuốn sách (book). Danh từ chuyên môn gọi ngôn ngữ đem chuyển ngữ là ngôn ngữ gốc hay ngôn ngữ nguồn (source language) và ngôn ngữ được chuyển ngữ là ngôn ngữ ngọn hay ngôn ngữ đích (target language). Nói khác đi, nếu ta phiên dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt, thì tiếng Anh là ngôn ngữ gốc (ngôn ngữ nguồn) còn tiếng Việt là ngôn ngữ ngọn (ngôn ngữ đích), và ngược lại.

Trong bài này, người viết xin được giới hạn đề tài để chỉ bàn về những đơn vị ngữ-nghĩa (units of meaning) của một từ, một đoản ngữ, một câu và những giải pháp phiên dịch những đơn vị đó mà ta còn gọi chúng là những đơn-vị dịch thuật (units of translation). Nói khác đi, chúng ta chỉ xét đến cấp vi-mô (micro level) của việc dịch thuật, thay vì cấp vĩ-mô (macro level), là đề-tài của một nghiên cứu khác.

## 3. Thực thể ngôn ngữ

Nói đến phiên dịch là nói đến ngôn ngữ. Nếu ngôn ngữ chỉ là mớ danh-pháp, tên đặt cho toàn bộ những ý niệm chung trong vũ trụ, đâu cũng như đâu, thì việc phiên dịch từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác chắc sẽ dễ dàng, giản dị, không có gì đáng nói. Trong trường hợp dịch từ Anh sang Việt chẳng hạn, ta chỉ việc thay thế tên tiếng Anh dùng chỉ một ý niệm nào đó bằng một tên tiếng Việt tương đương có sẵn dùng chỉ ý niệm đó là xong. Thí dụ "table" là "cái bàn," "book" là "quyển

sách," "woman" là "đàn bà."

Nhưng thực tế không phải là như vậy, người ta đã khám phá ra vô số bằng chứng cho thấy rằng mỗi ngôn ngữ diễn tả thực thể vũ trụ một cách, mỗi cộng đồng ngôn ngữ chia sẻ kinh nghiệm, mô tả thế giới theo nhãn quan của những người nói ngôn ngữ đó. Dưới đây là một vài thí dụ điển hình cho thấy ngôn ngữ đã phản ảnh thế giới quan của người nói tiếng bản ngữ ra sao và ảnh hưởng của nó đối với nghệ thuật phiên dịch.

*3.1 Ý niệm về "màu sắc"*

Nói về "màu sắc," trong tiếng Anh, theo Berlin và Kay, người ta phân-biệt 11 màu sắc cơ-bản là "trắng, đen, đỏ, xanh lá cây, vàng, xanh nước biển, nâu, tím, hồng, da cam, xám" (white, black, red, green, yellow, blue, brown, purple, pink, orange, grey), trong tiếng Việt ta có bảy màu sắc cơ-bản là "xanh, đỏ, trắng, tím, vàng, nâu, đen." Tiếng Anh phân-biệt màu "green" và "blue," trong khi người Việt ta nói chung hai màu đó là màu "xanh" (green /blue) là đủ. Thí dụ như khi ta nói "đèn xanh đèn đỏ," "Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen" hay "Biết anh thích màu trời, em đã bồi hồi chọn màu áo xanh" chẳng hạn. Tiếng Anh phân biệt "yellow" và "orange," trong khi người Việt ta gộp chúng lại làm một gọi là màu "vàng." Chẳng hạn như, trong trường hợp bình thường, một cô gái mặc áo dài màu "yellow' hay màu "orange" thì ta cũng chỉ nói chung là "áo vàng" hay như trong "áo nàng vàng anh về yêu hoa cúc" là đủ rồi, không cần thắc mắc là cúc màu "vàng" hay màu "cam," vì "cam" cũng là "vàng."

*3.2 Ý niệm về "nhiệt độ"*

Nhiệt độ trong tiếng Anh có bốn từ cơ bản "hot, warm, cool, cold," trong tiếng Việt cũng có bốn từ cơ bản "nóng, ấm, mát, lạnh." Hai từ "hot, cold" chỉ hai thái cực của nhiệt độ thì tương-đương với "nóng, lạnh" đã đành, nhưng "warm, cool" thì không hoàn toàn tương đương với tiếng Việt "ấm, mát" khi nói về nhiệt độ thời tiết. Tiếng Anh khi nói "warm" có nghĩa là "nóng" mà cũng có nghĩa là "ấm," diễn tả cái "khó chịu"" (discomfort) cũng như cái "dễ chịu" (comfort) của từ ngữ đó. Thí dụ "It's getting warm in here!" (Trong này coi bộ nóng à nghe!) nói diễn-tả cái "khó chịu" khi rút khăn mùi-xoa lau mấy giọt mồ hôi đọng trên trán, và "It's getting warmer today" (Hôm nay trời coi bộ ấm) nói diễn tả cái "dễ chịu"" sau mấy ngày lạnh buốt giá. Vậy là tùy theo ngữ-cảnh, tùy theo yếu tố phi-ngôn-ngữ (non-linguistic elements), mà ta phải dịch là "nóng" hay "ấm." Còn tiếng Việt nói "ấm" thì có nghĩa là "không lạnh" diễn-tả cái "dễ chịu" không mà thôi, như khi ta nói "hôm nay trời ấm áp, dễ chịu quá" hay "mặc cái áo len này vào cho ấm," tất nhiên không hàm nghĩa "khó chịu."

Tương-tự, trong tiếng Anh "cool" có nghĩa là "lạnh" mà cũng có nghĩa là "mát," diễn-tả cái "khó chịu" cũng như cái "dễ chịu" cuả từ-ngữ đó. Còn tiếng Việt nói "mát" thì chỉ có nghĩa là "không nóng" dùng diễn-tả cái "dễ chịu," như khi ta nói "hôm nay trời mát mẻ, dễ chịu quá" hay "cởi cái áo len này ra cho mát," tất nhiên không hàm nghĩa "khó chịu."

Nhưng khi nói về nhiệt độ không thôi, thì "cold" và "cool" lại đồng nghĩa với nhau trong tiếng Việt gọi chung là "nguội" thường diễn tả cái "khó chịu". Thí dụ khi ta nói "ăn cơm đi kẻo thức ăn nó nguội" (Go ahead and eat, otherwise it [the dinner] will get cold) hay "Không ăn đi để thức ăn nguội hết rồi!" (The food will get cold if you don't eat it now). Nhưng cũng có thể diễn tả cái "dễ chịu'"nếu ta nói: "Coi chừng! để nguội rồi hẵng ăn" (Be careful! let it [the food] cool a bit before you eat it).

*3.3 Ý niệm về "anh chị em"*

Trong tiếng Anh người ta chỉ phân biệt phái tính (gender) "nam nữ" trong liên-hệ anh chị em bằng từ "brother" (trai) và từ "sister" (gái). Vì vậy, khi giới thiệu người anh trai hay em trai thì họ chỉ nói "He is my brother", còn khi giới thiệu chị gái hay em gái thì "She is my sister", thế thôi. Để có thể dịch được sang tiếng Việt, ta còn phải hỏi thêm chi tiết là thanh niên hay thiếu nữ được giới thiệu đó lớn tuổi hay nhỏ tuổi hơn đương sự.

Ngoài việc phân biệt phái-tính "nam nữ" bằng từ "anh" (trai) và từ "chị" (gái), tiếng Việt ta còn đi xa hơn thế, phân-biệt thứ bực "trên dưới" bằng từ "em" (younger sibling), người sinh sau đẻ muộn hơn mình. Có điều là tiếng Việt ta không phân biệt phái tính của người dưới cùng cha sinh mẹ đẻ với mình, ở cấp vai "em." Nếu muốn phân biệt thì phải thêm từ "trai" hay "gái" để có thể nói "em trai," "em gái."

Âu đó cũng thể hiện một khía cạnh văn hóa Đông Tây khác biệt. Người Việt mình xem chừng không coi trọng, không quan tâm nhiều đến kẻ dưới bằng người phương Tây, và điều

này có thể thấy rõ hơn khi người Việt Nam giới thiệu nhau trong lúc gặp gỡ. Lúc đó ta thường không giới thiệu trẻ em. Liệu cấu trúc Việt-ngữ có góp phần vào việc uốn nắn lối suy nghĩ, tư tưởng, hành động của người Việt Nam theo giả thuyết của Sapir-Whorf hay không thì đó lại là chuyện khác.

## 4. Đi tìm cái tương đương (equivalence)

Ngoài những thí dụ điển hình nêu trên về thực thể của ngôn ngữ, người ta còn tìm thấy vô số những sự kiện khác cho thấy rằng (a) hai ngôn ngữ có thể không có chung ý niệm; (b) hai ngôn ngữ có thể có chung ý niệm, nhưng ngôn ngữ ngọn không có từ cho ý niệm ấy; (c) ngôn ngữ ngọn thiếu từ tổng thể (superordinate); (d) ngôn ngữ ngọn thiếu từ cá biệt (hyponym); (e) hai ngôn ngữ khác nhau về mô thức kết-hợp-ngữ (collocational patterns); (f) hai ngôn ngữ khác nhau về cụm từ cố định và thành ngữ (fixed and idiomatic expressions).

Nhưng không vì những sự kiện vừa kể mà ta đành thúc thủ, bó tay, chào thua, hay mang một thái độ tiêu cực trong chuyện dịch thuật mà bảo rằng "dịch là phản." Lịch sử, thực tế của việc phiên dịch đã chứng minh ngược lại. Chúng ta đã thấy không biết bao nhiêu tác phẩm, tài liệu dịch thuật mà giá trị của chúng là giúp cho nhân loại trên quả địa cầu hiểu rõ những tư tưởng học thuật, những thông tin khoa học, xã hội, văn học, nghệ thuật, tôn giáo, nhân sinh và giúp cho chúng ta học hỏi được biết bao nhiêu điều khác nữa.

Nếu không tìm hiểu những khó khăn khi đi tìm cái tương đương trong ngôn ngữ, ta khó có thể đánh giá được cái hay cái dở trong công trình phiên dịch của các dịch giả tiền bối cũng như hậu bối, của những người làm công tác dịch thuật trước cũng như sau chúng ta. Dưới đây là một số trường hợp khó khăn khi đi tìm cái tương đương trong hai ngôn ngữ Anh, Việt.

*4.1 Hai ngôn ngữ không có chung ý niệm*

Hai ngôn ngữ có thể không có chung cùng ý niệm, hay ý niệm trong hai ngôn ngữ có thể khác xa nhau. Trường hợp hai ngôn ngữ không có chung ý niệm thường thấy xuất hiện trong các từ biểu lộ đặc-trưng văn-hóa (culture-specific terms) như đồ ăn thức uống (meat pie, Continental breakfast; bún mộc, bánh chưng), nhà cửa (manor, chalet; nhà sàn, nhà tranh), quần áo giầy dép (cardigan, balaclava; áo tứ thân, giầy Gia-Định), cơ chế chính-trị (Shadow Cabinet, front benchers; Chủ-tịch ủy-ban Hành-pháp Trung-ương, Bí-thư Thành-ủy), xã hội (access and equity, drag queens; nghề bán cháo phổi, quân tử); phong tục tập quán (muck-up day, New Year's resolution; Tết, tiền lì-xì), luân-lý đạo-đức (fair go, wife swapping; chồng chúa vợ tôi, nhất tự vi sư bán tự vi sư)...

Nay đi sâu vào chi tiết để xét những trường hợp riêng lẻ trong đó hai ngôn ngữ Anh Việt không có chung ý niệm, hay ý niệm trong hai ngôn ngữ Anh Việt khác xa nhau. Trong tiếng Anh ta có khái niệm "privacy" dùng để chỉ "đời tư, chuyện riêng, cuộc sống cá nhân, tài liệu, thông tin riêng tư của một người nào, mà họ muốn được người khác coi trọng, không được xía vô." Người Việt không có khái niệm này, và vì thế không có từ tiêu chuẩn. Tình huống sau đây sẽ cho ta thấy nỗi khó khăn khi ta phải dịch từ-ngữ "privacy." Patrick Rafter, danh thủ quần vợt số một của Úc, trước đây vì muốn làm vừa lòng khán giả hâm mộ mình đã phải ngưng buổi tập dượt chuẩn bị cho giải quần vợt vô địch Tiểu bang NSW để dành thời giờ ký tên tặng cho 500 khán giả đến xin chữ ký của anh trong lúc nhiệt độ ngoài trời là trên dưới 40 độ C. Báo chí Úc đã viết đại loại có đoạn như sau: "Vào tuần tới khi anh xuống Melbourne để dự giải Vô địch Úc châu Mở rộng (Australian Open) anh sẽ không có những buổi ra mắt như thế nữa, mà sẽ tìm cách làm sao có được "privacy" nhiều chừng nào tốt chừng ấy, hầu tập trung tinh thần đánh thắng đại-giải (Grand Slam) này." Ta cứ thử nghĩ xem phải dịch chữ "privacy' cách nào cho ổn. Vì nhu-cầu phiên dịch người ta đã thấy chữ "privacy" được chuyển-ngữ là "sự/cái riêng tư," chữ "privacy rights" là "quyền riêng tư," nhưng thử hỏi dùng chữ "sự/cái riêng tư" trong trường hợp trên nghe có chỉnh không. Liệu dịch là "... sẽ tìm cách nào để "được yên thân/ không bị quấy rầy..." có được kể là đã dịch được nghĩa tương đương, tương ứng hay không?

Chữ "Speaker" như trong "Speaker (of the House)" dùng trong ngữ-cảnh Hạ viện Quốc hội Anh, Mỹ, Úc để chỉ "nhân vật đứng đầu trong Hạ viện có vai trò duy trì quyền hành và trật tự trong các phiên họp tại Hạ viện, hoàn toàn độc lập, không thiên vị đảng phái nào," khác với ý niệm "Chủ tịch Hạ viện" mà tiếng Việt ta quen dùng. Tôi đã có dịp nghe một

ồng nghiệp đài BBC Luân Đôn, có lẽ vì vội ã sơ ý đã dịch từ ngữ "Speaker' là phát-ngôn-nhân" khi nói về chuyện xảy ra tại Quốc hội Iran hồi còn chế độ Ayatollah Khomeini.

Ý niệm "challenge," được dùng trong một phiên xử hình sự tại Tòa Thượng-thẩm (Supreme Court), là cốt để chỉ ý không chịu chấp nhận một thành phần công dân đã được ốc thăm gọi tên vào ngồi trong ồi-thẩm-đoàn (jury). Bối cảnh là sau khi người công dân này được xướng danh, luật sư phe nguyên vực cho bị cáo (the accused), bèn quan sát, trông mặt mũi, gốc gác sắc tộc, phái tính nam nữ của người được gọi tên đó mà rỉ tai bảo thân chủ của mình là hãy nói"challenge" đi! Tức thì thông-dịch-viên lúc đó phải dịch cho thân chủ biết "challenge" trong tiếng Việt là gì để thân chủ nói bằng tiếng Việt rồi mình dịch lại là"challenge." Khái niệm "challenge" như thế không thấy có trong tiếng Việt, nên chính bản thân tôi đã bị "khựng" lại khi lần đầu thông dịch tại Tòa Thượng-thẩm Tiểu-bang Victoria, Úc-đại-lợi vào năm 1985. Cuối cùng thì tôi đành 'cương' mà bảo cho bị cáo nói "phản đối" để cho mình dịch lại là "challenge."

Trong tiếng Việt ta có chữ "hiếu" dùng để chỉ "bổn phận của con cái đối với cha mẹ lúc cha mẹ còn sống cũng như lúc đã qua đời — cái bổn phận bao gồm sự tôn kính, lòng thờ phụng, hành động phụng dưỡng quạt nồng ấp lạnh," mà ta không thể thấy có từ tương đương quen dùng trong tiếng Anh với cùng ý nghĩa bao trùm đó. Tương đương gần nhất trong tiếng Anh là "filial piety."

Chữ "tiết hạnh" trong tiếng Việt dùng để chỉ "bổn phận của người vợ đối với người chồng, cho dù người chồng còn sống hay đã chết" — cái bổn-phận bao gồm sự giữ gìn chữ trinh thể xác, chữ trinh tinh thần, sẵn sàng thủ tiết, không chịu bước đi bước nữa, trong tiếng Anh không có chữ bao hàm toàn bộ ý nghĩa đó. Tương đương gần nhất trong tiếng Anh có lẽ là "chastity." Ý niệm "nói thách" là "nói cao giá, tăng giá của một món hàng lên so với giá thật để cho người muốn mua phải mặc cả hạ thấp giá xuống là vừa" cũng không thấy có sẵn trong tiếng Anh. Muốn nói để cho người bản ngữ tiếng Anh hiểu thì phải dịch theo lối cắt nghĩa là "to put the price up expecting people to bargain" (nói tăng cao giá để cho người ta mặc cả).

*(Còn tiếp)*

**Sách Tham Khảo:**


Baker, M. *In Other Words: A Course Book on Translation.* London: Routledge, 1992.

Berlin, B.& P. Kay. *Basic Color Terms: Their Universality and Evolution.* Berkley: University of California Press, 1991.

Carroll, J.B. (ed) Language, Thought, and Reality (Selected Writings of Benjamin Lee Whorf). Cambridge: MIT Press, 1956.

Catford, J.C. A Linguistic Theory of Translation. London: Oxford University Press, 1965.

*Collins Cobuild English Dictionary.* London: HarperCollins, 1995.

Đào, Duy Anh. *Hán Việt Từ Điển* (ấn bản in lại). Hồ Chí Minh: NXB Thành-phố HCM, 1996.

Đào, Thản. "Hệ-thống từ-ngữ chỉ màu sắc của tiếng Việt trong sự liên-hệ với mấy điều phổ-quát". Trong tạp chí Ngôn Ngữ. Số 2. Hà-nội: Viện Ngôn-ngữ-học, 1993.

Hoàng, Phê. *Từ Điển Tiếng Việt.* Hà Nội: NXB Giáo Dục, 1996.

Newmark, P.A. Textbook of Translation. London: Prentice Hall, 1988.



**SÁCH MỚI**

**100 NĂM**
**PHÁT TRIỂN TIẾNG VIỆT**

Biên khảo của **PHỤNG NGHI**
Văn Nghệ xuất bản
Giá 10.00 MK,
Ngoài Hoa Kỳ 12 MK

* Một tài liệu hữu ích cho những ai hằng quan tâm, yêu mến tiếng Việt.
* Hữu ích cho giới trẻ ở hải ngoại muốn trau dồi thêm tiếng mẹ đẻ.
* Giá ưu đãi cho các Trung tâm Việt ngữ

**PHÁT HÀNH**
**Nguyễn Trường Giang**
9611 Mallard Ave.
Garden Grove, CA 92844 - USA
Điện thoại: **(714) 539-4741**

# TƯỞNG NHỚ VI HUYỀN ĐẮC, KỊCH TÁC GIA TIÊN PHONG CỦA NỀN KỊCH NÓI VIỆT NAM

*Nhân kỷ niệm 100 năm sinh và 23 năm mất (1899-1999) của Kịch tác gia Vi Huyền Đắc*

HOÀNG HƯƠNG TRANG

*(Nghĩa nữ của Vi Huyền Đắc)*

Ông sinh tại Trà Cổ, Hải Ninh, Quảng Ninh, ngày 18 tháng 12 năm 1899. Mất ngày 10 tháng 8 năm 1976, tại Hà Nội. Tính đến nay, ông vừa tròn 100 năm sinh. Là nhà văn, nhà viết kịch nói trong giai đoạn đầu của ngành kịch Việt Nam, thời chỉ mới có vài người dám phóng mình đi tìm con đường lạ, thổi một luồng gió mới vào sân khấu của nước ta. Thủa ấy, người Việt Nam chưa tiếp xúc với loại sân khấu kịch nói kiểu Tây phương mà chỉ quen thuộc với tuồng, chèo... ở miền Nam cũng chỉ mới sơ khai hát cải lương, hát chặp, hát bài hoặc trích đoạn dựa trên truyện Tàu. Ông còn một bút danh khác là Giới Chi.

Lúc sơ sinh, ông là một người con khó nuôi, nên các cụ thân sinh "bán khoán" vào làm con Đức Thánh Trần ở đền Kiếp Bạc, mang họ tên Trần Văn Đắc theo vị danh tướng họ Trần. Đến 10 tuổi mới "tháo khoán" trở lại họ Vi. Ông tổ nhiều đời của họ Vi chính là họ Hàn, giòng Hàn Tín bên Tàu, vì tránh liên lụy tội tru di, chạy sang Việt Nam, lấy một nửa chữ Hàn làm thành chữ Vi, gọi là "Độc cước Hàn", tức "Hàn một chân" làm họ, từ đó có họ Vi. Giòng họ này có hai nhánh, một sinh sống ở mạn ngược, nối tiếp làm Quan Lang cai trị những bộ tộc miền cao, một sinh sống ở miền biển cùng với người Kinh, nhánh này chính là nhánh của ông Vi Huyền Đắc ở Quảng Ninh, Hải Phòng.

Cụ thân sinh là Vi Hồi Ngọ, người cao lớn, đến 1m80, ở Pháp một thời gian khá dài làm nghề thầu xây dựng, trở về nước lấy vợ là con gái cụ Nguyễn Tư Giản, tổng đốc Ninh Thái, thượng thư bộ Lại dưới triều Tự Đức, đã từng đi sứ sang Trung Quốc, đến tận lò gốm sứ nổi danh của Trung Quốc, tự tay chế tác một bộ ấm chén trà, trên đó có nét bút của ông đề hai câu chữ Nôm "Nghêu ngao vui thú yên hà, mai là bạn cũ hạc là người thân," với nét vẽ cành mai chim hạc, sau này những người chơi cổ ngoạn rất quí bộ chén hiếm hoi này, hiếm vì được chế tác rất ít, để vua Tự Đức ban thưởng cho các quan đại thần. Sau này, chính lò gốm sứ Trung Quốc làm hàng loạt giả những bộ chén trà như thế, cũng vẽ cành mai, chim hạc, cũng có hai câu thơ nhưng là chữ Hán chứ không phải chữ Nôm bút tự của cụ Nguyễn Tư Giản, để phân biệt bộ chén Mai Hạc thật và bộ giả.

Cái tên Vi Hồi Ngọ của cụ thân sinh là do điển tích "thái dương hồi ngọ" trong Kinh Thánh Thiên Chúa Giáo, và thư tịch cổ cho rằng mặt trời thuở sơ khai quay từ Tây sang Đông, một hôm mặt trời đã quá ngọ, gần ngã về chiều, bỗng xảy ra một hiện tượng lạ, mặt trời quay ngược trở lại buổi trưa, hiện tượng này được giải thích là nguyên do của trận đại hồng thủy thuở khai thiên lập địa. Sau này ông Vi Huyền Đắc đã lập ra nhà in và xuất bản lấy tên là "Thái dương văn khố" cũng do điển tích này và để tưởng nhớ cụ thân sinh tên Hồi Ngọ.

Từ thuở nhỏ ông học chữ Pháp và chữ Hán, tốt nghiệp Thành Chung tại Hải Phòng, vào học trường Kỹ Nghệ. Vì thích văn chương, ông tự học chữ quốc ngữ. Khoảng 1923 - 24 ông vào Sài Gòn làm báo, ở cùng nhà thơ Tản Đà và nhà văn Lê Văn Trương trên căn gác của xưởng mộc Trần Quì đường Mac Mahon (nay

à Nam Kỳ khởi nghĩa) chính ở giai đoạn này, ba ông Vi Huyền Đắc, Tản Đà, Lê Văn Trương đã chung tiền ra vốn cho cậu tiểu đồng của các ông mở một gánh Phở theo kiểu phở gánh Hà Nội, và đó chính là gánh phở đầu tiên của Sài Gòn vào khoảng 1924 - 25. Cũng giai đoạn này ông viết một số bài báo có xu hướng tiến bộ, ông lại muốn tìm cách xuống tàu sang Pháp. Chưa thực hiện được thì cụ thân sinh ốm nặng sắp mãn phần, gia đình gọi về Hải Phòng giao cho ông thừa kế sản nghiệp.

Về Bắc, ông cưới vợ, trông nom cơ nghiệp, nối tiếp bố làm thầu khoán, khai thác mỏ và viết văn, viết kịch. Giai đoạn này ông và nhà văn Nguyễn Triệu Luật là hai người tâm đắc chí thiết vì vừa là bạn văn chương vừa là anh em con cô con cậu ruột. Người vợ của ông mất sớm, để lại cho ông hai người con trai là Vi Giác và Vi Huyền Trác. Vài năm sau ông tục huyền với cô giáo Phan Thục Đức, mới vừa học xong sư phạm ra dạy ở Kiến An, là bạn đồng học và cùng làm việc ở Kiến An với hai chị em nữ sĩ Tương Phố - Song Khê. Cô giáo Phan Thục Đức xinh đẹp, hay chữ, giỏi Anh văn, môn sinh ngữ thuở bấy giờ rất hiếm người học. Cô giáo xinh đẹp ấy đã từng làm xiêu lòng nhà văn, nhà giáo, sử gia Trần Trọng Kim thuở ấy. Lúc bấy giờ ông Trần đã là thanh tra học chính, cũng là bạn chí thân với ông Vi, ông Trần Trọng Kim còn độc thân hơ hớ, lại có địa vị cao, nhưng cô giáo Phan Thục Đức lại chọn ông Vi, chàng trai góa vợ, đã có hai con. Về việc nhân duyên này, ông Trần Trọng Kim đã có hai câu đối tặng ông Vi:

*Trở lại đồng chua chơi Xóm Dưới*
*Nhảy vào làng giáo phỗng tay trên*

Vì họ rất thân nhau, mỗi khi trở lại Hải Phòng, hai ông Vi - Trần lại dắt nhau đi hát cô đầu ở Xóm Dưới, ở Hải Phòng lúc bấy giờ có hai xóm hát nổi tiếng là Xóm Dưới và Xóm Bà Mau; ông Vi lại không ở trong giáo giới mà "phỗng tay trên" được cô giáo xinh đẹp họ Phan.

Bà Phan Thục Đức về sau từng đóng vai cô Lan trong vở kịch Ông Ký Cóp của Vi Huyền Đắc, bà có dịch một số truyện ngắn và dịch truyện dài Tâm Tình Người Mẹ của Alberto Moravia, nhà văn Ý, qua bản Anh ngữ, nhà xuất bản Khai Trí, Sài Gòn 1965. Bà sống chung với ông Vi Huyền Đắc 37 năm rất tâm đầu ý hiệp nhưng không có con, 1954 vào Sài Gòn, bà làm hiệu trưởng trường Đinh Tiên Hoàng ở Đakao, Quận I, cho đến năm bà mất 1963, tại Hoàng Mai Hiên, xã Bình Hòa, tỉnh Gia Định, nay là số nhà 2/2 A. đường Tăng Bạt Hổ, Quận Bình Thạnh, TP/HCM. Hiện nay ngôi nhà cũ này, nơi ông Vi đã sống và viết từ 1954 đến 1976 vẫn còn dấu tích lưu niệm, sách in, bản thảo, bút tích, bàn thờ và ảnh thờ hai ông bà do nghĩa nữ Hoàng Hương Trang vẫn thường xuyên hương khói kỵ giỗ.

Ông có hai câu đối đề dưới di ảnh bà Phan Thục Đức:

*Anh dại vô cùng, công nợ vẫn còn công nợ đến*
*Em khôn đáo để, sợ già nên vội lánh già đi*

Tại Hải Phòng ngày ấy, thừa kế một sản nghiệp lớn, có đội thuyền đến 120 chiếc chở đá clinker cho nhà máy xi-măng Hải Phòng, có cổ phần nhà máy, có mỏ đá vôi và nhiều tài sản khác, nên ông có điều kiện vừa viết lách, vừa mở nhà in Thái Dương Văn Khố để xuất bản sách của mình và của bạn bè rất thoải mái. Sau đó ông càng ngày càng thấy say mê văn nghiệp hơn doanh nghiệp, nên bán đi những cổ phần doanh nghiệp của bố để lại, để chuyên tay sáng tác. Cũng dễ hiểu thôi, một người đã từng thấu hiểu cái mãnh lực và cái di hại của kim tiền, đã hạ bút khai từ trong vở kịch nổi tiếng của ông bằng hai câu:

"Ô hô, Kim tiền, kim tiền, thân chị ngoại vật, sinh bất đới lai, tử bất đới khứ..."

Cộng với cái triết lý nhân sinh, cái lẽ huyền vi Lão giáo, Phật giáo đã ngụ vào chính cái Tên của ông, nên ông không có lý tưởng làm giàu trên thương trường là phải! Nếu ông chỉ chăm chăm khai thác mỏ, bóc lột công nhân để làm giàu, cố tiến tới cho bằng nhà tỷ phú họ Bạch mà thuở ấy ông có thể ganh đua được, thì nền kịch nghệ nước ta, thì vòm trời nghệ thuật đã không xuất hiện một vì sao sáng rực rỡ như vậy!

Ngoài văn dịch, trước sau ông đã có trên 20 vở kịch vừa sáng tác vừa dịch của nước ngoài. Thời kỳ trước 1945 là thời kỳ ông viết khỏe nhất.

Các vở có tiếng vang trong cả nước như: Uyên Ương (1927), Hoàng Mộng Điệp (1928), Cô Đầu Yến, Cô Đốc Minh, Hai Tối Tân Hôn (1929), Nghệ Sĩ Hồn (1923), Kinh Kha (1934), Kim Tiền (diễn lần đầu tiên tại Hải Phòng 29.11.1938. Được giải thưởng Tự lực văn đoàn 1937), Ông Ký Cóp (diễn lần đầu tại Hải Phòng 8.10.1938) Trường Hận và Samurai (Giải thưởng của viện Hàn lâm Nice, Pháp

1936 - 1937) Lệ Chi Viên (diễn lần đầu tại Hà Nội 1934) Khóc Lên Tiếng Cười (diễn lần đầu tại Hà Nội 1943) v.v...

Và một số vở kịch dịch của nước ngoài như: Mạc Tin (của J.J Bernard), Fanny - Marius (của Marcel Pagnol - Dịch: Kẻ Ở - Người Đi). Riêng vở kịch dịch Kẻ Ở - Người Đi và vở Trường Hận đã được soạn giả tài danh Năm Châu chuyển thể cải lương, đã diễn nhiều lần ở Sài Gòn và các tỉnh trong nước. Vở Trường Hận ông viết bản đầu tiên bằng tiếng Pháp, nhan đề Éternnel Regret, được giải thưởng viện hàn lâm Nice như đã nói ở trên, sau đó ông tự dịch ra tiếng Việt tức vở Trường Hận, nhiều người đương thời cho rằng ông viết tiếng Pháp hay hơn tiếng Việt.

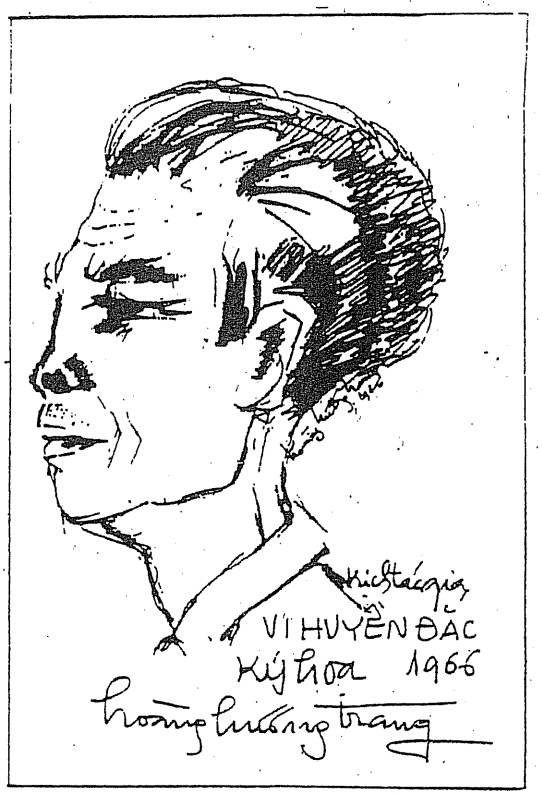


Trong thời gian kháng chiến chống Pháp, tản cư về vùng Tự Do, ông có dạy học một thời gian cho trường Đại học Công Chính của kháng chiến, khi trường này cũng sơ tán về Yên Mô - Ninh Bình. Ông cũng tham gia viết kịch cho đội kịch địa phương, và công tác báo chí, văn hóa, kịch nghệ. Sau đó sốt rét nặng, ông trở về Hải Phòng rồi vào Nam 1954, sống chủ yếu bằng nghề dịch thuật, viết văn và dạy học ở trường Quốc Gia Âm Nhạc Kịch Nghệ Sài Gòn. Một thời ông là trưởng bộ môn Kịch và bộ môn Dịch thuật của Hội Đồng chấm giải thưởng Văn Học Nghệ Thuật Toàn Quốc của VNCH từ 1954 - 1975. Ông cũng là phó chủ tịch nhiều nhiệm kỳ của Trung Tâm Văn Bút Việt Nam (Vietnam Pen Center một chi nhánh của Trung Tâm Văn Bút Quốc Tế Pen International - London). Sau 1954 ông ít viết kịch, chỉ hoàn tất vở Thành Cát Tư Hãn, bản đầu tiên viết bằng Pháp văn, rồi ông tự dịch Việt văn, ông Nguyễn Khang dịch ra Anh văn, đã xuất bản ở Sài Gòn dưới dạng tam ngữ. Ông cũng viết tiếp vở Từ Hy Thái Hậu và vở kịch cuối cùng của ông là Nhà Có Phúc đã đăng báo, chưa xuất bản. Thời gian sống ở Sài Gòn hầu như ông chỉ chuyên chú dịch Hán văn, Pháp văn, ông có soạn Từ Điển Việt Nam và Từ Điển Bách Khoa cùng ông Đào Đăng Vỹ, nhưng công trình này chỉ mới in được một phần rồi bỏ dở. Sau 1975 ông về Bắc thăm quê cũ rồi mất ở Hà Nội ngày 10 tháng 8 năm 1976 thọ 78 tuổi.

Kịch tác gia Vi Huyền Đắc là một trong vài nhà viết kịch có tên tuổi trong thời kỳ hình thành nền kịch nói Việt Nam. Đa số các vở kịch của ông đã được công diễn nhiều lần trên nhiều thành phố lớn từ Bắc chí Nam, và có tiếng vang, để lại ấn tượng sâu sắc. Những vở kịch của ông mang tính cách mạng nghệ thuật thật sự, không lệ thuộc vào chèo, tuồng, hát ả đào... như từ trước. Tuy nhiên luồng gió mới ấy cũng có người nhất thời chưa tiếp thu, chưa chấp nhận loại kịch theo công thức Tây phương này. Có lần vui chuyện, ông kể rằng, nhà thơ Tản Đà là bạn chí thân của ông, đã từng phê phán: "Ơ, kịch nói à? Thế có hát không? Kịch mà không hát thì chán chết!" Nhưng chỉ sau mấy lần công diễn, nhà thơ núi Tản sông Đà đã bắt kịp ngọn gió mới của thời đại. Kịch của ông tựu trung là đề cao chân thiện mỹ, bảo vệ luân lý cổ truyền, ca tụng đạo đức, đề cao ý chí nghị lực con người, chê bai sự ngu dốt hủ tục, bài xích kẻ tham lam háu tiền phi nghĩa, bênh vực tầng lớp dân nghèo, phu thợ lầm than bị chủ bóc lột, đòi sự công bằng hợp đạo lý. Vở Kim Tiền dựng nền trên ý tưởng ấy, và cũng chính là vở kịch đắc ý nhất của tác giả. Kim Tiền cũng chính là vở kịch để lại dấu ấn sâu sắc nhất trong lòng người thưởng ngoạn, và cũng chính nó đã đưa tên tuổi ông lên đỉnh cao của nền

kịch nghệ Việt Nam, đoạt được giải thưởng Tự Lực Văn Đoàn 1937. Ông cũng đã thành thạo, nhuần nhuyễn khi sử dụng công thức châm biếm, gây cười, một công thức rất khó và rất cao, nếu không đạt tới đỉnh sâu sắc thâm trầm, thì sẽ chỉ là cái cười dễ dãi, hời hợt, rẻ tiền. Trong vở Ông Ký Cóp, ông đã mang đến cho người thưởng ngoạn những tràng pháo tay tưởng chừng như vỡ rạp, và sau đó còn đọng lại những suy nghĩ về nhân vật giữa đời thường. Cười để đạt đến một đạo lý. Còn những vở với tiêu chuẩn nghệ thuật vị nhân sinh, như Nghệ Sĩ Hồn, hay lấy đề tài từ Thánh Kinh, như vở Giêsu Đấng Cứu Thế, hoặc rút ra từ điển tích lịch sử như Kinh Kha, Thành Cát Tư Hãn, Lệ Chi Viên, Bạch Hạc Đình v.v... sau này ông vẫn cho là không ưng ý lắm.

Vi Huyền Đắc, dù viết truyện, viết sách dạy sửa chữa máy nổ (vì ông từng học trường Kỹ Nghệ thực hành, khá giỏi về máy móc), hay làm báo, soạn tự điển, tìm tòi lối chữ Việt Tự mới, dù dịch thuật hay dạy học... Nhưng cái còn đọng lại trong lòng người thưởng thức nghệ thuật, cái đưa ông vào chỗ ngồi xứng đáng trong văn học, cái để tên tuổi ông còn mãi trong tự điển văn học, vị trí chính đáng và vinh quang của ông vẫn là cái danh hiệu cao quí "Kịch tác gia." Cùng với Vũ Đình Long, Thế Lữ, những kịch tác gia buổi đầu đi tiên phong, ông đã thực sự là một người góp tim óc tạo dựng một nền kịch nghệ Việt Nam, đóng góp những giá trị lớn lao, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ nghệ thuật kịch nói, thổi một luồng gió mới vào sân khấu Việt Nam trong thời kỳ đầu kịch nghệ còn non nớt, và xây một cái nền vững chắc để từ đó kịch nói đứng dậy có tầm cỡ.

Ông là một người sống rất đơn giản, đạm bạc, tính tình rất nhu hòa, có pha đôi nét hồn nhiên nữa là khác. Ông không ưa tranh chấp với ai, ở Trung Tâm Văn Bút Việt Nam, nhiều người thấy sao qua mấy nhiệm kỳ bầu bán, và với uy tín của ông mà họ vẫn không bầu ông làm chủ tịch, cứ là cụ Phó Vi hoài? ông cười ha hả trả lời bằng một câu thơ dí dỏm:

*Ai nhất thì tôi xin nhì*
*Ai tranh chỗ ấy, tôi thì thứ ba*

Ông rất vui tính, gần gũi lớp trẻ, có lúc bị khen chê gì đó ông cũng không tức giận mà còn bảo: "Đất không chịu giời, thì giời cũng phải chịu đất vậy," một bạn trẻ nào đấy cười bảo: "Thế là cụ vẫn là giời đấy ạ." Ai có điều gì hỏi ý kiến, ông hết lòng chỉ bảo, bỏ công cả ngày trời tìm tài liệu hết sách này, tự điển nọ, có khi, phải tìm đan chéo từ tự vị Tây ra Hán, Hán ra Nhật, Nhật ra Việt cho bằng được một chữ gì đó. Cũng may hồi ấy thư viện trung ương ở đường Gia Long, Sài Gòn có khoảng 100 chỗ ngồi dành riêng ở trên lầu dành cho các vị học giả, nhà văn, nhà nghiên cứu, nên việc tìm sách báo tài liệu khá dễ dàng thuận tiện, nếu có một cái thẻ "chỗ ngồi dành riêng."

Ông rất ham thích học hỏi, dạo ấy, để đọc được và nói được Bạch thoại, ông đã không quản ngại tuổi già, đường xa, cứ vài ba hôm được lúc rỗi rãi, ông lại đi xe bus vào Chợ Lớn, lân la trò chuyện bằng Bạch thoại với những cửa hàng bán sách Tàu, làm quen với những văn nghệ sĩ người Hoa, như nhà thơ Thi Đạt Chí, cụ Lô Sơn, nhà văn nữ Dư Diễm Khanh, dịch giả Liêu Quốc Nhĩ... cả với anh hàng sách, hàng vẽ tranh sơn thủy, cả tiệm bán hoành thánh, bánh bao, tiệm bán trà... có khi đi lang thang thơ thẩn đọc những bảng hiệu tiếng Hoa, những câu đối ở chùa Tàu... nhờ đấy ông đã đọc được tác phẩm Lâm Ngữ Đường, Lý Phí Mông, Quỳnh Dao, Quách Lương Huệ, Mặc Nhân, Từ Vu... bằng nguyên tác bạch thoại để cho ra những bản dịch *Khói lửa kinh thành, Tấn bi kịch trong đình viên, Khúc ca mùa thu, Anh hùng tay bánh, Chim trời cá nước, Ba đóa hoa, Ánh sáng và bóng tối, Cô gái điên, Một gia đình, Chung thân đại sự, Láng giềng, Áp bức, Khổng Tử gián đạo chích...*

Ông còn là một người có ý chí và nghị lực phi thường, sau gần 40 năm đánh bạn với nàng tiên nâu, ông đã thấy rõ cái tai hại ghê gớm của thuốc phiện, ông không để cho nó khống chế, bóc lột ông đến đồng bạc cuối cùng, giọt sinh lực cuối cùng, ông tuyên chiến với mâm đèn: "Hoặc tao chết, hoặc mày phải chết!" và trong tích tắc, ông quyết định gọi người Tàu vẫn thường bán thuốc phiện cho ông, đến mang ngay tất cả mâm đèn đi cho khuất mắt, ông chỉ cho không, mặc dầu bộ mâm đèn của ông rất quí giá. Ông bỏ hút ngay không do dự, không cần phải cai dần dần như nhiều người khác. Nàng tiên nâu đã hành hạ thân xác ông đến ba năm ròng rã mới chịu tha mạng cho ông. Thế là cuối cùng ông chiến thắng! Sau này trong lúc vui chuyện, ông thường kể với lớp trẻ chúng tôi: "Hạng Vũ bí thế, khi đến bờ sông Dịch, rút dao cắt xoẹt cái đầu mình, tặng cho người đình trưởng ân nhân, bảo nộp cho quân địch mà lãnh thưởng,

hành động ấy cũng còn quá dễ, chỉ cắt xoẹt cái là xong. Còn người bỏ thuốc phiện, nó cắt mình từng phân vuông da thịt, nó tùng xẻo mình từng giây từng phút, đau đớn quằn quại, chết đi sống lại trăm ngàn lần, kéo dài mấy năm trời, phải hết sức kiên trì mới mong thắng được nó." Ông đã oanh liệt chiến thắng nàng tiên nâu từ 1958, và đến sau này, cả điếu thuốc lào ông cũng bỏ, chỉ còn ngậm hờ cái ống Pipe nhồi thuốc rời Basto xanh cho vui miệng. Đó có thể nói là một sự kiện đặc biệt trong giới văn nghệ sĩ thời ấy, có một số bạn trẻ mới tập tễnh bước chân vào làng văn làng thơ lại cứ đâm đầu vào tập tành rượu chè thuốc xái, tưởng những chất độc hại ấy giúp họ đến gần "Yên sĩ phi lý thuần," cho đến khi hiểu ra thì đã quá lậm, lại không có can đảm cắt đứt. Ngay thời đại chúng ta đang sống đây bài học ấy vẫn còn có giá trị cảnh tỉnh cho bao người!

Nhờ bỏ được thuốc phiện, ông lấy lại được sức lực và sự minh mẫn. Ông làm việc rất cần cù, thức dậy từ bốn giờ sáng, tự tay đun nước pha trà, uống xong tuần trà nóng cho tỉnh người, là ngồi vào bàn làm việc, giấy tờ, bản thảo, sách vở rất thứ tự. Đến tám giờ là nghỉ tay dùng bữa điểm tâm. Ông rất thích làm việc vào giờ sáng sớm như thế, để yên tĩnh và không có khách bạn đến vào giờ ấy. Duy nhất chỉ có một người lâu lâu đến thăm ông vào lúc năm giờ sáng là nhà văn Nguyễn Ngu Ý, trên đường từ nhà thương điên Biên Hòa về nhà ở xóm Bàu Sen, nay là đường Nguyễn Trãi. Những nhà văn lão thành có lối sống thanh đạm và làm việc cần cù như thế rất hiếm, nhà văn Nguyễn Hiến Lê, nhà văn Lê Văn Siêu cũng có công thức làm việc như vậy.

Văn phòng của nhà văn Lãng Nhân Phùng Tất Đắc, ở số 3 Nguyễn Siêu, và cũng là nhà in Kim Lai ấn quán, là nơi gặp gỡ của các ông Tchya Đái Đức Tuấn, Lê Văn Trương, Nhất Linh, Thanh Lãng, Lê Văn Siêu, Nguyễn Hiến Lê, Giản Chi v.v...

Nhà văn Lãng Nhân tặng ông đôi câu đối, nói lên hết cái lẽ Vi Huyền như tên ông:

*Vạn sự tổng qui không, hà tất dĩ không vi thực sự*

*Nhân tình đa thị hí, bất phương tương hý tác chân tình*

Và bốn chữ đại tự của nhà văn Lãng Nhân mà ông rất tâm đắc: "Biệt hữu thiên địa" (Ý nói ở đấy riêng có đủ cả trời đất, nghĩa là cái sân khấu vậy).

Đối với bạn tâm giao, cố tri, ông nhớ tha thiết những tên tuổi như: Đào Duy Anh, Đồ Phồn, Nguyễn Tuân, Thế Lữ, Lê Đại Thanh... ông luôn nhắc đến trong câu chuyện. Sau ngày thống nhất 30.4.1975, ông đã được toại nguyện gặp hầu hết những người ông nhớ và mong gặp lại. Nhìn các cụ là bạn của nhau từ thời trai trẻ, đến lúc gặp nhau đều đã râu tóc bạc phơ, họ ôm chặt lấy nhau nước mắt ngắn dài thật là cảm động! Nhà văn Nguyễn Tuân vẫn giữ một bản Kim Tiền giấy tốt do hội nhà văn Hà Nội in 1958 nghĩa là sau khi ông Vi Huyền Đắc đã vào Nam được bốn năm, mãi sau tháng 4-75 nhà văn Nguyễn Tuân mang vào tận Sài Gòn trao tận tay tác giả cùng với phiếu trả bản quyền cho người con trai ông ở Hà Nội nhận thay, tính ra trị giá bằng 30 chiếc xe đạp thời điểm 1958 ấy. Điều này là một niềm vui to lớn với ông, không phải vì trị giá bản quyền tác giả khá lớn, mà còn đo được cái tình cảm to lớn hơn gấp bội. Nhà thơ Thế Lữ gặp lại ông, hai ông đã suốt nửa ngày chỉ nói toàn chuyện Kịch, tưởng chừng họ đang thảo luận tiếp về một vở kịch nào đó vừa bàn cãi hôm qua chưa xong!

Ông cũng rất nhớ những kỷ niệm trên sàn diễn, những nghệ sĩ xuất sắc, những vai diễn nhân vật của ông, những nét độc đáo qua vai Đường Minh Hoàng, Dương Quí Phi, An Lộc Sơn... diễn xuất tài hoa của nữ nghệ sĩ Phùng Há, Thanh Tùng, Bích Thuận trên kịch bản chuyển thể cải lương của soạn giả tài danh Năm Châu. Những đêm công diễn của đoàn kịch Thế Lữ ở Hà Nội và Hải Phòng như luôn hiện ra rõ ràng từng chi tiết trước mắt ông.

Nhân kỷ niệm 100 năm sinh và 23 năm kịch tác gia Vi Huyền Đắc qua đời, tưởng nhớ một nhà văn, một nghệ sĩ lớn, người đã cống hiến cả đời mình cho văn học nước nhà, đã để lại cho nền nghệ thuật sân khấu Việt Nam một gia tài tim óc lớn lao và giá trị đã được khẳng định, được lọc đãi qua thời gian; là đứa con được người dạy dỗ, nuôi dưỡng, tôi xin chân thành tưởng niệm với tất cả lòng kính yêu và biết ơn vô hạn.●

**Tài liệu tham khảo:**


- *Sống và Viết* - Nguyễn Ngu Ý - SG 1965.
- *Tự điển Văn Học* - NXB Khoa Học Xã Hội - SG 1984.
- *Tin Sách* - Trung Tâm Văn Bút Việt Nam - SG 1967 - 1975.
- Những chuyện kể của KTG Vi Huyền Đắc lúc sinh thời.
- Tài liệu văn học của nhà văn Nguyễn Triệu Nam (con trai nhà văn Nguyễn Triệu Luật).

## NGƯỜI VÀ VIỆC BOLSA: ÔNG HỒ ANH TUẤN BỊ ĐÒI TIỀN?

Trong tháng qua, ở khu Tiểu Sài Gòn, quen gọi là Khu Bolsa, có một chuyện liên quan đến các nhân vật nổi tiếng, là vụ Ủy ban của ông Hồ Anh Tuấn bị dọa đòi tiền.

Ông Hồ Anh Tuấn nổi danh từ khi lập ra "Ủy ban bảo vệ Chính nghĩa Quốc gia," hoạt động song song với Cộng đồng Người Việt miền Nam California mà ông Bùi Bỉnh Bân làm chủ tịch. Có nhiều Ủy ban mang cùng tên ở các thành phố lớn, thường hoạt động hỗ trợ lẫn nhau nhưng vẫn đứng độc lập. Ủy ban ở miền Nam Cali thường tổ chức những cuộc biểu tình đông hàng trăm hay ngàn người, gồm các đồng bào có tinh thần chống cộng rất mạnh, và luôn lo ngại trước các sự kiện lớn hay nhỏ có thể làm lợi cho chế độ cộng sản ở Việt Nam. Ủy ban tổ chức những cuộc biểu tình phản đối từ những việc nhỏ, như khi ca sĩ Thanh Lan từ Việt Nam qua Cali trình diễn (cô đã ở lại tị nạn chính trị), đến cuộc trình diễn của ban kịch Hà Nội diễn vở Hồn Trương Ba, Da Hàng Thịt của Lưu Quang Vũ ở Đại học Fullerton (vở kịch này chỉ trích, mỉa mai chế độ cộng sản một cách sâu sắc).

Ông Hồ Anh Tuấn nổi nhất khi ông Trần Văn Trường, chủ tiệm video ở đường Bolsa thách thức ông Tuấn đến tiệm giật hình Hồ Chí Minh và cờ cộng sản. Ông Trường tưởng chỉ thách đố ông Tuấn thôi, nhưng lại khiêu khích tất cả những người tị nạn cộng sản, gây ra những cuộc biểu tình chống cộng đông mấy chục ngàn người.

Khi đồng bào đến biểu tình trước cửa tiệm video, họ cũng tự nguyện đóng góp vào quỹ của ban tổ chức. Có tin nói số tiền lên đến ba, bốn trăm ngàn Mỹ kim, nhưng không ai biết đích xác.

Nhưng từ năm 1998 Cộng đồng Nam California đã chia đôi, có hai ban chấp hành, hai vị chủ tịch. Lúc đầu, ông Đỗ Trọng Đức đối lập với ông chủ tịch cũ đắc cử, nhưng ông Bùi Bỉnh Bân coi cuộc bầu cử đó không hợp lệ, tổ chức bàu lại. Ông Trần Ngọc Thăng được coi là kế vị ông Bùi Bỉnh Bân, vẫn giữ trụ sở, sổ sách, ấn tín cũ.

Tháng trước đây ông Thăng họp Đại hội kể rằng ông Bùi Bỉnh Bân đã nhân danh tổ chức này đi thưa kiện mấy vụ, tốn hơn ba chục ngàn Mỹ kim, mà tổ chức thì hết tiền. Ông Bân đã kiện hai nhà báo và thắng kiện nhưng chưa lấy được tiền bồi thường, mà thù lao luật sư thì vẫn phải trả. Còn vụ ông kiện nghị viên Tony Lâm, người Việt Nam đầu tiên là dân cử ở Mỹ, thì ông thua, phải trả cả tiền chi phí cho ông Lâm Quang. Trong đại hội này, nhiều hội viên của Cộng đồng Người Việt ở Nam Cali đã đề nghị ông Hồ Anh Tuấn lấy quỹ do đồng bào đóng góp để trả giúp. Họ lấy cớ Ủy ban của ông Tuấn là do Cộng đồng lập ra. Nhưng ông Tuấn vắng mặt.

Trước đó, ông Hồ Anh Tuấn đã đăng ký cầu chứng Ủy ban của ông như một hội tư khác rồi, và cho biết Ủy ban này không liên hệ gì đến Cộng đồng, cũng chỉ là một hội tư khác.

Mấy ngày sau, các báo ở Califronia nhận được thông báo của một ủy ban mới, gọi tắt là Ủy ban Đòi tiền, họ còn phổ biến mẫu đơn đòi tiền để ai đã ký ngân phiếu tặng thì điền vào, luật sư của ủy ban này sẽ đòi giúp. Chưa biết sự thể sẽ được luật pháp xử ra sao, nhưng nhiều phần là đã đem cho rồi thì đòi rất khó, có bắc thang lên hỏi ông Trời cũng chịu thôi.

## ÔNG GHEORGE W. BUSH VÀ COCAINE

Các báo ở Mỹ đã chính thức đặt câu hỏi về tin đồn ứng viên Tổng thống của đảng Cộng hòa, ông George W. Bush dùng cô ca in. Lúc đầu ông Thống đốc Texas từ chối, không trả lời những tin đồn về việc dùng ma túy, vì ông chống lại lối làm chính trị bằng cách phao tin đồn để chống phá đối thủ.

Thái độ của ông Bush rất hiên ngang, đáng mặt trượng phu. Nhưng không phải cách trả lời của một chính trị gia. Vì khi một ứng cử viên từ chối không trả lời, thì tác dụng tai hại của những tin đồn lại càng gia tăng. Nếu đối thủ của ông Bush muốn làm cho người ta nghi ngờ xấu về ông, thì họ đã được chính ông Bush giúp. Rất có thể ông Bush không muốn bắt

chước ông Clinton, khi ông này nhìn thẳng vào ống kính truyền hình, tức là vào mắt khán giả, nói dõng dạc: "Tôi không bao giờ có liên hệ tính dục với người đàn bà đó!" Rồi sau đó phải viết cả cuốn tự điển giải thích thế nào gọi là liên hệ tính dục - cũng vẫn chưa giúp cho người ta hiểu rõ nghĩa và tin ông Tổng thống.

Nhưng ông George W. Bush đã nhận ra rằng từ chối không nói gì trước tin đồn về ma túy là dại, ông đã chịu nói chuyện với nhật báo The Dallas Morning News. Ông nói không hề dùng ma túy, ít nhất từ bảy năm qua. Đến cuối tuần, trí nhớ tốt hơn, ông lại nói thêm: không hề dùng ma túy từ năm 1974, tức 25 năm rồi.

Những tin đồn liên quan đến hạnh kiểm các ứng cử viên thường được phát hiện hơn một năm trước khi bỏ phiếu, vì lúc đó họ chưa tranh đua với đối thủ thuộc đảng khác, chỉ mới tranh giành nội bộ để được đảng đề cử. Trong một đảng thì lập trường các ứng viên không khác nhau nhiều, vả lại đả kích nhau về lập trường sẽ có hại cho đảng. Lỡ mai mốt lập trường đó được đa số trong đảng chấp nhận thì sao? Cho nên, các ứng viên muốn chống nhau sẽ nhắm vào đời sống riêng, hạnh kiểm, hay những vấn đề chính trị nhỏ.

Điều đáng tiếc nhất trong cách ứng xử của ông George W. Bush là ông không để ý đến tác dụng của tin đồn trên giới thanh thiếu niên. Nếu một chính khách tên tuổi, người có ý định lãnh đạo quốc gia, mà dùng cô ca in thì các thiếu niên sẽ cảm thấy thử dùng ma túy không phải là một chuyện quan trọng. Nhưng khi ông Bush không trả lời dứt khoát ngay từ đầu, khiến người ta phân vân, nghi ngờ, thì tác dụng đối với giới trẻ cũng giống như ông thú nhận đã hút thật.

Ông George W. Bush phải trả lời dứt khoát. Nếu không, thì nói ngay là không. Nếu có thì thú nhận là có, bày tỏ nỗi ân hận vì đã lầm lỡ, và cho biết những cố gắng cải thiện của mình. Khi đó, chắc dân chúng Mỹ sẽ bỏ qua câu chuyện này. Nhưng một cuộc tranh cử trong nội bộ đảng mà gây ồn ào chỉ về chuyện ma túy hay ngoại tình thì cả đảng bị thiệt hại.

## TỔNG CÔNG TY DAEWOO

Tháng trước Trung ương đảng Cộng sản Việt Nam họp ở Hà Nội, chắc nhiều ông bà ủy viên có dịp sử dụng khách sạn Daewoo, một khách sạn sang nhất Việt Nam và còn được coi là một trong vài chục khách sạn sang nhất thế giới. Họ có thể trầm trồ ca ngợi các dịch vụ đắt giá của khách sạn Daewoo, nhưng cũng không thể bỏ qua những bản tin nói về tình trạng khốn đốn của Tổng Công ty lớn thứ nhì Nam Hàn này. Chỉ trong vòng năm tới, khách sạn Daewoo ở Hà Nội cũng như sân Cù (Golf) mà Daewoo khai thác chung với công ty Điện Tử Hà Nội ở Thọ Đà chắc sẽ đổi chủ, vì Tổng Công ty Daewoo đang bán tống tháo các tài sản để trả nợ.

Có hai bài học về vụ Daewoo, thứ nhất là kiểu làm Tổng Công ty mà chính phủ Việt Nam muốn bắt chước Nam Hàn. Thứ hai, là cung cách ứng xử các người lãnh đạo như của ông Kim Woo Choong, Chủ tịch Công ty này, nên lấy đó làm gương.

Các thập niên 1970-80 là thời cực thịnh của các Tổng công ty mà người Triều Tiên gọi là Chaebol. Hình thức doanh nghiệp đó dễ xuất hiện và bành trướng trong một chế độ độc tài. Nhưng các Chaebol khác với các Tổng Công ty Thép, Than, hay Thương mại ở Việt Nam một điểm căn bản, vì đó là các xí nghiệp tư, không do nhà nước làm chủ. Còn điểm giống nhau, là họ cũng được nhà nước nâng đỡ, ép các ngân hàng cho vay để đầu tư và mở rộng.

## CHUYỆN ÔNG KIM WOO CHOONG

Ông Kim Woo Choong là một người tự lập, năm 1967 khởi nghiệp với 5,000 Mỹ kim vào lúc 30 tuổi, và sau tám năm Daewoo đã có 35 ngàn nhân viên. Năm ngoái, số nhân viên lên đến 80 ngàn người, và Daewoo đóng góp 13% kim ngạch xuất cảng của cả Nam Hàn.

Tổng thống Park Chung Hi đã bắt đầu kế hoạch xây dựng kinh tế Nam Hàn theo lối của những nhà độc tài. Ông có ưu điểm là sống cuộc đời trong sạch, khắc kỷ, dùng được những người có khả năng và cũng trong sạch, trọng danh dự. Khi một công ty đóng tàu thủy của Nam Hàn đang khởi nghiệp mà đã thất bại, xưởng đóng tàu dựng nửa chừng thì hết tiền, các món nợ chồng chất trả không được, Tổng thống Park Chung Hi đã mời ông Kim Woo Choong đến, yêu cầu ông nhận lãnh. Ông Park biết ông Kim vì đã là học trò của thân phụ ông Kim. Ông Kim đã từ chối, vì ông còn bận với các dự án kinh doanh của chính mình. Nhân lúc ông Kim đang đi ngoại quốc, Tổng thống Park Chung Hi đã ký giấy trao cả xưởng đóng tàu đang phá sản cho ông, đặt ông trước sự đã rồi.

Ông Kim đã nhận lãnh trách nhiệm vì lòng ái quốc. Ông xuống xưởng đóng tàu nói

chuyện trực tiếp với các công nhân, kêu gọi sự hy sinh vì lòng ái quốc của họ. Và ông cũng mặc đồ công nhân, làm việc tại chỗ, lãnh lương thấp để làm gương. Đóng góp lớn nhất của ông là việc tiếp thị. Ông Kim sang Na Uy, một nước nổi tiếng về Công nghệ đóng tàu, và hạ giá tối đa để ký được một hợp đồng bán chiếc tàu đầu tiên. Hợp đồng này làm cả thế giới phải chú ý và kính trọng khả năng kỹ thuật của người Đại Hàn. Các khách hàng khác kéo đến, công ty phát triển, cho đến khi cả nền công nghiệp đóng tàu thủy trên thế giới đều xuống.

Nhưng tài năng, đức tận tụy, khắc khổ và thanh liêm của một nhà kỹ nghệ như Kim Woo Choong cũng không thể thay đổi vận mạng của Daewoo vào lúc này. Vì kiểu mẫu doanh nghiệp lối Chaebol sai từ cơ bản. Mô hình đó là sản phẩm của một chế độ độc tài quân phiệt, muốn bắt chước nước Nhật thời phát triển đầu thế kỷ này. Đặc điểm của mô hình đó là nhà nước tìm cách can thiệp tích cực vào nền kinh tế và thị trường tài chánh, tạo ra một liên hệ mật thiết giữa các xí nghiệp, ngân hàng và chính phủ. Họ bất chấp các qui luật kinh tế thị trường, là cạnh tranh tự do và định đoạt các vụ đầu tư theo lợi suất kinh tế.

Nhà nước Đại Hàn đặt mức trần lãi suất khiến các ngân hàng đem hầu hết tiền bạc cho các Tổng Công ty vay, các xí nghiệp nhỏ bị bỏ rơi vì không vay được vốn. Nếu các ngân hàng hay xí nghiệp lớn thất bại, nhà nước đem tiền công quĩ ra cứu giúp. Các Chaebol đã tranh đua nhau theo đuổi mục tiêu bành trướng mà không chú ý đến lợi suất.

Được ưu đãi về tín dụng, các Chaebol vay nợ quá nhiều. Trong tình trạng hệ thống kế toán không minh bạch, họ dễ che dấu các khoản thua lỗ, tiếp tục đi vay, trong nước và từ nước ngoài. Mỗi Chaebol tìm cách lan rộng ra nhiều ngành khác nhau, lấn chiếm thị trường quốc nội và quốc tế, vì họ tin rằng đó là chiến lược đúng nhất để thành công.

Cuộc khủng hoảng tài chánh năm 1997 đã cho họ thấy rằng niềm tin tưởng đó là sai lầm. Ông Kim Woo Choong là nạn nhân của niềm tin sai lầm đó. Cả hệ thống sản xuất và tín dụng là nạn nhân. Các ngân hàng Đại Hàn vay nợ ngắn hạn quá nhiều, khi thị trường thế giới sụt giảm thì tất cả lâm vào cảnh vỡ nợ.

Cuối năm 1997, ngay sau Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế bằng lòng cứu nguy Đại Hàn với 58 tỷ Mỹ kim, ông Kim Woo Choong vẫn còn chưa nhìn thấy sự sai lầm của chiến lược cũ. Tổng Công ty Daewoo đã mua lại Ssanyoung, một công ty xe hơi đang phá sản. Đầu năm 1998, khi được nhà báo hỏi về quyết định đó, ông Kim nói rằng gia đình chủ nhân công ty Ssanyoung là bạn của ông, ông phải cứu họ. Không một nhà quản trị nào nên quyết định chỉ vì tình quen biết như vậy. Lý do chính vẫn là ông Kim tin rằng càng bành trướng rộng thì Daewoo càng vững vàng.

Năm ngoái, để tài trợ kế hoạch bành trướng trong khi các ngân hàng Đại Hàn đã cạn vốn và các ngân hàng ngoại quốc nghi ngờ không cho vay, Daewoo đã phát hành trái phiếu trị giá 10 tỷ Mỹ kim, tăng số nợ của công ty thêm 40%. Và từ đầu năm nay, khi các món nợ cũ đến kỳ phải trả, Tổng Công ty Daewoo đã không vay được nợ mới nữa. Tổng cộng các món nợ giờ lên đến 47 tỷ, lớn hơn số nợ của những quốc gia như Mã Lai, Ba Lan.

Các Chaebol khác ở Đại Hàn đã thú nhận sự thất bại của họ và bắt đầu tự cải tổ. Tổng Công ty Sam Sung xin tòa án tuyến bố phá sản vào tháng Sáu vừa qua vì dự án làm xe hơi thất bại. Tổng Công ty LG Group bán một nửa cổ phần ngành làm màn ảnh computer cho công ty Philips của Hòa Lan. Và Tổng Công ty Daewoo đành chịu bán lỗ 19 đơn vị sản xuất kinh doanh, chỉ giữ lại 6 đơn vị nòng cốt.

Nhưng ngay khi chấp nhận thất bại, ông Kim Woo Choong, 62 tuổi, vẫn chứng tỏ là người có khí phách, có danh dự. Ngày 19 tháng Bảy vừa qua, ông đã đồng ý mang tài sản riêng của mình, trị giá hơn một tỷ Mỹ kim, chịu thế chấp để cho Daewoo có thể vay được 3 tỷ 3 Mỹ kim nợ mới, nay công ty vỡ nợ thì chính ông sẽ mất tiền.

Khi thông báo quyết định giải thể Tổng Công ty, ông Kim nói: "Tôi trở lại như khi khởi nghiệp, tôi nghỉ hưu trong danh dự." Kim Woo Choong đã làm đúng điều ông đã nói. Trong cuốn sách viết về nghệ thuật quản lý, xuất bản năm 1992, ông viết: "Khi phạm lầm lẫn thì người quản đốc cao cấp phải chịu trách nhiệm." Đó là một thái độ đáng ca ngợi, xứng đáng với truyền thống sĩ phu Á Đông. Một tấm gương khác là ông Kim Jung Tae, khi lên nhậm chức ở Ngân hàng Gia Cư và Thương Mại. Các chức vụ giám đốc ngân hàng thường được trả lương theo thâm niên, ông Kim thứ hai này quyết định chỉ nhận thù lao bằng hứa phiếu mua cổ phần, nghĩa là nếu ngân hàng

làm ăn tốt, giá cổ phần lên cao thì ông mới được hưởng. Trong khi nỗ lực cải thiện ngân hàng, ông Kim Jung Tae chỉ nhận lương mỗi tháng một đồng won. Hiện nay mỗi mỹ kim đổi được 1200 won, đơn vị tiền Đại Hàn.

## TẠI SAO THỦ TƯỚNG PHẢI LO BÁN HÀNG?

Trên thế giới hiện giờ không có một vị thủ tướng nào lại phải lo chuyện bán hàng ứ đọng trong kho, 7000 tỷ đồng Việt Nam, có hơn 500 triệu Mỹ kim hàng hóa. Chỉ ông thủ tướng Việt Nam Phan Văn Khải mới phải lo vụ nhỏ đó. Và con số 500 triệu đó chỉ là hàng hóa tồn kho của các Tổng công ty, kho hàng các công ty nhỏ ông thủ tướng không có thời giờ lo lắng. Ông Khải và Phó Thủ tướng Ngô Xuân Lộc họp hai ngày 23 và 24 tháng Tám để nghe đại diện các Tổng Công ty trình bày "phương hướng tháo gỡ sản xuất kinh doanh," một cụm từ nghe rất kêu, rất ròn, không khác gì những cụm từ, như "định hướng xã hội chủ nghĩa."

Nhưng chủ yếu cái phương hướng này là làm sao bán được 7000 tỷ đồng hàng hóa mà các Tổng Công ty làm ra rồi không ai thèm mua, kể cả các doanh nghiệp nhà nước. Phải chăng các Tổng Công ty hăng hái đầu tư và sản xuất nhiều quá? Không phải. Trong phiên họp ngày 23, họ báo cáo các Tổng Công ty công nghiệp giảm 38% số đầu tư. Số sản xuất của 17 Tổng Công ty "loại 91" cũng giảm, urê giảm 41%, than giảm 22%, thép và than đều giảm 10%, thuốc lá giảm 9%.

Tại sao hàng không bán được? Vì phẩm chất tồi quá và giá thành đắt quá. Cạnh tranh với hàng nhập cảng đã khó, với hàng lậu lại càng khó hơn. Giá thép để xây cất sản xuất ở Việt Nam đắt hơn 25% so với các nước trong vùng, giá xe gắn máy cao gấp đôi. Nói chung, hàng hóa làm ở Việt Nam đắt hơn các nước khoảng 60%.

Đây không phải là lần đầu tiên ông Phan Văn Khải phải ngồi họp với các Tổng Công ty bàn chuyện làm ăn. Gần hai năm trước, họp với họ, ông đã thiết tha kêu gọi phải làm ăn có hiệu quả. Và ông Khải đã bắt mạnh nói đúng căn bệnh cơ bản: độc quyền. Ông nói "kinh tế tư doanh ở Việt Nam còn nhỏ bé đâu có khả năng chen chân vào. Từ đó sinh ra độc quyền, mà độc quyền thì dẫn đến cửa quyền..."

Đoán trúng bệnh thì tại sao không kê toa bốc thuốc chữa được bệnh? Muốn chữa bệnh thì phải thay đổi các Tổng Công ty. Không nói chuyện thay thế các ban quản đốc, mà phải thay đổi từ quan niệm, vì nếu quan niệm sai thì ai làm giám đốc cũng vậy thôi.

Mô hình Tổng Công ty là một quan niệm phá sản, nên dẹp bỏ. Nhưng dẹp bỏ rất khó. Chủ trương đó có nguồn gốc từ chính sách kinh tế của đảng. Đảng Cộng Sản bắt chước các Chaebol vì họ chủ trương lấy các doanh nghiệp nhà nước làm bộ máy chính kéo theo các toa tầu kinh tế quốc dân. Thay vì khuyến khích tư nhân thành lập công ty sản xuất, tiếp thị, đảng Cộng Sản củng cố các xí nghiệp quốc doanh cũ nát, tập hợp lại cho lớn hơn, cho nó nhiều quyền hơn, nghĩ rằng khi nó đã thành Tổng Công ty, thì giống như các Chaebol ở Nam Hàn thời 1970-80, chắc nó sẽ lớn lên và thành công.

Nhưng ở Đại Hàn Dân quốc các chủ nhân Chaebol thường là những người thân lập thân, như ông Kim Woo Choong, sáng lập công ty Daewoo (Đại Vũ). Họ làm việc như các nhà tư bản chính hiệu, lo cải thiện hiệu quả công việc để cạnh tranh trên trường quốc tế, khác hẳn các cán bộ chỉ quen làm theo chỉ tiêu từ trên ban xuống. Đó là một lý do không nên bắt chước một cách mù quáng. Mặt khác, hoàn cảnh Nam Hàn 25 năm trước khác hẳn tình trạng Việt Nam bây giờ. Thời đó Mỹ giúp Nam Hàn tận lực, ưu đãi khi xuất cảng sang Mỹ, vì còn chiến tranh lạnh. Hơn nữa, dân Nam Hàn đồng tâm chịu kỷ luật để kiến thiết quốc gia vì họ bị cộng sản Bắc Hàn đe doa. Cả hai điều đó ở Việt Nam bây giờ không có. Nghĩa là dù ở Việt Nam có các nhà tư doanh Việt Nam muốn lập ra những Tổng Công ty thì cũng không nên khuyến khích.

Hơn nữa, khi các Chaebol tập trung nhiều quyền lực kinh tế, họ bành trướng thiếu suy tính, không theo kỷ luật thị trường nữa. Vì thế nhiều vụ đầu tư phí phạm tài nguyên vô ích. Nhìn vào 18 dự án của Daewoo ở Việt Nam thì thấy cách đầu tư chỉ vụ vào bành trướng, dựa vào sự mua chuộc, quen biết, không tính toán lời lỗ đã thất bại ra sao.

Chính sách nâng đỡ các Chaebol khiến chính phủ Nam Hàn can thiệp vào thị trường tín dụng, bắt các ngân hàng cấp tín dụng cho các doanh nghiệp ưu đãi, không xét những dự án để cho vay đúng tiêu chuẩn kinh doanh, ngân hàng cho vay theo áp lực của nhà nước và dựa vào sự quen biết, thân thuộc. Từ đó, chính các ngân hàng cũng sa lầy vì nợ không đòi được, trong khi họ đi vay nước ngoài thì vẫn phải trả. Khủng hoảng ở Nam Hàn bắt

đầu từ các ngân hàng phá sản, cùng với các xí nghiệp con nợ của họ, mỗi ngày lan rộng hơn cho đến khi tân Tổng thống Kim Đại Trung cương quyết cải tổ. Cơ cấu kinh tế Nhật và Nam Hàn, là liên kết nhà nước với ngân hàng và các đại xí nghiệp, khiến cả hai nước đang chịu hậu quả tai hại.

Cho nên ông Phan Văn Khải không nên giúp các Tổng Công ty theo lối giật gấu vá vai nữa. Ông đã bắt nhiều xí nghiệp quốc doanh phải ký hợp đồng mua hàng dài hạn của các Tổng Công ty. Nhưng làm như vậy là đổ cảnh lỗ lã của Tổng Công ty cho các doanh nghiệp nhỏ phải gánh chịu. Ông cũng đã bắt các ngân hàng nhà nước phải cấp tiền cho những Tổng Công ty được ưu đãi vay. Tức là làm cho hệ thống ngân hàng chịu hậu quả của cách làm ăn thất bại. Khi chính phủ cấp tiền cho các Tổng Công ty thì tiền đó ở đâu ra? Đó là tiền chung của 78 triệu dân Việt Nam, đem nuôi béo những cán bộ bất lực, chưa kể là bọn tham nhũng. Hãy coi ông Giám đốc Công ty Đường Bình Dương, thuộc Tổng Công ty Đường Mía Số 2, ông ta ẵm 5000 Mỹ kim qua Mỹ rồi trốn biệt. Mà chắc ông ta không phải chỉ mang theo 5000 đô mà thôi.

Vậy phải làm gì với các Tổng Công ty? Trước hết là nhà nước không nên can thiệp vào việc quản trị của họ, cho họ tự do và bắt họ quýt định lấy. Trong buổi họp ngày 23 Tháng Tám, các đại diện Tổng công ty xin "chính phủ sớm xem xét sửa đổi những quy định chưa hợp lý về tiền lương, thu nhập, chi hoa hồng giao dịch, cho phép tăng tỷ lệ chi phí quảng cáo tiếp thị khuyến mãi..." (trích báo *Tuổi Trẻ*). Tất cả những vấn đề đó là của ban giám đốc công ty, tại sao cái gì chính phủ cũng quyết định giúp? Chính công ty phải quyết định chi bao nhiêu về quảng cáo, trả hoa hồng bao nhiêu, nếu cái gì chính phủ cũng ấn định thì ban giám đốc để làm gì? Nhà kinh doanh là người lớn chứ đâu phải trẻ em mà cần dắt tay đi từng bước? Cái hỏng lớn chính là ở chỗ đó!

Sau cùng thì phải giải thể các Tổng công ty. Nhưng không ai giải thể tất cả cùng một lúc. Trong lần tiếp xúc với các Tổng Công ty năm ngoái, ông Phan Văn Khải đã nói đến "giảm bộ máy." Nhưng ông trấn an: "không phải là sa thải công nhân ra ngoài đường mà phải làm thế nào để họ có công ăn việc làm." Kiếm đâu ra công ăn việc làm cho họ? Điều đó ông Phan Văn Khải không nói.

Muốn cho các công nhân, cán bộ khỏi lâm vào cảnh thất nghiệp thì chỉ có cách là phát triển nền kinh tế tư nhân, trong đó có các công ty mới lập cũng như các doanh nghiệp nhà nước được tư hữu hóa. Điều chính yếu là phải cởi trói cho giới tư doanh, bất luận là doanh nhân là đảng viên hay thường dân, ai có tài thì đứng ra kinh doanh. Phải cho các tư doanh được hưởng chế độ tín dụng, liên doanh với nước ngoài, thuế khóa, bảo hiểm, v.v. giống như doanh nghiệp nhà nước vậy. Khi nào lãnh vực tư phát triển thì nó sẽ thu hút nhân lực, sử dụng nhân lực một cách có hiệu quả hơn, ngay cả các người tiêu thụ cũng được lợi.●


NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ
BOX 2301 - WESTMINSTER, CA 92683, USA
TEL & FAX: (714) 527-5761

**SÁCH MỚI**

- VĂN HỌC MIỀN NAM, truyện I, *gồm 16 tác giả.*
- VĂN HỌC MIỀN NAM, truyện II, *gồm 18 tác giả.*
- VĂN HỌC MIỀN NAM, truyện III, *gồm 16 tác giả.*

* Mỗi tập dày khoảng 450 trang, giá **18 MK** mỗi tập.
* Về mỗi tác giả đều có 2 phần: Phê bình và trích tuyển tác phẩm tiêu biểu nhất.

- NHƯ NHỮNG NGỌN GIÓ truyện *Nguyễn Huy Thiệp.* **22 MK.**
- NHỮNG HẠT ĐẬU BIẾT NHẢY, 29 truyện Phật học. *Lâm Thanh Tuyền, Phạm Huê dịch.* **13 MK.**
- 100 NĂM PHÁT TRIỂN TIẾNG VIỆT biên khảo *Phụng Nghi* **10 MK.**
- TẬP TRUYỆN NGẮN. *Trần Thị NgH.* **9 MK.**

Ngoài Hoa Kỳ, xin trả thêm 2MK cho sách giá từ 10MK đến 18MK.
Thêm 3MK cho sách giá từ 19MK đến 28MK.
Liên lạc với VĂN NGHỆ để nhận Thư Mục với hơn 500 tựa sách của nhiều nhà xuất bản khác.
**E-Mail:** vanghe@pacbell.net
**Homepage:** http://home.pacbell.net/vanghe

# THĂM LẠI CĂN NHÀ CŨ

THÁI TUẤN

Từ Paris cái lạnh đã theo tôi tới Sài Gòn. Ra khỏi máy bay tôi được ngay sự đón tiếp nồng nhiệt của cái nóng tháng Tư vùng nhiệt đới.

Sau 15 năm xa cách, Sài Gòn vẫn là căn nhà cũ; đồ đạc, ghế bàn đã được kê dọn lại. Nếu nhìn Sài Gòn như một người tình, thì nàng đã xiêm y thay đổi và có thể đã bước lầm vào một cửa hàng sửa sang sắc đẹp chưa rành nghề.

Sự ngỡ ngàng của tôi kèm theo chút ngậm ngùi. Song làm sao mà thay lòng đổi dạ chỉ vì bộ quần áo ngủ của người yêu.

Với hai tháng ngắn ngủi, tôi đã dạo bước trên những đường phố cũ, nhìn lại những xóm nhà xưa.

Từ những cái quán quen thuộc, hình như còn vang vọng tiếng bạn bè cười nói. Mỗi bước chân lại khơi dậy bao kỷ niệm. Những góc phố chứng kiến cuộc hẹn hò gặp gỡ. Những ngã ba, ngã bảy ngậm ngùi buổi chia tay trong thời ly loạn.

Sài Gòn vẫn là tên gọi quen thuộc mà khi gọi khác đi, tôi thấy ai cũng có đôi chút ngượng ngùng.

Những con đường cũng đã từng bao lần thay đổi tên gọi. Pellerin, Pasteur, De Lattre; rồi Hiền Vương, Yên Đỗ, Duy Tân; rồi Lê Duẩn, Võ Thị Sáu, Nguyễn Văn Trỗi. Nhà thơ và vua chúa, kẻ thực dân, nhà bác học, chính khách lẫn tướng tá. Cuộc thay đổi còn sẽ tiếp nối không ngừng như cuộc sống xã hội. Song vẫn có cái gì vượt ra ngoài mọi danh xưng. Lãng đãng trong tâm tư người dân, không bận tâm đến chuyện đổi thay. Nằm ngoài mọi định nghĩa của những cuốn tự điển và những giải thích quanh co của người làm chính trị.

Tổ quốc, xứ sở, quốc gia, chế độ v.v... vẫn là những gì gắn liền với nền văn hóa không phải tạo nên trong một ngày, mà của hàng ngàn năm lịch sử. Cái lịch sử đã mang dấu ấn của rất nhiều chế độ. Nền văn hóa nếu được hiểu theo ý nghĩa tốt đẹp nhất, chính do sự gạn lọc, kết tinh những gì tốt lành nhất của mọi chế độ mà người dân có thể tự hào về đất nước.

Lầm gì có đất nước xấu xa?

Khi tôi tới khu chợ Bến Thành trời đã nhá nhem.

Dừng lại trước chiếc xe bán trái cây nơi góc đường Nguyễn Huệ, tôi chợt nhìn thấy một cô bé trạc 15, 16 rất xinh đẹp; cô ta liếc nhìn tôi mỉm cười. Ông bán trái cây vội nói khẽ: "Boy, Boy đấy." Nhớ lại một người bạn cũ nổi tiếng trong vai nữ một vở kịch. Vẻ xinh đẹp mà tôi nhìn thấy ở cậu bé Sài Gòn văn chương gọi là vẻ đẹp bi thảm.

Trời đã về đêm đã bớt nóng nực. Tôi ghé vào một cửa hàng bán tranh gần đấy. Tranh pháo chen chức nhau phủ gần kín các mảnh tường; đủ các trường phái cổ điển, có hình, trừu tượng, không hình. Ở góc phòng có một người ngồi trước giá vẽ, đang say sưa chép lại bức tranh La Joconde. Bức tranh La Joconde anh ta dùng làm mẫu, cũng chỉ là một bản sao chụp lại. Tôi hỏi giá anh ta nói: "Nếu vẽ bằng sơn tốt, vẽ kỹ 400.000 đồng,"* và nghĩ tôi muốn mua nên nói tiếp: "Bức này tôi đã có người đặt vẽ, tuần sau ông trở lại."

Nhìn số lượng và phẩm lượng những bức tranh bày bán. Biết bao người đã vẽ để sinh sống? Bao nhiêu người đã nói vẽ để làm nghệ thuật? Có thể những người vẽ để nuôi thân, như anh chàng sao chép tranh, cũng không nghĩ ra đã phục vụ nghệ thuật một cách rộng rãi hơn.

Trải qua cơn bịnh cúm hơn hai tuần. Khỏi bịnh nhờ sự săn sóc chữa trị tận tâm của vị bác sĩ ở một bệnh xá của phường nhà. Bác sĩ Việt Nam không có được dụng cụ y khoa hiện đại, họ không có máy điện toán để dò hỏi căn bịnh. Họ chỉ có thể hỏi ở kinh nghiệm của chính họ, do đó có rất nhiều trách nhiệm.

Tôi đã tập thích nghi với cuộc sống ở ngay đất nước mình; với bụi bặm, với tiếng còi xe liên hồi, với cái nóng, với nhiều thứ khác nữa. Thật là điều trớ trêu.

Người ta thường nói thích nghi, là thích nghi với cuộc sống ở nơi đất lạ. Có khi còn mở rộng sự thích nghi cả với nền văn hóa khác, như trong lúc người phương Tây nói về đa văn hóa. Ở phương Tây, có những quốc gia sống cùng một nếp sống văn minh, song vẫn cố giữ nền văn hóa của đất nước mình. Ít ai muốn chối bỏ nền văn hóa của nước mình và dù có muốn cũng không thể rủ bỏ như trút bỏ bộ áo quần. Văn hóa lắng đọng nơi con tim, luân lưu trong mạch máu, khắc sâu trong xương thịt.

Dù tấm lòng mình có ưu ái với một nền văn hóa nào khác, thì câu chuyện "Hồn Trương Ba da hàng thịt" đã nói rõ về chuyện thích nghi ngược đời, nghịch lý.

Giấc mơ đại đồng cũng đã có từ lâu. Song Liên Hiệp Cộng Đồng Châu Âu cũng chẳng ai chịu từ bỏ nền văn hóa và ngôn ngữ của xứ sở mình. Thứ ngôn ngữ gọi là Espéranto cũng chết yểu từ lâu. Và cũng chỉ là một ước vọng, như cái tên của nó. Và người ta vẫn phải nói đến chuyện đa văn hóa.

Thành phố Sài Gòn có nhiều cái mới. Những công viên, những tòa cao ốc, những khách sạn với đầy đủ tiện nghi hiện đại, với đủ loại xe gắn máy tối tân với những bộ y phục thời trang đúng mốt Tây phương. Song cũng vẫn còn những căn nhà ổ chuột, những loại xe đạp xe hơi thời thuộc địa. Cái mới cái cũ sống chung đề huề. Sài Gòn thứ gì cũng có, thượng vàng hạ cám, như một cửa hàng bán đấu giá.

Thứ nhất là không còn phải xếp hàng, lấy hẹn. Đau yếu chỉ một cú điện thoại, có bác sĩ tới ngay. Cần sửa chữa căn nhà, máy thu thanh, truyền hình, có thợ đến ngay trong chốc lát, việc làm chu đáo.

Tôi gặp lại anh bạn người Pháp, bạn đồng hành trên chuyến bay, khi anh ta đang lang thang ở một con đường hẻm gần khu Bàn Cờ. Tôi hỏi anh đi đâu mà lạc vào đây. Anh ta nói: "Tôi đi ăn phở, ở đây có tiệm phở ngon lắm." Tôi nhìn cái sắc anh đeo theo trên lưng mỉm cười bảo: "Anh có biết ở đây có tiệm phở nổi tiếng không?" Anh cười ngất: "Biết chứ; chỉ có tây ba lô mới thưởng thức được món súp tuyệt vời của xứ sở anh." Tôi thầm nghĩ: mình ở trên đất Pháp đã hơn 15 năm, mà chưa biết ở nơi nào có món súp ngon. Quả thật đã thua anh chàng này. Song chắc chắn một điều tôi rành hơn anh về vị ngon của phở. Ai mà có thể biết được điều đó?

Rất nhiều người Tây phương đã ca ngợi vẻ đẹp của người phụ nữ Việt, song để diễn đạt vẻ đẹp ấy họ đã "dành" cho các cây cọ Việt Nam.

Nhớ lại ngày tôi dời khỏi đất nước, có anh bạn đến tiễn chân, nhớ lại bài hát anh đã hát cho tôi nghe. Tôi nhận ra một điều: khi lời ca đã trút bỏ được vai trò kí hiệu, chỉ còn lại những âm thanh, tựa bó đuốc đã nhờ sự thiêu hủy để trở thành sức nóng và ánh sáng, sưởi ấm và soi sáng cho con người.

Khi trí óc non nớt của đứa bé chưa thể nhận ra những kí hiệu thì lời ru của mẹ chỉ là những âm thanh, chuyên chở cả một nền văn hóa của dân tộc.

Đêm cuối cùng ở Sài Gòn, tôi thao thức nằm nghe những âm thanh, tiếng rao của hàng quà bánh trong con hẻm tối tăm. Những âm thanh ấy đã nói với tôi về sự hi sinh và quyền lợi. Một chọn lựa khó khăn và cũng khó hiểu đối với những nền văn hóa có cuộc sống văn minh tân tiến nhất.●

*Sài Gòn mùa nóng 99*


**DONGNAI PHARMACY**

HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
*(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)*

**TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074**

**Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU**
**Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI**

**CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:**

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

**BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:**

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

**NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM: PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...**

**MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN**
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

# ÂM NHẠC CỔ TRUYỀN HUẾ VÀ ÂM LA CHUẨN QUỐC TẾ (A=440 cps)

NGUYỄN ĐỨC MAI

## 1. Âm nhạc và âm chuẩn

Nước Việt Nam ta, cũng như các nước khác thuộc nền văn minh nông nghiệp thường không có sự chuẩn xác trong các đơn vị đo lường so với các quốc gia có nền văn minh công nghiệp phát triển.

Khi đọc truyện Kiều của thi hào Nguyễn Du, ta thấy Cụ tả vóc dáng cao lớn của người hùng Từ Hải: *Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao.* Cho đến nay chúng ta cũng không biết các đơn vị đo lường nầy phải hiểu làm sao đây?

Tác giả Toan Ánh trong sách Cầm Ca Việt Nam mô tả kích thước chiếc đàn Nguyệt như sau: "Đàn này thùng rộng tám tấc, dày một tấc rưỡi, cần dài một thước bảy tấc..." mà không cho biết dùng hệ thống đo chiều dài nào, thước Mộc hay thước Lỗ Bang, thành thử người nghiên cứu không hình dung nổi kích thước của đàn nguyệt.

Hệ thống đo lường của châu Âu, nhất là hệ thống thập phân, rất chuẩn xác và tiện lợi. Ngày nay trên thế giới vẫn sử dụng song song hai hệ thống đo lường của các nước nói tiếng Anh và hệ thống thập phân của châu Âu, nhưng hệ thống thập phân ngày càng có khuynh hướng trở thành hệ thống đo lường quốc tế duy nhất.

Đơn vị đo chiều dài mét chẳng hạn được qui định chính xác lại vào năm 1983. Mét là tốc độ ánh sánh di chuyển trong môi trường chân không trong thời gian 1/299,792,458 của một giây, tương đương với 39.37 inches.

Cũng vậy, trong âm nhạc Tây phương, các đơn vị về cao độ, trường độ, âm lượng (intensity) của các nốt nhạc đều được đo lường rất chính xác. Cao độ (pitch) trong âm nhạc là độ cao thấp của một nốt nhạc được quy định bằng tốc độ giao động tạo ra nó. Các tiêu chuẩn về cao độ chính xác đã thay đổi qua nhiều thế kỷ. Trong các năm 1858 và 1859 một ủy ban của Pháp gồm các nhạc sĩ và khoa học gia đã chọn các hướng dẫn về cao độ âm thanh dùng nốt La (A) trên nốt Đô C ở giữa (middle C) là 435 Hz 9 giao động hoặc chu kỳ trong một giây - cps - (cycles per second). Vào năm 1887 tiêu chuẩn này chính thức được Hội Nghị Thành Viên (Vienna Congress)- một hội nghị quốc tế về cao độ - chấp nhận, và bây giờ thường được gọi là cao độ quốc tế (international pitch) hay diapason normal. Các nước Anh và Hoa Kỳ cuối cùng chấp nhận A=440 là cao độ chuẩn của họ mặc dầu có các áp lực muốn tăng nó lên cao hơn.

Theo âm chuẩn La A = 440 cps, thì nốt La thấp dưới một bát độ là A = 220 cps; nốt Do giữa C = 131 và nốt Si giáng Bb = 466 cps. Tất cả các nhạc khí dây - nhạc khí huyền động (string instruments) đều phải lên dây chính xác bằng cách dùng cái nĩa âm chuẩn dùng để lên dây đàn (tuning fork). Những nhà có đàn pianô thỉnh thoảng phải nhờ các chuyên viên đến chỉnh lại dây đàn. Các nhạc khí kèn sáo - nhạc khí phong động (wind instruments) thì được chế tạo với các thang âm chính xác cố

định và dĩ nhiên là phải có âm chuẩn La = 440 Hertz. Thí dụ: Hắc tiêu Clarinet Bb, Saxophone Eb, và trumpet G.

Khi đàn hay kèn sáo không đúng âm chuẩn thì lúc tấu lên, người nghe mà tai đã lâu ngày quen với âm chuẩn sẽ nghe eo éo, lạc giọng (out of tune), và dĩ nhiên là âm nhạc sẽ không thể nào hấp dẫn được người nghe. Trong các phim cao bồi miền viễn Tây, trong mấy quán rượu thỉnh thoảng ta nghe được loại nhạc dương cầm "soong chão" nầy mà tiếng Pháp gọi đùa là "piano casserole."

Ngoài ra, trong âm nhạc Tây phương, gam tiêu chuẩn (standard diatonic scale) chỉ gồm có hai đơn vị: âm nguyên (tone) và bán âm (half tone hoặc semitone). Trong các loại đàn giây không phiếm như vĩ cầm (violin), trung vĩ cầm (viola), hạ vĩ cầm (violoncello) và đại hồ cầm (bass viol), nếu bấm những nốt nhạc nhỏ hơn 1/2 âm, thì cũng kể như là đàn lạc giọng (out of tune).

## 2. Nhạc cổ truyền Việt Nam có giá trị đích thực mà sao nghe không thấy hay?

Những tính từ cổ truyền, cổ điển (classics) thường được dùng cho các nghệ sĩ,tác giả hay tác phẩm của ngày xưa mà giá trị được xem là cao nhất và trường cữu, vì đã được thử thách và vẫn tồn tại qua thời gian và không gian. Và khi đã được gọi là nhạc cổ truyền, thì các nhạc phẩm Việt Nam nhất định phải là hay và có giá trị. Một số các nhạc bản như Hành Vân, Phụng Vũ đã đoạt giải thưởng quốc tế cũng cho thấy điều này là đúng.

Thế nhưng tại sao nhiều người trong chúng ta - mặc dầu không công khai nói ra - vẫn không nghe được chỗ hay của âm nhạc của đất nước mình? Tôi nhớ một lần khi được một người quen cho một tài liệu quý về nhạc cung đình Huế in ra từ một dĩa nhạc tài liệu của UNESCO do hai nhà nhạc sĩ và nhạc học Nguyễn Hữu Ba và Trần Văn Khê thực hiện. Tôi đến nhà một người bạn có ba đứa con đang theo học trường Đại Học UC Berkeley tại California. Các cháu này cũng ham thích âm nhạc và có sử dụng nhạc khí. Tôi cho các cháu nghe một đoạn trong bài Liễn bộ Thập chương, nhạc triều yến của cung đình Huế ngày xưa. Nghe xong một đoạn, tôi hỏi ý kiến các cháu. Một cháu trai nhanh nhẩu trả lời: "Cháu nghe giống nhạc đám ma quá!"

Nghe ra thì buồn lòng thật. Nhưng điều này đáng buồn mà không đáng trách, vì bạn sinh viên trẻ đó đã dám nói thật. Trước đây - trước 1975 - ngay ở tại Huế cũng không có mấy người trí thức hiểu biết và ưa thích nhạc Huế. Nền nhạc cổ truyền Huế đã không được nghiên cứu, phát triển và giới thiệu đúng mức đến cho quần chúng thưởng thức. Đã vậy, đa số những người có kiến thức học hành thường vọng ngoại và tỏ vẻ khinh bỉ chê bai chính di sản văn hóa của tổ tiên mình.

## 4. Nhạc cổ điển Tây phương và nhạc cổ truyền Việt Nam

Năm 1971, Tiến Sĩ Toán học Nguyễn Văn Hai, Phó Viện Trưởng Đại học Huế kiêm Khoa Trưởng Đại học Khoa Học Huế mời tôi phụ trách môn Thẩm định Âm nhạc Cổ điển tại trường Đại học Khoa học. Mục đích của giáo trình là - đúng như nguyên văn lời Giáo sư Hai nói với tôi hai mươi tám năm về trước: "Cậu muốn dạy gì thì dạy tuỳ cậu - miễn làm sao sau khi học với cậu, sinh viên sẽ ưa thích âm nhạc giống như cậu." Và tôi đã làm cho sinh viên, và một số Giáo sư dự thính giáo trình này tại Giảng Đường C (Rạp hát Morin Nguyễn Văn Yến cũ) ưa thích âm nhạc cổ điển phương Tây và ca nhạc Huế là mục đích chính tôi nhắm đến khi soạn giáo trình và giáo án cho môn học này.

Đạt được thành công làm cho nhiều người, đặc biệt là lớp sinh viên trẻ tại Huế, ưa thích âm nhạc cổ điển nói chung, và ca nhạc cổ truyền Huế nói riêng, là nhờ điều kiện mà Giáo Sư Nguyễn Văn Hai đã tạo ra tại Trường Đại Học Khoa Học Huế. Muốn đưa âm nhạc cổ điển đến người nghe, trước tiên phải làm sao đưa thính giả đến gần nó để có dịp giới thiệu, giải thích và hướng dẫn cho họ nghe ra được cái hay cái đẹp của nền âm nhạc đó. Muốn kéo họ đến gần,cần phải có một trong hai điều kiện: ép buộc hoặc gợi trí tò mò.

Với sinh viên Đại học Khoa học thì khởi đầu bằng phương thức ép buộc. Muốn hay không muốn, nếu không có đủ số điểm đậu môn nghe nhạc cổ điển, thì sinh viên không lấy được bằng Cử Nhân Khoa học - cái mà họ cần. Còn đối với các giáo sư xin dự thính thì lớp Thẩm định Âm nhạc này gợi trí tò mò của họ.

Có thể có nhiều người trong số này thoạt tiên đến không phải với thiện ý. Họ thắc mắc về môn học quá mới mẻ này tại đại học Việt Nam, trong khi môn học này đã có từ lâu tại nhiều trường Đại học tại Âu-Mỹ.

Biết tâm lý ưa thích văn hoá nước ngoài của giới sinh viên trẻ, tôi áp dụng chiến lược "hù dọa" bằng cách bắt đầu chương trình với phần giới thiệu nhạc cổ điển phương Tây qua các tiểu mục: Giàn nhạc giao hưởng và nhạc khí, nhạc sử với Beethoven, Mozart và giới thiệu tác phẩm với phần chính là 9 Giao hưởng khúc của Beethoven, các nhạc phẩm khác của Tchaikowsky và Antonio Vivaldi. Toàn bộ nền âm nhạc cổ điển Tây phương là một di sản văn hoá đồ sộ của nhân loại. Chiến lược "dằn mặt" của tôi rất thành công với tính vĩ đại thật sự của nền âm nhạc cổ điển Tây phương cọng thêm câu mở đầu giáo trình trích từ một sách âm nhạc của phương Tây: "Nếu bạn không ưa thích nhạc cổ điển, thì bạn đừng nên nói ra điều này. Nói ra, bạn sẽ tự kết án mình, bởi vì đời đời và khắp mọi nơi, không ai hạ bệ nổi Beethoven và Mozart."

Ngoài ra để tránh tâm lý sai lầm chuộng cái đồ sộ trong nghệ thuật, sinh viên được giới thiệu qua các nguyên tắc cơ bản về thẩm mỹ áp dụng trong việc đánh giá một tác phẩm nghệ thuật. Đó là bốn tiêu chuẩn lượng giá (evaluation) :

1. Chủ đề (Subject, theme)
2. Chất liệu (Material)
3. Bố cục (Composition)
4. Tính độc đáo (Originality)

Một thí dụ thường được đưa ra trong lớp học là so sánh hai tác phẩm điêu khắc: tượng Vệ Nữ và tượng Củ Khoai. Tượng Vệ Nữ bằng sáp thì hơn tượng Củ Khoai bằng vàng về chủ đề nhưng thua về chất liệu. Nếu tượng củ khoai trông giống như thật mà tượng Vệ Nữ méo mó thì tượng Củ Khoai hơn về bố cục. Nếu tượng Củ khoai chỉ có một mà tượng Vệ Nữ lại được sản xuất hàng loạt thì tượng Vệ Nữ thua về tiêu chuẩn 4: tính độc đáo. Dùng bốn tiêu chuẩn cơ bản này thì thấy các ca khúc của Trịnh Công Sơn thường không bằng các ca khúc của các nhạc sĩ khác về chất liệu nhưng thường hơn hẳn các ca khúc khác về chủ đề, bố cục và nhất là tính độc đáo. Nghe ca khúc của Trịnh Công Sơn thì dễ nhận ra ngay, không thể nhầm với tác phẩm của một ai khác.

Sinh viên cũng được giới thiệu về các tiêu chuẩn đánh giá nhạc cổ điển Tây phương. Nhạc cổ điển Tây phương kể là thể loại nhạc mô tả không lời (descriptive music) thường được chia ra ba loại theo thứ tự giá trị từ thấp lên cao như sau:

1. *Nhạc chủ đề (programatic music)*

Nhạc sáng tác theo chủ đề do nhà soạn nhạc định sẵn và có ghi ra rõ ràng. Beethoven thường than phiền rằng dân chúng đương thời không hiểu nhạc cổ điển và chính ông đã khởi đầu loại nhạc giao hưởng có chủ đề này để cho người nghe dễ thưởng thức. Đó là Giao Hưởng Khúc số sáu, thường gọi tên là Khúc Nhạc Đồng Quê (Symphonie Pastorale) với năm hành âm (movements) - thường thì Giao hưởng khúc chỉ có bốn hành âm. Hành âm thứ nhất: Cảnh đồng quê. Hành âm thứ hai: Vũ khúc đồng quê. Hành âm thứ ba: Bên bờ hồ. Hành âm thứ tư: Cơn giông tố. Hành âm thứ năm: Lòng biết ơn khi trời quang tạnh. Louis Hector Berlioz (1803-1869) giải thích rõ ràng các chi tiết của nhạc phẩm này trong các bài bình giải của ông.

2. *Nhạc chủ đề tâm lý (Leit motiv)*

Như các Giao hưởng khúc số 3 và số 5 của Beethoven mô tả các chủ đề tâm lý trừu tượng cho nên tuy có phân tích và giải thích được, nhưng cũng rất giới hạn và không dễ dàng như đối với loại nhạc có chủ đề.

3. *Nhạc thuần khiết (Pure music)*

Phần nhiều là nhạc thính phòng (chamber music), tứ tấu (quartet) hoặc ngũ tấu (quintet), các overtures và studies. Các loại nhạc này ngắn, nhỏ, là hình thức nhạc cao nhất thưởng thức hoàn toàn bằng cảm nhận trực tiếp mà không có giải thích.

Đây chính là thời điểm mà tôi chuyển sang phần giới thiệu nhạc cổ truyền Việt Nam - nhạc cổ Huế. Cũng giống như trong âm nhạc cổ điển Tây phương, một bản đàn tranh hay nhất thường không phải là bản Tứ Đại Cảnh, Nam Ai và nhất là không phải là bản Nam Bình, mà chính là Khúc Dạo Khách hay Dạo Nam.

## 5. Nhạc ngũ âm Việt Nam:

Thật ra hệ thống ngũ âm là hệ thống chung của cả nhạc tây Phương lẫn nhạc Việt Nam.Bài hát tạm biệt Auld Lang Syne (Ce n'est qu'un au revoir) mà cả thế giới đều biết là một bài hoàn toàn ngũ âm giống hệt nhạc cổ Việt Nam.

Should our ac - quaint - ance be for - got and ne - ver brought to mind?

C F F F A G F G A F A A C D

*Họ Xàng Xàng Xàng Cống Xê Xàng Xê Cống Xàng Cống Cống Liu Ú*

Should our ac - quaint - ance be for - got

and days of auld lang syne

D C A A F G F G A F D D C F

*Ú Liu Cống Cống Xàng Xê Xàng Xê Cống Xàng Xự Xự Họ Xàng*

For auld lang syne my dear for auld lang syne

D C A - F G F G D C A - C D

*Ú Liu Cống Xàng Xê Xàng Xê Ú Liu Cống Liu Ú*

W'ell take a cup of kindness yet for days of auld lang syne

F C A A F G F G A F D D C F

*Xáng Liu Cống Cống Xàng Xê Xàng Xê Cống Xàng Xự Xự Họ Xàng*

Âm nhạc phát xuất từ tiếng nói và mọi người Việt Nam dù muốn hay không, có ý thức hay hoàn toàn không hay biết, đều mang sẵn nhạc ngũ cung trong huyết quản của mình. Nhiều nhạc sĩ đã viết lên những ca khúc đượm tình dân tộc được mọi người ưa chuộng và còn tồn tại mãi mãi với dân tộc là chính vì viết theo ngũ cung mà chính người sáng tác cũng không biết. Các bài Em Bé Quê của Phạm Duy, Hòn Vọng Phu I và III của Lê Thương và rất nhiều bài thành công khác nữa đều viết theo nhạc ngũ cung.

Năm 1971, Linh Mục Đỗ Bá Công và tôi đã thành lập Ca đoàn Hợp Xướng Sinh Viên SÔNG HƯƠNG. Chúng tôi mời nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, lúc đó ở Huế tham gia sinh hoạt với ca đoàn với tư cách là cố vấn nghệ thuật. Trong một lần sinh hoạt, bạn Sơn sáng tác ngay tại chỗ một ca khúc ngắn cho các sinh viên trong ca đoàn cùng hát. Bài hát rất dễ thương, mang tính chất triết lý sâu sắc Phật giáo mà về sau ai cũng nhớ, trở thành rất được ưa thích và phổ biến tại Huế thời đó.

Chính Trịnh Công Sơn cũng không biết là mình viết theo nhạc ngũ cung Huế - cũng như bài Nối Vòng Tay Lớn viết theo điệu nhạc chầu văn Huế - cho đến khi được tôi cho biết và chứng minh cụ thể. Bài đó như sau (tôi không biết về sau này bạn Sơn đặt tên bài đó là gì):

*Đâu có đâu em này, đâu có cái chết đầu tiên*

F A G F-D C F A A A F G

Xàng Cống Xê Xàng-Xự Họ Xàng Cống Cống Cống Xàng Xê

*Và có đâu bao giờ, đâu có cái chết sau cùng*

F A G F-D C F A A A G F

Xàng Cống Xê Xàng-Xự Họ Xàng Cống Cống Cống Xê Xàng

*Tự mình biết riêng mình*

C F A-G F D-C

Họ Xàng Cống-Xê Xàng Xự-Họ

*Và ta biết riêng ta.*

C F A G-F F

Họ Xàng Cống Xê-Xàng Xàng.

## 5. Nhạc ngũ âm Việt Nam và âm chuẩn quốc tế A=440cps

Có người nói rằng mọi người Việt Nam từ lúc sinh ra đều đã là bậc thầy về thẩm âm. Điều này có cơ sở vì tiếng Việt có sáu thanh, mà người Việt nào cũng phân biệt được rõ ràng không nhầm lẫn. Một giáo sư ngôn ngữ học người Mỹ đã phải mất gần sáu tháng trời mới phân biệt chính xác các từ sau đây trong một bài tập về thẩm âm : Ma(Ghost) - Mà (But) - Má (Cheek) - Mạ (Young rice plant) - Mả (Tomb) - Mã (Horse).

Do ưu điểm này về thẩm âm mà trong âm nhạc, người Việt Nam không cần có âm chuẩn. Họ có thể chơi và thưởng thức ca nhạc ở bất cứ cao độ (pitch) nào cũng được trong khi nhạc Tây phương chỉ có 12 bậc trong thang âm bán cung (chromatic scale).

Với những người đã quen nghe nhạc mới và nhạc Tập phương với âm chuẩn A=440cps, thì khi nghe nhạc cổ truyền Việt Nam, khó lòng thưởng thức nổi. Vì nhận ra điều này và cũng vì mục đích nghiên cứu, muốn tiện ghi lại bằng ký âm pháp Tây phương, tôi đã dùng nhiều phương cách để đưa các tài liệu nhạc cổ Huế về đúng âm chuẩn.

Trong các cuộc trình diễn, tôi luôn luôn yêu cầu các nhạc công lên dây đàn đúng theo âm chuẩn, thường là bằng cây hắc tiêu (clarinet) mà tôi có. Hai bậc thiệt dùng trong cổ nhạc là Họ 1, tức là Họ = C và Họ 5, tức Họ = G

Bậc thiệt (không thăng, không giáng):

Họ Xự Xàng Xê Cống

Họ 1 C D F G A

( 1 ((11/2(( 1 (( 1 (

Họ Xự Xàng Xê Cống

Họ 5 G A C D E

( 1 ((11/2 (( 1 (( 1 (

Bậc Họ 1 có thể sử dụng cho các ban nhạc không có đàn Tranh. Khi có đàn Tranh thì nên sử dụng bậc Họ 5 vì dây số 1 là dây thấp nhất của đàn Tranh là dây G thấp. Khi có Sáo, thường là Sáo Đô, thì đàn nên lên dây Họ 1 và không dùng đàn Tranh. Có đàn Tranh thì phải dùng Sáo Xôn. Đối với người thổi sáo bậc (như đã nói đến trong bài " Tôi và Chiếc Sáo Tre Việt Nam" đăng ở TK21 số 118 & 119

Xuân Kỷ Mão) mà ngày nay không thấy còn ai, thì đàn lên dây theo bậc nào cũng được.

Nhờ lối lên dây đàn theo âm chuẩn này mà nhiều người bỗng thấy nhạc Huế do tôi tổ chức trình diễn nghe hay hơn nhiều. Trong số những người nói cho tôi biết điều này có Ông Ngô Khắc Tỉnh - lúc đó là Tổng Trưởng Giáo Dục và nhạc sĩ dương cầm Jacob Feurring.

Đối với các tài liệu đã thu băng sẵn mà không theo âm chuẩn, tôi dùng các máy chạy băng từ có phần điều chỉnh cao độ (pitch control) để chỉnh lại cho đúng âm chuẩn và in lại sang băng mới để dùng cho nghe và nghiên cứu.

Tóm lại nhạc Huế có toàn bộ 36 bậc, như sau:

Bậc thiệt (không thăng, không giáng):
Họ Xự Xàng Xê Cống
Họ 1 C D F G A
( 1 ((11/2(( 1 (( 1 (
Họ Xự Xàng Xê Cống
Họ 5 G A C D E
( 1 ((11/2 (( 1 (( 1 (
Thang bậc bán âm:
Bậc 1 C D F G A
Bậc 2 C# D# F# G# Bb
Bậc 3 D E G A B
Bậc 4 D# F G# Bb C
Bậc 5 E F# A B C#
Bậc 6 F G Bb C D
Bậc 7 F# G# B C# D#
Bậc 8 G A C D E
Bậc 9 G# Bb C# D# F
Bậc 10 A B D E F#
Bậc 11 Bb C D# F G
Bậc 12 B C# E F# G#

Cọng thêm 24 bậc phụ với các khoảng sai biệt 1/ 4 và 3/ 4 nốt.

Khi chỉnh theo âm chuẩn quốc tế A=440 cps, ta nên dùng 12 bậc chính như sau:

Bậc 1 C D F G A
Bậc 2 C# D# F# G# Bb
Bậc 3 D E G A B
Bậc 4 D# F G# Bb C
Bậc 5 E F# A B C#
Bậc 6 F G Bb C D
Bậc 7 F# G# B C# D#
Bậc 8 G A C D E
Bậc 9 G# Bb C# D# F
Bậc 10 A B D E F#
Bậc 11 Bb C D# F G
Bậc 12 B C# E F# G#

## 6. Góp ý với những người có trách nhiệm về âm nhạc cổ truyền Việt Nam

Trách nhiệm gìn giữ văn hóa dân tộc là trách nhiệm chung của tất cả mọi người Việt Nam yêu nước thương nòi. Nhưng trách nhiệm trước tiên hết phải là của những người cầm quyền, những nhà nhạc học, những nhạc sĩ và nghệ sĩ, những người làm ngành truyền thông báo chí, sau cùng mới đến trách nhiệm của quần chúng thưởng thức âm nhạc.

Để cho nhạc cổ truyền Việt Nam được mọi người đánh giá và thưởng thức đúng mức, cần có sự nghiên cứu phát triển và phổ biến đúng mức - nhất là cần đưa nhạc cổ truyền về đúng âm chuẩn quốc tế.

Ngoài ra việc phối âm, phối khí, chế tạo nhạc cụ, trang bị âm thanh, nhất nhất đều phải theo những quy tắc nghiêm túc của nhạc truyền thống, không thể tùy tiện chế tác, thay đổi hoặc cải biến.

Người viết bài này hi vọng sẽ đi sâu vào chi tiết về các vấn đề liên quan đến nhạc cổ truyền Huế trong những bài kế tiếp. ●

*Sunnyvale, California 8/1999*


**Tác phẩm của THẢO TRƯỜNG**

Văn Nghệ, P.O. Box 2301
Westminster CA 92683, USA
đã phát hành khắp thế giới

**TIẾNG THÌ THẦM TRONG BỤI TRE GAI**

Tập truyện, Tin / Paris xuất bản 1995.
Giá US$10.00

**ĐÁ MỤC**

Truyện. Đồng Tháp / USA xuất bản 1998.
Giá US$10.00

**TẦM XA CỮ BẮN HIỆU QUẢ**

Tập truyện. Quan San/USA
xuất bản 1999. Giá US$10.00

Quý bạn đọc muốn sưu tập sách có thủ bút của tác giả, xin liên lạc:
E-mail: vtran1966@aol.com
Mỗi bộ ba quyển.

# NHỮNG MƯƠI NĂM ẤY
## BIẾT BAO NHIÊU TÌNH

PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN

*Kính tặng bác Hoàng Khoa Khôi*
*Quà nhỏ nhân sinh nhật thứ 82*

Đầu tháng mười hai năm 98, chúng tôi, gần một trăm người, chen chúc nhau trong một quán ăn nhỏ ở quận 13 Paris. Kỷ niệm 30 năm "lưu đày, biệt xứ."

Ra đi khoảng cuối năm 68 và 69 (1), từ Sài Gòn, đúng là biệt xứ, còn lưu đày? Bởi ngày ra đi, quí vị con gái khóc quá trời là khóc?

Thật vậy, ba mươi năm trước, trong máy bay các cô đã suýt làm trôi mấy bà hôtesses. Tới Paris, cả đám nai vàng, tuổi đôi chín đôi mươi, được dẫn đi loanh quanh xem kinh thành hoa lệ. Ôi lá thu vàng khắp chốn, ngó quanh: toàn tây đầm, dinh thự nghểu nghện, đồng hương trắng lốp mập mạp... các nàng càng lã chã dòng châu. Vài hôm sau, chia (tay) nhau lên xe lửa về tỉnh. Vì ở Paris hay các nơi đông sinh viên Việt Nam (tỉnh lớn như Lyon, Marseille hoặc ở nước Bỉ và Thụy Sĩ: Bruxelles, Liège, Louvin, Genève v.v.) học hành thi cử khó khăn, giáo sư Meillon đã (đày) phân tán chúng tôi về... vùng quê ngay từ lúc ấy. Gare de Lyon, gare de l'Est, gare du Nord. Đèn vàng, đèn đỏ, đèn tỏ với đèn lu, cái nào cũng nhoè nhẹt.

Đêm (tỉnh nhỏ) im ắng, không tiếng xe ồn, không tiếng ti vi hàng xóm, không tiếng trực thăng, không tiếng bom, tiếng đại bác. Vào trường, thầy nói thầy... nghe, xung quanh bạn tây đầm la hét, chọc thầy, chọc nhau... thật kinh khủng... *Ai đem tôi bỏ dưới trời sâu...* (2)

Bạn bè năm ba mống đeo nhau mà sống. Vừa học vừa khóc, vừa nhớ, vừa quên. Nhưng

không thể là tù đày vì không có chủ ngục.

Ở nơi nào chúng tôi cũng không được bí thư đảng, tổ/đội/đoàn/đảng trưởng săn sóc đến đời sống tinh thần lẫn vật chất. Không hội họp, báo cáo. Rất vô chính phủ. (3)

Chúng tôi theo dõi tin tức đất nước qua phim ảnh (phóng sự Tây, Mỹ), báo chí sinh viên, không ít thì nhiều đứa nào cũng thích tình yêu (trai gái, bạn bè, quê hương) hơn là chiến tranh. Tình nào cũng thiết tha to lớn hơn bình thường, tim to hơn óc. Bị níu kéo, dằn vật bởi đủ thứ; sống còn tới bây giờ, kể ra đáng được an ủi cho một tiếng (?!). (4)

Nhà nước Pháp ghê gớm lắm: nằng nặng đòi óc tạm quên tim: này, giản dị lắm, rớt hai năm liên tiếp? sinh viên sẽ mất học bổng, sẽ bị khiêng lên máy bay (?) gửi trả về gia đình. Nếu đậu liên tiếp hai năm? Sẽ được phép về Sài Gòn chơi ba tháng hè. Con nít nhẹ dạ cả tin. Sợ đòn hơn mê cà rốt, nhưng kết quả như nhau: năm 71, 73 một số chúng tôi hẹn nhau về nước, nhân lúc sinh viên Sài Gòn tổ chức trại nối vòng tay lớn (năm 73) (với bộ Dân vận - chắc để giải độc - : ngày đó thiển hạ hay bảo nhau không nên cho con đi Pháp: *tụi nó bị dụ khị theo Việt Cộng hết trơn): lần đầu tiên (chúng) tôi được đến tận bờ Bến Hải, ra sông Thạch Hãn, đến Quảng Trị, Huế... bằng xe nhà nước, tàu, trực thăng nhà binh.*

Ăn cà rốt kiểu ấy, trong hoàn cảnh ấy, có khi bị bội thực...

Nhưng đó chỉ là cơn cảm cúm nhẹ trong mùa dịch tả...

*

Bây giờ, ba mươi năm sau, tất cả hân hoan, vui vẻ, và phát tướng (5), dấu vết xưa thật mơ hồ... Người năm cũ hiện diện, tính kỹ chỉ vài chục mống, kỳ dư đều "ăn theo," nói cho lịch sự theo chúa đảng Silicon Band (6), là bạn bè, phu quân với phu nhân cùng quí tử.

Vì ở tản mát khắp nơi, chúng tôi "tìm nhau" mất mấy tháng mới tụ hội được từng ấy người. Gọi là biết tin nhau, có lẽ chỉ một nửa số người năm xưa, phần còn lại: kẻ ở (Pháp) người đi (Canada, Thụy sĨ, Đức, về cõi hư vô...)

Ba mươi năm (lưu lạc, lưu đày) với những cái mốc lớn: hiệp định Paris năm 1973, kết thúc chiến tranh tháng tư 1975, cuộc thống nhất đất nước 1976, những làn sóng người vượt biên từ Việt Nam bằng đường biển, đường bộ từ sau tháng tư 75 cho đến cuối những năm 80, những vụ đổi tiền, cải tạo tư sản, chiến tranh chớp nhoáng với Trung Quốc, chiến tranh giải phóng rồi *chiếm đóng và sa lầy* ở Cam Pu Chia, kinh tế kiệt quệ, chính sách đổi mới: kinh tế thị trường *định hướng xã hội chủ nghĩa*, những tổ chức kháng chiến, phục quốc, những *diễn tiến hoà bình,* phong trào *gửi tâm thư, kiến nghị vận động dân chủ*... Gia đình bên nhà, những mẹ cha, anh chị, ai còn ai mất, ai phải đi cải tạo, ba năm, mười năm sống xa gia đình, ai được thêm thân nhân cách mạng, trùng phùng bà con, họ hàng từ Bắc, từ bưng biền, từ Trường Sơn? Bên này, chúng tôi, ai vẫn "chuyển tình, chuyển lửa" về quê hương? Ai từng tin tưởng vào chân trời 90, nghe lời ông Trần Bạch Đằng: **hãy tin cậy chúng tôi?** Ai vẫn kiên trì trong việc kiến thiết, xây dựng dưới bất cứ chế độ nào? Ai vẫn miên man hoà giải hoà hợp? Ai đã mỏi mệt vì những đợi chờ kinh niên và ước vọng bất thành? Chúng tôi đã sống ba mươi năm đó ra sao? Những vết sẹo ra sao? Những thương tổn giấu biệt nơi nào? Những giọt nước mắt của giận hờn của bất lực đã rơi chảy về đâu?

Vậy mà gặp nhau, hôm ấy, dường như chúng tôi chỉ nhắc đến hai chuyện: Thứ nhất, những ngày tháng cuối cùng ở Sài Gòn, chờ nghị định của bộ Giáo Dục, chạy (7) lo thông hành, giấy tờ xuất cảnh của bộ Nội vụ, bàn tán việc ông Tổng trưởng bộ Giáo Dục Lê Minh Trí bị ám sát. (8)

Chủ đề thứ hai: những dấu ấn đầu đời nơi đất lạ: trong giảng đường đại học, bữa ăn, bữa ở thứ nhất tại quán cơm, nhà trọ sinh viên. Những giai thoại của thuở tình mới chớm. Chấm hết.

Và cuối bữa: bây giờ *khoẻ không, khoẻ chưa? Con cái bao lớn?*

Vì chúng tôi cũng... lịch sự như người Pháp?

Vì thiếu thì giờ chăng? Hôm họp mặt ấy : Mọi người được dán... nhãn, được sắp chỗ ngồi xong, bắt đầu ăn cũng đến hơn hai giờ trưa. Phải trả quán lúc sáu giờ. Và nhà hàng "hơi bị" nhỏ: ba dãy bàn ghế, còn hai lối (chỉ đủ một người) đi, ai yên vị rồi, nhất là ở hai dãy dựa tường, chẳng thể nhúc nhích được! Chưa biết số điện thoại lưu động (nếu có) của nhau, chỉ còn nước nhìn nhau cười trừ.

Vì có lẽ, chúng tôi chỉ có chung một tí quá khứ là thuở ấy và giây phút hiện tại (điều quan trọng nhất: bây giờ và nơi đây)? Còn lại: đường bay riêng lẻ, tâm sự cũng riêng lẻ,

không thấy gì trong những tiếng cười, trên những gương mặt ít nhiều dấu thời gian kia.

Vì chỉ cái quá khứ ấy, hiện tại ấy là tươi đẹp? Còn lại, trước sau đều mù mịt? Là ảo tưởng đã mất? Là mệt mỏi, là tri thiên mệnh, tri nhân tình, là đã chứng ngộ?

Trước đó vài tháng, chúng tôi náo nức tìm nhau. Như đang lạc giữa đêm khuya, nghe tiếng quen, bèn gọi về một điểm hẹn, nhìn nhau một thoáng như nhìn... mình trong gương.

Thế mà trước hôm họp mặt chính thức ấy, trong một lần gặp gỡ chuẩn bị, tán dóc, bàn cãi vớ vẩn (tôi dại dột mỉa mai) về cái "đẳng ta" *đỉnh cao trí tuệ, giặc nào cũng thắng, khó khăn nào cũng qua nhưng lúc nào cũng sợ địch vô nhà.* Một người mới quen đã mắng mỏ (chúng) tôi: *những kẻ gọi-là-trí-thức được (mẹ cha vận động) ra nước ngoài... trốn lính, trốn chiến tranh thuở ấy, bây giờ vẫn cao ngạo, xa lạ, vẫn coi thường dân tộc v.v...*

Tôi nghe bao tử của mình bị thụi một cái. Oan ơi ông địa. Mười tám, mười chín tuổi, mẹ cha nuôi mãi mới được thước rưỡi với ba mươi tám kí lô, học toé khói mới đậu tú tài, được ai "giác ngộ," biết gì mà thức với ngủ? Thậm chí bây giờ, ba mươi năm sau, tỉnh táo chưa, nói chi đến trí thức, sĩ phu! Thức với ngủ là chuyện của từ ba mươi năm đã qua. Từ năm mươi năm qua. Từ một ngàn năm trước.

Và vô số chúng ta, đứng ở bờ này, bến nọ, phiền trách nhau, giết nhau vì không chịu thức, ngủ cho đúng cách, đúng điệu!

Còn những cha mẹ cho con trốn lính? Kể cả những mẹ cha đã hãnh diện tiễn con ra mặt trận, họ có chăng một chút tự do quyết định? Ai đủ "thẩm quyền" và tư cách phê phán thái độ phương cách bảo vệ con của những mẹ cha trong thời chiến, từ ngàn xưa với cả ngàn sau?

Lãnh tụ có bao giờ (mãi mãi) là dân tộc? Một số nhỏ, dù là đại diện chính thống hay đại ngụy phi chính thống, dù họ ước mơ ghê gớm, và dù dùng đủ mọi cách chiếm lĩnh vinh dự (?) này, có bao giờ là dân tộc đâu.

Nhưng tôi mang nỗi đau dai dẳng, dù biết rằng người ấy cũng đoảng vị chẳng kém.

Để bớt đau, tôi thấy người ấy phần nào có lý. Với lại, một hai trăm mạng giữa mấy mươi triệu, là bao? Vài số phận lẻ loi, như ngược dòng, ngược đời. Như một tiếng thở dài.

Một vài trăm mống, tính luôn những người đã đi du học trước và sau bọn tôi, ở tây Âu hay bắc Mỹ châu, Úc châu, Nhật Bản v.v... của những năm sáu mươi và cho đến năm 1975, một vài nghìn là tối đa. Chỉ có mỗi một chuyện là đi học. Nhiều lắm cũng chỉ tới mức vừa đi làm vừa đi học vừa đi biểu tình. Oai (?) hơn chút nữa thì học cái ni xong, đổi sang cái khác, học nữa, học hoài. Càng oai hơn nữa thì thêm *dấn thân chính trị.* Là yêu nước. Đi tới tương lai, với người này hay chạy trốn hiện tại, với người kia. Tạm chấm hết. Ngoặc kép với ngoặc đơn vẫn mãi chưa ra ngoài. Đời tư thuở ấy cũng là đời chung.

So với nửa triệu người Việt khác ở khắp Âu Châu, sau này... Và những triệu Việt khác trên thế giới hay ở quê nhà. Như những hạt bụi. Phất phơ vơ vẩn. Vô tình chìm lắng một lớp trầm tích thạch khác. Một nơi chốn khác. Một chút thanh với khí, tương ứng với tương cầu, vài giờ gặp gỡ. Một vài gạch nối. Giản dị như rứa thôi, tôi phải hiểu ra sao trách cứ hằn học đó?

Sợi dây liên lạc mong manh này có cơ lụi tàn trong vài năm nữa nếu bọn tôi không còn gặp gỡ nhau. Như soi gương. Chúng tôi không (chưa?) khùng đến mức hỏi gương rằng: nói giùm coi, có phải chúng tôi đẹp nhất trên cõi đời này không?

Cần bao nhiêu cái chung mới được sợi dây riêng chắc chắn?

Mười tám tuổi, tôi ngốc tử, tưởng cái thế giới quanh mình là thứ thiệt, độc nhất vô nhị. Chấn động đầu tiên, mở cửa ra bên ngoài qua lần ăn Tết đầu tiên với các bạn và kiều bào trong tỉnh (hay đến từ vùng lân cận): tôi gặp hai bác công nhân về hưu, cựu chiến binh thế chiến thứ nhất. Bác Đào và bác Cát.

Trước đó, chúng tôi đã vài lần đi xem nhà mồ Verdun (9); trong hàng trăm ngàn hài cốt lính chiến, có cả một "hộc" xương của lính Đông Dương. Chết vì tổ quốc. Vì nước Pháp. Còn lại gì trong trí nhớ tôi, những bài học lịch sử lờ mờ, sơ sài của thời trung học? Càng cận đại, càng lờ mờ. Thi cử xong (đã tưởng là hay lắm, tuy rằng chưa có tấm bằng để "dán ngay lên cột"), coi như trang sử đã lật qua. Lính Đông Dương? Đi đánh giặc cho Tây ngày xưa!

Một chút ngậm ngùi mơ hồ. Sao mãi hai bác không chịu về quê hương kia chứ? Xa nhà từ hơn năm mươi năm! Mà vẫn còn... sống sót!? Có thể được sao?! Chuyện trở về, thuở ấy, dưới mắt tôi, giản dị, dễ dàng như cái chớp

mắt.

Gặp lại hai bác lần thứ nhì, thứ ba, cùng ăn Tết, không khác lần trước: chào hỏi vài câu ngắn ngủi. Bọn trẻ chúng tôi lăng xăng bưng mâm, chạy bếp, lắng quắng chẳng gì ra gì. Rồi xếp hàng múa nón, múa quạt, hát hò vớ vẩn dăm bài ca dao. Tưởng như vừa về quê. Và khiêng quê qua tây. Thiệt là quê một đống.

Sau trận đánh kinh hồn ở Verdun, trong thế chiến thứ nhất, tình cờ, may mắn nào đã cho hai bác nguyên vẹn trở về trong khi gần nửa triệu người đã nằm lại? Và hai bác làm gì ở đây, hai ông già lầm lì, ít nói, độc thân, lủi thủi ra vào gian nhà nhỏ, giữa đất trời và người ta lạnh lẽo, vô tình?

Mỗi năm, Tết đến có một lần. Mỗi lần, thêm một số mặt mới đến từ (một nửa) quê hương xa vời, mỗi trẻ hơn và mỗi xa vời hơn. Dù "các em" cũng mặc áo bà ba, đội khăn rằn, vác rổ, vác thúng vinh danh ngày mùa tưởng tượng, hát vọng cổ ngọt lừ mà lắc "jerk" hay "twist" chẳng thua ai.

Bạn tôi có kẻ bảo vì hai bác đã quên tiếng Việt nên ít chuyện trò với bọn trẻ. Một người khác quả quyết rằng vì giọng Quảng hay Nghệ của hai bác nặng và khó hiểu. Có dễ dàng hiểu được nhau với khoảng cách năm mươi năm đầy những biến cố lịch sử rối rắm?

Mấy mươi năm sau, ngoan hiền (?) hơn một chút, chúng tôi quay lại tìm thì các bác đã ra người thiên cổ. Hỏi người quen, mới hay, mươi năm sau lần gặp cuối, bác Đào bị kẻ lạ đánh chết trong đêm khuya, trên đường về nhà sau một buổi ăn uống vui chơi cuối tuần do người làng tổ chức. Vụ án mạng không thủ phạm rồi chìm vào quên lãng. Bạn bác cũng qua đời ít lâu sau đó.

Chấn động không ngừng... xảy ra vì sau hai bác, chúng tôi còn gặp những bác lính thợ, lính chiến người Việt ra đi từ những năm đầu thế chiến thứ hai. Trong vùng tôi ở dạo ấy — miền đông bắc nước Pháp, gần biên giới các nước Đức, Bỉ Hà Lục —, các bác khá đông, gần mười người, cùng qua lại rất thân cận, vài người là cựu thông dịch viên. Các bác cựu thông dịch viên đều khá giả, công chức hay chủ nhân các hàng quán ăn, tiệm buôn bán. Số còn lại là cựu lính chiến, cựu công binh, làm thuê làm công, nghề tay chân như thợ sơn, thợ nề, thợ rừng.

Gần gũi nhất là bác Lê. Bác là công nhân trong một tiệm uốn tóc, cho đến cuối những năm 80. Bác thân với chúng tôi tự lúc nào

KHÁNH HÀ

# TRONG MÀU PHƯỢNG TÍM

*Tặng Phạm Xuân Đài*

**Một hôm nào mây bay xuống thấp**
**Ngủ quên trên rặng cây già**
**Tôi người khách lạ đi qua**
**Đứng nhìn ngơ ngẩn**
**Ôi những chòm mây tím bâng khuâng**
**Như nỗi nhớ nhung còn đọng lại**
**Từ giấc mộng nào**
**Trời Cali nắng gió lao xao**
**Lòng chợt thấy mùa hạ xưa bát ngát**
**Có phải bóng trăm năm**
**Đang về trong chốc lát**
**Có phải một thuở nào**
**Sầu muộn thiết tha**
**Mùa hạ đã tàn**
**Cuộc tình đã khuất**
**Chút khói hương nào còn phảng phất đâu đây**
**Đau khổ, ngậm ngùi lơ lửng thành mây**
**Hoa jacaranda bát ngát tím ở phương này**
**Là dư vị của những dòng nước mắt**
**Dư âm của những tiếng thở dài**
**Người đi suốt cuộc trần ai**
**Một hôm nào dừng chân, ngước mặt**
**Ôi một trời hoa tím bâng khuâng**
**Một hôm nào người cũng như mây**
**Về đậu lại trên cành phượng cũ**
**Nhắc nhau tình thiên thu.**

không rõ. Bởi vì không chỉ Tết nhất chúng tôi mới gặp bác. Gần như tuần nào bác cũng chở vợ đến chơi một buổi. Mời ở lại ăn cơm, không bao giờ bác chịu, mãi sau tôi mới hiểu. Chúng tôi đành thỉnh thoảng ghé bác bất thần đem theo mấy cuốn chả giò hay lúc bác đến chơi, gói thức ăn bắt bác cầm về.

Thấy tôi mang bụng bầu, bác khen :

"Đẻ con trai nghen, để đi bộ đội cụ Hồ!"

"Còn phải nuôi cho lớn đã, thưa bác! Chưa chi con đã nghe hết hơi."

Bác hỏi:

"Vậy chớ ngày xưa mẹ bây được mấy đứa? Bả có than thở như rứa không?"

"Tám mạng, thưa bác. Nhưng mẹ con có phải vừa đi học vừa nuôi con đâu ạ!"

"Đi học, để con mà tưởng khổ?"

Bác cười hà hà nói thêm:

"Phải can đảm lên chứ. Mấy cháu bây giờ rứa là sung sướng lắm đó nghe. Đến chục đứa rồi hẵn ngừng, nghen bây!"

Tụi tôi phản đối :

"Bác ơi, chẳng lẽ mình cứ đánh nhau hoài sao? Pháp với Mỹ đi mất tiêu rồi!!"

Nhưng bác tỉnh bơ, nói nựng lũ trẻ bằng điệp khúc trường kỳ :

"Lớn mau nha con, lớn lên về nước đi bộ đội cụ Hồ!"

Hoặc :

"Ăn mau chóng lớn đi cháu ngoan của bác... Hồ!"

Tôi phải kêu :

"Bác ơi, con sẽ đẻ toàn con gái!"

Bác cười thản nhiên :

"Thì đi nữ bộ đội, giặc đến nhà đàn bà phải đánh!"

Sau tháng tư năm 75, thỉnh thoảng bác đùa như cũ, nhưng rồi dần dần hai bác cháu cập nhật tình hình, bác hết nhắc đến bộ đội cụ Hồ và tôi cũng không còn hăm he sẽ cho con cái trốn lính hay đào ngũ.

Trong khá lâu, tôi nghĩ bác mang mặc cảm đi lính cho Tây. Như bao người lớn tuổi khác, bác bị giam trong cái quá khứ của mình? Nhưng tại sao bác lại tình nguyện đi lính cho Pháp? Bác lại còn tự "dếnh" một bà vợ đầm. Dù không con cái, dễ gì hồi hương? Nhưng rồi dần dần già đi, tôi cũng bị quá khứ vây hãm. Trò chuyện với trẻ con, đôi lúc giật mình nhìn thấy mình trong những ánh mắt chúng. Ánh mắt tôi nhìn bác những năm đầu quen biết.

Và trong hơn hai mươi năm quen biết đó, tôi đã thờ ơ, ngây ngô, không đủ thông minh và thì giờ nắm bắt những sợi dây bác đã gửi đi trong những buổi chuyện trò ngắn ngủi. Vợ chồng bác ghé chúng tôi thứ bảy hoặc chúa nhật. Nhà chúng tôi thường là chặng đầu hoặc chặng cuối của cuộc du hành loanh quanh vài mươi cây số thăm bạn bè của hai người.

Bác gái, mập tròn, thấp, giọng nói to, khoẻ, dấm dẳng, cộc lốc. Mặt bà khó đăm đăm, đôi mày lúc nào cũng cau lại. Tóc bà bạc trắng và hớt ngắn sát đầu, cổ bà ngắn. Vòng ngực vòng eo vòng mông tròn trĩnh như nhau, cái robe hoa núng nính như bao bột mì. Bác Lê thì thấy vợ như "cái thùng rượu":

"Mà bác sĩ biểu phải ăn kiêng ăn khem, bả có nghe đâu! Cứ mê ăn bánh ngọt! Ở đó mà kiêng với khem!"

"Nhưng lâu nay bác ấy vẫn thế, con có thấy bác ấy béo thêm ra đâu?"

Tôi lấm lét hỏi. Bác nói bả bị bệnh tiểu đường. Hỏi bằng tiếng Việt, thì thào đấy, lấm lét đấy, mà y như rằng bà biết "thiên hạ" đang nói xấu bà. Bà ngưng vuốt ve con bọ *cochon d'inde* quát chồng, đôi chân mày ngẩng cổ cụng nhau, lông tóc dựng cả lên :

"Quoi?!!"

Bác Lê cười hề hề trả lời bằng tiếng Pháp, không tuân thủ luật lệ chính tả, văn phạm gì ráo. Đại khái: có gì đâu, tôi nói bà bị tiểu đường. Rồi sẵn trớn, bác nói chuyện kiêng khem, nửa như phân trần, nửa như muốn "mài dao dạy/dọa vợ." Bà cau mày nhìn tôi, hai con mắt hỏi lão nhà tôi kể lể thêm chuyện chi?

Bác cười khà vì tôi dịch thành *ăn khiêng* với *ăn kem* cho bà già nghe. Bà cũng cười khừ một tiếng ngắn, rồi cau mày tiếp tục cầu nhầu điều gì chỉ ông mới hiểu.

Đối thoại của hai bác là những tán thán từ, mệnh lệnh câu, y như trong những truyện bằng tranh, các nhân vật chỉ có một vòng tròn nhỏ giới hạn/chứa lời đối đáp, một câu năm sáu chữ với thật nhiều chấm than, chấm hỏi, quả đấm, dao búa... Đã đành bác Lê xăng phú. Bác trộn, bác chấm câu tiếng Pháp bằng tiếng mẹ đẻ, bác xài danh từ, động từ bất kể ngôi thứ, số ít, số nhiều, quá khứ hiện tại, tương lai, gần xa, trước sau. Nhiều khi bác nói tiếng Việt tôi còn không hiểu nữa là. Nhưng bác gái, tôi thấy lạ ghê lắm. Đôi lúc tôi nghi bà cố tình quên mình là con /dân ruột của Voltaire, quên những uyển chuyển, những tế nhị, rõ ràng của văn chương phá lang sa để nói chuyện với chồng. Hai bác nói chuyện như truyện thật ngắn. Như hai gián điệp. Chỉ nửa

chữ, nửa câu là mạch điện đóng, dòng điện chạy ro ro.

"Quoi? *Gì?"*

"X đó!"

"Et alors? X puis Y, toi alors! *Rồi sao? Hết X tới Y, ông thiệt là..."*

"Alors cette histoire đó! Tôi raconter chuyện đó đó!"

"Oh la la celle-là, cette folle-là! Quel phénomène! *Ô nói chi cái bà khùng ấy."*

"Ông X, monsieur X đó! Pas sa femme."

"Oui, je vois. Cette dingue jalouse. *Ừ, biết rồi. Con mẹ điên ghen tuông!"*

"Leur dernier garcon đó. Quel âge hả? Son fils à X đó. Con ổng, thằng út đó Con ông X, nó mấy tuổi?"

"Trop jalouse pour être une bonne mère, celle-là! *Ghen quá thì quên làm mẹ..."*

"Quel âge? Mấy tuổi hè?"

"Dix ans. Et alors... Oui, les enfants, oui, toujours dans la rue. Les parents, vraiment nuls... *Mười tuổi! Rồi sao? Con cái cứ thả đi lang thang, cha mẹ không ra cái chi cả!"*

"Explosion, parlé dans le journal. Pas lire le journal, toi? *Vụ nổ, báo đăng, cháu không đọc báo à?"*

"Quoi?"

"Mìn đó... Lựu đạn... à không đạn đại bác. Mine. Obus. De la deuxième guerre."

Bà à một cái. Trợn mắt nói với tôi :

"Non, de la première, tu te rends compte! *Không, của thế chiến một, cháu coi đó!"*

Ông bảo bà kể đi, sau khi chép miệng, lắc đầu :

"Bây biết không, chậc, chậc, bệnh viện cưa hết một giò!"

Bà kể, dài dòng hơn cho tôi hiểu và thỉnh thoảng ông chen vào :

"Có một thằng con trai út thôi, mà không biết thương!"

"...Quoi?!"

"Thiệt tội! Pauvre garcon, je dis."

"... Lui... s'intéresse qu'aux filles, bien belles et bien jeunes. Oh, vieux cochon!! *Thằng cha thiệt... Chỉ mê con gái, trẻ, đẹp. Thiệt... dê xồm!"*

"Ừ, lấy cưa mà cưa. Hết chuyện chơi rồi mà!"

"Quoi?!! Ah, oui, ceux là et leur père le vieux cochon. Tu te rends compte, aller dans la forêt scier un obus. *Bố con nhà ấy. Cái thằng cha, quái kiệt dê xồm! Cháu nghĩ coi, vô rừng cưa trái nổ!"*

Khi ông lan man qua chuyện khác. Bà chán nản ôm con bọ ra vườn xem lũ trẻ chơi đùa, bác cháu tôi ngồi uống trà nói ba điều bốn chuyện :

Bắp tao trồng đó! Mềm dẻo, ngọt lừ, nghe. Bạn bác dưới Mạc Xây lên chơi mấy bữa. Ông Cẩm ở chung một trại với bác hồi xưa. Nấu cho bộ đội con ăn! Mấy đứa khoẻ không? Công việc ra sao? Nhớ chịu thương chịu khó. Một câu nhịn chín câu lành. Canh mướp nấu tôm, hè ăn mát.

"Ngoài bao lơn cao ốc cũng trồng được bắp sao bác?"

"Tao trồng nhờ đất ông Châu. Châu cùng quê với bác chứ không phải Châu quán Mê Kông. Mướp này to xanh nhờ bà vợ ổng về quê ở Lútxembua đem hột giống qua. Ờ ông Châu ngày xưa trốn lính sở Mọi, (10) qua Lútxembua rồi gặp vợ ổng. Bác ưa canh bầu hơn. Mấy cháu ở nhà riêng, tha hồ nấu nướng, *sướng chết, chẳng phiền hà láng giềng.*

"..."

"Ông Thủa mới trồng bầu năm nay, thử coi nó chịu đất vùng này không. Bác thấy tiệm Tàu ngoài phố tuần rồi có bán cả nem chua và mắm tôm chua. Mấy đứa bây giờ *sướng chết.* Bác hồi đó thèm quá, chẳng đâu có mà mua!"

"Hai bác ở lại ăn cơm chiều với bọn cháu."

"Không, bác phải về. Còn cho bả uống thuốc nữa..."

"Trời dạo này ấm rồi. Mấy đứa phải ra đồng chạy bộ, cho khoẻ. Phải vận động bắp thịt, tập thể thao, thể dục. Cha mẹ bên nhà vẫn khoẻ chứ? Đây nè: hột bắp/ngò/cải năm ngoái tao cất để dành, đất bỏ không uổng quá, tuần tới bây gieo được!"

Có khi gói hột nằm yên đó cho đến tuần sau. Bác thở dài thậm thượt, than một mình :

"Sao mà nó nhác dữ a! Tối ngày cứ ru rú trong nhà, phải ra ngoài... đổi gió, phải ra ngoài phơi nắng chứ! Như trốn lính Đức không bằng."

Rồi bác ra sau vườn lấy cuốc, xuổng xới đất, gieo gieo, tưới tưới. Chỉ một chốc, đất đã nhuyễn nhỏ nằm vun thành vồng. Bác trồng được một mùa bắp, hoa trổ mãn thiên (nhưng không trái vì tôi quên tưới tiếp) và hai ba mùa hành, ngò xanh um. Về sau, trẻ con đông quá, chúng tôi phải đổi nhà, mấy năm sau mới tính chuyện /có thì giờ mua đất tốt... trồng cỏ. Bác chịu thua luôn, cuối tuần đến chơi, bác mang theo rau cải ăn ngay được.

Chưa xong chén trà, bà trở vào hất hàm :

"On s'en va?! *Đi chưa?"*

Ông nói ờ ờ, chúng tôi rót thêm trà, châm thêm bánh trái. Bà la oai oái.

"Allez! Lê! Assez! On s'en va! *Thôi, đi. Thôi, đi. Lê này. Mình đi.*"

"Uống nước đã. Bois encore, dis!"

"Trois tasses déjà. Assez bu! On s'en va! *Ba, bốn tách rồi. Đủ rồi. Thôi, đi.*"

"Đi thì đi. Bon! bon! Tu veux venir, tu veux partir. Toujours toi qui veux. *Đi thì đi, được, được, có sao! Đòi đi cũng bà, đòi về cũng bà!*"

"Quoi? Quoi?"

Bác Lê đứng dậy, lấy khăn lấy áo cho vợ. Hơn bốn mươi năm trước, không biết ông yêu bà ra sao chứ bây giờ tôi thấy ông cưng thùng tô nô lắm. Ông mở cửa xe cho bà, ông xách giỏ, bưng đồ. Ông lau quét nhà bếp, chùi rửa xe. Và ông đi chợ, ông cuốn gỏi cuốn, quay vịt, chiên xào nấu nướng, chưa bao giờ tôi thấy bà vào bếp. Bà bị bệnh, chính ông cân đo đường muối, đưa, nhắc thuốc men. Bác kể chuyện vui, bác khôi hài cho vợ cười. Bác lịch sự như dân Tây thứ thiệt, thời xưa.

Một lần, tôi hỗn hào dám hỏi bác làm sao "cua" được bác gái. Bác mắc cỡ ậm ự. Rồi đánh trống lãng :

"Hồi nhỏ bả cực lắm."

"Tại sao ạ?"

"Cha mẹ chết sớm, bả sống với hai bà dì."

Bác không nói rõ., bác cho tôi hoàn toàn tưởng tượng. Thiếu bí mật bật mí, ít dữ kiện, tôi ráp những mẩu chuyện, nối kết những cái bulles của tập truyện thật ngắn do bác viết tặng. Chuyện tình của người lính thợ quê Thanh Hóa với cô gái mồ côi gốc gác Lorraine. Tưởng tượng mối tình (mất, mũi, tay chân: thầm lặng?) bắt đầu từ giữa những reo hò của đoàn quân giải phóng, súng ống và băng hiệu đeo tay trong tiếng hoan hô của dân chúng và lời sỉ vả dành cho những người đàn bà đã "đi" với bọn xâm lăng Đức.

Bác đã cưu mang, giúp đỡ như thế nào hai người đàn bà bị cạo trọc đầu và cô gái trẻ kia? Lúc đó bác chắc oai lắm, chẳng là bác đã trở về cùng một lúc với đoàn quân giải phóng (11) đó sao.

Bác còn mang oai phong đó "giang hồ" sang tận bên Đức, trong "quân đoàn Việt Nam" (theo đuôi làm-) người chiến thắng chiếm đóng, trả thù dân tộc trên các phụ nữ. Dù là những "chuyện tình" trước khi chính thức cưới vợ, bác thật kín đáo, mãi sau lâu lắm, bác khoe với chúng tôi thư và hình của vài cô tóc vàng, cô Helena, cô Greta...

Bác cao lớn, đẹp trai nhưng không biết nói tiếng Pháp và Đức, và nếu chỉ là những cuộc tình "lương thực," trao đổi giữa xác thịt bại trận với sôcôla và... xúc xích chiến thắng, tại sao mấy năm về sau, bác vẫn nhận được tin tức những người xưa này? Đã vậy, ông nhà tôi méc lại với tôi là bác khoe bác có tới năm "bà bồ"!

Bác gái cười hả hả, khoát tay: chuyện bịa! Giữa tiếng cười rổn rảng và đôi mày cau kia, tôi không nhìn ra một chút ghen tương. Chắc ớt (mù tạt) đã hết cay sau hơn bốn mươi năm thử thách?

Bác Lê cũng lắc đầu phê bình vợ :

"Bả sảng lắm."

Một bà bạn Việt của bác cũng đã hơn một lần trề môi mách lẻo với chúng tôi :

"Sảng ghê lắm, bả chỉ ưa nói chuyện với con bọ của bả thôi."

Tôi nghĩ có lẽ tại bác Lê gái không biết đánh bài tứ sắc.

Bà Lê ngưng vuốt ve con bọ, kể : Một ngày đẹp trời mùa thu năm 79, qua cửa sổ phòng ngủ nhà ông bà trong một cao ốc mười tầng, bà nhìn thấy một chiếc đĩa bay la đà, to cỡ chiếc bánh xe hơi bình thường, bên trong là hai phi hành gia tí hon. Mũ mãng bảo hộ kiểu khách du hành không gian vũ trụ, tứ bề dây nhợ ăng ten. Khách nhe (răng?) cười thần giao cách cảm thân thiện với bà trước khi bay vút đi. Tôi kinh ngạc :

"Họ giống chúng ta không hở bác? Da màu..vàng, xanh, tím? Có tóc tai, mắt mũi... bình thường?"

Bác Lê phủi phủi:

"Bả sảng. Thôi, a lê, đừng nói xàm nữa. Tin... dị đoan gì đâu không... Bả khùng rồi!"

Ông già lạ ghê, thương vợ như thế nhưng nhất định không tin vợ. Tôi vặn bác: "Thế bác ấy phịa chuyện làm chi, thưa bác?"

Ông lắc đầu, chắc lưỡi, đầy chán chường, khổ sở. Sảng. Càng ngày càng sảng.

Bà chỉ khai sự việc này với cảnh sát và với... chúng tôi.

Bà vẽ tỉ mỉ cho tôi hình chiếc dĩa bay và hai người khách lạ với nụ cười đến mang tai. Ông tiếp tục lắc đầu phủi lia, phủi lịa: chậc chậc, bả sảng lắm.

Tôi dặn bà cụ: hễ thấy dĩa bay, nhớ gọi cháu nhá. Bà trợn mắt :

"Sẽ gọi ngay, nếu được, nếu có thể. Lần ấy, 'họ' làm sao mà bác không kêu, không cử động được. Bác chỉ nghe nóng ran nơi trán nhưng an tâm hiểu rằng ý định của họ vô cùng thân thiện. Nhìn trán bác nè!"

Chứng tích của tia siêu laser "thần giao cách cảm" là một chấm đỏ nổi tựa như nốt ruồi son giữa đôi chân mày trắng rậm của bà! Chao ơi, tôi nghe lạnh xương sống.

Bác Lê miễn cưỡng: ừ, chắc bữa đó bả bị muỗi cắn. Tôi rùng mình

"Muỗi martien hả bác? Mười năm sau vẫn còn dấu vết. Ghê quá."

Bà khoe: cảnh sát bảo hôm ấy có nhiều người cũng thấy đĩa bay như bà. Nhưng những chiếc đĩa bay được tả lại đều có hình dáng, kích thước khác nhau!

Tôi lúc ấy đang mơ gặp người hành tinh lạ nên bác cháu bàn tán hào hứng. Bác Lê lắc đầu thở ra, lôi ông nhà tôi ra vườn nói chuyện trần gian. Có lẽ nhờ những trao đổi với bà các sách vở tài liệu về "chuyện dị đoan" này, lắm hôm hai người ở chơi khá lâu.

Chỉ những lúc ấy, tôi mới thấy bà sôi nổi, vui vẻ, linh hoạt. Một lần đi làm về, tạt ngang công viên lớn của thành phố, tôi tình cờ bắt gặp bà ngồi im lìm trên ghế đá, con bọ nằm yên trong tay. Cả hai không đếm xỉa đến người xung quanh. Đôi mắt hướng về những đỉnh bạch dương vàng rực nhưng nét mặt bà nghiêm khắc khép kín. Khiến tôi không dám đến gần.

Lâu lắm về sau, bằng những lời giản dị, bác Lê cho tôi hiểu rằng suốt thời thơ ấu, bà bị hai người dì độc thân hãm hiếp (dâm).

Buổi tối, bà ngồi phòng khách xem truyền hình, ông ở phòng bên cạnh, vặn máy hát nghe Thành Được, Út Bạch Lan ca *Nửa đời hương phấn*. Hai khối tâm sự u uất. Hoà lẫn, gửi cho nhau cách nào đây?

Cứ lẩm cẩm tưởng tượng, tôi cố tìm lời giải thích.

Nhưng tưởng tượng sao cho đủ, cho đúng.

Bác kể chuyện ngày xưa, có lần bác cùng vài bạn đồng đội bắt trộm cừu ăn thịt. Còn gà qué, chuột, thỏ, chó... thì khỏi nói. Chúng tôi cứ... trộm nghĩ:

Hoá ra ngày trước bọn mình hay rủ nhau đi hái lén bắp, mirabelles...không phải bởi thèm cây trái hay nhớ thuở nghỉ hè nhà quê...

Phải tưởng tượng như thế nào, khi tôi nhìn bác ngồi nắn nót viết tựa cho những băng nhựa các bài hát và tuồng cải lương bác thu lại của ai đó. Những nét chữ cứng, thô, ngập ngừng, run rẩy, của người mới biết viết. *Mắt em là bể oan kiều, ra đi mùa lá rụng, tiết ướng luông, phàn lê quê dâng ngũ linh kỳ....chung vô vịm, tư ết đi sài gòn, âm nhạc cải cách: duy khánh về miền trung, Thanh tuyền ru con, kim loan căn nhà ngoại ô...*

"Ừ, khi bác đi Tây, bác có biết đọc biết viết đâu, chữ Tây lẫn chữ quốc ngữ!"

"Sao bây giờ bác biết?"

"Thì lúc trong lính, anh em họ dạy cho! Có được đi học ở trường như mấy đứa bây giờ đâu, *sướng chết* mà không biết!"

Khi đủ can đảm, tôi hỏi bác :

"Nhưng sao bác lại tình nguyện đi lính cho Pháp?"

"Phải... tình nguyện. Đi Tây cho... biết với người ta. Nếu không, ông anh tao phải đi."

Bác cười kể lại chuyện người anh chạy trốn ngoài... ruộng, khi làng đến bắt lính nộp huyện.

"Hắn đã có vợ và ba đứa con!! Với lại đi cho biết xứ Tây với người ta."

Bác nói như thể bác phải tình nguyện sang

Pháp đánh Đức chỉ vì người anh ruột không muốn đi. Như thể bác rời bỏ làng quê cốt ý thoả chí giang hồ, những ngày tháng khổ nhục nơi đất lạ là bọt bèo. Như thể bác xa lạ vô cùng với những bác Đào, bác Cát khác, đã may mắn sống sót và trở lại quê hương. Càng không phải ra đi tìm đường cứu nước.

Phải ráp nối như thế nào những mẩu chuyện rời rạc bác kể theo yêu cầu, hình dung ra sao cuộc sống của hàng trăm, hàng nghìn người (tuyệt đại gốc gác) nông dân Việt trong các căng trại nào đó trên khắp nước Pháp vào (hai) thời thế chiến? Những người dân của một đất nước thuộc địa, kẻ làm lính, người làm thợ, đem sức lực, đời sống "cống hiến" cho "mẫu" quốc.

Phải tưởng tượng thế nào hầu "cảm" được cái đói, lạnh, cái đau, hờn nô lệ?

Phải tưởng tượng như thế nào để hiểu lý do ở lại của các bác trong khi đa số lính chiến, lính thợ đều trở về Việt Nam, tự nguyện hoặc bị ép buộc.

Phải tưởng tượng như thế nào để hiểu vì sao bác muốn các con tôi "đi bộ đội cụ Hồ." Bác, và những kẻ đồng hành, ra đi từ năm 1939, lúc ông Hồ Chí Minh chưa về đến Việt Nam. Phải tưởng tượng ra sao khi những chiếc tàu Hải Hồng lớn nhỏ nổi trôi trên đài truyền hình khiến bác thất kinh:

"Sao đồng bào Việt, Hoa liều chết vượt biên? Vì lý do gì nước bạn Trung Quốc sang đánh nước ta? Vì sao con của ngụy không được qua Pháp du học?"

Không nhớ chúng tôi đã trả lời bác ra sao, bởi chúng tôi dạo ấy cũng đã vui mừng, hân hoan, rồi hoang mang, chấn động.

Phải tưởng tượng như thế nào khi tôi xem kết quả các xét nghiệm, phim hình phổi của bác. Bác kể ừ ngày xưa, tại bác phải làm thuốc súng, bác sống cực khổ, đói nhục. Phải tưởng tượng ngày xưa của bác ra sao để hiểu được sự nhẫn nại, yêu đời của bác bây giờ?

Vào thăm bác ở bệnh viện, bác nói :

"Ừ, mấy bà y tá đó không dịu dàng cho lắm."

Nhưng bác không muốn tôi nói với họ điều gì.

"..."

"Họ làm nhiều việc quá, mệt thì cáu bẳn, kệ!Họ người Tây phương mà. Bác chỉ mong chóng khỏi về nhà. Hoặc có chết thì chết cho nhanh!"

"..."

Mặc họ! Như hai ba năm trước, một hôm, từ bệnh viện mất về, bác đem đến cho tôi năm sáu sợi chỉ đen ngắn độ vài milimét, bóng loáng như dây cước câu cá. Thì ra người ta đã bỏ sót chúng trong mi mắt bác sáu bảy tháng sau khi mổ.

Tôi giận lắm :

"Con làm đơn cho bác kiện bệnh viện!"

"Bậy nà! Bác hết đau nhức và hết chảy nước mắt sống rồi! Kiện với cáo!!"

Bác cười hề hề giở áo chỉ cho tôi xem một vết sẹo, to tồ như một sợi dây chão trơn, như một con rết cẳng dài cẳng ngắn, những đốt lưng không đồng đều, đến năm sáu chục phân, khó nhọc bò một đường đấn đo, run rẩy từ ức cho đến tận dưới rốn:

"Ối, bác quen rồi. Con kiến mà đòi kiện củ khoai à?"

Ông địa ơi, ngày xưa ấy, ở bệnh viện nhà binh dành cho lính thợ Việt, bác sĩ củ khoai mổ bụng con kiến tìm... khúc ruột (dư) sưng!

Và bác gái cười hả hả, thịt mỡ sóng sánh :

"Cái mẩu ruột ấy, cho tới giờ, toa có biết không...?"

Bác trai tiếp :

"Nó còn... dư nguyên đấy!"

Bà tiếp tục cười hả hả :

"Ừ, rốt lại, vẫn còn nguyên vẹn. Chẳng sưng cấp tính hay mạn tính. Cứ như mổ bò! Chuyện khó tin. Sống được quả là có phép lạ!"

Tôi cũng đã tưởng bác khoẻ lắm. Cho đến lúc vào bệnh viện thăm bác những lần sau, kinh hoàng thấy bác tan dần, chỉ còn da với xương.

Bác "nuôi" bệnh từ thuở nào? Bác chỉ nói "đừng lo cho bả, ừ, bả chích ngừa lao rồi," đừng lo vì bác vẫn cẩn thận chuyện bát đĩa, ăn uống, cả chuyện "ngủ nghê" cũng rứa.

Trước đó vài tháng, bác lẳng lặng tom góp hết tiền bạc, bảo tôi đem gửi cả về làng của bác. Bằng số tiền hưu hai, ba tháng. Bằng tiền vé máy bay khứ hồi Paris- Hà Nội/ Sài gòn. Cho làng xây cầu xây trường chi đó. Để giữ lời hứa với uỷ ban nhân dân xã nhân dịp bác trở về thăm làng đầu năm 75. Bác sung sướng kể cho tôi nghe đầy đủ, tỉ mỉ chuyến hành hương đầu tiên (và cuối cùng) sau ba mươi lăm năm xa quê. Bác cho xem ảnh làng và gia đình. Đường vào làng này, cổng làng đó. Bờ đê ruộng, cây cầu xưa. Đây là anh, đây là chị, kia là anh em thúc bá, nọ là cháu là chắt....

Hưu bổng của hai người cộng lại có lẽ chỉ vừa đủ chi phí cho cuộc sống hằng ngày. Những chút tiền chắt chiu tiết kiệm, bác gửi về đất nước quê hương trong vô số lần người ta lạc quyên: cứu lụt, cứu đói, mua hạt giống, máy cày v..v... Từ lâu lắm. Giúp Mặt trận giải phóng, giúp Hà Nội dưới bom, xây dựng quê hương thống nhất... Đói, lụt, bệnh tật, mất mùa... và xây dựng liên miên bất tận, bác phải gửi hoài, nên tôi nhất định tưởng tượng rằng vì thế bác tôi đành **sống gửi thác về**. Lần trở lại duy nhất trong cuộc đời biệt xứ.

Bác gửi tiền về nhà từ lâu hơn tôi tưởng: ngay từ hồm lãnh mấy đồng tiền "hoả hồng tình nguyện" đi Tây cuối năm 1939, từ những lần lương đầu tiên, và khi phái đoàn Hồ Chí Minh sang ký hiệp định sơ bộ tại Paris, cho đến tận lúc bấy giờ, tháng 12 năm 1992, những ngày cuối cùng của bác.

Một lần, bác bảo chúng tôi làm đơn xin/đòi bộ cựu chiến binh của nhà nước Pháp... trao huy chương cựu chiến binh cho bác. Tưởng bác muốn có thứ kỷ niệm khác hơn những tấm ảnh vàng ố xưa cũ. Hoá ra để sau đấy bác đòi nhà nước Pháp trả tiền hưu nhà binh. Để tiện việc (tiết kiệm) sổ sách, người ta xem bác như thợ chứ không như lính. Bác được tặng huy chương nhưng rồi bộ cựu chiến binh có đồng ý trả thêm tiền hưu nhà binh hay không, chúng tôi cũng chẳng biết.

Đó là những mẩu chuyện (cực ngắn) của đời bác. Bác mất đầu năm 93 đem theo những câu hỏi của tôi.

Bao nhiêu câu hỏi chìm nổi hàng ngày trong cuộc sống tôi. Như một ám ảnh khó chịu, như một hối tiếc vì dở dang, của một việc làm không đến nơi đến chốn. Đôi lúc, một cảm giác bơ vơ lạ lùng.

Ba mươi năm trước, chúng tôi ra đi từ một nửa nước Việt. Từ nơi đây, chúng tôi được gặp nửa nước Việt khác. Rất khác với một nửa nước thơ mộng, lãng mạn của Nhất Linh, Khái Hưng, Thạch Lam. Rồi những năm 80, 90 chúng tôi gặp những đồng bào đến từ nước Việt thống nhất, cũng rất khác. Khác từ những những hoàn cảnh, cơ duyên, lý do ra đi, khác đến quá khứ, tâm tình, đời sống. Những người lính thợ, thuyền nhân, tù nhân, công nhân nghĩa vụ lao động quốc tế.

Những câu hỏi lại đặt ra. Chồng chất, rối rắm.

Về sau, có dịp gặp gỡ cũng như đọc sách, báo người Việt ở Đông Âu, tôi càng thấy được nỗi khao khát tìm biết về lịch sử cận đại Việt Nam, của đa số chúng tôi, những kẻ xa nhà. Ngoài nhu cầu nhìn lại để nhận diện chính mình, để tồn tại, biết chuyện xưa mới hiểu vì sao có những chia rẽ, căm thù dai dẳng, những thành khẩn hành hạ nhau, biết, mới mong có thể nhìn nhau, nói chuyện... bình thường, biết lý do xa nhau trong quá khứ mới đủ *hy vọng* được gần gũi trong tương lai.

Trong quá khứ ngắn ngủi của tôi: từ lúc

TRẦN VẤN LỆ

# MỘT BÀI THƠ CHẮP NỐI

**Tôi nhớ thơ Thế Viên:** *"Tóc em vàng một nửa, tôi nhìn xa chợt nhớ trăng thu năm nao..."* **Những câu thơ hồi nào của người thơ lãng mạn bỗng dưng mà bừng sáng trong lòng tôi, hôm nay!**

**Em mái tóc dài bay, gió thơm lừng góc phố. Lòng tôi thành bến đỗ một mùa Thu dễ thương! Đây không là Quê Hương. Đây không là bến cũ. Em và tôi, viễn xứ. Chẳng ai là cố nhân!**

**Tôi không nhớ mùa Xuân có nhiều hoa và bướm. Mà nhớ em, sóng gợn suối mùa Thu tóc thơ... một đêm vàng trăng mơ, em hiện hình dĩ vãng để tôi nhìn si mê!**

**Đường đi không lối về, tôi nguyện làm mây mỏng che em hoài, cái bóng trong bài thơ mông lung...** *"Sáng nay trên bờ sông, gặp em bên song cửa, mây trắng trôi tần ngần, tóc em vàng một nửa..."*

**Lạ ghê! Khi không nhớ tới những câu thơ Thế Viên, những câu thơ có duyên cho bài thơ chắp nối, của tôi, mừng quá đỗi, có em, tóc vàng bay...**

còn nhỏ, ở Sài Gòn, trong những lần đi học, đi chơi, đi xi nê, đi mua sách, tôi thắc mắc khi ngang qua các con đường Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm, Trần Văn Thạch. Họ là ai, sao không thấy trong những trang sử học ở trường; họa hoằn lắm, trong những lần nghe lóm chuyện người lớn, hay đọc sách báo, thoáng thấy những nhắc nhở rời rạc: đó là những người đệ tứ, trốtkít, bị cộng sản tức Việt Minh thủ tiêu, vì là Việt gian. Và Đệ tứ cũng là cộng sản.

Sao họ được tổ quốc (miền Nam chống cộng) ngày ấy ghi ơn? Người lớn nghiêm trang, trầm trọng, bí mật và ít lời. Vì không biết hay không muốn nói.

Tuy một vài người lớn khác, thuở ấy, như Hồ Hữu Tường, phác thảo vài nét (12): đó là những người miền Nam, chống thực dân Pháp.

Nhưng năm 1975, khi đất nước thống nhất, tại sao những người đệ tứ này, một lần nữa, bị thủ tiêu? Những người anh hùng bách chiến bách thắng (đệ tam), vẫn chối từ minh định lý do, chi tiết của những vụ chém giết, đối xử không nhân đạo và bất công với Việt gian, ngụy quân, ngụy quyền v.v... cùng gia đình của họ, từ những năm đầu của Việt Nam độc lập cho đến Việt Nam thống nhất?

Cho đến ngày tôi được quen hai người cựu lính công binh khác. Hai Việt kiều của Đệ tứ cộng sản quốc tế tại Pháp.

Ngẫu nhiên, tôi tìm thấy những mảnh puzzles, những trang sử thiếu cho mình. Bỗng dưng tôi như được những sợi dây, những cọng rễ, những điểm tựa và dấu gạch nối, tưởng như nhìn thấy chút ánh sáng ở cuối đêm khuya và những cái vẫy tay dưới trời sâu. Không, không ai đã mang chúng tôi *bỏ giữa trời sâu.*

Đó là những trang sử viết ở ngoài nước nhưng có liên hệ mật thiết với cuộc đời đất nước Việt Nam trước đó và hiện nay. Những sợi dây nối kết, những trang sử thiếu của tôi, phần lớn nằm trong những tài liệu, tác phẩm của hai người đệ tứ này, hai chứng nhân trong những chứng nhân cuối cùng còn lại của một thời kỳ lịch sử ngắn ngủi nhưng cực kỳ quan trọng của Việt Nam : bác Đặng văn Long (13) và bác Hoàng Khoa Khôi (14). Sứ quán Việt Nam Cộng Hòa ngày xưa ấy ở Paris chẳng có "các chú" có bổn phận trông coi, hướng dẫn, răn đe sinh viên, tôi chưa hề nghe hay thấy chuyện họ phái người đi bắt sinh viên (thời ma cộng sản?) với sự cộng tác (thành khẩn hay bắt buộc) của người Việt khác tại chỗ như vụ **sứ quán ta** ở Bulgarie bắt hụt lần một và bắt được lần hai Phạm Văn Viêm năm 1997 (15). Hình như vào thuở xa xưa ấy, họ chỉ đáng sợ (?) cho sinh viên bị cúp học bổng hay chuyển ngân (16).

*(Còn tiếp)*

**Chú thích**

(1) Các chuyến bay rải rác từ tháng 12/68 đến tháng 1/69 cho nhóm 68 và cuối tháng 10/69 cho nhóm 69. Ngày nhập học thông thường của đại học ở Pháp: đầu tháng 10.

(2) Thơ Đinh Hùng.

(3) Nghị định cho phép đi du học thuở ấy có ghi rõ thời gian học là một năm, có thể gia hạn, Khi có kết quả thi (đậu), phải làm các thủ tục với sứ quán cũng như với chính quyền sở tại để ở lại học tiếp. Kiểm soát của nhà nước (VNCH) là ở chỗ này. Việc của công an, mật vụ, nếu có, chắc là khá kín đáo, ngoài tầm mắt và hiểu biết của chúng tôi ngày ấy: Trong năm 74, báo chí sinh viên Việt ở (Tây ) Đức phản đối vài trường hợp (oan ?) trục xuất, cúp chuyển ngân hay bác đơn xin gia hạn thông hành sinh viên của sứ quán VNCH Tây Đức.

(4) Theo Lương Châu Phước, trong *Nhìn cây thấy rừng* (Đỗ Quyên, nxb Văn Nghệ, California, 1997, tr. 227) hầu hết các tổ chức sinh viên trí thức (đi từ Sài gòn ngày xưa ấy) ở hải ngoại (Pháp, Đức, Gia nã Đại...) có "cảm tình" với cách mạng Việt Nam - lập thành Chi bộ đảng - *là do mấy ông cán bộ trong nước lập ra (...) và chuẩn y.* Riêng ở Canada *"tụi này không do trong nước thành lập."*

(5) Trừ Hoàng Yến, Mai Ninh : vẫn thanh mảnh, xinh xắn như thời con gái, những người khác thêm từ năm đến mười lăm kí lô (mỡ)!!

(6) Phó trưởng ban tổ chức của chúng tôi; Vài tháng trước đó, nhờ Quỳnh Dao (trưởng ban tổ chức) đưa ý định làm ngày kỷ niệm, việc mới thành. Phải nghĩ hoài đến bạn, từ kẻ vẫn thường gặp đến người chưa gặp lại, bạn mới có ý tạo dịp cho tất cả gặp lại. Xin cám ơn QD.

(7) Chạy: từ nhà ra nha Du học, ra toà đại sứ Pháp, ra bộ Nội Vụ, ra toà án để xin các giấy tờ như bản sao bằng tú tài, trích lục khai sanh, giấy miễn dịch, giấy chứng nhận (bố mẹ) không thiếu thuế nhà nước, không theo Việt cộng (?), phiếu điểm thi lục cá nguyệt v.v...

(8) Cho lớp 68. Báo đăng tin VC ném lựu đạn giết ông , theo lời đồn thì lựu đạn mang màu quốc gia bởi ông có tội đã gạt bỏ tên con một tướng tá nào đó trên danh sách những thí sinh được tuyển chọn cho học bổng đi Pháp. Đám sinh viên đi năm 68 đa số đều con nhà nghèo, học trường Việt và đậu tú tài phần hai hạng bình trở lên. Con nhà giàu một tí, hoặc học trường tây và chỉ được hạng bình thứ là không được chọn. Năm 69, nhiều đứa trong

trong đám bạn chúng tôi ( học trường Việt) được bộ Giáo Dục chọn theo tiêu chuẩn năm trước, nhưng toà đại sứ Pháp bắt thi Pháp văn gay gắt hơn (?), dân trường Việt rụng như sung, để chỗ cho một số lớn từ lò Marie Curie, Jean Jacques Rousseau v.v...

(9) Tại mặt trận này, quân Pháp và Đức "đối mặt" nhau qua những chiến hào và công sự, từ tháng 2 đến tháng 12 năm 1916, phía Pháp hơn 300 000 lính tử trận, khoảng 400 000 bị thương; phía Đức cũng thiệt hại hơn kém không bao nhiêu. Các nước thuộc địa của Pháp đã phải hiến dâng cho mẫu quốc một số lính khá đông. (Việt Nam khoảng 50.000 người). Hàng năm, vào ngày 11 tháng 11 lễ kỷ niệm ngày đình chiến thế chiến thứ nhất, tổng thống Pháp gắn huy chương (Bắc đẩu bội tinh ?) cho những người lính cũ còn sống sót, tại Pháp. Năm ngoái, nhân kỷ niệm tám mươi năm đình chiến, chắc là không còn người sống (sót) để gắn huy chương (xin lỗi, tôi dựa vào chuyện thủ tướng Pháp tuyên bố khôi phục danh dự cho vài trăm người lính Pháp bị xử tử làm gương trong những năm 1916, 1917- vì họ nổi loạn, từ chối chiến đấu-), tổng thống Pháp dự định sẽ tặng huy chương cho một cựu chiến binh thuộc địa Phi châu da đen cũ - Sénégal- nhưng ông cụ này đã qua đời vài ngày trước đó.

(10) M.O.I.: Main d'Oeuvres Indigènes: Ngạch Nhân công bản xứ, một Chi nhánh Bộ Thuộc địa của Pháp, thành lập trước thế chiến thứ nhất, lo việc chiêu mộ nhân công đến từ các thuộc địa, sau thế chiến hai, đặc biệt cai quản thợ Đông Dương (xem chú thích 15).

(11) FFI (Forces Francaises de l'Intérieur): lực lượng kháng chiến quốc nội, thời Đức chiếm đóng.

(12) Trong "Sống và viết với..." của Nguiễn Ngu Ý, Việt Nam 1969, nxb Xuân Thu in lại ở Mỹ.

(13) Đặng Văn Long: sinh 15/3/1919 tại Hải Dương. Lính thợ sang Pháp cuối 1939, tham gia phong trào Công binh từ 1944. Trong nhóm Cộng sản Đệ tứ quốc tế từ 1946. Vẽ tranh, làm thơ, viết sách, Về hưu năm 1979. Tác phẩm đã xuất bản: *Truyện ngắn* (1973, Paris; in lại 1998 tại Hungary thêm vài bài mới), *Lính thợ O.N.S* ,nxb Lao động Hà nội 1996, *Thơ lòng,* nxb Tân thư, Hoa Kỳ, 1996 và *Người Việt ở Pháp 1940-1954,* Tủ sách nghiên cứu, Paris, in tai Hungary, 1997.

(14) Hoàng Khoa Khôi: Sinh ngày 3/6/1917 tại Nam Định, sang Pháp cuối 1939 với tư cách thông dịch viên, chuyên viên về hưu từ 1978. Một trong những sáng lập viên và thủ lãnh *nhóm chính trị tổ B.L.* ( Bonsovich-Lêninít) thành lập đầu năm 1944, và *nhóm Tranh Đấu* ra đời tháng 11 năm 1944. Từ năm 43 đến nay (1999), với nhiều bút hiệu khác nhau: Hà Cương Nghị, Bùi Thiện Chí, Hoàng Giang, Anh Vân... ,trong ban biên tập chủ lực, đôi khi là biên tập viên duy nhất, ông viết các báo *Công binh tạp chí, Vô sản ,Tranh đấu, Tiếng thợ, Quan sát, Chroniques vietnamiennes* v.v... Ngoài ra ông có bài viết trong các báo *Thông Luận* (Pháp), *Đối thoại* (Hoa Kỳ), *Thiện Chí* (Đức) và trong nhóm chủ trương *Tủ sách nghiên cứu* (Paris, France) Boite Postale 246 - 75 224 Paris Cedex 11 France.

Tủ sách này đã xuất bản *Cuộc cách mạng bị phản bội* (L.Trotski viết năm 1936, bản dịch 1993), *Tờ trình Krútsếp* (Báo cáo của Kroutchev trước đại hội lần thứ 20 của đảng CS Liên Xô năm 1956, Đỗ Tịnh dịch, 1994), *Đời tôi* (Tự truyện của Léon Trotski, theo bản dịch tiếng Pháp của nhà Gallimard in tại Paris năm 1953, Trotski khởi viết từ 1928, xong năm 1929, bản tiếng Nga in lần đầu năm 1930 tại Berlin. Quyển I ,7/1998, quyển II tháng 7/1999, in lần thứ nhất ở Hungary), Lenin, con người, cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Văn Liên, Hungary, 1998.

(15) Người dịch sang tiếng Việt quyển *Chế độ phát xít* của Zhelyu Zhelev, bị chính quyền Hà Nội lùng bắt (hụt) năm 1990.

Trong báo Tiếng Nói, phát hành tại Sofia, số 7 và số 8 tháng 4 và 5/1991, có bài tự thuật *Tình yêu và cuộc sống,* ông Viêm kể lại chi tiết cuộc đào thoát của mình. Tất cả sáu người, trong đó có đảng ủy viên, bí thư chi bộ, dẫn đầu là bí thư thứ ba của đại sứ quán VN ở Bulgarie, đã đến phòng ông Viêm lục loát, đọc thư riêng và tịch thu các bản thảo, thư, giấy nháp... và bảo ông Viêm "chuẩn bị theo (...) lên sứ quán". Thoát được nhờ "xin đi đánh răng, rửa mặt," và sau đó xin tị nạn tại Bulgarie, ông phải viết lại toàn bộ bản dịch. Năm 1993, quyển *Chế độ phát xít* ra mắt ở Mỹ. Tháng ba năm 1997, Hà Nội toại nguyện: họ "giăng bẫy" bắt được ông ở Bulgarie và đưa về Nội Bài vào tháng 12/1997, tin này do một người Việt tên Nguyễn Văn Chính loan đi từ Offenbach-Đức- vào đầu năm 1998, qua báo *Việt Nam tự do.* Đầu tháng Năm năm 1998, trên báo Người Việt, nhà văn Tưởng Năng Tiến *thiết tha kêu gọi đồng bào hải ngoại đừng quên số phận của nhà văn Phạm Văn Viêm.*

(16) Dù sao, rất ít người tự ý trở về nước, nếu thi rớt (bị mất học bổng hay chuyển ngân), đa số xoay sở đi làm thêm hay được gia đình chuyển tiền qua các ngả không chính thức. Hai, ba mươi năm trước, chính quyền địa phương khá dễ dàng cấp phát giấy tờ ở lại. Có lẽ vì bất lực (hay vì cách tổ chức kinh tế ở các nước tư bản lâu đời này) , chúng tôi không thể bỏ học đi buôn như một số sinh viên Việt ở các nước Đông Âu và Liên Xô trong thập niên 80, 90. Nhưng đi "lậu" / "chui" từ Bỉ, Thụy Sĩ chẳng hạn, qua Pháp là chuyện không khó, thậm chí dễ dàng, vào thời ấy, nhất là ngay sau 30/4/75, nhiều người đang học dở dang và xin tị nạn chính trị, được giúp đỡ (có học bổng, giấy tờ cư trú...)

# ỦY BAN CAP ANAMUR KỶ NIỆM 20 NĂM THÀNH LẬP

## 7.8.99: Người Việt Tỵ Nạn Đã Cùng Nhau về Troisdorf

*"Suốt hai mươi năm qua, quý vị vẫn duy trì công việc của mình - đó là tình nhân đạo và con đường đứng đắn," lời Tổng thống CHLB Đức Johannes Rau chúc mừng Ủy Ban*

LAM ĐIỀN (Paris)

*"Các bạn người Việt Nam thân mến,*

*Bây giờ thì tất cả các cửa ngõ và đường sá, tất cả các xa lộ và các đường xe lửa đều rộng mở - tất cả đều dẫn đến Troisdorf... Các bạn người Việt Nam bất luận từ đâu đến, miền đông, miền tây, từ Bayern hay từ Hamburg, từ Niedersachsen hay Hessen, từ Bremen hay từ Saarland... chúng tôi chờ đợi để chào đón các bạn... Thật vui mừng biết bao khi các bạn tham dự thật đông đảo..."*

Đó là lời mời của Ủy Ban Cap Anamur gởi tới người Việt tỵ nạn tại CHLB Đức chín năm trước đây, được lặp lại nhiều lần và lần mới đây nhất là đầu tháng 8.99. Ngày 7.8.99, hơn hai ngàn người Việt tỵ nạn và hằng trăm người Đức đã nô nức về Troisdorf, một tỉnh nhỏ của nước Đức gần thủ đô Bonn, để vui mừng gặp nhau trong đại hội kỷ niệm 20 năm thành lập.

Hầu hết những người Việt về đây là những người đã được con tàu Cap Anamur vớt từ những cơn sóng dữ của đại dương và nạn hải tặc hoành hành. Đối với họ, Ủy ban Cap Anamur và người khai sáng thành lập ủy ban là Tiến sĩ Rupert Neudeck là vị cứu tinh đã đưa họ về nơi sống an lành.

### Linh hồn của Cap Anamur

Tiến sĩ Rupert Neudeck là linh hồn của Ủy ban Cap Anamur. Ông sinh tại thành phố Dantzig ở Ba Lan năm 1939. Năm lên sáu, trong thời kỳ chiến tranh, vào một mùa đông rét mướt, ông theo cha mẹ cùng làn sóng người tỵ nạn tới định cư nước Đức trên một

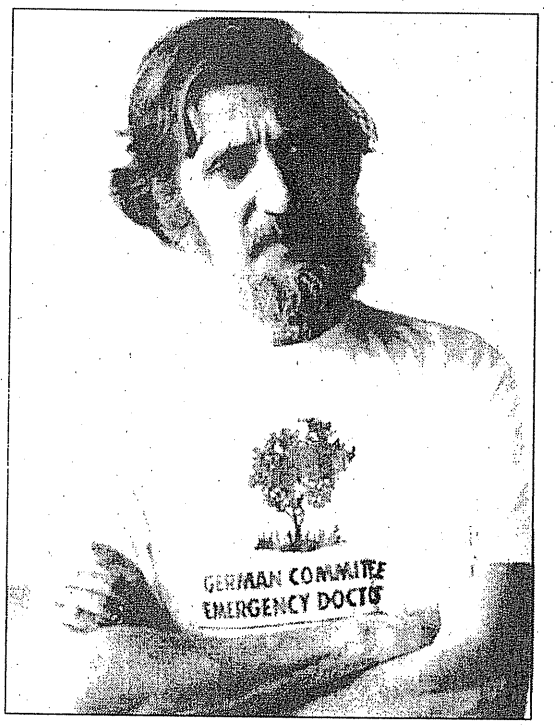

Tiến sĩ Rupert Neudeck

chiếc tàu chở than đá.

Ông tốt nghiệp từ các đại học Bonn, Salzburg và Muenster với bằng tiến sĩ thần học và báo chí. Năm 1977, ông là một trong những chủ nhiệm của chương trình bình luận thế giới của Đài phát thanh của chính phủ Deutschlandfund.

Theo tài liệu của Ủy ban thì ngày 1.2.1979, trong quán cà phê "Boule d'Or" tại Công trường Odéon, Quận 6 Paris thủ đô Pháp

quốc, ông đã gặp và phỏng vấn triết gia người Pháp André Glucksmann về hoạt động của triết gia Jean-Paul Sartre. Trong dịp này, André Glucksmann đề cập đến cuộc vận động thành lập tổ chức tư nhân Pháp mang tên "Một Con Tàu cho Việt Nam" để giúp người vượt biển. Người Pháp, với đủ mọi tầng lớp xã hội, chính trị gia các đảng phái (trừ đảng Cộng sản Pháp), đại diện các tôn giáo... đều hưởng ứng nồng nhiệt vì thấy rằng mình không thể làm ngơ trước tình cảnh thuyền nhân Việt Nam ồ ạt ra đi đang bị nguy khốn trên biển cả.

Dân Chúng Đức Hưởng Ứng

Điều này khiến ông Neudeck suy nghĩ nhiều nên khi về đến Đức, ông vận động xin chữ ký quyên góp hỗ trợ cho ủy ban nhân đạo lấy cùng tên của ủy ban người Pháp. Lúc đó, ủy ban Pháp đã thuê bao con tàu mang tên là *Ile de Lumière* (Đảo Ánh Sáng) nhưng vì thiếu tài chánh, chỉ hoạt động đến tháng 5.79. Ủy ban của TS Neudeck đã chuyển sang 72,000 DM để ủy ban Pháp có thể hoạt động thêm một thời gian.

Đến lúc này, qua các giới truyền thông tại Đức, nhiều người đã biết đến ủy ban và sẵn sàng hỗ trợ. Ngày 17.6.1979, một chương trình truyền hình đặc biệt phát hình trên toàn cõi nước Đức nói về tình trạng thuyền nhân ngoài biển đông, giới thiệu ủy ban và mời gọi dân chúng đóng góp yểm trợ.

Chỉ sau ba ngày, ủy ban đã nhận được 1 triệu 300.000 Đức mã. Với số tiền khổng lồ có được một cách nhanh chóng này, TS Neudeck đã nghĩ ngay đến việc thuê bao một con tàu để gởi trực tiếp đến biển Đông cứu thuyền nhân, hơn là chờ họ vào đến đảo rồi mới giúp đỡ. Và đó là điểm khởi đầu tiên của con tàu Cap Anamur I.

## Cap Anamur I: 9,507 thuyền nhân

Cap Anamur là tên của một hải cảng không mấy gì quan trọng của nước Thổ Nhĩ Kỳ nằm bên bờ Địa Trung Hải. Tên đó được đặt cho một con tàu bình thường giống như những con tàu biển khác. Thế nhưng, nhiệm vụ cao cả và nhân đạo của ủy ban mang tên này đã làm rạng danh Cap Anamur trên thế giới.

Kể ra có tới bốn con tàu Cap Anamur mà Cap Anamur I quan trọng nhất. Cap Anamur I dài 118.7 mét, rộng 17 mét, trọng tải 6,350 tấn, là một tàu chở hàng được cải biến thành một

### Một Đại Hội Sống Động

Đại hội đã diễn ra trong bầu không khí trang trọng nhưng cũng có nhiều lúc thoải mái với những chương trình văn nghệ truyền thống Việt Nam hay vui nhộn với màn múa lân của Gia đình Phật tử Tâm Minh ở Hannover tưng bừng chào mừng tổng thống CHLBĐ và quan khách.

Đúng 11 giờ, TS Rupert Neudeck, người sáng lập ủy ban đọc diễn văn khai mạc. Ông Nguyễn Hữu Huấn, thành viên của ủy ban và trưởng ban tổ chức Đại hội (người được tổng thống Johannes Rau sau đó khen ngợi là "người làm việc không biết mệt mỏi") trình bày lịch sử của Ủy ban Cap Anamur, tiếp theo là mục chiếu phim về hoạt động của Ủy ban tại Kosovo và phim Việt Nam "Mùi Đu Đủ Xanh" nói tiếng Việt, phụ đề Anh ngữ.

Trong khi đó, vào lúc 1 giờ chiều là cuộc họp báo với sự tham dự của các cơ quan truyền thông quốc tế và Việt Nam tại hải ngoại. Đến 2 giờ 45, các quan khách danh dự lần lượt đến. Khi đoàn xe của tổng thống Đức dừng trước cửa hội trường trong tiếng trống múa lân chào đón. TS Neudeck lại đọc lời chào mừng và khai mạc chương trình chính thức của đại hội.

Tới lượt quan khách lần lượt phát biểu lời chúc mừng, xen kẽ là các tiết mục văn nghệ truyền thống dân tộc, biểu diễn độc tấu đàn tranh, độc huyền cầm, hát dân ca, trình diễn áo dài Việt Nam.

Ủy ban đã giới thiệu tân chủ tịch của ủy ban là Bác sĩ Benno Ure.

Cô Lê Thị Thanh Trang Anamur đã đại diện người tỵ nạn cám ơn nhân dân và chính phủ Đức cũng như cảm ơn ủy ban Cap Anamur. (Cô được sanh ra trên tàu Cap Anamur vào tháng 5.1980 sau khi được vớt và được cha mẹ đặt tên là Anamur để nhớ ơn ủy ban.)

Giám đốc Chương trình Truyền Hình Report đã giúp vui với tiết mục ảo thuật. Ông cũng đã điều khiển mục bán đấu giá bức tranh thể thao trong đó có đầy đủ chữ ký của các cầu thủ trong Hội tuyển quốc gia Đức. Một bà người Đức mang giòng máu Việt (bà cố nội là người Việt Nam) đã mua được bức tranh nhưng bà tặng lại đội banh của Kosovo.

Chương trình văn nghệ bắt đầu lúc 7 giờ tối với nghi thức chào cờ Đức, Việt do ban nhạc Sài gòn phụ trách với sự đóng góp đặc biệt của Ca sĩ Sơn Tuyền (từ Hoa Kỳ sang tham dự) và các tài danh ở Đức.

Một đại diện người Việt tỵ nạn trong dịp này đã trao Bà Christel Neudeck số tiền tổng cộng 8,790 Đức Mã do người Việt tự động quyên góp để cứu trợ nạn nhân tại Kosovo.

Chương trình dạ vũ do hai ban nhạc Việt, Đức đảm trách bắt đầu từ 10 giờ tối, kéo dài tới 2 giờ sáng hôm sau mới chia tay. (Viết theo tin của Ủy Ban)

tàu bệnh viện nổi với đầy đủ dụng cụ y khoa, cấp cứu. Chủ tàu là ông Hans Voss đã tự nguyện dành cho ủy ban quyền sử dụng Cap Anamur I này mà không trả một tốn phí nào.

Ngày 9.8.79, tàu rời Cảng Kobe, Nhật bản, trực chỉ biển Đông thi hành sứ mạng cao cả của ủy ban. Từ tháng 2.1980 đến tháng 5.1982, Cap Anamur I đã vớt được 9,507 thuyền nhân Việt Nam với 191 chiếc ghe trong 29 chuyến hải hành. Tổng số chi phí cho công tác của tàu lên tới 25 triệu Đức mã, hoàn toàn do dân chúng Đức quyên góp.

Kể từ 1982, Cap Anamur I trở về Cảng mẹ Hamburg thì tên của ủy ban đã đổi lại là Ủy Ban Cap Anamur. Tên này bắt đầu vang lừng khắp thế giới nhưng phải chờ đến bốn năm sau mới có Cap Anamur II ra đời.

Cap Anamur II bắt đầu hoạt động từ ngày 14.3 đến 27.3.1986 đã vớt được 888 thuyền nhân tỵ nạn Việt Nam với 18 ghe trong ba chuyến hải hành thì bị bắt buộc ngưng hoạt động.

Một ghe vượt biển được tàu Cap Anamur 1 vớt ngày 10-8-1981

## Từ Cap Anamur III đến Cap Anamur V

Tháng 4.1987, con tàu nhân đạo thứ ba ra đời mang tên Cap Anamur III do Ủy ban Cap Anamur hợp tác với hội Y sĩ Thế Giới của Pháp và được sự hộ tống của chiến hạm Pháp để ngăn chặn hải tặc. Trong vòng hai tháng, Cap Anamur III đã vớt 905 thuyền nhân với 14 ghe trong ba chuyến hải hành.

Như vậy, trước sau Ủy ban đã vớt và chở về Đức tất cả 12,849 người Việt vượt biển.

Lúc nầy, không còn một quốc gia Tây phương nào tiếp nhận thuyền nhân tỵ nạn. Phủ Cao Ủy bắt đầu áp dụng chính sách thanh lọc trong các trại tỵ nạn, mặc dù số người Việt Nam vượt biển vẫn còn. Ủy ban cho ra đời tiếp tục Cap Anamur IV từ tháng 6.1988 và Cap Anamur V từ tháng 10.88. Hai con tàu này có nhiệm vụ bảo vệ thuyền nhân trước nạn hải tặc, giúp đỡ, tiếp tế và hướng dẫn họ cập đảo một cách an toàn. Hơn 500 thuyền nhân tỵ nạn Việt Nam đã được giúp đỡ.

## Cứu người khắp mọi nơi

Lập trường cũng như mục đích của Ủy ban là: "Ủy ban là một tổ chức nhân đạo, luôn luôn hoạt động cứu mạng sống của con người ở khắp mọi nơi. Nơi đâu có người gần chết vì đói khát, vì chết đuối, nơi đâu họ sắp bị chết chìm hay sắp bị đánh chết, chúng tôi đều muốn đến nơi đó để cứu mạng sống của họ, trên đất liền, ngoài biển cả hoặc cả trên không."

Trong một tài liệu của ủy ban, TS Neudeck xác định rõ thêm tư thế của ủy ban: "Ủy ban chúng tôi luôn luôn tự chủ trong những công tác của mình và không cần đến chính phủ nào cả, đôi khi còn chống lại các chính phủ nữa, nếu những chính phủ này chà đạp nhân quyền của người dân trong nước..."

Phương châm hoạt động của Ủy ban kể từ ngày thành lập đến nay vẫn không đổi: "Không bao giờ cứu trợ bằng tiền bạc và không bao giờ cứu trợ thông qua một đệ tam nhân, kể cả chính quyền của quốc gia sở tại."

## "Rất tự hào và hãnh diện"

Trong thời gian chuẩn bị đại hội kỷ niệm 20 năm, khi TS Neudeck vẫn đang còn ở Kosovo, mọi việc tổ chức là do thành viên người Việt

Nam, ông Nguyễn Hữu Huấn, trưởng ban tổ chức đảm trách.

Thay mặt chồng, bà Christel Neudeck đã gởi thư mời người Việt tới tham dự lễ. Trong thư, bà đã tỏ ra hãnh diện khi trích lại những lời ngợi khen đối với người tỵ nạn Việt Nam.

Bà viết: "Một đại thi sĩ của Đức tên là Rainer Maria Rilke nói rằng : Tất cả những gì khởi đầu đều vĩnh viễn. Đúng thế, chính các bạn là những người hiện diện đầu tiên trong cả chuỗi dài hoạt động nhân đạo của chúng tôi.

"Nhiều người Đức đã tỏ lòng nể trọng khi biết các bạn đã quyên góp một số tiền rất lớn trong kỳ đại hội năm 1996 cứu giúp những người bị hoạn nạn tại Tchétchénie. Chúng tôi rất tự hào về công việc này. Người Việt Nam 'của chúng tôi' đã chứng minh cho mọi người thấy rằng sau khi được định cư tại Đức này, họ không quên những nỗi đớn đau của những con người trong các quốc gia khác đang phải gánh chịu.

"Chúng tôi rất hãnh diện khi được nghe ông thị trưởng nói rằng : Đúng ra, chúng ta phải nhận thêm những kẻ bị hoạn nạn vào nước chúng ta nữa như người Việt Nam 'của quí vị' đã là cả một thành công tốt đẹp."

## Tình Nhân Đạo và Con Đường Đúng Đắn

Trong ngày đại hội, Ủy ban đã nhận được thêm nhiều lời chúc tụng từ khắp nơi gởi về.

Trên diễn đàn, *tổng thống Đức Johannes Rau* phát biểu như sau:

"Tôi vẫn thường tự hỏi rằng có gì mới lạ để phát biểu trong đại hội này? Hai mươi năm Cap Anamur, liệu không có gì thay đổi sao? Nhưng đó lại là một đặc điểm quý báu bởi vì suốt hai mươi năm qua, quý vị vẫn duy trì công việc của mình - đó là tình nhân đạo và con đường đúng đắn.

Tôi biết ông (Neudeck) không thích nghe những lời khen ngợi này, vì thế tôi xin gởi những lời khen ngợi này đến những người cộng tác quí báu của ông, vì rằng không có họ thì Cap Anamur không có ngày hôm nay. Những cộng tác viên này từ lâu không còn chỉ là người Đức như trong những tháng năm đầu tiên mà càng ngày càng nhiều người từ các quốc gia khác, và chính họ là những người đã được cứu sống qua các con tàu nhân đạo và các dự án cứu trợ của ông.

Tôi chỉ đơn cử ra một người đầu tiên, Thomas Nguyễn, người Việt Nam, làm việc không biết mệt mỏi và cũng là người tổ chức đại hội hôm nay tại Troisdorf...

Qua những việc làm của ủy ban Cap Anamur, không những chỉ riêng con tàu và ủy ban, mà toàn dân tộc Đức cũng nhận được biết bao cảm tạ quý mến...

Lời chúc tụng của tôi gởi đến ông và các cộng sự viên của ông trong đại hội hôm nay là: Quý vị hãy tiếp tục công việc của mình."

*Bộ Trưởng Ngoại Giao Joschka Fischer* (gởi thư) viết rằng trong suốt hai mươi năm qua, Ủy ban Cap Anamur đã thể hiện biết bao việc lớn lao tuyệt hảo vì thế "quý vị có đủ lý do để tổ chức đại hội này một cách trọng thể..."

*Bộ Trưởng Nội Vụ Otto Schily* (gởi thư) cầu chúc ủy ban, ít nhất là trong hai mươi năm tới, mọi thành công tốt đẹp trong công tác nhân đạo đáng kính phục của quý vị.

*

Sau đại hội, Tiến sĩ Rupert Neudeck, giờ nay được coi là về hưu với "nghề ký giả tự do," trở lại Kosovo để tiếp tục công tác cứu trợ của ủy ban. Ủy ban hiện nay đã trải rộng hoạt động nhân đạo của mình trên gần 40 quốc gia trên thế giới như tại Cam Bốt (tháo gỡ mìn), A Phú Hãn, Nga sô, Sudan... cho đến Thổ Nhĩ Kỳ, Bắc Hàn, Bosnia, Kosovo và hơn 10 quốc gia tại Phi Châu.●

### Một Cuốn Sách Viết Về Cap Anamur

Sách mang tên là "Câu Chuyện Từ Con Tàu Cap Anamur" của Nhà Văn Vũ Nam, hiện ở Đức, do Trung tâm Văn Hóa Xã Hội Phật giáo Việt Nam tại Đức xuất bản, 1997.

Sách kể chuyện về cuộc sống của nhiều người tỵ nạn được tàu Cap Anamur với xây dựng trên những mẫu chuyện có thực. Sách 258 trang, giá 18 DM, 12 MK.

Bạn đọc muốn có sách, xin liên lạc với Trung Tâm Phật Giáo VN tại Đức, 6 Karlsruherstr., 30519 HANNOVER GERMANY. ĐT 49 511 87 96 30 - Fax 49 511 87 90 963.

Địa chỉ của Cap Anamur : Klingelputz 25 - 50670 KOLN, GERMANY DT 49 221 12 21 66 - Trên internet :

http://cap-anamur.org (Anh, Đức ngữ)
http://members.tripod.de.vncap (Việt ngữ)

# THIÊN NGA GIỮA CÕI NGƯỜI

TÂM THANH

Cặp thiên nga nổi bập bềnh như hai cụm mây trắng muốt vừa rớt từ nền trời xanh xuống mặt hồ Eidselva. Giống thiên nga này được xếp vào giống thiên nga đẹp nhất trên vùng sông hồ Telemark. Có lẽ vì bộ lông xồm trắng như tuyết, căng phồng lên như một nụ hoa sắp nở, con vật diễm lệ này được gọi là knoppsvane (thiên nga nụ, cũng có người nói gọi như thế vì mỏ nó có một cái khoen đen duyên dáng). Nhưng tiếng kêu của nó lại bệ rạc hơn bất cứ loại vịt, ngỗng nào. Mùa hè khi chúng mon men lại gần bờ để chờ đợi những mẩu bánh mì của khách bãi tắm, tôi nghe từ cặp mỏ vàng óng ả phát ra những tiếng khò khè khàn đục, tôi có cảm tưởng ngỡ ngàng thất vọng y như thấy một mệnh phụ xinh đẹp mở miệng thốt ra lời thô lậu. Đúng là một loài chim để nhìn ngắm xa xa.

Từ nhiều năm nay ít nhất là từ ngày tôi về định cư tại xã Nome- cặp thiên nga nụ đã trở thành những vật trang điểm duyên dáng cho bãi tắm vào mùa hè, đồng thời là những người bạn già đạo mạo của trẻ con. Không biết do ai bắt đầu mà người ta gọi con trống là Romeo và con mái là Juliet (người Na-uy viết thành Julie). Cho đến hôm xảy ra một tai nạn xôn xao cả vùng. Hôm đó tình cờ tôi cũng có mặt. Tôi đang nằm hóng mát trên bãi cỏ thì nghe tiếng náo động, hô hoán ầm ỹ ngoài mé sông. Tôi vùng dậy nhìn ra chỗ đám đông đang xúm lại coi thì thấy trên mặt nước một trong hai con thiên nga (không biết con Romeo hay con

Juliet) đang nhào lộn đánh nhau với một con vật gì dưới nước, hình như một con cá khổng lồ. Khi "con cá" lặn xuống sâu thì con thiên nga (có người tinh mắt đã nhận ra con Romeo) bay vụt lên không chừng mươi thước, lượn một vòng quan sát. Khi vật dưới nước trồi đầu lên, tôi đã nhận ra - không phải cá khổng lồ - mà là một người, một đứa bé. Vừa nhìn thấy đứa bé, con Romeo đáp xuống như một tia chớp trắng. Đôi cánh của nó giang ra như cánh buồm, dài có hai thước dư. Lần đầu tiên tôi nhìn thấy đôi chân của nó - đen thui, càng thêm vẻ hung hãn. Cũng may, đứa bé bơi lặn thật giỏi. Và không biết nó mấy tuổi mà khôn thế, nó lặn xuống để bơi vào bờ, tránh đòn của con chim. Con chim cũng không vừa, nó đề phòng, không bơi trên mặt nước như bình thường, mà lao vun vút như con thoi trên trời, chờ địch thủ ngóc đầu lên lấy hơi, là nhào xuống mổ. Đôi cánh mà trước đây mỗi lần giang ra, trắng muốt như bạch ngọc tắm nắng, tôi thường thầm ví như đôi cánh thiên thần, bây giờ trông như cánh con bạch quỉ. Đã có nhiều người nhào xuống nước bơi ra cứu đứa bé. Những người đứng trên bờ thì khua chân, múa tay dọa nạt con chim để trợ uy. Cuối cùng bốn người lớn, trong đó có một cô gái, đã bơi ra xua đuổi con chim và dìu đứa bé vào bờ. Đứa bé trai tám tuổi không hề hấn gì, trừ vài vết trầy rướm máu đầu. Trong vòng tay bà mẹ rưng rưng khóc, thằng bé vừa hoảng hốt vừa có vẻ hãnh diện vì được đám đông tán thưởng đã can đảm chống cự được với con ác điểu.

Hôm sau đọc tờ báo địa phương Varden tôi thấy có đăng tin thiên nga tấn công trẻ em như một tin lạ, với hình con Romeo đàng hoàng. Người 'ta nói đôi chim tạm cư ở đây được khoảng bốn mùa hè (tôi cứ tưởng lâu hơn, từ khi chúng tôi dọn tới đây), quê quán chúng mãi trên vùng Moere, và mỗi con cân nặng khoảng 20 kg. Không ai biết lý do tại sao con vật tự dưng nổi điên như thế. Vợ chồng tôi đã hết hai tuần nghỉ thường niên, nên đi làm về chỉ kịp quanh quẩn ngoài vườn với mấy luống rau thơm và luống hoa là hết ngày, chúng tôi không hay ra bãi nữa, tôi không biết con thiên nga có nổi điên làm bậy nữa không. Và lúc này tôi mới thắc mắc không biết, lúc chồng nó nổi điên, con Juliet ở đâu. Tưởng sự việc được quên lãng như trăm ngàn việc vặt khác, không ngờ tới mùa đông tờ báo Varden lại đăng tin con thiên nga có thể bị tử hình. Tờ báo gọi nó là một con thiên nga "kỵ người" (mannevond svane).

Người ta kể rằng "phiên tòa" trên tòa hành chánh xã diễn ra gay go giữa Ủy ban Bảo vệ Thiên nhiên, Hội Phúc lợi xã Nome và Sở Công viên và Thể thao (ở Tỉnh về). Những người kết tội con Romeo đưa ra nhiều lý do: Thứ nhất nó đã đe dọa tính mạng một đứa trẻ. Họ nói từ lâu họ đã để ý hai con thiên nga nụ tỏ ra kênh kiệu, tàng tàng, không hiền lành như chim bồ câu, hay ít ra từ tốn như các con thiên nga khác. Chúng thuộc loại "kỵ người". Thứ hai từ ngày cặp thiên nga này về định cư mùa hè ở hồ Eidselva, mấy con thiên nga khác không dám về nữa. Chúng độc chiếm giang sơn. Hồ rộng như thế chỉ có hai con chim làm cảnh, mất vẻ sinh động. Chúng đã thù người lại còn "độc tài, độc trị" đối với đồng loại, thì nên giết đi để bảo toàn cho khách lai vãng bãi tắm, nhất là trẻ em, và để hồ tắm thiên nhiên có nhiều thiên nga về. Thứ ba, "sự thay đổi tác phong không tiên đoán được" (nguyên văn trong bản báo cáo tâm lý) là một trong các triệu chứng điên, có thể trở thành nguy hiểm cho con người. Phe bênh vực con Romeo chả có căn bản vững chắc nào để bác lại ngần ấy lý lẽ. Họ chỉ có thể viện cớ vu vơ (cảm tính nhiều hơn là lý tính) như: đầu sao đôi chim cũng thuần từ nhiều năm nay. Việc tự nhiên một con tấn công người là một điều bất thường, chắc phải do một động lực bí mật, mọi người nên tìm hiểu thêm trước khi quyết định. Đồng thời họ mời một chuyên viên về điểu học tới phiên họp, ông này cho biết rằng ông chưa bao giờ thấy một con thiên nga có "tác phong" như thế, trừ trường hợp nó bị phá ổ, mà trường hợp này không đúng ở đây, vì cặp thiên nga này là loại thiên di, chỉ mùa hè chúng mới về. Họ đề nghị bắt nhốt con chim lại để nghiên cứu xem nó có điên không rồi hẵng giết. Nếu nó không điên thì "phóng thích" và "quản chế," đủ rồi. Những người gác bãi tắm sẽ có nhiệm vụ canh chừng nó. Hễ nó giở chứng nữa thì bắn hạ tại chỗ cũng chưa muộn. Cuối cùng khi lấy biểu quyết thì đa số đồng ý giết hai con chim. Phe bênh lúc đó mới có dịp vớt vát: tội ai nấy chịu, con Romeo hành hung đứa trẻ thì chỉ giết nó thôi, tha cho con Juliet. Ông điểu học lúc đó cho biết thêm thiên nga là loài một vợ một chồng, con trống con mái sống trọn đời trọn kiếp, giết con Romeo, con Juliet khó sống lắm. Người Na-uy quí trẻ em như vàng, nhưng cũng yêu thiên nhiên và loài vật, dù đã "lên án tử" con

Romeo, họ cũng không biết xử với con Juliet ra sao. Đằng nào thì cũng phải chờ tới mùa hè, chờ cặp chim vô tình dẫn xác về rồi tính.

Gấp tờ báo lại, đầu óc tôi nghĩ miên man về những điều mâu thuẫn. Một đàng tôi bồi hồi nhớ lại truyện L'Amour (Tình yêu) của Guy de Maupassant về cặp ngỗng trời, con mái bị thợ săn bắn hạ nằm sõng dưới đất, và con trống bay lượn trên trời kêu khóc thảm thiết, rồi nhào xuống lãnh đạn, chết theo người yêu. Hồi nhỏ khi đọc truyện tôi khóc, nhưng bởi vì tình yêu giữa đôi chim cao cả quá sức, tôi nghi là tác giả chỉ nhân cách hóa, bây giờ đọc lời phát biểu của nhà chuyên môn về chim muông, tôi mới biết rằng nhà văn Pháp tả chuyện thật. Cũng thế, khi đọc nhà văn Việt Nam Võ Phiến tả con chim cu chung thủy bịn rịn bên người yêu không cất cánh được, tôi cũng nghi là ông thi vị hóa. Không ngờ các vị đó nói thật cả, cái tình trong trời đất là thật, là bao la thắm thiết. Nhà văn, nhà thơ lớn có thể hư cấu chứ không bịa đặt. Đằng khác tôi không hiểu được tại sao con vật kiều diễm, dạn người đó bỗng chốc trở thành hung hãn, nhào xuống tấn công đứa trẻ vô tội. Điều gì làm cho nó thành như vậy? Cái động lực bí ẩn thúc đẩy một kẻ thân người thành kẻ "ky người" thật là bi đát hơn chính bản án tử của nó.

Tôi đã để tâm theo dõi số phận cặp thiên nga có cái tên định mệnh Romeo-Juliet, nên khi thấy những dấu hiệu đầu tiên của mùa hè - búp lá dương cuộn tròn như tổ kén nở bung ra lung linh cẩm thạch, và ánh dương rực rỡ- tôi đạp xe ra bãi tắm mỗi buổi chiều sau khi đi làm về. Tôi thấy cặp thiên nga quen thuộc đã trở về. Và hoàn toàn do tình cờ tôi đã chứng kiến cảnh con Romeo bị giết. Tôi nói tình cờ vì lẽ ra ngày thường tôi chỉ có thể ra bãi tắm vào buổi chiều sau khi tan sở, hoặc vào các ngày thứ bảy, chủ nhật. Nhưng tôi

NGUYỄN HỮU CHUNG

# CÁM ƠN

**hôm qua ngoài phố**
**tôi gặp**
**một ngàn người**
**cô đơn**
**và một ngàn người**
**lạc lõng.**

**họ nói cười, nhanh nhẩu**
**che dấu những lo âu**
**về những nỗi niềm**
**không tìm ra thật tướng.**

**hôm đi uống trà**
**ở nhà bác Diêm vương**
**tôi gặp**
**Staline, ria mép xụi lơ**
**Mao Trạch Đông, mặt buồn như giẻ rách**
**Và Hitler, đôi mắt diều hâu lụp xụp mở không ra.**

**họ bảo buồn**
**nỗi cô đơn mang từ tiền kiếp**
**những cậu nầy, tội nghiệp, thật cô đơn**
**đã giết chính cả mình**
**không còn ai xin tội.**

**hôm kia ôm con chó**
**nhìn vô mắt nó**
**bỗng thấy tôi, người bạn đáng tin**
**của chính mình**
**bao lâu không gặp.**

**ôi cám ơn Thầy**
**đã cho tôi tìm thấy**
**con người**
**đã mỉm cười khi tôi cô đơn**
**đã ngày ngày giúp tôi khôn lớn**
**đã vớt tôi ra khỏi nhà tù**
**của những mê ngu tăm tối.**

*Montreal tháng 8 năm 1999*

biết, để tránh xúc động nhân tâm, xã sẽ không hành quyết con Romeo vào cuối tuần lúc có đông người ngoài bãi. Tình cờ, thứ hai đó tôi được nghỉ bù cho ngày công tác thứ bảy, nên từ sáng sớm tôi đã cuộn tấm nệm và một cuốn sách, đạp xe ra bãi. Bãi không một bóng người. Mặt hồ phẳng lặng in bóng trời xanh, mây sữa pha ráng mật ong nửa lãng đãng trên trời nửa nhễu xuống nước. Thỉnh thoảng một làn gió nhẹ làm lao xao mặt hồ và hắt những tia nắng lung linh vào mặt tôi.

Tôi trải nệm trên cỏ, nằm ngửa, thả hồn trôi theo mây nước, tận hưởng chút hạnh phúc như cụ Nguyễn Công Trứ - "kho trời chung mà vô tận của mình riêng." Phút giây này tôi biết sẽ phù du, sẽ tan biến khi lát nữa đây bãi tràn ngập người ta. Vẫn là trời này, vẫn là đất này, và tôi vẫn ở vị trí này, trên vuông nệm này, chắc chắn sẽ không ai xua đuổi tôi, có người còn chào hỏi tôi, nhưng hồn tôi sẽ co lại như con sên giữa chốn đông người bản xứ. Toàn là những người bản xứ tử tế, lịch thiệp, nhiều người không thiếu ân cần. Họ biết tôi từ lâu năm, và tôi biết họ, tôi biết ơn, thân mật, chung đụng với họ, nhưng chưa bao giờ tôi cảm thấy hoàn toàn hòa nhập với họ như hòa nhập với trời đất. Tôi có thể "tu luyện" để hưởng được hơi ấm của một giọt nắng trong vườn tuổi thơ ngay lúc còng người đi trong cơn bão tuyết. Nhưng lạ quá, tôi chưa bao giờ tránh được cơn gió bấc vô hình giữa con người. Tôi biết hoàn toàn là lỗi tôi, buồn lòng lắm, nhưng không làm gì được.

Bỗng tôi nghe tiếng xe ngừng ngoài lộ, rồi tiếng người nói và tiếng bước chân đi lại. Tôi ngồi dậy, thấy ba người đàn ông đi ra bãi tắm. Một trong ba người cầm khẩu súng săn. Tôi biết việc gì sắp xảy ra. Và thảm thương thay, cặp thiên nga lại không biết gì cả. Hai cái chấm trắng từ từ tách ra khỏi làn sương trắng mờ từ bên kia bờ, bơi sang... đất người. Tôi khấn thầm "Đừng! ễ bên đó đi! Đừng sang đây!" Nhưng cặp tình nhân vẫn nhởn nhơ bơi bên nhau như đi vào nơi non bồng nước nhược, cổ cất cao đài các, bơi tới đâu để lại sau hai vệt nước như tà áo choàng lụa mềm mại, gắn ngàn vạn hạt kim cương lấp lánh. Khi đôi thiên nga tới gần, tôi đã nhận ra chính là cặp Romeo-Juliet. Chúng bắt đầu khò khè xin đồ ăn. "Rất tiếc, ta quên mang bánh mì, làm ngươi không được ăn bữa tiệc cuối cùng", tôi nói nhỏ với cặp thiên nga, và thấy xót xa trong lòng. Tôi nói bằng tiếng Việt để người ta đừng nghe "Bay đi! Trốn mau đi!" và lượm một viên sỏi liệng gần để đuổi chúng đi. Nhưng cặp vợ chồng chim tưởng tôi liệng đồ ăn, nghiêng mắt nhìn theo vành sóng tròn trên mặt nước, rồi tẽn tò, giương cánh vỗ nắng. Cặp chim trông như một cặp vũ ballet, cùng nghểnh cổ, cùng nghiêng đầu, cùng xoay mình, cùng đứng im. Tôi nghe tiếng của một trong ba người.

"Con bên trái, phải không?"

"Đúng nó đó, con có mào."

Một người không cầm súng nói với tôi:

"Ông không sợ tiếng nổ chứ?"

Tôi lắc đầu. Và ông kia đưa súng lên nhắm. Nhưng ông ta không nổ súng được, vì đôi chim cứ quấn quít bên nhau. Tôi khấn thầm "Bơi sát lại nhau nhé, đừng rời nhau". Nhưng thật là định mệnh, đôi chim không rời xa nhau, nhưng lại tiến lại gần người hơn nữa, ngay tầm súng. Đoàng! Quác! Quác. Đôi chim kêu thất thanh. Con Juliet bay bổng lên trời. Nhưng con Romeo chỉ nẩy lên, rồi sa xuống, đôi cánh trắng vùng vẫy tuyệt vọng trên mặt nước, xoãi ra, đầu gục xuống. Nó co giật vài cơn, rồi bất động. Con Juliet quác quác mấy tiếng thất thanh, lượn một vòng, rồi sà xuống, gục gặc bên cạnh con Romeo. Máu loang như ráng đỏ quyện lấy bóng cặp thiên nga in dưới nước như hai đám mây trắng. Con Juliet chũi đầu vào cánh chồng, lấy mỏ nâng cổ người yêu lên khỏi mặt nước. Nhưng cái cổ dài của con Romeo cứ trĩu xuống. Một người trong nhóm lấy một cây sào khều con chim chết vào bờ, trong khi con chim mái lẽo đẽo bơi theo, nửa giận dữ, nửa hãi sợ. Khi người ta nhét xác con Romeo vào một cái bịch rác lớn, con Juliet nhảy lên bờ đứng ngơ ngác. Xe pickup chở xác con Romeo đi rồi, con Juliet vẫn đứng trên bờ nhìn theo, lâu lâu nghển cổ kêu khò khè, như một người đàn bà khóc chồng tới khản tiếng.

Hôm sau, và suốt tuần lễ đi làm tôi không có dịp ra bãi nữa, nhưng lúc nào cũng bị ám ảnh về cái chết của con thiên nga trống và về số phận của con thiên nga mái. Vì thế sáng thứ bảy tôi đạp xe ra bãi từ sớm. Tôi phập phồng chờ đợi con thiên nga mái, mà không thấy nó xuất hiện. Tôi đoán hoặc người ta đã giết nó luôn, hoặc nó đã tự vẫn như lời đồn về những con chim chung tình tuyệt vọng. Quá trưa, tôi buồn bã trở về nhà. Suốt mùa hè tôi không ra bãi nữa.

Một đêm trăng mùa thu vợ chồng tôi rủ vợ chồng người bạn chèo ghe sang bờ hồ bên kia

câu kreps (chúng tôi gọi là "tôm bọ cạp" như hình thù của nó). Mùa tôm bọ cạp năm nay bắt đầu từ ngày 6 đến 20 tháng 8, và vợ tôi đã mua sẵn 4 cái thẻ người lớn để được phép câu, mỗi cái 75 kroner. Sở Bảo vệ thiên nhiên ra chỉ thị năm nay chỉ được bắt những con từ 9,5 cm trở lên. Chúng tôi câu bằng hai kiểu, vừa bỏ đó, vừa thả thuyền gần bờ, một người soi đèn pin, người kia thấy tôm quáng đèn ngoi lên là dùng vợt hớt. Mùa hè năm nay ấm nên trúng mùa tôm, không đầy hai tiếng đồng hồ bốn người chúng tôi câu được gần một sô đầy. Anh Linh nổi hứng đề nghị xuôi ghe xuống hòn đảo hoang để nướng tôm nhậu. Khi đi lang thang trên hoang đảo dưới ánh trăng bỗng tôi nhìn thấy một đống lông trắng. Tôi giật mình nghĩ ngay tới con Juliet. Tôi lại gần thì quả là xác con thiên nga đã mục rữa. Bên cạnh là những mảnh vỏ trứng. Lúc đó tôi mới nhớ một việc vào cuối mùa xuân năm ngoái trước khi xảy ra vụ thiên nga trẻ em. Tôi gọi vợ và hai bạn lại, chỉ đám lông trắng, nói:

"Anh chị Linh và em coi nè! Con Juliet chết ở đây. Đúng ngay tại ổ của nó."

Vợ tôi hỏi:

"Sao anh biết là ổ thiên nga?"

Tôi kể:

"Em còn nhớ cái bữa trời thật đẹp trước lễ Phục sinh năm ngoái không? Anh rủ em đi câu cá, nhưng em bận gì đó không đi được, anh chèo ghe một mình sang đảo. Anh nhìn thấy hai quả trứng to dị thường nằm trắng phau trong ổ cỏ lau. Anh đoán là trứng thiên nga."

Anh Linh nhận xét:

"Người ta nói thiên nga làm ổ ở nơi khác, tới mùa hè mới thiên di về đây. Sao cặp này lại làm ổ ở nơi dễ bị quấy nhiễu như thế này?"

Tôi trả lời:

"Tôi không biết chắc. Tôi chỉ đoán cặp thiên nga này đã quen nước quen hồ đến nỗi chúng coi đây là nhà và định cư tại đây."

Chị Linh đùa, chêm tiếng Na-uy:

"Coi như là chúng "tam" (thuần) rồi."

Anh Linh vặn vợ:

"Thuần sao lại tấn công người ta?"

Tôi rủ ba người trở lại đống lửa cho ấm trong lúc "câu giờ" suy nghĩ về câu hỏi của bạn. Cuối cùng tôi nói ra giả thuyết của mình:

"Anh chị Linh và em nghe tôi giải thích thế này có hợp lý không nhé. Hồi mà trên xã bàn về cặp thiên nga, tôi theo dõi báo chí, và nhớ cái ông chuyên viên điểu học có nói thiên nga chỉ tấn công bất thần như vậy khi nó bị phá ổ. Nhưng ông đã loại bỏ giả thiết đó vì ông không nghĩ cặp chim thiên di có thể làm ổ ở nơi đông người thế này."

Cả bốn người cùng im lặng suy nghĩ. Anh Linh tiếp:

"Bây giờ chúng ta đã gặp ổ thiên nga ở đây, tức là cặp thiên nga này đã chọn nơi đây làm nhà."

Tôi gật đầu:

"Và bây giờ tôi mới nhớ ra thêm một chi tiết quan trọng. Hôm đó, lúc thằng bé bơi ra giữa hồ, tôi thấy cái đầu nó ngoi lên ngụp xuống nước giống hệt con rái cá."

Vợ tôi dè dặt:

"Có phải anh cho rằng lúc đó con thiên nga mái đang ấp trứng, và con thiên nga trống tưởng thằng bé là rái cá tới làm hại vợ con nó?"

Tôi im lặng để khỏi phải xác nhận hay phủ nhận. Cả bốn cùng nhìn ra mặt hồ loang loáng ánh trăng bạc. Bỗng có tiếng kêu quác quác trên không. Chúng tôi thấy một cặp thiên nga bay trong ánh trăng?●


**Đã phát hành khắp nơi**

**THIÊN NGA Ở CÕI NGƯỜI**

Tập truyện của **THANH TÂM**

*"... Người đọc bước vào truyện như lạc vào một cõi mơ, và ra khỏi truyện thì ngơ ngẩn bàng hoàng vì băn khoăn không hiểu nổi những vấn nạn muôn thuở của nhân sinh. Có thể xem truyện ngắn của Thanh Tâm như những bài thơ triết lý."*

**Nguyễn Mộng Giác**

*"... Trong truyện Nam Quốc Sơn Hà, tác giả đã thấy suốt được cái ngụ ý nghê gớm ấy của Hồ Chí Minh từ khi còn ở trong hang đá khởi nghiệp Pắc Bó, nguyện đem nước Việt Nam hiến dâng cho sự nghiệp cách mạng vô sản thế giới."*

**Phạm Xuân Đài**

**Liên lạc mua sách:**

● Tổng phát hành **Văn Nghệ**,
P.O. Box 2301 Westminster CA 92683,
USA. Tel: (714) 527-5761.

● Với **tác giả:** Midtskogvn. 7A, 2020
Skedsmokorset, Norway.

# HỒ XUÂN HƯƠNG, NÀNG LÀ AI?

## NHẤT UYÊN PHẠM TRỌNG CHÁNH* TRẢ LỜI PHỎNG VẤN

ĐẶNG TIẾN*

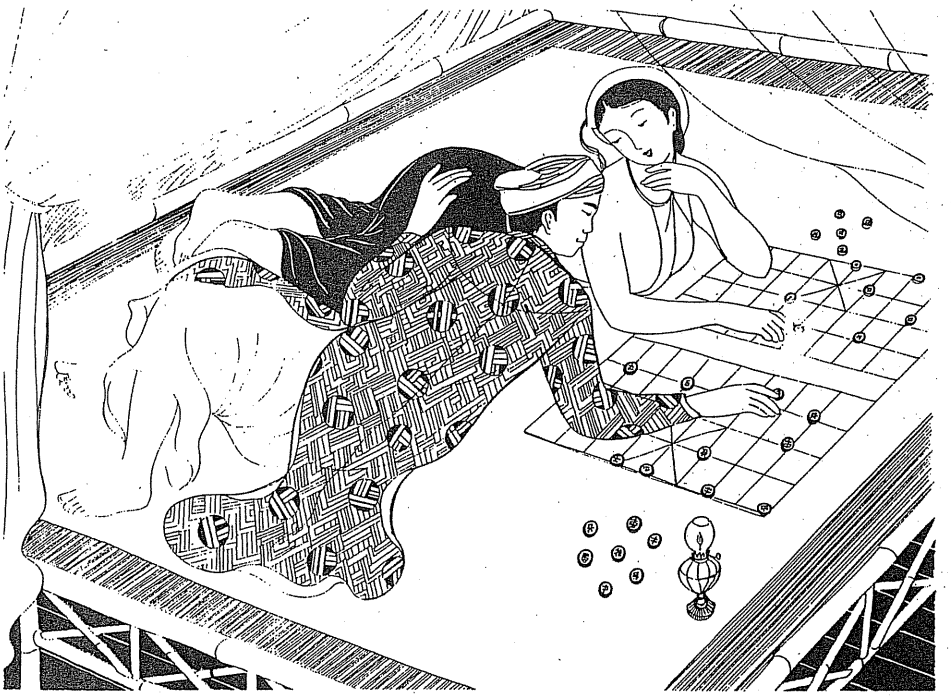

1. **Hỏi:** *Gần đây đã có nhiều sách viết về Hồ Xuân Hương, nay anh chuẩn bị xuất bản thêm một cuốn, anh sẽ mang lại những gì mới?*

**Trả lời:** Từ hai trăm năm nay, người Việt Nam đã đổ bao bút mực tìm kiếm về Hồ Xuân Hương, nhất là từ khi có máy in chữ quốc ngữ. Năm 1913 tại Hà Nội nhà xuất bản Xuân Lan đã in Hồ Xuân Hương thi tập. Người ta đã quơ quàng gán cho Hồ Xuân Hương thơ Vua Lê Thánh Tôn, Lê Quý Đôn, thơ Bà Huyện Thanh Quan, thơ dâm tục trong nhân gian và những bài thơ có ác ý bôi nhọ Phật Giáo... Người ta đã biến Hồ Xuân Hương thành một quái vật dị dạng: xấu xí, mặt rổ, da ngâm đen xù xì như trái mít, uẩn ức tình dục; có đôi gò mát sát phu đụng đến ai thì người đó chết, kiêu ngạo, khinh ghét các nhà sư thậm tệ. Quái vật đó hoàn toàn ngược lại với con người thật Hồ Xuân Hương mà GS Hoàng Xuân Hãn và tôi chứng minh.

Quyển *Hồ Xuân Hương, nàng là ai?* tôi tiếp nối công trình dang dở về Tình Sử Hồ Xuân Hương của GS Hoàng Xuân Hãn, tôi bác bỏ toàn bộ các sai lầm về Hồ Xuân Hương trong suốt thế kỷ dựa trên các văn bản chứng cớ mới tìm được: văn bản Lưu Hương Ký, Hương Đình Cổ Nguyệt thi tập, thơ Vịnh cảnh Hạ Long, Đồ Sơn, thơ văn những danh sĩ xướng họa tặng Xuân Hương như Tốn Phong, Nguyễn Du, Mai Sơn Phủ, Trần Ngọc Quán,

Trần Quang Tĩnh... Thơ văn những người gần thời với Xuân Hương như Tùng Thiện Vương, Trương Đăng Quế, Trần Bích San và hai nho sĩ Trung Quốc Hoàng Diệu Khuê, Trương Bỉnh Thuyên... Văn bản chữ Nôm xưa nhất của Antony Landes, Giám đốc Trường Thông Ngôn mướn Lê Quý ghi chép năm 1892... Các văn bản này mới tìm được tại Việt Nam và tại Paris.

Qua những văn bản có chứng cớ đó, tôi đã thiết lập một tiểu sử Hồ Xuân Hương, từ thân thế, giòng họ, đến từng người quen biết, tình cảm đối với từng người và cả từng chi tiết nhỏ như trước nhà Xuân Hương có một cây bàng lớn, và một Hồ Xuân Hương niên biểu với từng chi tiết, thời điểm. Công trình nghiên cứu này, đánh đổ toàn bộ các sách giáo khoa và nghiên cứu về Hồ Xuân Hương suốt trăm năm nay, chứng minh rõ ràng một Hồ Xuân Hương hoàn toàn ngược lại.

- Hồ Xuân Hương tên thật là Hồ Phi Mai, nàng là một trang giai nhân tuyệt sắc, Nguyễn Du sánh với hoa *sen đẹp xinh xinh, hoa sen ai cũng yêu,* Tốn Phong ca tụng: *Hoa Mai xuân sắc nhất kinh thành.*

- Hồ Xuân Hương là nhà thơ trữ tình, lãng mạn đầu tiên của văn học Việt Nam, đồng thời với người khai sáng ra trường phái lãng mạn Pháp Chateaubriand.

- Hồ Xuân Hương học rộng, đọc sách nhiều, uyên thâm cả Nho, Phật, Lão. Nàng có tài ứng đối, dùng điển tích rất tài tình, Hiệp Trấn Sơn Nam Thượng Trần Ngọc Quán phục nàng: *Tài cao nhã phượng thế gian kinh,* Nguyễn Du so sánh nàng với Tiểu Thanh; Trương Đăng Quế, Hoàng Diệu Khuê, Trương Bỉnh Thuyên sánh nàng với Ban Chiêu, Tạ Huệ Liên, Tô Tiểu Muội, Sái Cơ của Trung Quốc, và đem Mai Am nữ sĩ, tức Công Chúa Lại Đức so sánh với Hồ Xuân Hương, (dĩ nhiên không thể sánh công chúa triều đình với một nhà thơ dâm tục được.)

- Hồ Xuân Hương rất chung tình, với Nguyễn Du nàng chờ đợi hơn mười năm. *Mười mấy năm trời một chữ tình,* làm dang dở cả cuộc đời nàng, vì cơn tao loạn nàng phải lấy Tổng Cóc, khi nghe tin Nguyễn Du đến thăm Tây Hồ, nàng bỏ Tổng Cóc trở về, *Hồ kia thăm thẳm sâu dường mấy. So dạ hoài nhân dễ chưa vừa,* khi Nguyễn Du đi sứ Xuân Hương ra tận sông Hoàng Giang để đón, nhưng Quan Chánh Sứ đi cờ trống oai nghiêm, muôn cặp mắt nhìn vào, nàng đành: *Nồng nhạt mặc dầu đâu nhẽ dám, Tấc son này vẫn thắm mười phân.*

- Hồ Xuân Hương lận đận trên đường tình ái, trên bốn mươi mới gặp được Trị phủ Tam Đái tức Vĩnh Tường, sau được thăng lên làm Hiệp Trấn Yên Quảng là Trần Phúc Hiển, được ba năm Phúc Hiển bị vu tội tham nhũng, nhưng thật ra Phúc Hiển chết là vì vây cánh của Nguyễn Văn Thành, Đặng Trần Thường bị phe Lê Chất, Lê Văn Duyệt diệt, Thi tướng tao đàn Cổ Nguyệt đường là Hiệp Trấn Sơn Nam Thượng Trần Ngọc Quán cũng tự tử chết.

2. **Hỏi:** *Ngoài những điều mới, xin anh cho biết những gì sai lầm trong sách cũ.*

- Tôi nghĩ, sau khi quyển Hồ Xuân Hương của tôi ra đời, toàn bộ sách giáo khoa giảng dạy bậc trung học và đại học có liên hệ đến Hồ Xuân Hương và Nguyễn Du cần phải được viết lại, các giáo viên, giáo sư từ nay có thể giảng dạy Hồ Xuân Hương một cách trong sáng, như một nhà thơ trữ tình lãng mạn, mà thầy trò không bị hổ thẹn vì những câu thơ dâm tục, nói lái, kém cỏi, hạ cấp...

Các nghiên cứu về Nguyễn Du và Hồ Xuân Hương trong cả thế kỷ 20 đã sai lầm, ngay cả bút hiệu Tố Như gán cho Nguyễn Du, cũng là một lầm lẫn nghiêm trọng. Tố Như không phải là bút hiệu Nguyễn Du, mà chỉ có nghĩa là người con gái có phẩm hạnh cao quý như nàng Tiểu Thanh, trong bài Độc Tiểu Thanh Ký, Nguyễn Du viết năm 1804 lúc làm quan tri phủ Thường Tín, Nguyễn Du về thăm Cổ Nguyệt Đường thì được biết Xuân Hương đã lấy lẻ Tổng Cóc, nghe đâu vợ cả ghen tuông lắm, Nguyễn Du lo lắng số phận Xuân Hương sẽ giống như nàng Tiểu Thanh cách đó hơn 300 năm, nhà ở cạnh Tây Hồ, núi Cô Sơn Trung Quốc, lấy lẻ họ Phùng vì vợ cả ghen tuông, buồn và chết. Vợ cả ghen đem đốt cả thơ văn, người đời góp nhặt lại phần còn lại gọi là Phần dư cảo. Mượn chuyện Tiểu Thanh, Nguyễn Du thương khóc cho Hồ Xuân Hương và tự hỏi ba trăm năm lẻ nữa ai sẽ khóc người con gái phẩm hạnh cao quý như thế. Người đầu lầm lẫn cắt nghĩa bừa Tố Như là bút hiệu, sách vở cả thế kỷ nhắm mắt xưng tụng Cụ Tố Như và khóc Cụ Tố Như.

Ngay cả bài "Quỳnh Hải nguyên tiêu," mở đầu Thanh Hiên thi tập viết rõ ràng *Giác hải thiên nhai tam thập niên, góc bể chân trời ba chục năm.* Ba chục tuổi Nguyễn Du mới về Quỳnh Hải (năm 1796) cưới vợ, do Nguyễn Nễ và Đoàn Nguyễn Tuấn thu xếp, sau khi ở tù ra

vì muốn trốn vào Nam theo Nguyễn Ánh. Cha mẹ mất sớm, đại tang hai ông anh cột trụ gia đình Nguyễn Khản, Nguyễn Điều liên tiếp năm 1786, nhà cửa Thăng Long, Tiên Điền ra tro khói, lang thang ăn nhờ ở đậu chân trời góc biển, thế mà sách vở cứ chép năm 1789 ông về quê vợ ở Quỳnh Hải.

Các sách giáo khoa giải nghĩa bừa bãi, ví dụ bài Khóc Tổng Cóc. Câu thơ *Nghìn vàng khôn chuộc dấu bôi* là gì? Trẻ em ngày xưa có trò chơi bắt cóc bôi vôi thả cóc đi xa cóc vẫn trở về chỗ cũ. Nghìn vàng khôn cuộc dấu bôi vôi nghĩa là dù chàng có cho tôi ngàn vàng tôi cũng không trở về lại với chàng. Thế là Tổng Cóc có chết đâu? Hồ Xuân Hương dứt tình dứt nghĩa như nòng nọc đứt đuôi. Thơ truyền khẩu làm gì có tựa, người đầu tiên lầm lẫn cho đó là bài Khóc Tổng Cóc thế là nhà nghiên cứu viết sách vở, thầy giáo giảng dạy là khóc Tổng Cóc.

Một ví dụ khác, bài Khóc ông phủ Vĩnh Tường có câu: *Cán cân tạo hóa rơi đâu mất, miệng túi càn khôn thắt lại rồi.* Cán cân công lý là hình bà đầm cầm cân khắc trước các tòa án từ thời Pháp. Xuân Hương dùng chữ đồng cân. *Mượn tay thi tướng nhắc đồng cân.* Cái cân ta ngày xưa một bên có dĩa cân một bên có đồng cân. Hai câu *Cán cân tạo hóa...* chắc là mới sửa chữa từ thời Pháp thuộc. Câu thơ nguyên tác trong các bản văn nôm cổ là:

*Hạt sương dưới chiếu chau mày khóc*
*Giọt máu trên tay mỉm miệng cười*

Xuân Hương có mặt buổi hành hình chồng, nàng khóc như điên như dại. Thời gian ta nghĩ Hồ Xuân Hương lấy ông Phủ Vĩnh Tường trùng hợp với thời gian Trần Phúc Hiến làm tri phủ Tam Đái, uẩn khúc nằm ở chỗ đổi tên, và thương ghét dân tình.

Các sách vở đều chú ý việc Hồ Xuân Hương đi du lịch rất nhiều nơi, đi đâu cũng bầu rượu túi thơ và đem theo năm ba đứa đầy tớ. Chẳng ai đặt câu hỏi, nàng mẹ già nhà túng, ăn ở không yên ổn, tiền đâu mà đi chơi? Thật ra Hồ Xuân Hương đi buôn, từ mở hiệu sách bán sách bán quạt, tranh tố nữ đến đi buôn bằng thuyền đến các trấn, từng chi tiết nằm sờ sờ trong các bài thơ truyền khẩu. Thơ Lưu Hương Ký Xuân Hương có câu; *Thập tải phong trần quán nhỉ linh.* Lận đận mười năm tự dối mình như ăn trộm bịt tai đi trộm chuông là thời kỳ này. Đa số thơ truyền khẩu nằm trong thời kỳ này, và được chị em thương nhân phổ biến nhanh chóng trên một vùng rộng lớn.

Đó là một vài ví dụ, tôi nhận ra nhân đọc lại toàn bộ thơ văn mới phát hiện. Thơ là từng trang nhật ký, sắp xếp từng bài theo năm tháng với các tình tiết, biến chuyển lịch sử, tôi đúc kết được một tiểu sử Hồ Xuân Hương khá hoàn chỉnh.

3. **Hỏi:** *Vài người lưu ý đến yếu tố lãng mạn và cuộc tình Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, anh phát hiện được điều gì mới?*

**Trả lời:** Tôi có thể khẳng định, Hồ Xuân Hương là một nhà thơ lãng mạn trữ tình đầu tiên của nước ta, đồng thời với Chateaubriand người khai sáng trường phái lãng mạn Pháp. Chủ nghĩa lãng mạn thịnh hành tại Âu Châu thế kỷ 19 đối lại với chủ nghĩa cổ điển, chủ trương vượt lên trên thực tế và dựa vào ý muốn chủ quan mà sáng tác. Thơ Hồ Xuân Hương đã đúng với định nghĩa đó, người đời không hiểu đã bóp méo Xuân Hương thành một nhà thơ dâm tục.

*Nước mắt trên hoa là lối cũ*
*Mùi hương trong nệm cả đêm thâu*

Xuân Hương thành thực với lòng mình, diễn tả những tình cảm chân thật bằng thơ đường luật mà không hề bị luật lệ âm điệu gò bó. Xuân Hương dùng điển tích sáng tạo tài tình, xứng đáng lời khen ngợi của Tốn Phong: *Tao đàn xuất hiện vị Thơ Thần.*

Về mối tình Nguyễn Du, GS Hoàng Xuân Hãn tìm ra bài *Mộng thấy hái sen* của Nguyễn Du và bài *Chơi Tây Hồ nhớ bạn* của Xuân Hương. Tôi tìm ra thêm 12 bài của Hồ Xuân Hương là *Hỏi trăng, Duyên kỳ ngộ, Đề Trấn Quốc tự, Họa Thanh Hiên, Tưởng đáo nhân tình, Từ biệt bạn sông Nam, Nhân tặng, Họa nhân, Mừng gặp bạn trên sông Hoàng Giang, Hoài cựu, Cố kinh thu nhật, Thu nhật tức sự.*

Và thêm năm bài của Nguyễn Du là *Ký mộng, Ký hữu, Độc Tiểu Thanh Ký, Khai song, Thu nhật ký hứng.*

Như vậy cộng với bài *Cảm cựu kiêm trình*, Xuân Hương viết cho Nguyễn Du 14 bài và Nguyễn Du viết gửi Xuân Hương sáu bài.

Tình cảm bài gửi và bài họa trả lời đều ăn khớp với nhau như: *Tây Hồ vườn cảnh đã hoang vu,* Xuân Hương trả lời: *Phong cảnh Tây Hồ chẳng khác xưa.* Xuân Hương viết: *Cây có vầng xanh tỏ tấm lòng.* Nguyễn Du trả lời: *Một vầng trăng sáng tình ta đó.* Nguyễn Du viết: *Mộng đến ngọn đèn sáng, mộng tan gió lạnh lùng, người đẹp nào thấy nữa, lòng ta rối tơ vương.* Xuân Hương nhắc lại: *Giấc mộng rồi ra*

*nửa khắc không.*

Tôi giải quyết được thắc mắc, Thanh Liên là ai mà Xuân Hương trân trọng: *Khúc Hoàng tay nguyệt còn chờ dạy, Cánh phượng đường mây đã vội chi?* Thanh Liên là bút hiệu của Lý Bạch, ai lấy bút hiệu một thi hào quá nổi tiếng làm bút hiệu mình bao giờ. Do đó hoặc là chép lầm Thanh Hiên ra Thanh Liên hoặc Thanh Liên Chí Hiên là bút hiệu ban đầu của Nguyễn Du sau được rút ngắn thành Thanh Hiên. Tình cảm bài này hoàn toàn phù hợp với cuộc chia ly Nguyễn Du Hồ Xuân Hương.

4. **Hỏi:** *Anh có nhiều dịp tiếp xúc, học hỏi với GS Hoàng Xuân Hãn, nay anh tiếp nối việc nghiên cứu của bác Hãn, anh là môn sinh của bác Hãn, vậy anh có những nhận định gì về những công trình bác Hãn đối với Hồ Xuân Hương?*

**Trả Lời:** Bác Hãn là người minh oan cho Hồ Xuân Hương, nỗi oan kêu trời không thấu. Từ một người đẹp sắc nước khuynh thành người ta đã biến thành một người xấu xí, da ngâm đen, mặt rổ, má lưỡng quyền cao sát phu, đụng đến ai thì người đó chết.

Từ một vị thần thơ, tài cao nhã phượng thế gian kinh, Hồ Xuân Hương thành kẻ đạo văn, ăn cắp thơ vua Lê Thánh Tôn sửa đổi vài câu làm thơ mình, những bài thơ tưởng là căn bản của Hồ Xuân Hương như Đánh đu, Chợ Trời, Đền Khán Xuân hóa ra thơ vua Lê, văn bản năm 1892 của Landes còn có cả bài Thằng Bù Nhìn, Thằng Mõ, cả bài thơ Rắn của Lê Quý Đôn.

Từ một nhà thơ lãng mạn trữ tình, đã bị biến thành một nhà thơ dâm tục thô lỗ. Xuân Hương có làm thơ trêu chọc, nàng rất vui tính nhưng sự trêu chọc lẫn trong thi tứ trong cách dùng chữ rất thanh nhã và tài tình. Tốn Phong người bạn thơ cũng đã trêu chọc lại nàng: *Ướm hỏi Cao Đường ai đoán mộng, Gió mưa Đài Sở được bao lần?* Muốn hỏi nơi Cao Đường vị quan đoán mộng cho Vua Sở có đoán được Vua mơ thấy giao hoan cùng Thần Nữ Vu Sơn mấy lần?

Từ một Phật tử thuần thành, kiến thức Phật Học cao sâu, cuối đời đi tu, đã biến thành một người phỉ báng tăng, ghét sư đến mức thậm tệ, bôi nhọ Hang Thánh Hóa, thánh tích thiêng liêng của Phật Giáo Việt Nam là cái dương vật. Chùa Quán Sứ nơi tiếp các sứ thần, chức Tăng Cang do triều đình sắc phong, cũng phải tìm một vị sư có đạo đức, tài cao có học vấn trụ trì, làm gì có thể lọt vào một ông sư đa dâm: *Hỏi thăm sư cụ đáo nơi neo?*

Những bài thơ dở tồi tệ, chỉ vì được gán cho Hồ Xuân Hương mà người đời cứ nhắm mắt khen bừa.

Bác Hãn là người nhìn ra các điều đó, tôi tiếp nối, khai triển tìm ra chân dung con người thật của Hồ Xuân Hương. Bác Hãn là người đầu tiên tìm ra thơ chữ Hán của Hồ Xuân Hương năm 1952. Bác cố công lục lọi từ các bản gia phả họ Hồ, đến sách sử chép một đôi dòng về các nhân vật có liên hệ đến Xuân

SƯƠNG MAI

# LÊN NON MÚC NƯỚC SUỐI TIÊN

**Lên non múc nước đầu nguồn**
**Đem về pha chén trà thơm mời người**
**Vén mây cho ấm nụ cười**
**Cho ngày nắng đẹp, cho nguôi lòng trần**

**Lên non còn phút tần ngần**
**Biết mai người có một lần qua đây?**
**Buồn vui rồi cũng một ngày**
**Hoa kia còn thắm, nắng mai còn hồng**

**Anh còn nhớ đến em không?**
**Bài thơ còn nối đôi lòng với nhau?**
**Lên non hồn thấy xôn xao**
**Hình như ngọn cỏ đổi màu trong sương**

**Giọt mưa đâu tỏa mùi hương**
**Nghe trong cát đá nỗi buồn trăm năm**
**Lên non trút mộng âm thầm**
**Rải bay theo gió, vết bầm nhân duyên**

**Lên non múc nước suối tiên**
**Đem về pha chén trà thiền mời nhau.**

Hương, các văn bản chữ nôm Hồ Xuân Hương xưa nhất, nên khi ông Trần Thanh Mại công bố bài Cảm Cựu kiêm trình Cần Chánh Học Sĩ Nguyễn Hầu, bác Hãn đã thấy ngay mối tình Xuân Hương và Nguyễn Du. Điều bác Hãn rất buồn đối với anh em nghiên cứu văn học trong nước là, tại Paris bác Hãn tìm được văn bản gì mới, hay có nghiên cứu gì bác đều sao chụp gửi về Viện Văn Học (ví dụ một phần thơ chữ Hán Nguyễn Du, Bác Hãn đã tìm ra tại các thư viện Paris), trong khi hay tin trong nước tìm ra được Lưu Hương Ký, thơ Tốn Phong, Bác có nhờ môn sinh là anh Tạ Trọng Hiệp, Giáo sư Việt Học Đại Học Paris 7 xin dùm một bản sao, anh Hiệp về nước nhiều lần, gặp từng người một xin hỏi, các anh đều dấu người này đổ cho người kia, viện này đổ cho viện khác, làm như không biết ai có Lưu Hương Ký cả. Vì thế công trình nghiên cứu của bác Hãn năm 1983 chỉ dựa vào các bài viết của ông Trần Thanh Mại và mươi bài mới công bố trong quyển Hồ Xuân Hương của ông Nguyễn Lộc.

Năm 1995, ông Bùi Hạnh Cẩn đã làm một việc ý nghĩa là in toàn tập cả thơ chữ Hán Hồ Xuân Hương. Điều này giúp tôi tiếp tục công việc dang dở của bác Hãn và khai triển các điều bác Hãn thoáng thấy.

Ông Bùi Hạnh Cẩn là người thu góp toàn bộ, cái gì có liên hệ đến Xuân Hương ông đều bỏ vào thơ Hồ Xuân Hương, tôi phân tích từng câu từng bài tìm ra những bài không phải của Xuân Hương ví dụ tôi tìm ra hai bài thơ của Mai Sơn Phủ là bài Thu Tứ Ca và bài xướng Nguyệt Dạ Ca 1.

Tôi đặt mỗi bài thơ vào thời điểm, cuộc đời, khung cảnh lịch sử, nên tìm ra được ý nghĩa thật mỗi câu thơ. Ví dụ bài Bán chẩm thư hoài, nỗi niềm gối lẻ có hai câu:

*Ngâm khách hữu thần lai sắc tướng*
*Tình ma vô lực khước sầu binh*
Ông Bùi Hạnh Cẩn dịch
*Bạn hát có thần cùng họp mặt*
*Ma tình không sức đuổi sầu binh*

Nếu bạn hát có thần cùng đến họp mặt thì vui vẻ quá, còn đâu là nỗi niềm gối lẻ. Tôi đặt bài thơ vào hoàn cảnh Hồ Xuân Hương viết lúc Tham Hiệp Trần Phúc Hiển bị bắt, vụ án chưa phân minh rõ trắng đen; *Nửa trời mưa gió nửa trời thanh.* Nàng phải cư ngụ trong một quán khách vì gia sản bị niêm phong. *Lữ quán thê lương đến mộng lành.* Và bạn hữu có thần có thế xưa đến họp mặt ngâm thơ nay trốn biệt hết, tình nàng như tình với ma không đủ sức xua đuổi nỗi buồn đến đông như lũ âm binh. Hai câu đó tôi dịch:

*Ngâm khách thế thần đâu sắc tướng*
*Tình ma không sức đuổi sầu âm binh.*

Hồ Xuân Hương dùng chữ tài tình quá, dùng chữ sắc tướng nhà Phật, mà đối với chữ sầu binh, tướng đối với binh, sắc tức thị không, không tức thị sắc, đọc lên thật hay *tay muốn múa mà châm muốn dậm tự lúc nào không biết"* . Nếu ta dịch bỏ mất chữ sắc tướng câu thơ vô ý nghĩa. Tướng còn ám chỉ người bạn cũ là Trần Quang Tĩnh được phong Quan Tào Binh Bắc Thành, Xuân Hương có đến cầu cứu thì quan lánh mặt và nàng bị lính đuổi.

Lịch sử văn học Việt Nam còn nhiều nỗi oan lắm, còn lắm điều lầm lẫn nhầm nhí, không phải chỉ riêng Hồ Xuân Hương mà ngay cả Nguyễn Thị Lộ là thầy dạy vua Lê Thái Tôn từ năm lên bảy tuổi, lớn hơn Vua rất nhiều, bạn của mẹ; mẹ mất sớm, vua kính trọng Nguyễn Trãi Nguyễn Thị Lộ như cha mẹ. Vua bị đầu độc chết trong việc tranh ngôi, thế mà người đời biến thành Vua chết vì thượng mã phong trên mình Thị Lộ, thật là một cái oan nghiệt không kém gì tru di tam tộc.

5, **Hỏi:** *Anh là một nhà nghiên cứu văn học, đồng thời là một nhà thơ. Là một nhà thơ, anh mang lại gì trong việc nghiên cứu Hồ Xuân Hương.*

**Trả Lời:** Các nhà nghiên cứu văn học thường không phải là nhà thơ, các nhà thơ dịch thơ chữ Hán lại không nắm vững hết điển tích, thời điểm lịch sử, nên đọc thơ dịch từ chữ Hán thường ta thấy có gì không ổn, không lột hết được những tinh túy trong nguyên tác, nhất là thơ Đường luật mà dịch ra lục bát thì mất hết cả cái hay. Tôi thuở nhỏ, học làm thơ trau luyện qua thơ Đường luật trước khi qua thơ mới, nên có được một số vốn căn bản để dịch thơ. Nối tiếp bác Hãn trong việc nghiên cứu Hồ Xuân Hương, tôi đã làm cái công việc tắm rửa sạch sẽ, kỳ cọ các vết bẩn bôi trên thanh danh nàng. Khi khoảng cách thơ chữ Hán thơ chữ Nôm được phá bỏ người đọc có thể cảm nhận những tinh túy, phong cách thanh nhã, cao sâu của bậc thi hào.●

* Phạm Trọng Chánh. Nhà thơ, Tiến sĩ Khoa học Giáo dục, Viện Đại học Paris V. Sorbone.

* Đặng Tiến. Nhà phê bình Văn Học, Giáo sư Việt Học. Viện Đại Học Paris VII

# CA SĨ THÁI HẰNG QUA ĐỜI

Ca sĩ Thái Hằng

Một nghệ sĩ tài hoa một thời đã đóng góp nhiều cho nền ca nhạc Việt Nam, một người vợ và một bà mẹ dịu hiền hình ảnh gương mẫu của người đàn bà Việt Nam, ca sĩ Thái Hằng, đã tạ thế và ngày 14 tháng Tám 1999 tại nhà riêng ở Midway City, California, thọ 73 tuổi. Bà là vợ của nhạc sĩ Phạm Duy, và là thân mẫu của các ca sĩ Duy Quang, Thái Hiền, Thái Thảo và nhạc sĩ Duy Cường.

Thái Hằng nhũ danh Phạm Thị Thái sinh năm 1927 tại Hà Nội trong một gia đình thấm nhuần âm nhạc, với các anh em đều là nghệ sĩ như Hoài Trung, Phạm Đình Chương (Hoài Bắc), Thái Thanh. Thái Hằng bắt đầu sự nghiệp ca nhạc và sân khấu trong thời gian gặp và kết hôn với nhạc sĩ Phạm Duy năm 1948 tại Thanh Hóa, khu Tư, trong thời kháng chiến. Bà nổi tiếng cùng với ban hợp ca Thăng Long gồm các anh em bà và nhạc sĩ Phạm Duy. Ban Thăng Long đã trình diễn trên các đài phát thanh và sân khấu khắp ba miền Việt Nam từ thập niên 1950. Khán thính giả từng yêu mến giọng ca hiền dịu trong sáng của bà qua các bản Thằng Cuội, Đêm Xuân, Tình Hoài Hương... cũng như các bài bà song ca với Thái Thanh như Tiếng Sáo Thiên Thai, Tiếng Thu... và giọng ngâm thơ của bà cũng chinh phục rất nhiều tâm hồn người nghe.

Từ đầu thập niên 1970, khi các con đã lớn, bà Thái Hằng ngưng hoạt động trình diễn. Sau khi qua Mỹ năm 1975, gia đình bà trở lại sân khấu, bà cùng Phạm Duy và các con gái Thái Hiền, Thái Thảo đi lưu diễn, mang lại niềm an ủi và hy vọng đến cho người Việt Nam tị nạn trên khắp thế giới. Đến năm 1978, khi các con trai từ Việt Nam qua Mỹ thì bà cũng ngưng hoạt động âm nhạc, chỉ lo săn sóc cho đàn con xây dựng sự nghiệp này.

Cách đây gần mười năm, bà đã phát giác bị bệnh ung thư phổi, nhưng chỉ gần đây bệnh mới trở nặng, bà phải vào điều trị tại bệnh viện Fountain Valley, và đã được gia đình đưa về nhà hai tuần trước khi mất. Đám tang của bà đã được cử hành trọng thể tại nhà quàn Peek Family, thành phố Westminster, California, vào buổi sáng ngày 21 tháng Tám 1999, với sự tham dự của rất đông văn nghệ sĩ, bà con, bạn hữu cùng người ái mộ bà. Nhạc sĩ Nguyễn Hiền đứng trước linh cữu đọc điếu văn, có đoạn:

*Nhớ linh xưa, một trang thục nữ kiều diễm khuê các, tài sắc vẹn toàn của Hà thành hoa lệ những năm thập niên 40, người từng được các chàng trai công tử Hà Nội thầm thương trộm nhớ, ước mong được lọt vào mắt xanh hiền dịu. Thời toàn dân kháng chiến, quán Thăng Long ở hậu phương khu bốn đã là nơi hấp dẫn văn nhân tài tử về đây nhộn nhịp đua tài.*

*Người đẹp đã gặp được chàng nhạc sĩ tài ba lỗi lạc thuộc nòi danh gia thế tộc họ Phạm để rồi nhận lời kết tóc xe duyên trọn đời. Giữa lúc quê hương tràn ngập khói lửa, người cùng toàn gia hồi cư về thành Hà Nội và di chuyển vào Nam thành lập ban hợp ca Thăng Long nổi tiếng một thời. Giọng ca dịu dàng và vóc dáng hiền hòa của người đã in sâu trong tâm khảm giới mộ điệu để cùng đóng góp đáng kể trong giòng văn nghệ ca nhạc Việt Nam.*

Nhạc sĩ Phạm Duy trong bộ đồ tang bằng vải sô trắng đúng theo truyền thống Việt Nam, đã giới thiệu tiếng hát Thái Hằng cách đây gần 50 năm, hát bài Bà Mẹ Quê. Tiếng hát

Thái Hằng thời kháng chiến ở Thanh Hóa

trong trẻo cất lên, huyền ảo như đến từ một thế giới khác, mọi người bất giác rơi lệ, nhất là đám con cháu trong tang phục màu trắng đứng xúm xít quanh linh cữu nhiều người ôm mặt khóc rưng rức. Bài hát chấm dứt, Phạm Duy quay lại các con: "Các con đã nghe mẹ hát, bây giờ các con hãy hát cho mẹ nghe, trước khi đưa tiễn mẹ một lần cuối. Bài Mẹ Trùng Dương, trong trường ca Mẹ Việt Nam."

Chưa bao giờ cái thênh thang của biển cả lại hóa thân thành cái thênh thang của lòng người mẹ, thiêng liêng huyền nhiệm, như trong đoản khúc Mẹ Trùng Dương do gia đình Phạm Duy hát hôm đó. Các con bà không phải đang hát một bài hát, mà là đang diễn tả bà mẹ của mình, và cũng như đang được bà ôm ấp, triu mến, bao la. *Sóng vỗ miên man như đôi tay ôm của mẹ dịu dàng...*

Qua Internet, gia đình Phạm Duy nhận được lời phân ưu từ khắp nơi trên thế giới. Trong những e-mail đến từ Việt Nam có thư của Bác sĩ Nguyễn Đan Quế và bà Tâm Vấn, bà Song Kim (bà Thế Lữ), bà Thúy Băng (bà Văn Cao), nhà nghiên cứu Nguyễn Đắc Xuân (tác giả bài thơ Để Lại Cho Em mà Phạm Duy phổ nhạc, thành một trong mười bài Tâm Ca thập niên 60), các nhà văn Văn Quang, Vương Đức Lệ, Phan Nghị, Uyên Thao, Dương Tường...

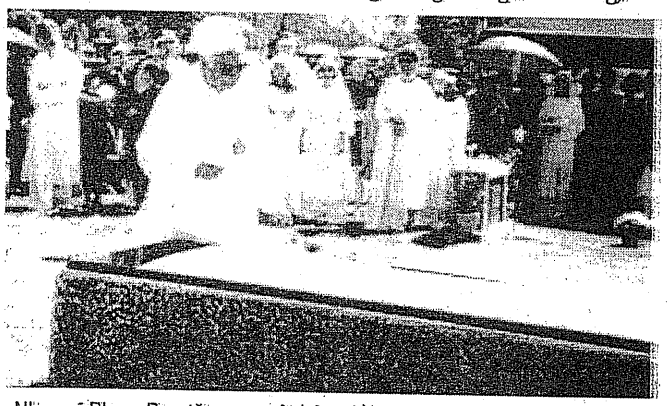

Nhạc sĩ Phạm Duy tặng vợ một bông hồng trước khi hạ huyệt

Trong thư cám ơn bạn bè sau đám tang, nhạc sĩ Phạm Duy đã viết:

*Nhà tôi ra đi rất êm ái như đã êm ái đến với cuộc đời quá huyên náo này. Êm ái lớn lên trong bóng mát của cha mẹ, êm ái đi vào cuộc chiến, đi vào hai cuộc tình rồi êm êm đi vào hôn nhân. Thành người vợ, người mẹ một triệu lần êm ái, rồi cùng chồng con và biết bao nhiêu tổ ấm khác, êm đềm rủi rong di tản trong nước rồi lưu vong trên thế giới. Êm ả và âm thầm ngay cả trong cuộc hẹn hò với bạo bệnh và tử thần từ nhiều năm qua...*

*(...) Bà là người mẹ không biết dùng roi với con. Bà là người vợ trong năm mươi năm chung sống với chồng không một lời nói nặng. Bà là sự nâng đỡ của tôi trong phen sa ngã, là sự thanh bình của tôi trong nhiều sóng gió, là sự thành công của tôi trong cơn vật vã với đời, là nụ cười của nàng Mona Lisa kín đáo, đậm đà của gia đình này. Nhà tôi ra đi với nụ cười lặng lẽ đó...*

*Về phần tôi, vào đúng ngày Tết Nguyên Đán năm nay, khi bác sĩ khám phá ra nhà tôi bị ung thư phổi và không thể sống quá một năm, tôi bị chấn động tinh thần, mất ăn, mất ngủ, sụt 13 pounds và phải đi khám tổng quát tim, phổi, gan, dạ dầy... xem có bị ung thư hay không? Kết quả là cơ thể không hề hấn gì nhưng tinh thần thì suy sụt. Tôi đã phải đình chỉ mọi hoạt động văn nghệ dù có những "shows" đã "booking" từ lâu. Suốt nửa năm trời cùng với các con lo việc chữa bệnh cho nhà tôi, thay phiên nhau trông nom bà ấy trong bệnh viện hay khi đưa bà về nhà điều trị, tôi cũng dần dần lấy lại được sự thăng bằng trong đời sống, dù lúc nào cũng có một tảng đá lớn đè trên ngực mình.*

*Bây giờ thì nhà tôi đã nhẹ nhàng ra đi, tảng đá kia cũng đã nặng nề đổ xuống, lo xong việc chôn cất cho vợ là tôi có thể thành một người tự do hơn trước, vì đã làm xong bổn phận người chồng. Các con tôi cũng đã quá khôn lớn, bây giờ tôi sắp sửa được trở về cái cõi cô đơn truyền kiếp của người nghệ sĩ muôn đời. Tôi lại được tự do thênh thang vác đàn ngao du như trong một thuở xa xưa nào, hoa cài trên phím, tiếng cười trong dầy...*

*Xin được cám ơn mọi người bằng nụ cười cô đơn đó.* ●

# CHUYỆN GẪU MỘT NGÀY MÙA ĐÔNG

LÂM CHƯƠNG

Lúa đã bén rễ, lá xanh vượt lên khỏi mặt nước hơn gang. Cỏ dại mọc chen với lúa. Nếu không nhổ tận gốc, cỏ sẽ mọc nhanh hơn lúa.

Những người đàn ông lom khom dưới ruộng, nhổ cỏ. Họ làm việc, có vẻ dửng dưng nhàm chán, thiếu phần sinh khí. Dù không năng động, nhưng cũng chẳng chây lười. Công việc làm, kết quả hay không, họ vẫn thế. Sở dĩ, họ phải làm vì không thể ngồi không được. Họ là những sĩ quan, viên chức của chính quyền cũ, biến cố lớn, trở thành tù nhân. Tù khổ sai ở đâu cũng có những quy luật khắc nghiệt của nó. Quy luật ở đây, còn tiến xa hơn một bước. Tù nhân bị tước mất nhân phẩm. Giá trị con người của họ, đơn thuần chỉ còn là những sinh vật biết cử động.

Trời rét dữ. Sương muối nặng như có mưa phùn. Nước ruộng ngập nửa ống những người đàn ông. Chân lạnh tê. Tay buốt cóng. Thỉnh thoảng, có người nhấc chân lên, kẹp con đỉa trong nắm cỏ, rứt ra. Quăng xuống nước, rồi nó lại bám người khác.

Trên bờ. Hai chị công an phụ trách về nông nghiệp, đốt một đống lửa nhỏ, nhàn rỗi ngồi hơ tay, tán gẫu. Một chị bụng bầu, mặt tai tái, mắt quầng thâm mệt mỏi. Chị kia trẻ hơn, mặt căng da mởn, đầy sinh lực.

Chị bụng bầu ngó lên màu trời trắng đục:

"Chán! Làm đơn xin về tỉnh, lại bị tống vào nơi tối tăm."

Chị trẻ:

"To đầu mà dại. Giao tế tiền bạc, tạo điều kiện trước. Khi nào được trên chấp thuận, thì làm đơn để hợp thức hoá."

"Tiền, tiền. Gì cũng tiền. Muốn có tiền, phải đưa con người ta về chỗ nào còn quơ quào kiếm chác được. Đưa về với bọn chết đói này, đến cọng rau cũng không còn, lấy gì giao tế? Có lột quần ra mà ăn."

"Không tiền thì dùng sắc. Nhưng đừng cho hưởng vội. Phải nhử mồi trước. Khi nào có kết quả, cho xơi."

"Ranh thế, sao mày còn bị đày về đây?"

"Chưa gặp thằng trên có đủ quyền quyết định. Cho mấy thằng dưới hưởng, chỉ nghe khoác lác nhảm, chứ được gì!"

Im lặng một lúc. Chị bụng bầu mở túi sắc, rút quyển sổ nhỏ ra xem. Xong, chị ngẩng đầu lên, gọi:

"Này! Các anh kia ơi!"

Những người đang lom khom nhổ cỏ lúa dưới ruộng, ngừng tay, ngó lên bờ.

"Anh nào có trình độ đại học, lên đây tôi bảo."

Những người dưới ruộng nhìn nhau. Không ai lên tiếng.

Chị bụng bầu hỏi:

"Chả ai có trình độ đại học à?"

Một người hỏi lại:

"Có chuyện chi không, cán bộ?"

"Tôi cần một anh có trình độ. Anh là tổ trưởng? Thôi, chính anh cũng được. Lại đây. Còn những anh kia, tiếp tục làm việc đi."

Anh tổ trưởng bước lên bờ, co ro đứng chờ.

Chị bụng bầu nói:

"Anh đếm bước theo chiều dài chiều ngang của mỗi thửa ruộng. Cứ bảy mươi bước đôi là trăm mét. Dài nhân ngang là ra diện tích mặt bằng. Anh biết công thức tính diện tích chứ?"

"Vâng. Tôi biết."

"Tốt! Cứ theo chỉ dẫn của tôi mà làm. Giấy viết đây này. Ghi vào. Tính toán xong, cho tôi kết quả."

Anh tổ trưởng cầm giấy viết, đi và đếm bước.

Hai chị công an lại tán gẫu.

Gió bấc hiu hiu. Sương muối nhòa đồi cọ trung du.

Chị trẻ kẹp hai bàn tay vào nách, rúm người:

"Trời lạnh, làm gì thích nhỉ?"

Chị bụng bầu:

"Đéo là thích."

"Khẽ! Không ngại bọn chúng nghe?"

"Mặc chúng!"

"Bụng to thế, mà đêm thằng Nọc thủ kho vẫn đến à?"

"Chỉ là trao đổi những thứ hấn bòn rút được trong kho."

"Tướng hấn như voi. Coi chừng sẩy thai đấy."

"To xác bé chày. Thằng quản giáo Cậy mới kinh."

Chị trẻ rút vai:

"Ừ. Thằng Cậy kinh thật."

Chị bụng bầu:

"Chỉ có nó trị nổi mày. Đêm nó quất cho vài cú là ngất ngư."

Chị trẻ cười rúc trong cổ: "Thế, vẫn thích hơn cái lão thủ trưởng, nhấp nha nhấp nhứ, chả ra làm sao cả. Này, tao thấy lão thủ trưởng hay để ý chăm sóc mày. Có phải lão là tác giả của cái bầu này không?"

"Tao gán cái ách cho lão. Chứ thật ra, cũng chả xác định được thằng nào. Nhưng tao vẫn nghĩ của thằng Cậy."

"Chơi với thằng Cậy dễ bị nó gieo hoạ, như mày đấy. Lần nào gặp nó, tao cũng bã người."

Cuộc tán gẫu ngừng, khi anh tổ trưởng đi lại báo cáo diện tích đã đo đạc tính toán xong.

Chị bụng bầu cầm mảnh giấy, nói:

"Anh đi làm việc đi."

Anh tổ trưởng đứng xoa tay:

"Xin cán bộ cho anh em nghỉ giải lao."

"Đã đến giờ đâu mà đòi giải lao?"

"Trời lạnh. Xin cán bộ thông cảm."

"Lạnh, thì làm việc vào cho nó ấm."

"Ngâm dưới nước lâu. Anh em tê cả tay chân rồi."

"Luôn luôn đòi hỏi. Thôi được, lên bờ nghỉ đi."

Anh tổ trưởng gọi lớn:

"Anh em giải lao."

Mọi người lên bờ, kéo nhau về phía chân đồi, ngồi nghỉ. Từng cụm năm ba người, hút thuốc lào, và nói chuyện. Chẳng ai than phiền gì về hoàn cảnh hiện tại. Nhiều năm tháng chịu đựng đã quen rồi.

Một anh công an bảo vệ, mang súng lại gần đống lửa, đốt thuốc, hơ tay, mặt nghinh ngó xoi mói.

Chị trẻ:

"Này, ngồi xích ra. Đừng có lạm dụng nhé."

Anh bảo vệ:

"Ối giời! Tưởng quý lắm đấy?"

Chị bụng bầu:

"Lấn mãi, tôi ngã xuống ruộng mất."

Anh bảo vệ nhìn chị bụng bầu, cười nhăn nhở:

"Bụng to phình thế kia, khi xổ lòng, cả đội tù làm vệ sinh, hốt cũng không xuể."

"Ranh con! Ăn nói chết duyên. Tù hốt không xuể, mày ăn đi."

"Ngủ với thằng nào, thì bảo thằng ấy ăn. Tao vô can."

Chị bụng bầu mắng: "Mặt lồn, mồm thối. Chả trách theo ve vãn mấy đứa con gái ngoài làng, nó cũng chê."

Anh bảo vệ đứng dậy đi lên đồi, còn ném lại phía sau: "Như mấy con heo nái, động đực cả đêm. Ai lạ gì!"

Chị trẻ ngó theo, rủa: "Đồ thối tha, ma chê chó gặm."

* * * Chếch về phía tây đồi cọ, là ruộng của hợp tác xã. Năm chị người Tày, đang nhổ cỏ lúa. Nhiều lúc họ cầm nắm cỏ, vẫy nước vào nhau cười đùa. Hình như họ không sờn thời tiết mùa đông trung du. Ba thằng bé Tày trên đồi, lùa trâu xuống đầm dưới cái vũng chân đồi. Rồi chúng đi lại chỗ nấu nước, có những người đàn ông gầy héo, đang co ro hơ lửa.

Một người hỏi:

"Áo quần phong phanh như vậy, cháu không lạnh sao?"

Thằng bé đáp:

"Chỉ nghe mát."

"Mấy chị đằng kia là chị của cháu hả?"

"Là vợ."

"Cái gì?"

"Vợ."

"Vợ ai?"

"Vợ cháu."

Người đàn ông ngạc nhiên:

"Lạ lùng! Cháu mấy tuổi?"

"Mười hai."

"Vợ mấy tuổi?"

"Hai mươi ba."

Người đàn ông nhìn vào thằng bé bên cạnh:

"Còn chú nhỏ này thì sao?"

"Thằng này thì chưa. Nhưng thằng kia cũng có vợ."

NGUYỄN BÁ DĨNH

# TRỪ BỊ

**Ước chi ta có hai tim**
**một trái chỉ để yêu em đậm đà**
**trái kia trừ bị phòng xa**
**lỡ khi cần thiết có mà giận nhau.**

Thằng bé chỉ tay về hướng ruộng hợp tác xã.

"Đấy. Đấy. Người vừa bước lên bờ là vợ nó đấy."

Người phụ nữ từ xa, vẫy tay réo gọi:

"Thằng ôn dịch kia. Hãy lùa trâu lên ngay."

Thằng bé chạy đi lùa trâu.

Người đàn ông hỏi:

"Cháu có nói giỡn không?"

"Giỡn là đùa đấy hả? Cháu không đùa."

"Vợ sao lại mắng chồng là thằng ôn dịch?"

"Vợ hỗn. Vợ cháu cũng hỗn. Lắm khi vợ còn đánh cháu nữa."

"Ba má cháu không trách vợ cháu à?"

"Trách gì? Bố mẹ nói cháu hư. Bảo vợ phải đánh."

Người đàn lắc đầu:

"Vợ chồng kỳ cục!"

Thằng bé ngồi gần thùng nước, hỏi vọng ra xa:

"Có không?"

Thằng bé lùa trâu:

"Có."

"Căng không?"

"Tạm."

Thằng bé lùa trâu, cầm túi nylon đi lại. Nó giơ cái túi lên, khoe. Bên trong lúc nhúc mấy con đỉa trâu, căng phồng no máu. Ba thằng bé bứt những cuống bông cỏ, cẩn thận buộc chặt hai đầu con đỉa.

Người đàn ông hỏi:

"Bắt đỉa làm trò chơi à?"

"Không chơi. Nướng ăn."

Người đàn ông trợn mắt:

"Trời đất! Ăn đỉa?"

"Không ăn đỉa. Chỉ ăn tiết trâu. Như người ta vẫn ăn tiết lợn, tiết gà đấy."

"Nhưng cháu ăn tiết trâu bằng cách nào?"

"Cho con đỉa hút máu con trâu. Xong, cho đỉa vào lửa nướng."

"Sao phải buộc chặt hai đầu?"

"Nếu không, khi cho vào lửa nó phọt tiết ra hết."

Thấy chuyện lạ, những người đàn ông bu lại xem.

Thằng bé quăng mấy con đỉa vào đống lửa. Con đỉa quằn quại vài cái rồi nằm im. Nó dùng cái que khều qua khều lại, nướng đến khét. Gắp ra, cạo lớp vỏ bên ngoài. Còn lại thỏi tiết tròn, dài bằng ngón tay, màu đen. Chúng chia nhau, ăn.

"Ngon không?"

"Ngon. Tiết nướng thơm hơn tiết luộc."

Người đàn ông lắc đầu:

"Một kiểu ăn tiết trâu lạ đời."

Một người khác, hỏi thằng bé có vợ:

"Đêm cháu ngủ với ai?"

"Với vợ."

"Cháu có làm gì vợ không?"

"Đi ngủ thì ngủ, chứ làm gì."

"Vợ có ôm cháu không?"

"Trời lạnh, vẫn ôm."

"Cháu có ôm lại không?"

"Cố chứ."

"Chỉ ôm nhau ngủ, mà không làm gì?"

"Đắp chăn, hoặc gác chân lên nhau nữa."

Những người đàn ông nói nhỏ với nhau:

"Chờ đến khi nó hiểu biết, đời con gái xuân thì cũng tàn phai."

"Tục lệ tảo hôn, tưởng đã đi vào quá khứ lâu rồi. Ai ngờ, ở đây vẫn còn tồn tại."

Anh công an bảo vệ mang súng đi tới, nói với những thằng bé:

"Này! Cắt con, không được quan hệ."

Thằng bé nói:

"Tôi chỉ ngồi chơi."

"Không được. Cút ngay. Vợ mày gọi đấy."

Thằng bé vênh mặt:

"Làm kiêu. Mai mốt ra nhà, đừng hòng xin xỏ thứ gì."

Nói xong, nó đứng dậy, đi về phía những con trâu.

Anh bảo vệ:

"Lũ ranh. Lắm trò đáo để. Có vợ rồi đấy."

Người đàn ông hỏi:

"Sao các cô lại chịu làm vợ những đứa bé con?"

"Dễ thôi. Gái núi chỉ đáng giá con trâu. Có

trâu là cưới được vợ. Người nhiều của, cưới vợ sớm cho con để có người làm lụng việc nhà, việc đồng. Khi thằng oắt đến tuổi trưởng thành, thì vợ đã già. Nó bỏ vợ già, cưới con vợ đồng lứa với nó. Những thằng trai nghèo, cưới lại con vợ già của thằng vừa bỏ ra, không phải nạp con trâu."

*

Xế chiều. Những chị người Tày nhổ cỏ lúa bên phần ruộng hợp tác xã, lên bờ. Họ gọi mấy ông chồng nho nhỏ lùa trâu ra về, ngang qua hai chị công an.

Chị trẻ lên tiếng: "Về sớm thế?"

Chị người Tày giơ tay chào:

"Xong rồi. Em về nhé. Về làm việc khác."

Khi những chị người Tày đi khỏi, chị bụng bầu nói:

"Ban ngày làm quần quật. Ban đêm ngủ với thằng oắt con đái dầm. Chán chết."

Chị trẻ:

"Tao nghĩ nó cũng phải dạy cho thằng oắt chứ."

"Ừ, thì có dạy. Nhưng cái đuôi thằng oắt như cái đuôi chuột ngo ngoe. Chỉ làm điên tiết."

"Giới thiệu thằng Cậy cho nó một lần thôi. Dù có cho ăn vàng, nó cũng bỏ thằng oắt."

"Dâm như mày, còn phải chết ngất vì thằng Cậy. Huống chi ai?"

Chị trẻ cười, vỗ vào đùi chị bụng bầu: "Thế mày không ngất hả?"

Hai chị cười sùng sục.

"Này. Tao thấy hình như vợ của lão thủ trưởng cũng có gì với thằng Cậy đấy."

"Hình như gì nữa. Tháng trước, mụ ra đội rau xanh của nó xin rau quả gì đấy. Nó tấn mụ vào nhà lô cả buổi. Khi ra về, tóc tai mặt mũi mụ bơ phờ. Chuyện này, bọn tù cũng biết."

"Thấu tai lão thủ trưởng, thì đời thằng Cậy bị khốn ngay."

Chị trẻ nhìn đồng hồ đeo tay:

"Hôm nay cho tù về sớm. Thằng tổ trưởng có xin cho bọn chúng đi tắm ngoài suối."

Chị bụng bầu:

"Ngâm nước cả ngày, còn tắm nữa?"

"Nước ruộng bùn sình. Cứ cho chúng tắm suối. Lạnh thế này, chúng cũng chỉ rửa chân tay thôi. Thiệt thòi gì mày?"

"Chưa đủ chỉ tiêu."

"Mai làm tiếp. Trông chúng đuối rồi. Sức chịu đựng của bọn tù cũng gớm thật. Đói ăn, lại ngâm nước lạnh cả ngày. Thế mà chưa thằng nào bị ngã. Làm thêm nữa, có thằng nằm vạ ra đấy."

Chị bụng bầu phân vân:

"Về sớm, nhỡ kiểm tra bất gặp."

"Lúc đó sẽ viện lý do, đổ thừa cho cái bụng bầu của mày có vấn đề không ổn."

"Ừ. Về thì về."

Chị trẻ gọi.

"Này, anh tổ trưởng ơi, bảo thu dụng cụ."

Anh tổ trưởng bắt tay làm loa gọi lớn: "Thu dụng cụ!"

Những người đàn ông uể oải kéo nhau lên bờ. Xong một ngày làm việc, mùa đông. Trên đường về. Hai chị công an nói với nhau về dự định, tối nay ấp ủ với ai cho ấm, và cười khúc khích. Còn những người tù thắc mắc, không biết bữa ăn chiều nay có thay đổi, hay cũng vẫn sắn khô nước muối thường ngày?●


**MuaSáchNào?** **www.tuluc.com**

**Nhà Sách TỰ LỰC**

**Trung Tâm Sách Báo, CD Ca Nhạc, Video**

**trên Internet**

**e-mail: buybooks@tuluc.com**

Tiệm sách Việt Nam đầu tiên bán trên Internet. Hơn 6,000 văn hóa phẩm chọn lọc. Áp dụng kỹ thuật tối tân nhất, dễ sử dụng, an toàn, cẩn mật. Bảo đảm không thất lạc.

**Điện thoại: (714) 531-5290. Địa chỉ: 14318 Brookhurst St., Garden Grove, CA**

# MỘT CHÚT TÂM TƯ

SAVI NGUYỄN TIẾN CẢNH

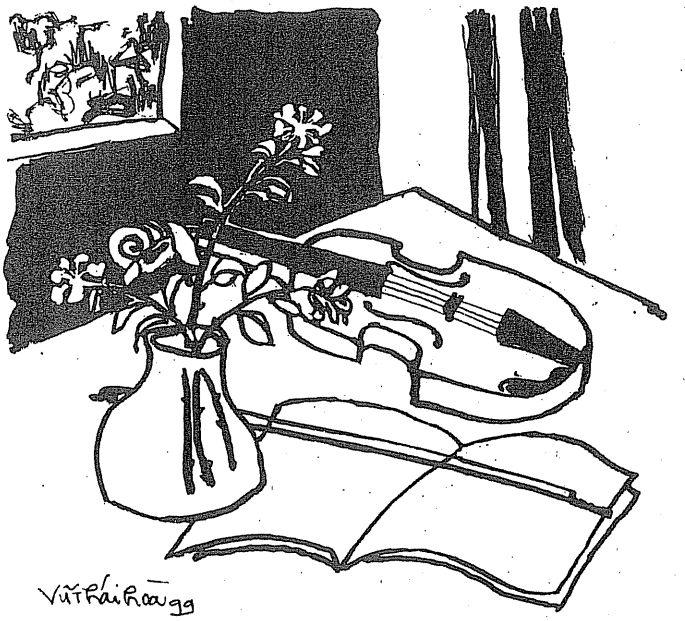

Khi ông Adam và bà Eva cãi lời Chúa ăn trái cấm, đã bị thiên thần Chúa sai xuống đuổi ra khỏi vườn địa đàng là nơi hai ông bà đang hưởng mọi sung sướng, không biết đau khổ chết chóc là gì. Chúa đã quở mắng hai ông bà: Ngươi và con cháu ngươi sau này sẽ phải đổ mồ hôi máu mới có cơm ăn áo mặc, đau khổ sẽ luôn luôn ở bên cạnh ngươi như hình với bóng và đời đời ám ảnh ngươi. Ngươi sẽ phải chết.

Thực vậy, đời người không có gì kinh hãi cho bằng *đau khổ*, dù là đau khổ thể xác hay tinh thần. Vì vậy bản tính con người là ham *sống* sợ *chết*, luôn luôn tìm kiếm sung sướng và tránh né đau khổ, nhưng vẫn bị đau khổ ám ảnh hành hạ. Con người ít ai được thỏa mãn với sung sướng hạnh phúc, trái lại đau khổ thì triền miên. Đau khổ và hạnh phúc trở thành những hiện tượng tâm lý triết học cho đến nay vẫn chưa một triết gia, một nhà đạo đức học, xã hội học hay tôn giáo nào có thể cắt nghĩa một cách toàn bích và giải quyết thỏa đáng. Nó giống như *sự sống* và *sự chết*, chẳng ai có thể giải quyết được, ngoại trừ Thiên Chúa.

Đau khổ là những cái gì vô hình vô tượng, nó mờ ảo mung lung, lúc ẩn lúc hiện, lúc cùng cực thanh thản, lúc triền miên sâu thẳm, lúc nhởn nhơ hời hợt, đến ở vô lường. Nó luôn luôn ở những cực đối kháng của tận cùng tâm tư. Có những lúc con người tự mình muốn tìm cái chết/tự tử, phải chăng vì họ thấy rằng không thể trốn thoát khỏi đau khổ và lưỡi hái tử thần.

*

Ông Lân được bác sĩ C. cho nhập viện để điều trị bệnh ung thư từ hơn một tháng nay. Bây giờ thì tình trạng vẫn nhập nhằng không giảm không tăng, nhưng có chiều đi đến nguy kịch khó thoát khỏi tử thần. Đôi lúc ông rất tỉnh táo bình thản, đôi lúc hốt hoảng như người mất hồn, có lúc cười nói quá độ, có lúc sầu thảm không nói không rằng, có lúc hung

dữ cáu kỉnh. Bất định. Hạnh phúc, đau khổ, sự sống sự hết đang quay lộn trong đầu ông. Ông thất vọng buồn nản đến điên khùng vì chẳng ai biết ông, chẳng ai hiểu ông, hiểu biết nổi tâm trạng, cái khốn cùng ghê rợn và đau đớn cùng tận của ông.

"Đừng gọi tôi bằng Lân nữa. Cô không có quyền gọi như vậy. Tôi là ông Lân, ông Nguyễn Văn Lân."

Anh bận bộ đồ nhà thương màu xanh lam đã ngả màu trắng nhạt. Anh ngồi yên bất động nhưng lòng bồn chồn khôn tả, thân tựa vô thành giường. Anh nóng lòng chờ bác sĩ đến khám. Hôm nay là ngày anh khám định kỳ bác sĩ chuyên môn ung thư máu. Cứ sáu tháng một lần. Anh đã đợi ít nhất là 15 phút trong cái phòng này mà anh biết chắc nó giống y chang cái phòng mà ông Lân đang la hét trong đó. Tập hồ sơ bệnh lý dày cộm của anh có đánh dấu màu đặc biệt đã được bà y tá để sẵn trên cái kệ sắt ngay cửa phòng. Anh bước tới đứng trước tấm gương treo trên tường chỗ bàn rửa mặt, ngắm nhìn mặt mình lần chót xem có giống một người bình thường mạnh khỏe tráng kiện không. Trong phòng không có được một tờ báo, dù là nhật trình hay nguyệt san..., chỉ độc nhất có một tấm lịch với ngày tháng năm dần dần mỏng đi. Anh nhìn chăm chú vào tấm lịch, cố gắng tưởng tượng và nhớ xem bác sĩ C. và hắn sẽ hoạch định chương trình trị liệu hóa học ra sao, rồi anh như cái máy tự động đi đi lại lại quanh phòng không ngừng. Bất thần anh dừng lại, lắng nghe những tiếng động trong không gian, nơi bệnh viện và những phòng chung quanh đây đó. Anh muốn nghe lén xem thiên hạ đang bàn tán, truyện trò, than vãn, trách móc, uất hận hay buồn phiền, chấp nhận những gì. Hình như có tiếng cô y tá trẻ đang nói.

"Tôi thành thật xin lỗi ông. Chúng tôi thường kêu mọi người và bệnh nhân trống không bằng cái tên gọi cho nó thân mật. Thực tình tôi không cố ý coi thường ông đâu."

"Cô đã làm tôi bực mình khó chịu. Cô không có quyền làm như vậy. Trong đời tôi, chỉ có một mình vợ tôi có quyền gọi tôi bằng tên trống không như vậy mà thôi. Không phải cô."

Có tiếng một bệnh nhân đồng cảnh ngộ tiếp tục cằn nhằn gắt gỏng trách móc như vậy ở phòng số 3 thì phải.

Được rồi, ông Lân, ông cứ tiếp tục ý kiến và lập trường của ông đi. Tôi muốn la hét lên như vậy. Đừng để cho họ hay bất cứ ai lấy đi một tý nhân phẩm nào của ông. Ông là một bệnh nhân. Ông bị ung thư. Ông là con người. Người ta không biết, không hiểu và cũng không tài nào có thể hiểu biết nổi cái khốn cùng đớn đau của ung thư. Không cần biết có bao nhiêu người như chúng tôi hàng ngày ra vào nơi bệnh viện này, trong những phòng khám và điều trị như thế này. Họ không tài nào hiểu nổi cái khốn cùng của con người khi phải cởi bỏ tất cả áo quần, thân xác trần truồng để được khám xét cẩn thận từng ly từng tý trên thân xác. Chỉ một sự duy nhất còn lại là kinh hãi và bẽ bàng.

"Ông Lân, tôi xin lỗi vì đã làm ông phật lòng." Tiếng bác sĩ C. nói khi cô y tá vừa đóng cánh cửa phòng lại.

Những bực bội khó chịu chớp nhoáng qua đi nhưng còn muôn vàn thứ đang chồng chất trong anh. Bây giờ anh ngồi tê cứng ở cuối bàn khám, hai chân bỏ thõng xuống, hai cánh tay ôm chặt lấy ngực như muốn che kín cả thân xác mà vẫn cảm thấy trống trải, lạnh lẽo, bẽ bàng. Anh thắc mắc phân vân nghĩ về dĩ vãng xa xưa năm năm trước lúc bác sĩ báo cho anh biết anh bị bệnh ung thư Hodgkin's. Biết bao tiếng xì xào oán hận mà anh nghe được vừa phát ra từ những phòng chung quanh. Biết bao con mắt mất thần của những bệnh nhân còn sống sót mà anh nhìn thấy lúc ngồi bên cạnh họ trong phòng đợi và nơi hành lang bệnh viện. Anh quan sát và cảm thông. Biết bao mẩu chuyện đối thoại giữa các bệnh nhân từ lâu cất kỹ trong óc giờ đây đang dồn dập trở lại thao diễn trong đầu anh với mọi chi tiết tỷ mỉ và sáng chói sầu bi. Một bà trạc tuổi trung niên hôm đó ngồi bên cạnh anh đợi làm thủ tục nhập viện, bất thần thốt lên:

"Tại sao lại xẩy ra cho tôi nhỉ? Con trai tôi chết vì ung thư máu; chồng tôi bị bệnh tim. Chúng tôi phải tự săn sóc giúp đỡ nhau."

Bà tiếp tục lẩm bẩm trong miệng điều gì không ai nghe rõ nhưng như muốn anh thốt ra những lời an ủi kỳ diệu có sức biến đổi thế giới và cuộc đời của bà thành bình thường như mọi người.

Ung thư, bệnh hoạn, đớn đau có thể nói nhưng không ngôn ngữ nào có thể diễn tả cho bạn hiểu được hết mọi ngóc ngách hãi hùng và sầu bi của nó. Cách duy nhất để biết và hiểu, cảm nhận và chia sẻ cảm thông là chính kinh nghiệm bản thân mình. Hai người bị bệnh loét/ung thư bao tử ngồi nói chuyện với nhau,

kể cho nhau nghe cái đau âm ỉ, lâm râm, lúc nhói quặn lúc tê tái. Họ hiểu nhau, cảm nhận cái đau của nhau và chỉ có họ mới hiểu nhau thấm thía cái bực bội, âm ỉ và chát chúa đau đớn ấy.

"Đúng vậy, tôi cũng thế, tôi cũng thế..."

Câu nói bao hàm và đầy đủ trọn vẹn giữa hai người mà thôi.

*"...Đoạn trường ai có qua cầu mới hay."* (ND)

Một cô gái trạc tuổi 16 ngồi thinh lặng ở một góc phòng, ánh mắt buồn vời vợi nhìn lơ đãng vào không gian vô định, mái tóc óng ả chảy dài xuống đôi vai gầy càng làm tăng vẻ đẹp liêu trai. Nhưng có ai biết rằng cô không còn tóc. Cô đội tóc giả. Cô đang mơ ước trở thành một cô gái bình thường vui tươi hạnh phúc như trăm ngàn cô gái khác cùng lứa tuổi. Nhưng bỗng cô đanh mặt lại, nổi khùng như muốn đốt cháy bệnh viện, đập phá mọi sự và cả thế giới chung quanh cho quả địa cầu xụp đổ tan tành để mọi người cùng chết với cô. Cô mím môi, cắn răng, nắm chặt bàn tay như trút hết tất cả buồn phiền uất hận, căng thẳng thần kinh ra ngoài, hiện trên làn da, móng tay khóe mắt. Cô đổi sắc từ buồn rầu ảm đạm thê lương qua hung tàn giận dữ. Bất thần cô hét lên một tiếng hãi hùng.

Bà y tá mở cửa đưa mắt ngó quanh phòng. Nhân viên nhà thương nhốn nháo chạy tới xem chuyện gì xẩy ra. Mọi sự vẫn bình thường. Cô vẫn ngồi bất động như pho tượng. Các bệnh nhân trong phòng đợi chẳng ai thèm để ý đến tiếng cô gái la hét. Hình như mọi người đang theo đuổi tâm tư ý nghĩ riêng của mình . Có người ngước mắt nhìn cô rồi bỏ lơ. Có người vẫn cúi đầu thê thảm. Có người đang lẩm bẩm một mình hoặc thì thầm với người bên cạnh như phân trần than van, chấp nhận... Họ cảm thông nỗi xót xa đớn đau của cô gái.- Họ cũng như cô, đã qua những đoạn đời, những tâm tư sầu muộn, uất hận ấy. Một ông già ngồi trên xe lăn, da nhăn nheo, mặt xanh như tàu lá màu áo nhà thương. Người ông chỉ còn da bọc xương như một cái xác không hồn, đôi mắt hết tinh anh lơ đãng rảo quanh phòng, nhìn xuống đôi bàn tay gầy guộc bất động đặt trên hai cái đùi ốm tong teo run rẩy. Không biết động lực nào đã thúc đẩy ông tiếp tục đeo đặn trở lại nơi đây để chữa trị khi ông coi như đã chết rồi.

Những con mắt đang ngước lên trời cao như khẩn cầu Thượng Đế ban ơn lành phép lạ. Những con mắt đang cúi gằm xuống sàn nhà như muốn đếm từng cọng chỉ của tấm thảm trong phòng đợi. Những gia đình đang bàn tán về vở kịch trên truyền hình đêm qua; không biết lát nữa họ có còn nhìn thấy đứa con yêu dấu của họ nằm trên giường tay lủng lẳng những giây, những kim, những thuốc đang từng giọt nhỏ chảy thấu vào mạch máu, lạnh lùng, đơn côi. Cảnh tượng hai người còn đang lay lắt sống. Ông Lân đang la hét cô y tá.

Biết bao là vấn nạn, thắc mắc, ẩn khúc của cuộc đời đang chờ đợi chỉ một trả lời đơn giản. Sống hay Chết?

Tôi là người quan sát, nhìn cuộc đời của những bệnh nhân ung thư và những người may mắn còn sống sót. Giống như một xã hội thần bí, tôi nhận biết họ trên những nẻo đường phố vắng bóng người, những nơi đô hội ồn ào bon chen. Những thành phố đồ sộ nhà trọc trời, đèn điện sáng trưng, xe cộ tấp nập ngày đêm, dân chúng ăn chơi hưởng thụ xa hoa, những thương gia đang bận rộn tính toán lãi lời, những sinh viên đang cắp sách đến trường, những nhà truyền giáo đang hùng hồn thuyết pháp, những nhà bác học đang cặm cụi

VÕ DOÃN NHẪN

# TRISTESSE CHOPIN

**Sầu xâm thực nửa vầng trăng**
**Chiều mai có phải chiều rằm, ba mươi?**
**Sầu lên đậu khóe môi người**
**Rèm mi rớt hột tuyệt vời điểm trang.**
**Hoàng hôn tím nhuộm mây ngàn**
**Tô thêm nét phá hồng hoang lưng trời.**
**Lược buồn rẽ lệch đường ngôi**
**Nghe trong tóc bạc tiếng đời xôn xao.**
**Đừng cơn lốc, trận mưa rào**
**Xin người cứ để sầu vào thiên thu.**

trong phòng thí nghiệm. Những nơi bùn lầy nước đọng, nhà tranh vách đất, lụp xụp, ổ chuột tối tăm ẩm thấp, người dân cơ cực nghèo khổ bệnh tật, trẻ con thất học. Họ phải sống. Họ tranh sống. Yêu thương. Hận thù. Ức hiếp và chèn ép. Những ông thánh, ông tiên, ông phật, những thằng quỉ, những kẻ yếm thế, những người yêu đời, những nhà tranh đấu cho tự do dân chủ và nhân quyền, những nhà độc tài áp bức, người sang trọng quyền chức sung sướng hạnh phúc, kẻ nghèo hèn khốn cùng khổ đau. Ai là kẻ đồng hành với những con bệnh, ngồi bên cạnh họ, sống với họ để cảm thông với họ, chia sẻ với họ một chút tình người, mong rằng có thể mở rộng tâm tư ý nghĩ, cõi lòng mình hầu hóa giải, góp phần xoa dịu một chút kiếp nhân sinh phù du mà mọi người chúng ta ai cũng phải qua bằng cách này hay cách khác. Cái bí ẩn thâm sâu của tâm hồn. Hạnh phúc và đau khổ. Sống và chết.

Nghe tiếng ông Lân la hét như một dấu hiệu, không biết là đón chào hay giã từ, của một bộ lạc xa xưa vắng bóng lạc loài đâu đó từ ngàn năm trước. Họ là những hiệp sĩ đang can trường chiến đấu quyết liệt cho một giá trị tột cùng nào đó, hơn cả tấc đất mảnh đồi góc rừng của họ, quan trọng hơn cả những tín điều của mọi tôn giáo. Bộ đồ đồng phục nhà thương như cánh thiên thần bừng nở hoa trong bệnh viện; những mái tóc giả như những triều thiên sáng chói ánh hào quang; những nét mực đen vẽ trên thân xác như những bút thần hướng dẫn những tia phóng xạ có hiệu lực phi thường xóa bỏ mọi tật bệnh, đớn đau và sầu muộn. Tất cả những gì chúng tôi có thể làm được như đang cố tập trung lại, dàn trận phối hợp với những bộ lạc lạc loài ấy hầu quyết liệt một phen, làm sống lại những an vui hạnh phúc bình thường của con người. Nhưng hàng ngày họ vẫn thường xuyên nhận được những hung tin:

"Tôi rất buồn phải báo tin... Ông, bà, anh, chị, cô...bị ung thư..."

Ông Lân, ông hãy la hét lên thật lớn cho nguôi cơn đau khổ. Nhưng ông không phải là kẻ cô đơn. Hãy la lên, la lên để tôi biết rằng tôi vẫn còn anh còn chị, còn cha còn mẹ, còn ông bà, còn bạn bè, còn những người anh em huynh đệ, còn gia đình xã hội quốc gia, còn tôn giáo, còn những cơ quan từ thiện, những người thiện chí như những hiệp sĩ đang chiến đấu can trường ngày đêm ở bên cạnh.

Bác sĩ, y tá, nhân viên bệnh viện có thể làm tất cả mọi sự để cứu bệnh nhân, bơm đủ mọi hóa chất, thuốc men vào người chúng ta, lột trần truồng chúng ta trong phòng khám phòng điều trị, kêu anh bằng Lân, ông Lân, anh hay cô, cậu, ông hay bà... Nhưng, linh hồn của chúng ta thì phải gọi thế nào? Chúng ta có LINH HỒN bất biến, nhân tính và nhân vị nhân quyền.

Chúng ta là những hiệp sĩ đang ngày đêm tiếp tục trở lại chiến trận chiến đấu cho sự sống của chúng ta. Hãy cùng đi với tôi, ông Lân ơi. Hãy đi với tôi, hỡi ông anh bà chị, cụ ông cụ bà, những người anh em huynh đệ can đảm còn đang sống sót...

Có tiếng gõ cửa làm tôi giật mình trở lại với thực tế. Tôi vươn vai đứng thẳng người, nắn sửa bộ đồ nhà thương cho ngay ngắn. Tim tôi hồi hộp đập nhanh, miệng cố mỉm cười tự nhiên.

"Xin mời vào."

Tôi vừa trả lời thì bác sĩ C. mở cửa phòng bước vào.●

*Ngày cuối năm 98, Pace Gardens, Fl.*


*Đón đọc tập thơ*

HẠNH PHÚC ĐẾN TỪNG GIÂY PHÚT

*của* TRẦN HỒNG CHÂU

*Tập thơ mang đầy sự mới lạ của ngôn từ cũng như cảm xúc của một tâm hồn đã đi qua mọi nẻo đường của văn học Việt Nam và thế giới*

**VĂN HỌC** xuất bản
**VĂN NGHỆ** phát hành:
P.O. Box 2301 Westminster
CA 92683 - USA
Tel./Fax: (714) 527-5761

# HẬU CHIẾN

## TRẦN HOÀI THƯ

Những ngày hôm nay, nhóm của chàng đã quá chừng bận rộn. Tầm hoạt động đã không còn ở 50 tiểu bang trong nước mà trái lại đã bao gồm khắp năm châu. Từng người trong nhóm được bung ra khỏi nước. Cathy bay qua Mexico, Nicaragua, Brazil, Ron bay về Bắc Mỹ, Smith bay về Thái Bình Dương, trong đó có Việt Nam. Họ là những chuyên viên kỹ thuật, có nhiệm vụ mang những chiếc máy loại NCR tối tân nhất mà sức chứa dữ kiện có thể lên đến hàng trăm tỷ bytes, cọng chung những nhu liệu mà phía bên network mong muốn. Software sẽ chuyển những dữ kiện cần thiết từ những sản phẩm mà công ty đã tung ra thị trường, có thể đang nằm yên trên chuyến máy bay nào đó, hay trong lòng một chiếc xe vận tải, hay lưu lạc ở cuối trời Đông, về tổng hành dinh, để nơi đây có thể theo dõi những đứa con giang hồ, kịp thời ứng phó. Và chính vì vai trò mới, không còn bó khung trong nội địa, danh xưng của nhóm cũng đã đổi thành Global Solutions. Lời giải toàn cầu. Cái tên nghe có vẻ lớn lao như mấy vần thơ kích động tuổi trẻ vùng lên thi nhau uống máu quân thù. Nhưng ở đây không phải là sức mạnh của thơ, mà ngược lại là sức mạnh của khoa học. Cái sức mạnh từ những bộ óc đã biến kỹ thuật thành những công trình. Hơn bao giờ con người lại được gần nhau như lúc này. Sẽ không còn ranh giới địa dư. Sẽ không còn những phần địa cầu cô lập. Thế giới ngày nay đã trở thành một mái nhà. Nương tựa vào nhau để mà sống. Chàng đã từng lạc quan suy nghĩ như thế. Bởi vì cuối cùng những cái chip nhỏ bé vô cùng sẽ trở thành những khí giới mãnh liệt ghê hồn. Chúng sẽ truyền rao sự thật về khắp mọi nơi mọi chốn. Chúng chất chứa dữ kiện của cả địa cầu. Những khát khao của địa cầu. Và cả lịch sử. Hàng ngàn năm của nền văn minh hay là một pentium nhỏ xíu. Hàng ngàn năm cách ly bây giờ chỉ một tích tắc con người có thể nhìn mặt và trao đổi hàn huyên... Rồi gió lại được

thổi. Gió từ những phương trời xa quyện cùng những áng mây nhà để thênh thang tình nghĩa, để trở lại mầm yêu thương. Và dối trá sẽ được phơi bầy, lột mặt. Và thành kiến sẽ được san bằng. Và tinh hoa sẽ được san sẻ. Từ Internet. Từ fiber optics. Từ triệu triệu bytes chuyên chở con tim và khối não của con người. Để Sài Gòn gặp lại New York. Để New York tìm lại Sài Gòn.

Như hôm nay trong phòng Lab lạnh run và xôn xao bao nhiêu tín hiệu. Chàng bắt đầu đánh lên máy:

cu d vn4086

Chàng đang gọi tên của một chiếc ghe nào, năm xưa.

*Chiếc ghe với chiều dài mười bốn thước mang trong lòng năm mươi người lao vào bóng tối. Hình ảnh cuối cùng là những hàng dừa in đậm ở hai bên bờ sông. Lúc ấy vầng trăng đã bắt đầu hiện trên ngọn dừa. Chỉ có mỗi vầng trăng là đuổi theo ghe. Chiếc ghe vn4086 đâm đầu vào giàn đáy sau đó là nằm ụ lại. Nó đã gặp cái thử thách đầu tiên. Cửa biển hốt hoảng. Cửa biển thất thanh. Phía sau, thấp thoáng vài ánh đèn dầu. Hốt hoảng và thất thanh dưới vầng trăng nửa mảnh.*

Máy khe khẽ hát tín hiệu. Hai bờ lục địa đang bắt tay handshaking. Hai bờ đang chào đón. vn4086, hai chữ cái cùng bốn con số đã được biến đổi thành nhưng bit 0 và 1 chập chùng. Rồi modem. Rồi vệ tinh. Rồi tín hiệu kêu vui. Connection. Viet Nam đã được bắt gặp trở lại. vn4086 đang trở về quê nhà. Chiếc ghe mười lăm năm về trước mang tên vn4086 đang qui cố hương. Có phải vậy không?

*Đến ngày thứ hai là những trận gió khác thường thổi đến. Chỉ trong thoáng chốc cả một bầu trời về chiều trở nên đen kịt. Rồi những tia chớp cứ liên tục lóe sáng kèm sau đó là những tràng sấm ì ầm nổi dậy. Ánh chớp như mở màn cho một trò chơi trên biển. Từ Đông sang Tây. Từ Nam ra Bắc. Rồi mưa ào xuống. Rồi gió vần vũ. Rồi cả một mặt biển xôn xao chuyển động. Sóng đẩy ghe lên cao. Thân ghe chạm sóng cựa mình đau răng rắc. Tiếng la thất thanh dưới khoang. Nước tràn vào ghe! Người con gái nào bưng mặt. Những người thanh niên thi nhau tát nước. Một cặp vợ chồng trẻ ôm chặt hai thùng can. Cả gia*

CỔ NGƯ

## NHẬT THỰC

**Trăng phồng mồm**
**Nuốt trộng ánh sáng,**
**Khè lưỡi lửa vàng tươi.**
**Gió**
**Chửa hoang, trở dạ, rã rời, chửi, gào ngao ngao**
**Trên mái.**
**Trời phủ mặt,**
**Ngày sập tắt,**
**Đêm.**
**Tôi.**

*Saint-Quentin-en-Yvelines, 11.08.99*

## Ở XA

**Cánh đồng dương xỉ khô nâu**
**Dấu dưới chân mùa thu ẩm ướt,**
**Những giọt nước mắt vàng**
**Đổ xuống cong cong,**
**Như lòng bàn tay trắng xanh ngày gió buốt,**
**Bầu trời đầy những gân mây,**
**Và anh chạy dọc theo bờ ảo vọng**
**Đến cùng em.**
**Bỗng nghe thèm**
**Dạ khúc,**
**Những thầm thì**
**Tay ấm chặt bàn tay,**
**Anh, đôi lúc, muốn tan vào cung điệu,**
**Em, có ngây say?**
**Giờ**
**Anh đứng đây, một mình, cạnh ngày đang lắng xuống,**
**Muốn gửi tình**
**Theo cánh lá vừa bay...**

*Sologne 20.11.94*

*đình chủ tài quì trên boong cầu nguyện. Những bộ quần áo cuối cùng được đem ra thấm dầu đốt tiếp. Tấm vải trắng được viết bằng chữ sơn đỏ S.O.S. được căng lên bị cuốn thốc bởi những cơn gió mạnh. Vài con tàu sắt khổng lồ thấy hiện từ xa nhưng càng lúc càng mất dần. vn4086 lại chồm lên và hụt xuống. Biển thì quá tối. Chỉ nghe tiếng kinh cầu, và tiếng răng rắc mỗi lần trận sóng bổ mạnh vào thân ghe. Tiếng kinh lại bị át bởi tiếng sóng cuồng nộ.*

Trên màn ảnh bây giờ hiện lên hàng chữ login cùng Password. vn4086 đang đợi chờ người chủ. Và chỉ có hắn mới là kẻ có thẩm quyền. Hắn sáng tạo menu. Hắn dìu dắt người dùng. Hắn mưu mô quỉ quyệt. Đôi khi hắn tàn nhẫn. Đôi khi hắn vuốt ve mơn trớn như Please re enter. Please do again...

*Chiếc ghe vẫn tiếp tục lao đi. Không than thở. Máy vẫn nổ, dù hụt hơi yếu lả. Nước càng lúc càng ngập lòng khoang. Nước trở nên đen ngòm vì hòa cùng dầu dặn. Ai đã đứng ở trên boong nhìn xuống đáy biển. Cô đơn và cay đắng. Một lần rồi cũng nhắm mắt. Mấy mươi năm chiến tranh, tù tội, cuối cùng là cái cõi yên lặng giữa vô tận mịt mùng. Lúc này không còn là ngụy tặc, cũng chẳng là anh hùng. Lúc này chỉ là trống không, dửng dưng và lạnh lùng. Cái giá phải trả cho một cuộc kiếm tìm. Có phải vậy không?*

Có phải vậy không. Làm sao đám người trong nhóm hiểu được tận bề sâu thẩm của con tim của chàng khi chàng dùng cái tên vn4086 để đặt cho cái tên của chiếc máy ở Sài Gòn. Làm sao họ có thể hiểu mỗi ngày chàng đã nhận ra cái màu xanh biển Thái Bình trên màn ảnh, và lòng se lại khi tìm hoài vn4086. Trăm ngàn vn4086 đã nằm yên dưới đáy biển. Biển càng sâu càng lạnh, và dù máu quá đỏ, quá trinh nguyên như từ những con tim của các em bé, các thiếu nữ dậy thì xinh đẹp, máu cũng hòa lẫn vào màu xanh đại dương. Chỉ có vị mặn của biển có lẽ mặn hơn, từ biển trời khổ lụy. Còn nữa, ngày xưa vn4086 đưa người kinh qua bao cửa ải để người hiểu được về cái giá quá đắt của một cuộc đi tìm, thì bây giờ vn4086 trở về cố hương với một vận tốc siêu thanh, không ai có thể cản ngăn nổi. Đối với người phụ trách mang chiếc máy này về Việt Nam hắn còn xem đó là một sự trở lại vinh quang. Như thằng Smith, nhân viên của chàng, nguyên gốc lính đánh giặc ở Việt Nam, thì càng hãnh diện hơn bất cứ một ai. Hắn đã gởi cho chàng một E-mail như sau:

*...As an American combat soldier, I continue to receive the highest respect whenever I visit there, especially from the former North Vietnamese soldiers...*

Vâng, hắn hãnh diện là phải. Bởi vì hắn được may mắn sinh tại đất nước này. Còn chàng, dù là thuyền trưởng của vn4086, một người đã cùng một thời cùng chiến tuyến với hắn, lại phải bầm gan tím ruột trong thân phận của kẻ bại trận. Như lá thư của một đồng đội của chàng:

*Ông thầy còn nhớ em không? Em là Nguyễn Văn Tám tự Tám Đen, hạ sĩ mang M79 của trung đội ông thầy. Sau khi ông thầy rời khỏi đại đội, em được bổ sung về tiểu đoàn 2. Em bị thương tại Đức Cơ. Hai chân em bị cưa. Đến tháng tư 75 họ đuổi em ra khỏi quân y viện trong khi hai chân em da vẫn chưa lành và còn cả máu và mủ. Em không được phép lấy bất cứ cái gì kể cả chiếc xe lăn. Em phải dùng hai tay để làm chân, lấy vải bao cát bó lên hai khúc chân chưa lành để về quê dưới Bình Định. May mà có nhiều người cảm thương hoàn cảnh nên em còn có một vé xe đò, nếu không chắc em bỏ xác dọc đường. Cả năm em không có thuốc men để điều trị. Cứ mỗi lần trở trời thì nó hành em chỉ biết cắn răng mà khóc. Hai đứa con em thì về Qui Nhơn đi bới rác tìm bao ny lông mà đắp đổi qua ngày. Em muốn chết mà không dám chết. Mỗi ngày em đi bằng hai cái đòn, ra ngoài chòi nhìn về phía Bà Di mà nước mắt cứ chảy dài. Em nhớ đến lúc ông thầy ăn cơm chung với em với canh lá giang nấu với thịt quân tiếp vụ. Phải chi viên đạn trúng tim em thì em đỡ khổ như bây giờ. Suốt cả năm làng xã làm khó dễ, nhiều khi họ bắt em đi trình diện cả mấy cây số, mà em thì đi làm sao được. Ráng đến nơi thì em xỉu. Máu từ hai khúc chân lại chảy ra cả mủ xanh thúi không chịu được. Sau đó em đành phải bỏ quê mà đi ăn xin ở dọc theo đường xe lửa, ngủ nhờ ở mấy nhà ga xép, ăn nhờ miếng cơm bố thí... Em gặp rất nhiều Việt kiều về thăm nhà. Một bữa ăn của họ có thể nuôi cuộc đời tàn phế của em suốt đời. Họ xài tiền như rác. Họ ngủ ở khách sạn, mỗi đêm cả trăm đô la. Họ đi nhảy đầm ở nhà hàng nổi giá cả trăm đô la. Phải chi họ thương hoàn cảnh một đồng đội cũ của họ, ban cho em một chiếc xe lăn, để em còn đi bán thuốc lá bán báo cho đỡ nhục nhã hơn cái nghề ăn mày ăn xin này...*

*Em xin gởi cho ông thầy mấy tấm hình của em.* **Chiến tranh trang điểm sắc đẹp mà, ông thầy!**●

*NJ, Memorial Day*

# THE ELEGANT UNIVERSE

NGUYEN HUNG VU

Appropriately titled and timely introduced as the remaining days of the millenium counting themselves down rapidly, the Elegant Universe is the title of a new book by Mr. Brian Greene, a mathematician/physicist of Columbia University. Written in plain English, the book provides a rare glimpse to the general readers of what physics may look like in the 21st century and beyond.

The book reviews the history of modern physics and goes on telling a story about an outstanding remaining unsolved issue: The difference between general relativity theory, singlehandedly invented by A. Einstein, and quantum theory, created by the leading physicists earlier this century. While general relativity deals with the large scale smoothness, continuum, of space-time and and treats these as the complex manifold in which the universe evolves, quantum theory deals strictly with properties of matter at the extremely small scale. Both are very successful in explaining space/time/matter, the foundation of existence. However, both are fundamentally incompatible. Is nature chaotic or orderly? Predictable or unpredictable? You may ask as you read along. The answer depends on how far or how close you look, the nature of your question and to whom you ask. Anyway, for the last half of a century, theoretical physicists have been working hard to marry the two into one consistent system of understanding, a "unified theory", and some optimistic physicists believe they are nearing the theoretical end of their pursuit. A set of equations that predict and describe all physical laws you can write on your T-shirt!

The first half of the book offers readers a clear and concise summary of Einsteinian physics and quantum mechanics. The last half introduces readers to new and strange unifying concepts, including a mysterious "M theory", a refinement of superstring theory. String theory has been around for more than 30 years and is fairly familiar to physicists. Instead of particles and fields, strings are believed to be the fundamental objects in nature due to several deep reasons having to do with the explanation of the structure of quarks. But no one really knows why. Physicists realized when they apply strings instead of particles into their calculations, some difficult problems known as "infinities" are magically solved. Besides that, there are other subtle and infering clues suggest strings could be the fundamental stuff being sought after. String theory suffered some drawbacks since its inception but thanks to some hardcore theorists, notably Edward Witten, it survived its embryonic stage and is currently going through its major second revolution. Mr. Witten's aim is much higher. His next quest is to find the very origin of superstrings with his M-theory. Not simply content with what strings are doing, he also wants to know why strings are the fundamental vibrating objects that create space-time in hyper-dimension. Mr. Witten's mathematical skill is extraordinary. His colleagues, out of respect and admiration, nicknamed him "the pope" and consider him a living Einstein.

As I understand it, M probably stands for "Membrane" or "Matrix" or "Murphy" as in "Murphy's law", which states that anything that can happen will happen, given enough time. This new M-theory is currently being actively researched, with the hope that it may someday give mankind a "final and complete" explanation. Unfortunately, M-theory necessarily involves exotic mathematics, high energy physics, esoteric physical concepts, including the extradimensonality of space. To be exact, 10 of them! Readers are in for a big

surprise! Is this physically real or just a mathematical trick to make things work? Though powerful as it is, string theory was not without enemies in the earlier days. However, a series of developments recently enhance its position as the most powerful candidate for a TOE (Theory of everything) and when the author, Mr. Greene, together with a colleague, mathematically proved a direct connection between black holes and elementary particles, the validity of string theory increased considerably, since two most mysterious aspects of the universe, black holes and quantum particles, are now linked into one consistent mathematical expression. This is a major victory for the theory and a concrete proof that strings do have a physical connection with reality.

A new concept essential for the theory to work is the extra dimensions and the compactification of dimensions of space into complex orbifolds known as Calabi-Yau space, named after 2 mathematicians (Both are winners of the prestigious field medal) who invented it. Contrary to our common knowledge, space has 10 dimensions, not three. According to current thinking, very shortly after the Big Bang, the 10 dimensions of space and one of time exploded in what is termed an inflationary period. Then surprisingly, 7 of them underwent compactification! They shrunk to very small size. While the rest of space unfurled and became the current universe in which we live, the remaining 7 dimensions of space remain trapped in complex orbifolds where their mode and pattern of curvatures give rise to the bosonic fields known as the nuclear and electromagnetic forces. M-theory will have the difficult task of having to explain why only 7 dimensions out of the 11 underwent contraction, the physical process that generated inflation and the humongous energy in term of heat being released. Mr. Greene did provide a brief answer in the book using terms like "scalar fields", "symmetry breaking", but incomplete answers usually invite more questions from readers. Like, "If time is a dimension why is there only 1 and not 2 or 3?" "Why did the temporal dimension not contract? How does time dimension fit into quantum field theory?" Even, "Was the universe created for life?" We sure are facing tougher questions as we venture deeper into nature. Did all this happened haphazardly or preordained? By choice or by chance? Near the end of the book, the author briefly mentioned the anthropic principle and did include "divine choice" as one of the possibilities (a Supreme Being who preplanned and selected this physical combination so we human can eventually come into being) To me, this sounds like a defeatist for a physicist. After reaching dizzying height of human's thinking power, he admits there are secrets of the universe that may never be explained (page 385)

The book is littered with new terminologies and concepts and can be difficult to common readers, i.e, string coupling constant, web of dualities, noncommutative geometry, knots theory, conformal symmetry, chirality, symmetrybreaking, phase transitioning, pertubation theory, etc...

According to Mr. Greene, there are currently 5 different string versions depicting the varying segments of an enveloping string field theory pointing to M-theory. An analogy to this is similar to the continents on earth, each is different from the other to the inhabitants who live on it, but if viewed from outer space at a higher dimension, the continents are contained in a sphere, separated by oceans. Later on, by incorporating 11-dimension supergravity, the number of candidate theories becomes 6. Our universe with its fundamental constants and physical laws is embedded somewhere in this overarching M-theory. If we are smart enough, we may some day be able to pin down the exact sets of equations that give the solution to our universe out of the millions and millions of possible solutions out there. Viewing this way, the Big Bang is considered the consequence of a collapsing multi-dimension universe due to a certain mode of unstability. But why was it unstable in that particular manner? Unstable with respect to what? It appears M-theory is trying to inject some deterministic sense into what has hitherto been considered a probabilistic quantum phenomenon: the birth of our universe. This seems to contradict the very spirit of quantum physics, which forever forbid us to extrapolate and assume anything beyond what we observe. In the quantum world, things come and go by chance. We may

say the universe has a small chance or big chance to happen according to its calculated wave-function, if such a function can be written down, but cannot say it must happen as dictated by a certain set of equations. This goes beyond science into the realm of meta-science. An equation is simply an expression of a relationship between things, observations or tendencies, but should not carry within itself the seed of existence. Anyway, there are more than one physicist who believe physical laws as we know transcend even space/time. This is strange thought.

If M theory is ever proven to be true, then hopefully some of the most profound questions in physics and cosmology will be answered in a definitive manner. We will then know exactly why and how the Big Bang happened. Instead of zero dimension as general relativity indicates, which is incorrect, we know that the Big Bang did start out with a finite dimension known as Plank dimension, dictated by a hybrid concept known as quantum geometry. Further, the Big Bang may no longer be viewed as a single "creation event" but it may happen constantly and repeatedly as calculated by some cosmological models. The universe is no longer a UNIverse but is a part of a MULTIverse with different domains possessing different physical constants and laws! Some of them are compatible with life like our universe, some are not and will never be known to us. Agnostics (like this writer) would prefer the latter since that means there is no longer one single "creation event" but an infinity of them, making the divine creation as a solo act of God not necessary. We are pushing the Copernican and Darwinian revolutions to the entire cosmos! Human, instead of being a final biological product in an anthropocentric universe uniquely designed by a divine being as believed by common Westerners, are simply a brief coincidental happenstance in an infinite space and infinite time where even the physical laws and the structure of space-time are subjected to random mutation. In short, EVERYTHING is changing! There is no beginning nor ending. If this is true, then those who are influenced by Eastern thoughts may sense a philosophical connection with modern Western cosmological concepts (Whether or not this feeling is justifiable is another matter).

As I am finishing the book with amazement, since most of the subjects are so counterintuitive to normal thinking, I remind myself of Einstein's remark, "As far as the laws of mathematics refer to reality they are not certain; and as far as they are certain, they do not refer to reality" We should pay attention to what the great master said. Whatever theory is out there, it has to correspond with reality. A mathematically correct solution to a problem may or may not be usable. M-theory, no matter how consistent mathematically, must pass the reality test if it is to be accepted as a "final theory". A far as I can see it, M-theory, no matter how abtruse, it's still a reductionistic theory about the fundamental of matter. But, trying to understand the origin of the universe this way is, in a sense, like studying Beethoven by analyzing his father's sperm and his mother's ovum. You may have a complete physical description of him at the DNA level, but you will not be able to predict and extrapolate of what he does or what he is capable of doing.

In the constant search for the " fundamental theory", the human mind so far has reached its pinnacle with M-theory. Mr. Greene even hinted at M-theory as a possibility to answer the metaphysical question posed by Leibniz, "why is there something rather than nothing?" a logically meaningless question being viewed as impossible by scientists as well as philosophers (page 382).

It is natural for man to search for a "complete" picture of the universe. However, Heisenberg's famous "uncertainty principle" and Kurt Godel's "incompleteness theorem" are two powerful indications that remind us whether be it physical or logical, the complete picture of nature will never be revealed to us in its entirety. The ultimate law is no law.

As I contemplate the issue, I think what is considered "final truth" can remain forever an unsolvable mathematical or philosophical mystery. Someday in the distant 23rd or 24th century, M-theory may explain nearly every question we now ask. Yet, the question "why does the world exist" will haunt us still. Perhaps we need to review our human languages, our way of asking. The question "why" should not be used to question nature. In a detective story, we are looking for a reason, a motive for the crime being

committed. Then it is correct to ask "why". In nature, however, things exist and evolve naturally without design or purpose - laws but no law - life but no mind - then asking such question like "why the sun shines?" is illogical and wrong, even silly. A true believer in the philosophy of quantum physics and its implications, Niels Bohr remarked that nature reveals itself to our method of questioning. The way we question determines the kind of answer we will get. Trying to understand nature using artificial linguistic method is like trying to understand human using a computer program.

As our species advances and knowing more and more about the universe in the coming millenium, I believe the universe will become more mysterious, but in an elegant way, as Einstein believed it to be, and this simply a reflection of the betterment and refinement of human minds, not necessarily a reflection of reality. I profoundly revere both Einstein's and Bohr's worldviews and find it very difficult to take side with either's metaphysical debate about nature. The universe is like a multifaceted mirror and more than one philosophical attitude is required to understand its fundamental truth. Truth, Antoine de Saint-Exupery put it thoughtfully, "Truth is not that which is demonstrable, but that which is ineluctable" Even with the demonstrable power and logic of mathematics, we are still in no position to ascertain what is the "final truth" and what is not. I wonder what Bohr or Einstein would like to say about this M-theory.

The Elegant Universe, despite clearly explained by the author using standard English, remains a challenging mental journey for readers, treading into the uncharted territory of modern mathematics, and since it deals with higher levels of mathematical abstraction, involving the topological interactions and transformations of symmetry-groups in 11-dimension spacetime, far beyond the common particles and fields of gauge theories, it will take the average reader a long time to understand what is going on. My personal feeling for the author is a combination of deep admiration, respect, and awe for the incredible capacity of the human mind, plus a tinge of frustation and humble of my own ignorance of the subjects.

So, is M-theory the final physical theory we hoped for? Time will tell. The mathematics required to study it is not yet invented. M-theory is supposed to radically tranform everything we know so far about the structure of existence on an epistemic level, treating everything as patterns of fluctuating phenomena described only by mathematics. This requires a total paradigm shift leading to a new and radical worldview without resorting to the usual concept of space/time/matter, a sort of mathematical Nirvana, in which our current linguistic heritage and cumulative mathematical knowledge over the last three thousand years of civilization are not sufficient to explore or depict in detail. Einstein philosophically remarked, " It seems that the human mind has first to construct forms independently before we can find them in things" The philosopher Immanuel Kant also expressed similar viewpoint in his magnum opus, "Critique of pure reason."

Naturally, being human, we always naively dreaming about attaining a final theory that can explain both the alphas and omegas of things, especially if you are a famous scientist with a big brain and a sizable ego, but I doubt we never quite reach it by the power of the brain alone. The ultimate genesis of existence, as one cosmologist mentioned it, may transcend beyond the approach of logic or mathematics, or like John Wheeler wondered, "What breathes fires into the equation and makes them alive?" or another scientist, " If we are the answer, then what is the question?" These are not testable questions, simply metaphysical muses. One nice thing I like about philosophical questions is that, like a Zen koan, they merit, enrich, entertain, and reveal to our intuitions, in sudden moments, what may be the meaning of existence, but there is no need for a serious answer. Or you can say the answer is hidden in the question itself.

I would like to put in my 3 pennies worth of humor by answering that the Tao that can be reached may not be the true Tao! In an existentialistic sense, this enhances, instead of reduces, the quality and meaning of our lives. In the mean time, while our soaring minds are probing for the ultimate secret out there, let our daily lives be appreciated by common feeling and perception.

QUẬN CAM

## Lê Uyên Phương trong nắng chiều Đà Lạt

Ngồi trong nhà nhìn ra sân cỏ của ngôi trường phía trước, nắng vàng khiến cho tôi nhớ tới những ngọn đồi ĐàLạt của thời xa xôi nào, rồi liên tưởng tới người bạn nghệ sĩ mới ra đi. Lê Uyên Phương hẳn cũng yêu nắng chiều Đàlạt và đã sống, đã sáng tác trong cái không khí dịu dàng của miền cao nguyên ấy.

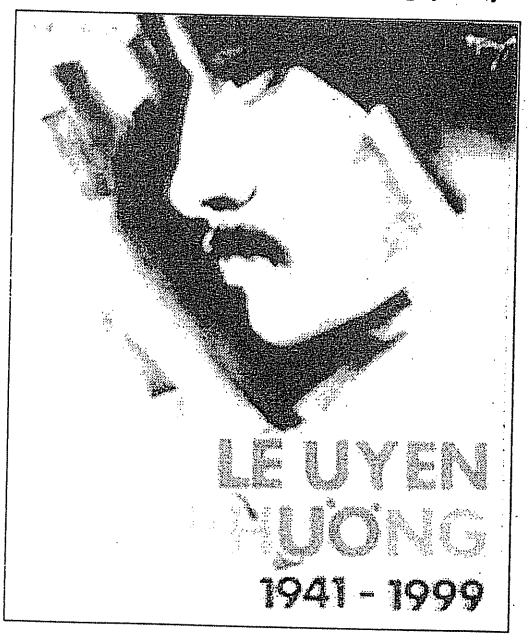


Ngày nay chúng ta đã mất anh. Tối thứ bảy 13 tháng 8 vừa qua vài trăm thân hữu bạn bè đã họp nhau tại phòng sinh hoạt Nhật báo Người Việt để tưởng niệm Lê Uyên Phương nhân cuối tuần kế với ngày thứ 49, sau khi anh từ giã cõi đời. Nhiều người bạn thiết vừa nhắc tới anh vừa khóc nức nở, nhiều cô nữ sinh của Phương thuở chàng còn rất trẻ (dạy học ở Pleiku) lên nói về ông thầy với giọng nghẹn ngào... Tiếng nhạc lời ca của Phương đầy ắp không gian qua tiếng hát của gia đình anh, các môn sinh và các ca sĩ nổi tiếng hay chỉ mới bước vào thế giới âm thanh.

Cách đây 30 năm, dòng nhạc đặc sắc của người nhạc sĩ đã sống, đã yêu mãnh liệt trong nỗi ám ảnh bị nan y khiến cho nhạc Lê Uyên Phương nổi bật lên nhanh chóng sau khi hai vợ chồng anh từ Đàlạt về Saigon thử thời vận vào đầu thập niên 70. Những người đầu tiên khuyến khích và nâng đỡ Lê Uyên Phương là các nhà báo cùng lứa tuổi với anh và các sinh viên chủ trương quán cà phê Thằng Bờm (đường Đề Thám Saigon). Sau những buổi trình diễn tại quán cà phê sinh viên đó, hai vợ chồng Lê Uyên Phương tức Lê Văn Lộc và Lâm Phi Anh nổi tiếng nhanh tới nỗi không kịp nghĩ ra tên riêng cho người nữ, anh Lộc phải chia cái tên Lê Uyên Phương ra làm hai: Lê Uyên và Phương!

Nhạc tình của Lê Uyên Phương rất thơ mộng, đam mê nhưng cũng mang nhiều chất chia ly, đau đớn, phản ảnh tâm trạng chung của các cặp tình nhân thời chiến tranh, cùng tâm trạng riêng của người viết. *"Ta sống trong vũng lầy, một ngày chìm dần... ngày mai ta không còn thấy nhau.... Như hoa đem tin ngày buồn, như chim đau quên mùa Xuân..."* Khi Lê Uyên nói tới Lộc trong buổi tưởng niệm, cô nhắc tới những cục bướu mọc trên tay anh ngay từ khi còn ở Đàlạt - vẫn bị nghi là một thứ ung thư. Điều này khiến cho tình yêu của hai người luôn luôn bị bóng tử thần ám ảnh, không biết lúc nào bệnh sẽ phát ra và anh sẽ vĩnh viễn rời xa.

Nhưng rồi tới tháng 4/1975, bị kẹt lại năm năm trong chính thể Cộng Sản, Lê Uyên Phương vẫn tiếp tục sáng tác rất mạnh trong khi "Saigon bây giờ cúi mặt xa nhau..." Mỗi khi trở về căn nhà cũ, tôi thường nhẩm mấy câu hát của Lê Uyên Phương mà tôi rất thích, tuy không có cái thú hút thuốc như anh: "Tôi đã trở về đây, bên mái nhà em, đốt điếu thuốc nghiêng chiều lửa đỏ..." những bài ca có tính cách nhận thức trong tập nhạc "Khi Xa Sài Gòn" của anh tuy không được phổ thông như nhạc tình, nhưng đã là những nét nhạc rất tiêu biểu nói lên thái độ của con người tự do bị ngộp thở với chế độ mới.

Lê Uyên và Phương sống sót trong chuyến vượt biển cùng đại gia đình năm năm sau khi Cộng Sản chiếm miền Nam, nhưng chỉ sau ít năm sinh hoạt tại California, người nhạc sĩ tài hoa và hiền hoà đó đã phải chịu thua số phận,

"vì hoàn cảnh sống ở đây nó xấu quá..." Lê Uyên cũng đã tâm sự trong đêm tưởng niệm: "Lộc rất đại lượng và dễ dàng thông cảm, tha thứ cho vợ... Ngày nay, chúng tôi tưởng sẽ được gần nhau mãi, thì anh lại đột ngột ra đi."

Lê Uyên Phương bây giờ không còn bị giới hạn vì bất cứ chế độ hay hoàn cảnh nào, hồn anh chắc đang bay bổng nơi nào anh muốn tới. Trong sân cỏ có nắng vàng chiều nay tại Montréal, tôi thấy lại ánh mắt tinh anh mà nhân hậu của người bạn cũ như đang chia sẻ với tôi cái nắng hanh vàng lưng đồi của những chiều hè Đàlạt. "... một ngày nào chúng ta, một ngày nào thiết tha... giang đôi tay ôm vào mến thương."

## Hơn một ngàn người tham dự Đêm Hát Cộng Đồng năm thứ 34

Phong Trào Tuổi Trẻ Dấn Thân Cho Việt Nam đã tổ chức đêm Hát Cộng Đồng năm thứ 34 trong khuôn viên trường Đại Học Cộng Đồng Santa Ana College vào tối ngày thứ Sáu 20 tháng Tám năm 1999 với sự tham dự của một số đoàn thể trẻ và các huynh trưởng Du Ca Việt Nam cùng với hơn một ngàn đồng bào các giới.

Hợp xướng

Ông Trần Quốc Sỹ, đại diện cho Phong Trào Tuổi Trẻ Dấn Thân Cho Việt Nam nói rằng Phong Trào hát cộng đồng được khởi xướng bởi một nhóm anh chị em nghệ sĩ du ca tại Việt Nam giữa thập niên 1960 kéo dài cho đến thập niên 1970 ở quê nhà. Tiếng hát cộng đồng được nối tiếp ở hải ngoại vào thập niên 1980 kéo dài cho đến ngày hôm nay là năm thứ 34, và chủ đề đêm nay là Tuổi Trẻ Lên Đường, do Phong Trào Tuổi Trẻ Dấn Thân cho Việt Nam đăng cai tổ chức.

Phong Trào Tuổi Trẻ Dấn Thân Cho Việt Nam ước mơ được tiếp nối công trình của những bậc cha anh, những người đi trước để lưu truyền những thành quả văn hóa Việt Nam. Phong Trào cũng xin làm gạch nối để phổ biến những tinh hoa của nền văn hóa Việt Nam đến những thế hệ trẻ tại hải ngoại, đã không được nuôi dưỡng trực tiếp trong môi trường văn hóa Việt Nam.

Chương trình bắt đầu với bản hát cộng đồng Những Nẻo Đường Việt Nam với nhóm Bách Việt. Lần lượt tiếp theo các ca đoàn Hoa Biển, Đại Dạo Thanh Niên Hội, đoàn Thanh Niên Phan Bội Châu, nhóm Tù Ca của nhạc sĩ Xuân Điềm, nữ ca sĩ Mỹ Thúy đã lên sân khấu ngoài trời cùng hát với đồng bào qua những bản nhạc đồng ca vui tươi hay những bản nhạc viết về quê hương đau khổ.

Đặc biệt trong chương trình đêm 34 Năm Hát Cộng Đồng Việt Nam có sự tham dự của một số huynh trưởng du ca, nhiều vị nay đã cao tuổi, tóc đã bạc, nhưng vẫn còn hăng hái lên sân khấu với cây đàn tây ban cầm cùng hướng dẫn cả cử tọa hát vang cả một góc trường đại học: Trầm Tử Thiêng, Nguyên Chương, Nguyễn Đức Quang, Việt Dzũng và có sự hiện diện bất ngờ của Thanh Hùng từ tiểu bang xa về trong bài Lý Ngựa Tây đã được sự cổ võ nồng nhiệt của cử tọa. Nhạc sĩ Trầm Tử Thiêng với mái tóc bạc phơ, đã hát bài Du Ca Trên Thành Phố Đỏ, bản nhạc do ông sáng tác vào tháng 4 năm 1976, phản ánh lòng người Việt Nam sau khi đã vào trong các nhà tù lớn nhỏ của Cộng Sản Việt Nam. Các nhạc sĩ Nguyễn Đức Quang, Nguyên Chương, Việt Dzũng đã tạo được bầu không khí hát cộng đồng thật sống động trong đêm khuya dù sương đã xuống nhiều và trời cuối mùa hè đang trở lạnh.

Dịp kỷ niệm 34 năm hát Cộng Đồng Việt Nam năm nay, Phong Trào Tuổi Trẻ Dấn Thân Cho Việt Nam có phát hành tập nhạc "Tuổi Trẻ Lên Đường" gồm một số bản nhạc hát cộng đồng của các nhạc sĩ tên tuổi như Phạm Duy, Phạm Đình Chương, Lê Vy, Nguyễn Đức Quang, Trầm Tử Thiêng, Xuân Điềm, Trần Quốc Sỹ, Đoàn Tâm Thuận...với bìa màu thật đẹp. Các tập nhạc của Nguyễn Đức Quang, CD của Nguyên Chương cũng

được sự đón nhận nồng nhiệt của khán giả tham dự.

### Phạm Thị Quang Ninh ra mắt tác phẩm Cùng Nhau Trôi Nổi

Gần hai trăm văn nghệ sĩ, thân hữu và đại idện một số hội đoàn đã tham dự buổi ra mắt tác phẩm đầu tay Cùng Nhau Trôi Nổi của nữ sĩ Phạm Thị Quang Ninh tại Hội quán Lạc Hồng vào chiều ngày Chủ Nhật 22 tháng Tám năm 1999. Sách được viết dưới dạng hồi ký, dầy gần 300 trang với nhiều hình ảnh kỷ niệm của tác giả, do Việt Đạo xuất bản và Văn Nghệ phát hành.

Bà Vũ Bội Tú, cựu chủ tịch Hội Trưng Vương đã giới thiệu tác giả là con của một nhà hoạt động cách mạng trước đây, kết hôn cùng ông Hà Thế Ruyệt, đã cùng gia đình trôi theo giòng lịch sử từ 1945 qua những ngày tản cư, hồi cư, di cư và di tản. Đến Hoa Kỳ, vừa lo cho con cái học hành đỗ đạt, bà vừa hoàn tất cử nhân xã hội học trước khi hoàn tất tác phẩm văn chương này.

Giáo sư Lê Hồng cho rằng Cùng Nhau Trôi Nổi đã đạt được những tiêu chuẩn về kỹ thuật của văn học Hoa Kỳ từ văn thể, văn tự đến cấu trúc. Nhà văn Bùi Bích Hà cũng đã cho rằng tác phẩm Cùng Nhau Trôi Nổi đã ghi nhận trung thực những bối cảnh và miêu tả những nhân vật của một thời đại lịch sử có thể dùng làm tài liệu cho những người nhgiên cứu sau này.

Đây là một đóng góp đáng ca ngợi của một phụ nữ Việt Nam cho dòng văn học tại hải ngoại.

## FLORIDA

### Buổi chiều Nguyễn Xuân Thiệp

(Về buổi ra mắt sách của thi sĩ Nguyễn Xuân Thiệp ở trường Đại Học UCF chiều ngày 7 tháng tám 1999)

Mùa hè năm nay ở Florida nói chung và Orlando nói riêng trời thật nóng. Tuy vậy, đối với những người tham dự buổi ra mắt tập thơ "Tôi Cùng Gió Mùa" của thi sĩ Nguyễn Xuân Thiệp đến từ Dallas (Texas) thì họ cảm nhận được sự mát mẻ dễ chịu của thi ca và sự ấm áp của tình người. Trong căn phòng tuy không rộng lắm nhưng ấm cúng của trường Đại học Trung tâm Florida UCF, với một số lượng người tham dự khiêm tốn nhưng nhà thơ Nguyễn Xuân Thiệp, nhà thơ Triều Hoa Đại và Chi Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ Florida đã làm nên một buổi sinh hoạt văn hóa đúng nghĩa và thành công. Người thưởng thức xúc động với những bài nói chuyện của thi sĩ Vinh Hồ về "kẻ hành nhân cô đơn" và của chính thi sĩ Nguyễn Xuân Thiệp, với giọng ngâm thơ truyền cảm của Thiên Thanh cùng tiếng sáo dìu dặt của Nguyễn Văn Cước. Ca sĩ Thanh Sơn rất xuất sắc trong việc thể hiện những bài hát phổ từ thơ của Nguyễn Xuân Thiệp bởi các nhạc sĩ Từ Công Phụng, Lê Uyên Phương với tiếng đệm dương cầm của Đỗ Phạm Ira và Nila.

Thơ của Nguyễn Xuân Thiệp gần gụi với thiên nhiên và thấu hiểu thiên nhiên. Những năm tháng tù đày trong các trại tù cộng sản đã giúp nhà thơ thấm thía nhiều điều và viết được những dòng thơ tuyệt tác. Đó là những vần thơ gây kinh ngạc nơi giới thưởng ngoạn vì những ý tứ độc đáo đầy nhân bản, như là cây cầu nối giữa thiên nhiên vạn vật và con người, giữa những tâm hồn của những người Việt dù bị lưu đày ngay trên quê hương mình hay nơi đất khách quê người. Thi ca của ông là tiếng kêu thống thiết của lòng yêu con người và quê hương xứ sở cũng như thiên nhiên và thế giới vạn vật xung quanh ta, giàu hình tượng, sâu sắc về ý tứ và gợi nhiều suy tưởng nơi người đọc.

Nhà thơ Nguyễn Xuân Thiệp

**(Thy Thy)**

### Đêm thơ Vinh Hồ

(tại nhà hàng Saigon Restaurant, thành phố Orlando, đêm 24 tháng bảy 1999)

Nhà thơ Vinh Hồ Phạm Ninh Hoa sinh năm 1948, giản dị hiền lành như quê hương Ninh Hòa - Khánh Hòa của ông, đã làm thơ từ

những ngày còn theo binh nghiệp trước 1975, tiếp tục làm thơ trong các trại tù cải tạo, và sau khi định cư tại Hoa Kỳ, ông vẫn trung thành với nàng Thơ.

Thơ của Vinh Hồ nhân hậu, bình dị, chuyên chở nhiều ý độc đáo trong một tình người chan chứa. Nó thể hiện sâu sắc tâm trạng của một người trưởng thành qua bao thử thách, từ một người lính bại trận trở thành một người tù trẻ tuổi, rồi một nông dân cần cù yêu thương ruộng đồng, và cuối cùng trở thành một người Việt xa xứ nơi đất khách quê người. Thơ của ông không đao to búa lớn, không kêu gọi hận thù, bao trùm niềm tin vào một tương lai tươi đẹp của quê hương được tự do. Những bài thơ miêu tả người tù trẻ tuổi trong nhà tù cộng sản suy tư về vận nước và thương nhớ người vợ trẻ đang làm vọng phu chờ chồng là những bài thơ hay.

Chi Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ tại Florida đã đứng ra tổ chức buổi ra mắt đầu tiên này cho tập thơ của Vinh Hồ, một đêm thơ thành công với hơn 200 khách tham dự, với tiếng ngâm thơ, tiếng đàn tiếng hát chân tình. Mọi người qua một tối nhiều xúc động nhưng cũng tràn đầy niềm vui.

**(Theo Trần Minh Hiền, Orlando)**

## Giải Khuyến Học Lạc Hồng tại Florida.

Năm nay là năm thứ ba, Florida Việt Báo tổ chức phát Giải Khuyến Học Lạc Hồng cho học sinh Việt Nam tại tiểu bang Florida tốt nghiệp trung học. Những ứng viên phải có thành tích về học vấn, tham gia vào các công tác thiện nguyện và trau đồi Việt ngữ. Sau đây là những học sinh được ban giám khảo tuyển chọn cho niên khóa năm 1998-1999:

- Giải nhất ($700), học sinh Hoàng Quốc Nam, tốt nghiệp Thủ Khoa trường Lincoln High School, ở Tallahassee, Bắc Florida.

- Giải nhì ($300), học sinh Cao Kimberly (Kim Mỹ), tốt nghiệp Á Khoa trường Pinellas High School, ỳ ở Largo, Trung Florida.

- Giải ba ($200), học sinh Nguyễn Thế Ngọc-Hà, hạng 35 trong số 495 học sinh trường Coconut Creek, Broward, Nam Florida. Ngoài 400 giờ làm việc thiện nguyện, Ngọc-Hà còn làm một bài thơ tựa đề là "Tâm sự một người đi." Ngọc-Hà viết thay tâm sự mẹ, tuy sống ở hải ngoại nhưng luôn luôn nhớ đến quê hương và bạn bè còn ở lại quê nhà.

- Giải tư ($100), học sinh là Huỳnh Thị Nhật-Lệ, hạng 12 trong số 266 học sinh trường Forest Hill High School, West Palm Beach, Nam Florida. Trong bài việt ngữ dự thi, Nhật-Lệ viết "Làm sao xứng đáng là một người Việt Nam" và "lúc nào cũng không quên dân tộc mình."

Lễ phát Giải Khuyến Học Lạc Hồng được tổ chức tại một nhà hàng sang trọng vùng Fort Lauderdale, miền nam Florida. Nhiều quý vị đại diện Ban chấp hành Cộng đồng, các đoàn thể và đồng hương đã tham dự đông đảo.

Ngoài giải thưởng bằng hiện kim của Florida Việt Báo nêu trên còn có những giải thưởng của các tổ chức như: Ban Chấp hành Cộng Đồng Việt Nam tiểu bang Florida, Liên Đoàn Hướng Đạo VN Miền Nam Florida, Công ty VNI Software (California), Riley Financial Group, Chợ Á Đông, BS Cao Tấn Phương, ÔB Huỳnh Công Đặng và bà Hồ Tuyết.

Nhằm mục đích duy trì và phát triển Giải Khuyến Học Lạc Hồng tại tiểu bang Florida, Florida Việt Báo đã thành lập và đăng ký với tiểu bang cũng như liên bang Hoa Kỳ một tổ chức có danh xưng là Lạc Hồng Foundation. Nhân dịp lễ phát phần thưởng, Ban Chấp Hành Lạc Hồng Foundation ra mắt cộng đồng gồm có:

- Ông Chu Bá Yến, Chủ tịch kiêm Chủ nhiệm Florida Việt Báo
- BS Trần Hữu Lam, Đệ I Phó Chủ Tịch
- KS Phạm Văn Hưng tức nhà văn Thuỵ Lữ, Đệ II Phó Chủ Tịch
- KS Thân Văn Lai, Tổng Thư Ký
- Ông Bùi Minh Tâm, Thủ Quỹ

Ban Cố vấn gồn có: Ông Trần Khắc Phùng, GS Thái Văn Khị, BS Cao Tấn Phương.

Đặc biệt trong buổi lễ phát phần thưởng năm nay, ban tổ chức có tổ chức giải "Đố Vui Để Học." Các em trong hai đội Mê Linh và Thăng Long đã trả lời nhanh chóng và chính xác gần 30 câu hỏi về địa lý, lịch sử Việt Nam và những câu hỏi về kiến thức tổng quát. Các em đã được nhiều tổ chức và cá nhân tại Florida trao tặng nhiều món quà khích lệ.

Sự tham gia Giải Khuyến Học Lạc Hồng trong những năm qua của các học sinh từ các cộng đồng VN trên toàn lãnh thổ Florida và sự yểm trợ tích cực của các Ban Chấp Hành Cộng Đồng VN tại Florida cũng như các đoàn thể tôn giáo và xã hội đã là những chỉ dấu tốt cho mục tiêu và đường hướng hoạt động của Lạc Hồng Foundation.●

*(FVB 20/8/99)*

PHẠM XUÂN ĐÀI

## Tầm Xa Cũ, Bắn Hiệu Quả

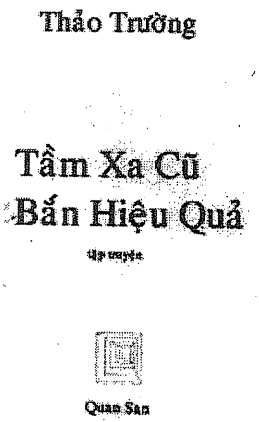


tập truyện của **Thảo Trường**, Quan San xuất bản, 147 trang, giá US$10.00. Liên lạc: Tổng phát hành Văn Nghệ, P.O. Box 2301 Westminster, CA 92683, USA.

Truyện Viên Đạn Bắn Vào Nhà Thục được viết năm 1968, có kèm một bản dịch ra tiếng Anh cũng vào năm ấy. Truyện Tầm Xa Cũ, Bắn Hiệu Quả không ghi năm viết, nhưng có lẽ là một truyện cũ, trước 1975, cũng đề tài chiến tranh. Ngoài hai truyện trên, bốn truyện còn lại là Trong Hang, Trong Hẻm, Trong Bếp, Trong Nôi, được viết sau khi tác giả đến Mỹ.

Các truyện viết về chiến tranh ngay giữa cuộc chiến mang hơi nóng của việc đang xảy ra, không giống những gì người ta viết về chiến tranh khi cuộc chiến đã tàn, đã nguội ngắt sau khi qua màn lọc của ký ức. Người đã trưởng thành trong thập niên 60 bây giờ đọc lại những truyện như Viên Đạn Bắn Vào Nhà Thục, hay Tầm Xa Cũ, Bắn Hiệu Quả, cảm thấy sống dậy trong lòng mình hơi thở của một thời, các tế bào trong người hình như rợn lên cái cảm giác của bom đạn mà mình đã trải qua thời ấy.

Các truyện viết thời gian sau này, nghĩa là sau khi tác giả ở tù Cộng sản 17 năm và cuối cùng đến được đất Mỹ, có một ý vị khác trước. Trong Hang kể chuyện xa nhất, là chuyện trong trại cải tạo ở miền Bắc, Trong Nôi, chuyện gần nhất, liên quan đến vụ Trần Trường treo cờ ở phố Bolsa mùa xuân vừa qua, còn Trong Hẻm và Trong Bếp thì phản ảnh một số khía cạnh trong đời sống của một di dân mới tới Mỹ. Dù là chuyện xa hay chuyện gần, chúng ta gặp một Thảo Trường khác, tinh vi (có khi đến tinh quái) hơn, đằm thắm hơn, và đặc biệt, thản nhiên hơn. Những ghi nhận của ông trong cuộc sống ở tù là những ghi nhận đáng giá, ở tù cải tạo đã là một bi kịch, ông còn nhìn ra nhiều bi kịch lẫn hài kịch trong cái bi kịch lớn ấy, và những điều ông viết sẽ trở thành tài liệu quý hiếm cho văn chương Việt Nam trong thế kỷ này. Ở tù, đói khổ và mất hết tự do, nhưng không ai có thể cấm ông chĩa ống kính ý thức của mình để chụp rất nhiều kiểu hình độc đáo mà biết bao người ở tù khác không làm được. Cảnh thằng bé đứng trước cổng trại tù lên tiếng chưởi *Đ.m. lũ tù ăn thịt hết trâu của làng tao* (vì trại mua trâu của hợp tác xã về làm thịt), hoặc cô phó tiến sĩ chưởi cũng đề tài liên quan đến trâu của trại và trâu của xã, là những hoạt cảnh vô cùng lạ lùng chỉ có thể xảy ra trong cơ cấu nông nghiệp xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, và chỉ trong thời khoảng có tù miền nam "cư ngụ" giữa môi trường ấy. Những "pô" hình ấy và rất nhiều các kiểu khác là vô giá, ghi lại vĩnh viễn cái đau thương, cái quái đản, cái buồn cười nơi một đám nhân sinh đặc biệt, trong một thời điểm lịch sử đặc biệt, rồi chẳng bao giờ còn xảy ra nữa. Mười bảy năm tù của tác giả thành ra có ích cho văn học Việt Nam biết bao!

Tính cách khôi hài nhè nhẹ trong lối viết của tác giả trong thời gian sau này đã mang lại cho tác phẩm của ông một không khí bao dung, cái bao dung của một người già, đã sống nhiều, đã hiểu mọi sự tại sao nó như thế. Nhưng cũng chính điều ấy mang lại một vẻ duyên dáng mới nơi ông, giống như mối tình già nơi nhân vật của tác giả đối với "bà lão" của ông ấy vậy.

## Những Đóa Hoa Thiền

sách về thiền, nguyên bản chữ Hán của **Tiêu Vũ Đồng**, bản dịch Việt ngữ của **Dương Đình Hỷ**, An Tiêm xuất bản, 149 trang, giá US$10.00. Không ghi địa chỉ liên lạc.

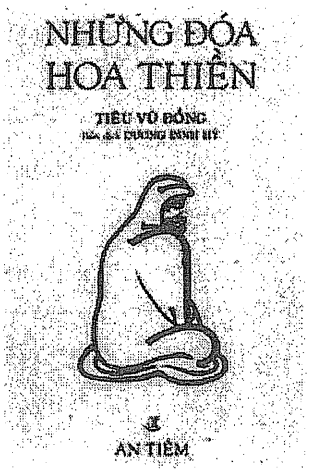


Trong Lời giới thiệu, Thượng tọa Thích Trí Siêu có viết: *Bản chất Thiền không phải là sự suy luận triết học mà là thực hiện sự kiến tánh. Người học đạo đa số hay mắc phải những thói quen, lề lối suy luận nhị biên: Phật Ma, tà chánh, thiện ác, tốt xấu... do chấp trước vào khái niệm và ngôn từ. Bởi thế nên Thiền thường có thái độ khinh miệt đối với ngôn ngữ, văn tự, nhằm mục đích khai phóng con người ra khỏi thế giới mê sảng trở về thực tại tự tánh bất sinh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm... bất nhị.*

Người đọc sẽ gặp trong sách này 105 câu chuyện thiền, thường gọi là "công án," nhằm thực hiện cái bản chất thiền nói trên. Công án, nguyên nghĩa thời xưa là bức công văn để trên án thư. Trong thiền học, công án là những giai thoại, vấn đáp, đề thị của các vị thiền sư trong cuộc sống tu hành, ẩn chứa một ý nghĩa trong quá trình giác ngộ. Trong nhiều công án, chúng ta đọc thấy các thiền sư làm đủ mọi chuyện kỳ cục như đánh, mắng, hò hét, chửi rủa, hoặc hỏi một đường trả lời một nẻo... nói chung không theo cái lô-ghich của sự suy nghĩ và ngôn ngữ bình thường. Nhưng đó là sự khác thường cố tình, để đánh động trí não tâm thức của thiền sinh, làm khởi lên những nghi tình, dẫn đến giác ngộ.

Những chuyện có cấu kết khác thường như thế ngay trong giới tu hành đã là một bài toán, huống hồ là người ngoài. Với những đầu óc theo luận lý bình thường, đó là những chuyện không thể hiểu được, nếu không được giải thích. Trong sách này, mỗi truyện đều có lời giải của tác giả Tiêu Vũ Đồng, đó là một giá trị lớn cho những ai muốn hiểu những cái có vẻ "kỳ quặc" của công án. Hiểu được các thách đố của công án là một thú vị và lợi ích cho những ai đã ít nhiều quen biết với thiền học, đó là những phát giác có thể đánh động một cách sâu xa những tâm hồn đang hướng về lẽ đạo. Lúc bấy giờ, mỗi truyện trở thành đúng là một đóa hoa.

## Sao Chúa Mãi Im

truyện dài, nguyên tác Nhật ngữ của **Endo Shusaku, Nguyễn Văn Thực** dịch sang tiếng Việt, Anh Em xuất bản, 344 trang, giá US$20.00. Liên lạc với dịch giả: Bronndalen 72\5071 Loddefjord, Norway. Tel: (47) 55 93 25 78.

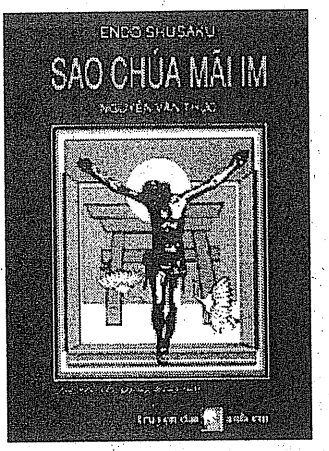


Endo Shusaku là một tác giả danh tiếng, đã đoạt nhiều giải văn chương lớn của Nhật, và đã được đề cử tranh giải Nobel năm 1994. Ông là người theo Thiên Chúa giáo, đã nhiên cứu nhiều sử liệu truyền giáo của giáo hội La Mã vào thế kỷ 16 và 17 trên đất Nhật để viết nên cuốn tiểu thuyết này, cuốn sách mà Graham Green đã phát biểu sau khi đọc xong: "Theo tôi tác phẩm này là một trong những tác phẩm hay nhất thời đại chúng ta."

Truyện thuật hai sự quyết tâm: các giáo sĩ Thiên Chúa giáo trong thế kỷ 17 quyết tâm xâm nhập Nhật Bản để truyền đạo, và nhà cầm quyền Nhật Bản quyết tâm ngăn chặn và bóp nát ý định đó. "Sao Chúa Mãi Im" là câu tán thán của vị giáo sĩ trong cơn bách hại, đối diện với bao nỗi khốn khó đau đớn trong cô đơn. Thiên Chúa giáo bắt đầu được truyền vào đất Nhật từ giữa thế kỷ 16, lúc đầu gặp nhiều thuận lợi vì các tướng quân đều muốn o bế các thương thuyền Bồ Đào Nha, và do đó thân thiện với các vị thừa sai, để đem lại lợi nhuận cho mình. Theo tài liệu các thừa sai viết đầu thế kỷ 17 thì con số giáo dân lúc cao nhất lên đến 250,000 người. Tuy nhiên, trong tiền bán thế kỷ 17, các tướng quân bắt đầu cấm đạo, vì những lý do, ví dụ theo sắc lệnh của tướng quân Gia Khang: *...gieo rắc tà đạo, phỉ báng chính đạo, có âm mưu chống lại phép nước và xâm chiếm lãnh thổ...*

Cuộc bách hại vô cùng tàn khốc và hiểm độc, đã khiến một số các thừa sai bỏ đạo, trong đó có linh mục giáo sư Ferreira, từng hoạt

động ở Nhật trong hai mươi năm với chức Giám tỉnh dòng Tên ở đó, đại diện tối cao của dòng Tên, có nhiệm vụ cai quản các linh mục dưới quyền và chăn dắt các bổn đạo Nhật thời ấy. Ông bỏ đạo, lấy vợ người Nhật, có tên Nhật và sống luôn tại đất Nhật, một sự kiện mà giáo hội La Mã không tưởng tượng nổi.

Và vì thế mới có câu chuyện này. Vào năm 1635 ở La Mã một nhóm gồm năm linh mục tìm cách rửa hờn cho mối nhục bỏ đạo mà cha Ferreira đã gây nên, đã cùng nhau vạch một kế hoạch truyền giáo tại Nhật, ngay cả trong thời kỳ bách hại dữ dội nhất. Cuối cùng có ba giáo sĩ được cử thực hiện công tác này, cả ba đều là học trò cũ môn Thần học của cha Ferreira. Sau bao nhiêu khó khăn, hai trong ba người đã xâm nhập được vào đất Nhật, bắt liên lạc được với một họ đạo và được che dấu để hoạt động. Nhưng với sự kiểm soát dân chúng rất chặt chẽ của các sứ quân, cuối cùng tất cả, giáo dân cùng linh mục, đều bị bắt. Một vị đã phóng xuống biển chết theo các giáo dân bị nhận nước. Vị còn lại, sau bao ngày giam cầm, đấu tranh với bản thân và với các mưu mô của nhà cầm quyền để dẫn dụ việc bỏ đạo, cuối cùng cũng đã phải chịu thua, chấp nhận đạp lên ảnh Chúa. Và mọi chuyện lại được lặp lại: lấy vợ Nhật, đổi tên Nhật, thậm chí có cả pháp danh Phật giáo, cho đến khi chết lại được hỏa thiêu ở chùa.

Cực hình không hề khuất phục được các vị đó. Tổng đốc Tỉnh Thượng đã nghĩ ra một cách bắt các vị phải chịu thua: chứng kiến giáo dân của quý vị đang bị cực hình và hành hình. Một lý lẽ rất đơn giản được đưa ra: vì quý vị vào xứ này truyền đạo nên mới có giáo dân, và giáo dân phải bị trừng trị theo luật lệ. Nếu đạo của quý vị là bác ái, quý vị hãy hành xử để cứu những con người ấy: chỉ cần quý vị làm một cử chỉ bỏ đạo, các giáo dân sẽ được tự do. Vị linh mục buộc phải chọn lựa giữa con người cụ thể và những nhân danh trừu tượng, và giữa cơn giằng xé, phải thốt lên trong tâm tưởng: *Nhưng con biết, Đức Chúa Trời mà Giáo hội dạy, khác với Đức Chúa Trời của con.*

Sự đối đầu ghê gớm giữa nhà cầm quyền Nhật Bản và các nhà truyền giáo diễn ra âm thầm, khốc liệt, tài năng tiểu thuyết của tác giả Endo Shusaku đã tạo dựng lại, có lẽ dựa rất sát vào các tài liệu thu lượm được, những trang lịch sử bi tráng, lớn lao. Chính trị, đức tin, lòng tàn bạo hiểm độc, sự hy sinh vì lý tưởng cao cả đã đối chọi, cọ xát nhau, nhưng tia lửa bật ra, cao điểm của truyện, vẫn là sự thắng thế của tình yêu thương con người. Đó là cái thắng trong cái thua của những vị linh mục. Ngẫm ra không khác quan niệm của người Việt Nam:

*Dù xây chín bực phù đồ*
*Không bằng làm phúc cứu cho một người*

Có lẽ đó là tất cả ẩn ý của tác giả Endo Shusaku khi dựng lại sự đụng độ của hai sức mạnh thế quyền và thần quyền trên đất Nhật vào thế kỷ 17. Chỉ trong tình huống cực kỳ bi đát trong cuộc đời truyền giáo của mình, vị linh mục mới nhận thức ra được rằng bao nhiêu bực phù đồ của thần quyền cũng không thể bằng sự làm phúc cứu những con người thảm thương ra khỏi trận hành hình. Chính trong giây phút ấy vị linh mục cảm nhận sự thông cảm hoàn toàn với "một Đức Chúa Trời của riêng mình."

Bản dịch của Nguyễn Văn Thực, một Kitô hữu, là một bản Việt văn giàu hình ảnh, đượm một không khí cổ kính, nắm vững các tình tiết cùng ngôn từ về sinh hoạt tôn giáo. Và hơn nữa, bản lược khảo của ông về tác giả và về tình hình Nhật Bản thế kỷ 17 giúp ích rất nhiều cho độc giả trước khi bước vào các diễn tiến của câu chuyện chính.

## 100 Năm Phát Triển Tiếng Việt

biên khảo của **Phụng Nghi**, Văn Nghệ xuất bản, 180 trang, giá US$10.00, ngoài Hoa Kỳ $12.00. Liên lạc: Văn Nghệ, P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683, USA. Tel: (714) 527-5761.

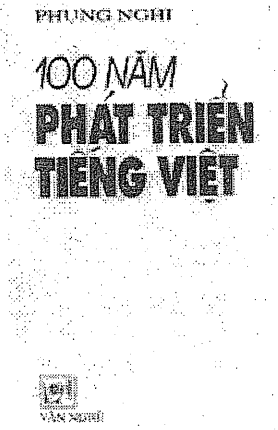


Cách đây bảy năm, khi tác giả còn ở Việt Nam, cuốn sách này đã được xuất bản ở Sài Gòn, đã gây được một số chú ý trong nước. Sau khi sửa chữa, sách được tái bản lần này, chắc cũng sẽ gây một số chú ý ở ngoài nước. Lý do vì tác giả nêu những vấn đề rất thiết thân đối với người sử dụng tiếng Việt, chữ Việt, với một cung cách không quá chuyên môn, nhưng cũng

không phải chỉ là những bài bàn phiếm cho vui. Tác giả là người nghiên cứu nhiều về ngôn ngữ, và có lòng thiết tha với cái hay, cái đẹp, cái hợp lý thuận tiện cho ngôn ngữ Việt Nam.

Ngoài vài chương đầu có tính cách tài liệu, lược qua lịch sử thành hình của chữ quốc ngữ và những đặc tính cùng chặng đường phát triển của nó, các chương kế tiếp đưa ra những vấn đề mà chữ quốc ngữ đang phải đương đầu. Những chương này, tuy bản chất là về học thuật, nhưng vẫn mang nhiều tính cách thời sự, vì là những lúng túng trở ngại hoặc chưa ngã ngũ trong ngôn ngữ đang dùng, mà tác giả đã ghi nhận được trong những năm còn ở Việt Nam, đặc biệt thời gian sau 1975. Chẳng hạn, đó là vấn đề "từ Việt gốc Hán," mà chuyện rắc rối bắt đầu khi nhà nước Việt Nam CS chủ trương "phải giữ sự trong sáng của tiếng Việt" để loại bỏ đi một số từ Hán Việt dùng đã quen và thay thế bằng từ thuần nôm. Rắc rối không phải vì ý hướng tốt đẹp muốn cho tiếng Việt trong sáng, mà là muốn điều ấy một cách độc tài, áp đặt những điều chưa chín muồi, chỉ theo ý muốn riêng của một số người, cho nên cuối cùng trở thành dở dở ương ương cho ngôn ngữ dân tộc. Một số vấn đề khác như cách viết hoa, cách dùng cái gạch nối, cách phiên âm tên riêng nước ngoài, dùng i hay y, chuyện dấu hỏi dấu ngã v.v... cũng là những điều mà nhiều người Việt đang lúng túng vì cách sử dụng có nhiều chỗ chưa hợp lý và không thống nhất, và cũng chưa có dấu hiệu gì sẽ có sự thống nhất trong tương lai gần. Tác giả có công quan sát, mô tả hiện trạng, có khi đề nghị một giải pháp, nhưng nói chung với tinh thần trình bày vấn đề hơn là giải quyết vấn đề. Vì các vấn đề đều lớn, liên quan đến ngôn ngữ của cả một dân tộc, một cá nhân nhiều lắm chỉ có thể đưa ra những đề nghị góp ý. Nhưng tác giả là người đã quan tâm, xem xét, phát hiện, trình bày vấn đề là coi như có công rồi.

Một trăm năm qua, cùng với vận mạng dân tộc, ngôn ngữ nói và viết Việt Nam cũng qua nhiều biến động lớn lao. Mấy ngàn năm chìm đắm trong ảnh hưởng Trung Hoa với nền chính trị phong kiến, bỗng từ giã thế giới cũ để tiếp xúc với nền văn minh và tư tưởng Tây phương, cùng với biết bao cuộc vận động mới lạ cho độc lập dân tộc và những biến động quan trọng về chính trị, ngôn ngữ Việt Nam bắt buộc phải liên tục chuyển mình. Khảo sát tiếng Việt một trăm năm qua là một đề tài rất hay và rất phong phú, một cuốn sách chưa đầy hai trăm trang với sức làm việc của một cá nhân không thể đề cập hết một cách thấu đáo mọi chuyện, cũng như không tránh được một số lầm lẫn (ví dụ khẳng định những từ như *độc lập, tự do, chính thể, dân chủ, dân tộc v.v...* chỉ được dùng sau 1945, những chữ như *sáng quắc, sáng rực, sáng tỏ...* là để chỉ trạng thái thời gian v.v...). Nhưng ích lợi thực tiễn của cuốn sách thì chắc ai đọc qua cũng có thể nhận thấy.

## Những Câu Chuyện Việt Sử tập 2

biên khảo của **Trần Gia Phụng**, Non Nước xuất bản, 422 trang, giá US$18.00. Liên lạc với tác giả: 69 Mc Farland Ave. Toronto, ONT. M6H 3M9 Canada.

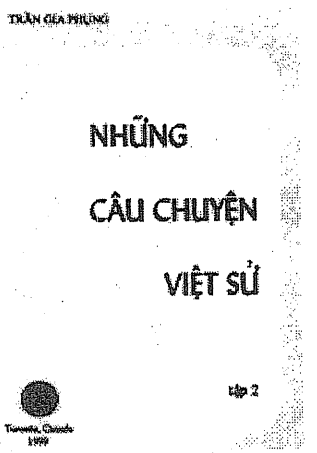


Cách đây hai năm, cuốn *Những câu chuyện Việt sử tập 1* ra đời, đã gây một sự chú ý của quần chúng và giới sử học, vì lối viết cẩn trọng và cái nhìn lịch sử tương đối mới mẻ của tác giả. Giữa năm 1999 cuốn thứ nhì ra đời, tập hợp những bài viết đăng rải rác trên báo chí Việt ngữ Bắc Mỹ trong hai năm qua, đã được sửa chữa trước khi in thành sách, sau khi nhận được những góp ý của bạn đọc xa gần.

Một bài viết ngắn đặt vào cuối sách, bài "Sử gia Nguyễn Phương, người đặt vấn đề," có thể xem là chìa khóa của cả cuốn sách này. "Đặt vấn đề" ở đây có nghĩa là xây dựng phương pháp sử học: *Nguyễn Phương là một trong những người được đào tạo chuyên môn về sử học sớm nhất, và đã đem những sở học của mình trở về trong nước ứng dụng. Một trong những ứng dụng đầu tiên của ông là phát triển ngành phương pháp sử học. Trước kia, trong nước chưa có ngành học chính quy về phương pháp sử nên việc biên khảo lịch sử được quan niệm khá dễ dãi, chủ quan, thiếu cẩn án tài liệu, và thiếu phương pháp.*

Tác giả Trần Gia Phụng, qua bài này,

khẳng định ảnh hưởng của SG Nguyễn Phương, vốn là thầy dạy cũ, đối với công việc biên khảo của mình. Đó là phương pháp sử học mà tác giả áp dụng trong tất cả các bài viết của mình trong sách này. Chính phương pháp cho thấy hiệu năng: người ta nhận thấy, xuyên qua các bài viết, sự cẩn trọng, sự chịu khó tìm tòi, hỏi han, so sánh, và thái độ không e ngại khi nói ra những cái nhìn mới, nếu có.

Đề tài được đề cập khá đa dạng, từ cương thổ, quốc hiệu của Việt Nam, đến chuyện tìm hiểu xem ông Hồ mấy vợ, từ nghiên cứu xem Chiêm Thành từ đâu mà suy thoái, đến chuyện bà Phan Bội Châu, ông Phạm Quỳnh... cả thảy là 17 "câu chuyện." Hai điểm khiến người đọc lưu ý là tài liệu phong phú, cẩn thận, và cách lý giải của tác giả về các sự kiện lịch sử là một tổng hợp thông minh, một cố gắng để làm sao lịch sử tái hiện như nó đã xuất hiện. Nếu lương tâm người Việt Nam có khi nào áy náy là dân tộc mình đã tiêu diệt một dân tộc láng giềng là Chiêm Thành thì có thể cảm thấy nhẹ nhõm khi đọc các nghiên cứu của ông về nguyên nhân diệt vong của dân tộc này. Nếu người đọc muốn hiểu thế nào là vai trò tích cực một cách âm thầm của người vợ trong sự nghiệp của một người chồng, hãy đọc chuyện về bà Phan Bội Châu. Nếu muốn hiểu phần nào sự đối trá của tuyên truyền chính trị thì có thể đọc các bài "Huyền thoại ra đi tìm đường cứu nước" và "Ông Hồ mấy vợ"...

Cố gắng của tác giả qua những "câu chuyện" là muốn đặt để lại các giá trị *như nó là* hơn là cứ nhìn lịch sử qua một môi trường gây khúc xạ có sẵn khiến hình ảnh bị méo mó cong queo. Một việc rất dày công, rất can đảm, và tuy tác giả nhận lãnh tất cả trách nhiệm về các lý giải của mình, vẫn luôn luôn muốn coi đó là những cách nhìn đề nghị, chờ đợi sự đóng góp ý kiến của mọi người để mọi cái ngày càng hoàn chỉnh hơn.

## Đại Học Văn Khoa Sài Gòn tập I

tuyển tập của nhiều tác giả do **Trần Hồng Châu** và **Lê Văn** chủ trương, tập san **Dòng Việt** ấn hành, 297 trang, giá US$12.00 cộng cước phí và thuế Tiểu bang. Liên lạc: 17212 Blue Fox Circle, Huntington Beach, CA 92647, USA. Tel: (714) 842-7589.

Mục đích của tập san Dòng Việt khi thực hiện tuyển tập này là: *đánh dấu sự hiện hữu của Đại Học Văn Khoa Sài Gòn như một tụ điểm lân tinh trong vùng biển đêm sóng gió âm u của lịch sử Việt Nam ở nửa sau thế kỷ.*

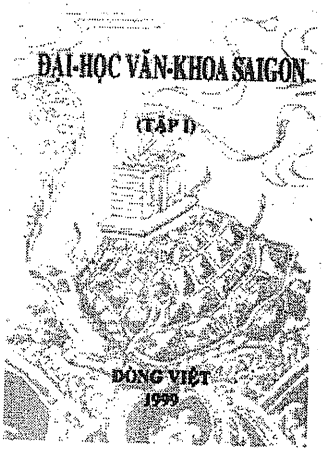


Thành lập tại Hà Nội năm 1950 với tên trường Đại Học Văn Khoa Việt Nam, năm 1954 trường di cư vào Nam, và đến năm 1957 được đổi tên là trường Đại Học Văn Khoa Sài Gòn. Trong hai mươi lăm năm tồn tại của mình, trường Văn Khoa *đã để lại một di sản tinh thần đầy ý nghĩa. Khi nói đến những học giả và văn nghệ sĩ hiện đại, đến những suy tư, sáng tạo và khám phá trong các địa hạt Văn, Triết, Sử, Khoa học nhân văn và xã hội, ta không thể không nhắc đến Đại Học Văn Khoa Sài Gòn. Nó là con chim đầu đàn (...) đã xây dựng bồi đắp nền quốc học Việt Nam vừa trung thành với những giá trị cổ truyền, vừa cởi mở, khai phóng để khỏi lỗi nhịp đà tiến hóa nhân loại.*

Ngoài một số nhỏ bài mới viết, hầu hết nội dung của tuyển tập là những bài viết cũ được thu thập lại. Tác giả là các giáo sư quen biết một thời của trường Văn Khoa như Nguyễn Đăng Thục, Nguyễn Khắc Hoạch, Nghiêm Toản, Đông Hồ, Nguyễn Khắc Kham, Nguyễn Đình Hòa, Nguyễn Huy Bảo... cùng một số cựu sinh viên và thân hữu. Nội dung phần nhiều là "nặng" vì tính cách học thuật và biên khảo, nhưng cũng có những bài nhắc nhở kỷ niệm, về cảnh xưa, người cũ, tạo một bầu không khí vừa trang nghiêm vừa cảm động rất... Văn khoa.

Ban chủ trương dự định cuối năm 1999 sẽ ra *Đại Học Văn Khoa Sài Gòn tập II*, chắc chắn nội dung lẫn hình thức sẽ càng đầy đủ, phong phú.●

Vừa in xong, mới phát hành

**VĂN HỌC MIỀN NAM**

Biên khảo của **VÕ PHIẾN**
Trọn bộ 3 cuốn, phần Truyện,
tổng cộng 1,873 trang.
*Liên lạc:* **Văn Nghệ, P.O. Box 2301**
**Westminster, CA 92683 - USA**
**Tel/Fax: (714) 527-5761**

*CÓ CĂN BẢN ANH VĂN VỮNG CHẮC LÀ*

# CHÌA KHÓA THÀNH CÔNG

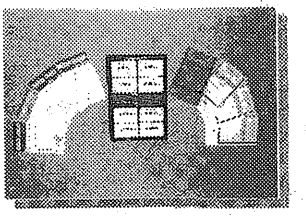

## *TRAU GIỒI ANH NGỮ NHANH NHẤT BẰNG PHƯƠNG PHÁP TÂN TIẾN*

## MODERN ENGLISH

Bộ sách giáo khoa này được hàng trăm ngàn bà con đồng hương tán thưởng suốt 25 năm qua vì nó thích hợp nhất đối với người Việt. Soạn giả là giáo sư giàu kinh nghiệm dạy Anh văn và viết sách giáo khoa đặc biệt để giúp người Việt học sinh ngữ này trong hơn 40 năm. Nhiều độc giả có thư hỏi về cách thức học nó với kết quả tốt và mau chóng nhất. Chính vì vậy, chúng tôi thấy cần có đôi lời hướng dẫn này để góp ý kiến cùng quý bạn đang hoặc sắp dùng bộ sách hữu ích này để tự trau giồi Anh ngữ.

***Tại sao nên dùng cassettes để học sinh ngữ ?***

Bằng chứng là hiện nay nhiều cơ quan chính quyền Hoa Kỳ như Peace Corp (Đoàn Thể Hòa Bình), FBI, CIA, Foreign Services (Bộ Ngoại Giao), chuyên viên ngoại ngữ các binh chủng quân đội Hoa Kỳ, v.v... đều học ngoại ngữ bằng cassettes hơn là dùng video.

***Bộ Modern English có những lợi điểm độc đáo nào ?***

Nó có những đặc điểm này mà phương pháp khác không có:

- Bài vở giảng giải theo sư phạm thích hợp với người Việt.
- Cách dẫn giảng văn phạm và cú pháp nhằm độc giả Việt làm đối tượng, trong khi các phương pháp khác bỏ qua rất nhiều điểm cần thiết, chẳng hạn cách dùng danh từ và tĩnh từ kép (*compound nouns and adjectives*), các thời (*tenses*) như: *have been waiting, will be working, would have told, may be telling, ..., passive voice* như: *would have been, could have been killed,...*, và hàng trăm trường hợp khác.
- Hướng dẫn cách phát âm chính xác, phân biệt âm dài âm ngắn, phụ âm S, SH, CH, J, TCH, ..., như: *fill, feel, food, foot, sip, ship, chip, jogging, wash, watch, ...*, vần cần nhấn mạnh (*stress*), lên xuống giọng (*intonation*), ... Bài học nào cũng có phần dành riêng luyện về phát âm (*pronunciation / word drills*).
- Sau mỗi bài học, có nhiều bài tập và bài dịch áp dụng những điều mới học và ôn lại bài cũ, rồi tới phần đặt câu hỏi và trả lời từ dễ đến khó, làm người học thấy thích thú trong việc học tập.

Bộ sách gồm 4 cuốn giáo khoa trình độ từ Sơ Học tới Hoàn Bị: mỗi cuốn có 40 bài học, vị trí cả bộ sách gồm 160 bài học dẫn tới trình độ đọc được văn chương và báo chí Anh Mỹ, vì nó đề cập tới 3,000 ngữ vựng căn bản để tạo thành hàng chục ngàn từ ngữ (vốn liếng vài trăm ngữ vựng thì nhất định không đủ để hiểu được Anh Văn thiết yếu vì nó quá sơ đẳng). Tất cả 160 bài học đều được dịch ra Việt ngữ để tiện cho người học đối chiếu để hiểu thấu bài học.

***Cách thức thâu lượm kết quả tốt nhất:***

Qua xứ này bản thân chúng tôi đã học thêm hai sinh ngữ bằng cassettes thì thấy đã thâu lượm được kết quả rất tốt đẹp. Vậy xin mách quý độc giả về kinh nghiệm đó, nhưng cần nhớ là phải có sách và phương pháp thích hợp. Quý vị theo từng bước chỉ dẫn dưới đây:

1. Trước hết phải học thuộc Ngữ vựng (*vocabulary-new words*); cần đọc lớn giọng từng chữ, chú ý phân biệt âm ngắn với âm dài, vần nào phải lên giọng xuống giọng cho đúng, thuộc nghĩa từng chữ.
2. Học tới phần Văn phạm (*grammar*); đọc chậm chạp, tìm hiểu từng lời hướng dẫn, phải học cho tới khi hiểu thấu từng điểm.
3. Chú ý cách đặt câu, dùng chữ và từ ngữ cũng như thành ngữ. Ta có thể ví ngữ vựng là vật liệu, văn phạm là cách thức xây được căn nhà ngoại ngữ. Thuộc nhiều ngữ vựng mà không biết văn phạm thì không khác gì có nhiều vật liệu mà không xây được căn nhà, và ngược lại.
4. Khi đã học thuộc ngữ vựng và văn phạm của một bài, bây giờ tới đâu mình hiểu tới đó. Cứ cố gắng tìm hiểu toàn bộ bài học đó; bí lắm mới nhìn qua bài dịch Việt ngữ trong cuốn hướng dẫn (kèm theo sách giáo khoa). Sau khi đã hiểu thấu cả bài học, bạn hãy tự dịch ra tiếng Việt.
5. Bây giờ hãy đọc lớn tiếng bài học nhiều lần cho tới khi chính bạn cảm thấy mình đã thuộc bài học rồi, thì qua giai đoạn quan trọng này.
6. Nghe cassette: mở sách ra để nghe theo giọng đọc của xướng ngôn viên (giọng New York) chừng ba bốn lần (đừng đọc theo), chú ý phân biệt rõ ràng cách phát âm. Khi đã nghe quen nội dung cả bài học, cách phát âm ngữ vựng, biết cách đặt câu, cách trả lời, ..., qua giọng xướng ngôn viên, bây giờ bạn hãy gấp sách lại và tập trung thính quan để nghe lại cassette và đọc theo cho tới khi bạn cảm thấy mình thuộc lầu bài học mới thôi. Khi lái xe, hoặc làm việc linh tinh, bạn vẫn có thể mở cassette nghe học rất tiện và thích thú !
7. Làm các bài tập: khi đã thuộc hẳn bài học, bây giờ bạn cần làm hết các bài tập. Lần đầu tiên, hãy cố gắng làm bằng khẩu đáp (*oral*), rồi làm bài tập ra giấy. Sau cùng mở cuốn hướng dẫn (*guide*) ra để đối chiếu với phần sửa các bài tập, bạn có thể tự cho điểm. Nếu được số điểm tối thiểu 80/100 thì mới chuẩn bị học qua bài học mới.
8. Học kỹ như vậy và làm hết các bài tập, nhất định bạn sẽ có một căn bản tiếng Anh đáng kể (giàu ngữ vựng và từ ngữ, thấu hiểu văn phạm, biết tường tận cách đặt câu, ...) tức là bạn có thể tự tin là vốn liếng tiếng Anh của bạn đủ để hòa mình vào xã hội lấy tiếng Anh làm ngôn ngữ chính. Học mà không vững căn bản thì dù lên tới đại học vẫn nói và viết sai mẹo mực nhiều.
9. Văn ôn võ luyện: Học ngoại ngữ phải ôn lại luôn luôn. Cứ tiến được ba bài thì nên bỏ ra một buổi để học ôn lại ba bài cũ. Ôn đi ôn lại như vậy mới ghi được điều học hỏi vào tiềm thức mình, rồi dần dần bạn sẽ nói được tiếng Anh lưu loát tự nhiên, nhất là đúng tiêu chuẩn.
10. Tiềm thức: Người ta đã thí nghiệm với kết quả tốt đẹp là dù khi bạn ngủ, nếu nghe cassettes với âm thanh dịu dàng thì vẫn thâu lượm được kiến thức. Điều này đúng vì chính soạn giả đã thí nghiệm.

Kính chúc quý độc giả đạt được kết quả mong muốn. Trân trọng,
*Soạn giả giáo sư Lê Bá Kông*

Giá cho toàn bộ **Modern English** là **US$99**.
*Giá đặc biệt* khi mua chung bộ **Modern English** và bộ **TỰ ĐIỂN ANH-VIỆT & VIỆT-ANH**, loại mới, hơn 900 trang, chữ lớn, đặc biệt có 2 lối phiên âm Quốc Tế và Ziên Hồng (phát âm tiếng Anh theo vần Quốc ngữ ta), bìa bọc plastic, là **US$120**.
*Canada xin thêm 10%, các nước khác xin thêm 20% cho cước phí.*

**Zieleks Company Inc.**
(Ban Tu Thư Ziên Hồng)
2109 Kilkenny Dr. - Dept. TK
Pearland, TX 77581, USA
(281) 481-3783
*Xin gửi check hay money order*
*Có nhận credit card*

# A.V. TRAVEL

*Chuyên-nghiệp & Phẩm-chất & Tin-cẩn & Chu đáo*

**Bạn đã dự-định cho chương trình Vacation của bạn chưa?**

*Nếu chưa! A. V Travel sẽ giúp ý-kiến bạn.*

**Bạn muốn tặng bố mẹ, người thân một chuyến du-lịch thật thú vị,nhưng ngại vì không có thì giờ đi theo !!**

*A. V Travel sẽ thay bạn lo chu-đáo điều đó.*

## Lịch-trình Tours cho năm 1999 - 2000

**Tours Âu Châu:**
-Đông Âu tháng 9
-Tây Âu tháng 6

Tours Trung-Quốc:
-Đầu xuân tháng 4
-Cuối xuân tháng 5
-Hè tháng 7
-Đầu thu tháng 9
-Cuối thu tháng 10

Vancouver & Victoria
-Hè tháng 7 Lễ Độc Lập.
-Hè tháng 9 Lễ Lao động

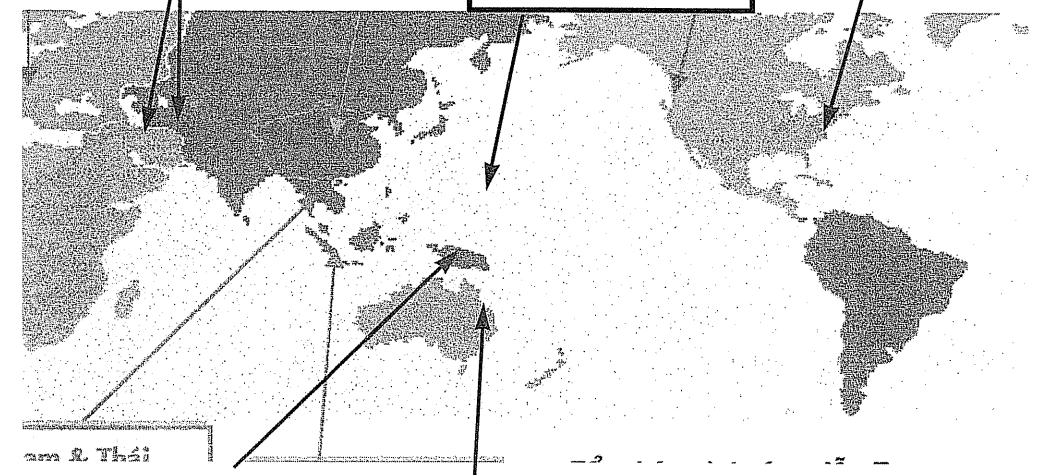

Tour VietNam & Thái Lan: Các chuyến đi vào tháng 3, 5, 8, 11, 12

Tour Đông Nam Á : tháng 3, tháng 6, tháng 8.

* **Tổ chức và hướng dẫn Tours.**
* **Bán vé đi khắp nơi trên thế giới.**
* **Các tours Hawaii, Cancun...**
* **Các dịch-vụ liên quan về du-lịch.**

# A.V Travel

**Tel: (714)537-2200** ***Fax: (714) 741-2900***

số miễn-phí: (877) AV TOURS / (877) 288-6877

PRESORTED
STANDARD
U.S. POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

VNCR

# *Viet Nam California Radio*

## 106.3 FM

**Phát thanh 5 ngày mỗi tuần từ Thứ Hai đến Thứ Sáu**
**Buổi sáng: 5 AM đến 7 AM • Buổi chiều: 12 PM đến 4 PM**

**Đài có công suất mạnh nghe được rất rõ tại các quận hạt**
**ORANGE, LOS ANGELES, VENTURA, SAN BERNARDINO, RIVERSIDE**

***Tin Tức Thời Sự** Nhanh, Chính Xác & Phong Phú*
***Văn Nghệ** Chọn Lọc • **Giải Trí** Thoải Mái, Thanh Lịch*
***Hội Thoại, Phỏng Vấn** Đề Tài Thiết Thực.*

**QUẢNG CÁO VUI TƯƠI HẤP DẪN & HỮU HIỆU**

Phone: (714) 534-9430 (714) 534-9431 (714) 534-9432
Fax: (714) 534-9433 E-mail: 75504.3510@compuserve.com
**Web page: http://kicon.com/VNCR**
11022 ACACIA PARKWAY # A, GARDEN GROVE, CA 92840

**Ấn Phí: Năm Mỹ Kim**